

**THÀNH ỦY CẦN THƠ**

**TÀI LIỆU THAM KHẢO  
KÈM THEO DỰ THẢO BÁO CÁO CHÍNH TRỊ  
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ CẦN THƠ  
LẦN THỨ XV, NHIỆM KỲ 2025 - 2030**

(TÀI LIỆU XIN Ý KIẾN ĐÓNG GÓP  
CỦA CÁC CẤP, CÁC NGÀNH VÀ CÁC TẦNG LỚP NHÂN DÂN)

**LƯU HÀNH NỘI BỘ**

**Cần Thơ, tháng 7 năm 2025**

**ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU  
ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ CẦN THƠ  
LẦN THỨ XV**

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

*Cần Thơ, ngày tháng 7 năm 2025*

\*

**BÁO CÁO  
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU  
ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ CẦN THƠ, LẦN THỨ XIV,  
NHIỆM KỲ 2020 - 2025**

-----

**1. Chủ đề Đại hội<sup>1</sup>:**

**\* Đối với Chủ đề 1:**

Sau khi nghiên cứu, tiếp thu ý kiến đóng góp của các đồng chí thành viên Tiểu ban Văn kiện, thành viên Tổ biên tập, **Chủ đề 1** được bổ sung, điều chỉnh như sau:

*Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị tinh gọn, mạnh, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; đổi mới tư duy, nêu cao tinh thần trách nhiệm, ý chí tự lực, tự cường; khai thác, phát huy dân chủ, truyền thống đoàn kết và tiềm năng, lợi thế; quyết tâm xây dựng, phát triển thành phố Cần Thơ trở thành thành phố sinh thái, văn minh, hiện đại mang đậm bản sắc văn hóa sông nước vùng Đồng bằng sông Cửu Long vào năm 2030; đồng lòng cùng đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.*

**\* Đối với Chủ đề 2:**

Sau khi nghiên cứu, tiếp thu ý kiến đóng góp của các đồng chí thành viên Tiểu ban Văn kiện, thành viên Tổ biên tập, **Chủ đề 2** được bổ sung, điều chỉnh như sau:

*Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng bộ; tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cấp chính quyền; phát huy dân chủ, sức mạnh đoàn kết, quyết tâm xây dựng thành phố Cần Thơ phát triển toàn diện, nhanh và bền vững; chung sức, đồng lòng cùng đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.*

**\* Đa số thành viên Tiểu ban Văn kiện, thành viên Tổ biên tập chọn Chủ đề 1.**

-----

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025 (viết tắt là Nghị quyết Đại hội) được thực hiện trong bối cảnh có nhiều thời cơ, thuận lợi, khó khăn, thách thức đan xen; tình hình thế giới và khu vực diễn biến nhanh, phức tạp và khó đoán định; đất nước ta bị tác động bởi các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống ngày càng đa dạng, phức tạp; đại dịch Covid-19 kéo dài ảnh hưởng nghiêm trọng đến hầu hết các ngành, lĩnh vực của thành phố, nhưng với sự quan tâm lãnh đạo sâu sát của Trung ương cùng sự nỗ lực lớn, quyết tâm cao của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố và sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận của người dân và doanh nghiệp, thành phố đã đạt được những kết quả quan trọng, khá toàn diện trên các lĩnh vực, cơ bản đạt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đề ra.

### **Phần thứ nhất**

## **KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ CẦN THƠ LẦN THỨ XIV, NHIỆM KỲ 2020 - 2025**

### **A KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**

#### **I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG, XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ**

##### **1. Công tác xây dựng Đảng**

###### *1.1. Công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức*

Quán triệt sâu sắc quan điểm Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng về công tác chính trị, tư tưởng, đạo đức, Đảng bộ tăng cường đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới. Công tác nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng tiếp tục đổi mới<sup>2</sup>; kết quả các cuộc học tập đạt trên 98% đảng viên tham dự; sau học tập các cấp ủy xây dựng kế hoạch, cụ thể hóa triển khai thực hiện nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương, của Thành ủy sát hợp với tình hình thực tế của địa phương, đảm bảo tính khả thi cao. Công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch được triển khai đồng bộ, hiệu quả<sup>3</sup>.

Cấp ủy, tổ chức đảng đã tổ chức nhiều đợt sinh hoạt chính trị, tư tưởng, học tập các tác phẩm kinh điển, các bài viết về chủ nghĩa xã hội, nổi bật là các tác phẩm<sup>4</sup> của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng cho cán bộ, đảng viên. Từ đó, nâng cao

tin thần trách nhiệm, giữ gìn phẩm chất, đạo đức, lối sống; gương mẫu, tận tụy trong cán bộ, đảng viên thành phố.

Đảng bộ lãnh đạo thực hiện nghiêm túc, hiệu quả việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo tinh thần Kết luận số 01-KL/TW của Bộ Chính trị (khóa XIII) về tiếp tục triển khai Chi thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa XII) về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh (Kết luận số 01-KL/TW), gắn với Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, khóa XII) và Kết luận số 21-KL/TW của Hội nghị Trung ương 4 (khóa XIII) về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” (Kết luận số 21-KL/TW); các Quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp... Qua đó, tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên trong thực hiện nhiệm vụ được giao, góp phần đưa việc học tập ngày càng đi vào chiều sâu, hiệu quả, thiết thực. Nhiều cấp ủy có cách làm sáng tạo, cụ thể, quyết liệt đem lại hiệu quả thiết thực, nhiều tấm gương “người tốt, việc tốt” trong học tập và làm theo Bác đã được các cấp ủy, thành phố tuyên dương, khen thưởng<sup>5</sup> và nhân rộng.

### *1.2. Công tác tổ chức xây dựng Đảng*

Thành ủy tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan trong hệ thống chính trị theo hướng giảm đầu mối, bảo đảm tinh gọn, hoạt động, hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (khóa XII), gắn với thực hiện tinh giảm biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị của thành phố<sup>6</sup>. Công tác tổ chức cán bộ được thực hiện đúng quy trình, quy định, nguyên tắc của Đảng<sup>7</sup>. Thành ủy đã ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 29/12/2021 “Về đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ, giai đoạn 2021 - 2025 và những năm tiếp theo”.

Thường xuyên rà soát, kiện toàn, sắp xếp tổ chức cơ sở đảng phù hợp với loại hình, chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị<sup>8</sup>. Đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt chi bộ; thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và cán bộ, đảng viên<sup>9</sup>; lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thành công đại hội chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở, nhiệm kỳ 2022 - 2025, đảm bảo nghiêm túc, chặt chẽ, đúng quy định, quy trình và tiến độ theo kế hoạch đề ra. Công tác quản lý đảng viên tiếp tục được quan tâm, từ đầu nhiệm kỳ đến nay, Đảng bộ thành phố đã kết nạp 7.359 đảng viên<sup>10</sup>,

đạt 105,1% Nghị quyết nhiệm kỳ. Rà soát, sàng lọc, kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những đảng viên thiếu gương mẫu trong rèn luyện đạo đức, lối sống, ý thức kỷ luật kém, tinh thần trách nhiệm chưa cao, không còn thiết tha với Đảng, vi phạm kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước<sup>11</sup>, thực hiện nghiêm các Quy định về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng<sup>12</sup>.

### *1.3. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật Đảng*

Thành ủy ban hành Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 27/12/2021 “Về nâng cao tính hiệu lực, hiệu quả đối với công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật trong Đảng của cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp”. Ngay từ đầu nhiệm kỳ, cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp đã chủ động xây dựng, ban hành và thực hiện chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát toàn khóa và hàng năm; nội dung kiểm tra, giám sát có trọng tâm, trọng điểm, tập trung công tác xây dựng Đảng, quy chế làm việc, việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao và các lĩnh vực nhạy cảm, dư luận quan tâm. Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, cấp ủy các cấp<sup>13</sup> đã kiểm tra 2.137 tổ chức đảng và 1.561 đảng viên, có 391 đảng viên là cấp ủy viên các cấp; cấp ủy các cấp<sup>14</sup> giám sát chuyên đề 2.217 tổ chức đảng và 1.341 đảng viên (có 435 cấp ủy viên),... Việc thi hành kỷ luật<sup>15</sup> trong Đảng đảm bảo đúng nguyên tắc, quy trình, quy định; việc khiếu nại về kỷ luật Đảng giảm nhiều so trước đây.

### *1.4. Công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí*

Công tác nội chính, phòng chống tham nhũng, tiêu cực và cải cách tư pháp được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời; công tác quốc phòng, quân sự địa phương được thực hiện tốt; tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn được giữ vững ổn định; hoạt động các tôn giáo, dân tộc trong khuôn khổ pháp luật. Các ngành chức năng phối hợp nắm chắc tình hình, không để xảy ra tình huống bị động, bất ngờ về quốc phòng, an ninh. Các cơ quan tư pháp phối hợp ngày càng chặt chẽ trong công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án dân sự và các hoạt động hỗ trợ tư pháp; thực hiện tốt công tác điều tra, truy tố, xét xử, không để xảy ra oan sai hay bỏ lọt tội phạm.

Ban Thường vụ Thành ủy đã thành lập Ban Chỉ đạo thành phố Cần Thơ về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Tập trung rà soát các vụ việc, vụ án hình sự và các vụ việc, vụ án tham nhũng, tiêu cực. Thường xuyên thành lập các đoàn kiểm tra, giám sát việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực<sup>16</sup>. Các cơ quan chức năng tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật Nhà nước<sup>17</sup>. Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo luôn được các ngành, các cấp quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết kịp thời các vụ việc khiếu nại, tố cáo<sup>18</sup>.

*1.5. Nâng cao hiệu quả công tác dân vận, góp phần phát huy tối đa sức mạnh của Nhân dân trong phát triển mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội của thành phố*

Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dân vận của các cơ quan nhà nước, gắn với công tác an sinh - xã hội, giảm nghèo bền vững, nổi bật là mô hình “Tết Quân Dân”, diễn đàn “Công an lắng nghe ý kiến Nhân dân”. Các mô hình, điển hình “Dân vận khéo” ngày càng hiệu quả, thiết thực, gắn với đẩy mạnh thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở theo phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”, trên tất cả các lĩnh vực trọng tâm như xây dựng hệ thống chính trị, xây dựng nông thôn mới..., góp phần tích cực trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội của đơn vị, địa phương<sup>19</sup>.

Việc thực hiện quy chế dân chủ ngày càng đi vào chiều sâu, phát huy được vai trò làm chủ của nhân dân, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở<sup>20</sup>. Quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, Nhà nước đối với công tác dân tộc, tôn giáo.

**2. Công tác xây dựng chính quyền các cấp; công tác kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính và đơn vị sự nghiệp tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả**

Chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tiếp tục được nâng cao, đảm bảo thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định pháp luật. Công tác chuẩn bị, tổ chức các kỳ họp đảm bảo chặt chẽ, khoa học; kịp thời thể chế các chủ trương của Trung ương và Thành ủy vào Nghị quyết của Hội đồng nhân dân<sup>21</sup>. Hoạt động giám sát có nhiều đổi mới, nhất là về nội dung và hình thức giám sát có trọng tâm, trọng điểm, ngày càng đi vào chiều sâu. Công tác tiếp xúc cử tri và giải quyết ý kiến, kiến nghị, phản ánh của cử tri được thực hiện đầy đủ, đúng quy định, phát huy tốt quyền làm chủ của nhân dân. Công tác tiếp công dân và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo được Hội đồng nhân dân các cấp thực hiện thường xuyên, nghiêm túc, góp phần hạn chế tình trạng khiếu kiện vượt cấp, phát sinh điểm nóng, tạo được lòng tin và uy tín của cơ quan dân cử đối với nhân dân<sup>22</sup>. Công tác phối hợp hoạt động giữa Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp ngày càng chặt chẽ và hiệu quả.

Ủy ban nhân dân các cấp kịp thời triển khai, cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết của Trung ương, Thành ủy và Hội đồng nhân dân thành phố để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước đối với tất cả các lĩnh vực. Tổ chức bộ máy cơ quan hành chính Nhà nước tiếp tục được sắp xếp, kiện toàn theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, tăng cường giáo dục cán bộ, công chức về

ý thức phục vụ nhân dân, đạo đức công vụ. Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông được duy trì, nâng cao hiệu quả.

### **3. Hoạt động Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội**

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết của Thành ủy “Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội”. Hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội có nhiều đổi mới, nội dung giám sát theo hướng thiết thực, hiệu quả<sup>23</sup>; hoạt động phản biện ngày càng được nâng chất, phát huy dân chủ, đồng thuận xã hội. Quan tâm, chú trọng công tác phát triển và nâng cao chất lượng đoàn viên, hội viên, cơ bản đạt yêu cầu, tỷ lệ quần chúng trong độ tuổi tham gia vào các tổ chức chính trị - xã hội đạt 75% dân số. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên trong triển khai thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng. Kết quả, đến nay đã vận động xây dựng được 2.768 căn nhà Đại đoàn kết trị giá 133 tỷ 970 triệu đồng; vận động hỗ trợ phòng, chống dịch Covid-19 được 213 tỷ đồng<sup>24</sup>; vận động ủng hộ bão Yagi được 20 tỷ 256 triệu đồng.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG, AN NINH**

### **1. Phát triển kinh tế**

#### *1.1. Tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng*

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng phát triển thương mại - dịch vụ, công nghiệp - xây dựng, giảm tỷ trọng khu vực nông nghiệp. Ước năm 2025 tăng trưởng kinh tế đạt 10,5-11%. Tính chung cả giai đoạn 2020 - 2025 tăng trưởng bình quân 5,80 - 5,87%/năm<sup>25</sup> thấp hơn mục tiêu Nghị quyết (tăng bình quân 7,5 - 8%), cao hơn bình quân giai đoạn 2015 - 2020 đạt 5,62%/năm.

Quy mô nền kinh tế thành phố tiếp tục được mở rộng, tổng sản phẩm trên địa bàn thành phố (GRDP) theo giá hiện hành năm 2025 dự kiến đạt trên 150.000 tỷ đồng, gấp 1,67 lần so với năm 2020; đóng góp khoảng 10% vào quy mô kinh tế vùng đồng bằng sông Cửu Long; tỷ trọng đóng góp GDP cả nước khoảng 1,2%.

Tổng sản phẩm bình quân đầu người (GRDP/người) tăng từ 72,41 triệu đồng năm 2020, dự kiến năm 2025 đạt trên 120 triệu đồng, thấp hơn mục tiêu Nghị quyết (đến năm 2025 đạt ra 145 - 160 triệu đồng).

Năng suất lao động tăng qua các năm, từ 130,82 triệu đồng/lao động năm 2020, dự kiến năm 2025 đạt tối thiểu 240 triệu đồng/lao động thấp hơn mục tiêu Nghị quyết (năm 2025 để ra 297,18 triệu đồng/lao động).

### *1.2. Cải thiện môi trường đầu tư*

Quan tâm xây dựng, cải thiện môi trường kinh doanh, đầu tư thông thoáng, minh bạch, thuận lợi, an toàn và thân thiện; nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của thành phố<sup>26</sup>. Đẩy mạnh hỗ trợ doanh nghiệp phát triển ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số; tăng cường đối thoại, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp; quảng bá, giới thiệu tiềm năng của thành phố... Chú trọng thu hút đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp<sup>27</sup>; tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp từ nước ngoài<sup>28</sup>.

Kinh tế tư nhân có bước phát triển mạnh, tham gia hầu hết các hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề sản xuất kinh doanh. Giai đoạn 2020 - 2024, thành phố có 8.440 doanh nghiệp mới thành lập, với tổng vốn đăng ký hơn 74.000 tỷ đồng; dự kiến năm 2025, cấp mới 1.900 lượt hồ sơ đăng ký doanh nghiệp với tổng vốn 14.500 tỷ đồng; ước đến cuối năm 2025 thành phố duy trì 12.200 doanh nghiệp hoạt động; số doanh nghiệp có quy mô vốn từ 50 tỷ đồng trở lên chiếm khoảng 3,5% tổng số doanh nghiệp.

Các hợp tác xã, tổ hợp tác từng bước nâng cao năng lực hoạt động, hỗ trợ hiệu quả cho thành viên sản xuất, kinh doanh, mở rộng thị trường. Toàn thành phố có 347 hợp tác xã, tăng 63 hợp tác xã so với năm 2020; tổng vốn điều lệ 746 tỷ đồng, tăng 56 tỷ đồng so với năm 2020. Tỷ lệ hợp tác xã hoạt động có hiệu quả hàng năm ước đạt 60%.

### *1.3. Phát triển công nghiệp*

Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giữ vai trò chủ lực, chiếm tỷ trọng trên 96% trong giá trị sản xuất toàn ngành, với ưu thế ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm có tỷ trọng cao nhất gần 65%. Thành phố hiện có 05 khu công nghiệp đang hoạt động, 02 khu công nghiệp đang triển khai xây dựng (Khu công nghiệp Vĩnh Thạnh giai đoạn 1 - VSIP Cần Thơ; Khu công nghiệp Vĩnh Thạnh giai đoạn 2 (Phú Mỹ 3 Cần Thơ IP); đến thời điểm hiện tại, tổng tỷ lệ lấp đầy<sup>29</sup> diện tích đất công nghiệp đạt 54,01%.

Thành phố quy hoạch 04 cụm công nghiệp tại quận Bình Thủy, huyện Vĩnh Thạnh, Thới Lai, Cờ Đỏ, với quy mô mỗi cụm khoảng 75 ha; hiện đang trong giai đoạn kêu gọi nhà đầu tư hạ tầng, định hướng phát triển cụm công nghiệp thành phố nhằm thúc đẩy tăng trưởng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của địa phương, khai thác hiệu quả tiềm năng về nguyên liệu, giải quyết việc làm cho lao động tại địa phương.

Thúc đẩy phát triển các làng nghề, ngành nghề gắn với định hướng phát triển kinh tế nông thôn; triển khai thực hiện Kế hoạch hỗ trợ phát triển làng nghề,

ngành nghề của thành phố đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; đến nay, có 04 làng nghề đã được Ủy ban nhân dân thành phố công nhận<sup>30</sup>.

#### *1.4. Phát triển thương mại dịch vụ*

Ngành dịch vụ phát triển đa dạng với nhiều loại hình, tiếp tục giữ vai trò chủ lực trong cơ cấu GRDP, tác động tích cực đến ngành, lĩnh vực khác và từng bước xây dựng vai trò trung tâm dịch vụ của thành phố về các lĩnh vực: tài chính, thương mại - dịch vụ, logistics, giáo dục, đào tạo nghề, y tế, khoa học công nghệ... của vùng. Tuy nhiên, ngành dịch vụ cũng là ngành chịu tác động nặng nề nhất của dịch COVID-19 làm cho cơ cấu trong nội bộ ngành có sự tăng trưởng chưa đạt kỳ vọng.

Triển khai có hiệu quả chương trình xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu tiêu thụ sản phẩm, phát triển chuỗi cung ứng nông sản sạch, an toàn vào kênh phân phối. Tổng mức hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ giai đoạn 2020 - 2024 thực hiện đạt 554.216 tỷ đồng; tăng bình quân 3,33%/năm, ước năm năm 2025 tăng khoảng 150.000 tỷ đồng; (so giai đoạn 2015 - 2020 tăng bình quân 13%/năm).

Các doanh nghiệp đẩy mạnh thực hiện kết nối, tìm kiếm thị trường xuất khẩu; mặt hàng xuất khẩu chủ yếu gạo và thủy sản chiếm khoảng 60% kim ngạch xuất khẩu. Đến nay, thành phố xuất khẩu gần 100 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Giai đoạn 2020 - 2024, tổng kim ngạch xuất khẩu, dịch vụ và thu ngoại tệ ước đạt 10.635 triệu USD<sup>31</sup>, tăng bình quân 2,46%/năm, năm 2025 kim ngạch xuất khẩu, dịch vụ và thu ngoại tệ ước đạt khoảng 2.300 triệu USD. Kim ngạch nhập khẩu giai đoạn 2020 - 2024 ước thực hiện 2.559 triệu USD<sup>32</sup>, tăng bình quân 2,21%/năm, năm 2025 kim ngạch nhập khẩu ước đạt thêm khoảng 560 triệu USD; sản phẩm nhập khẩu chủ yếu là nguyên, nhiên, vật liệu phục vụ sản xuất.

Công tác quảng bá, xúc tiến du lịch được đổi mới, có trọng tâm, trọng điểm; liên kết, hợp tác phát triển du lịch ngày càng sâu rộng. Sản phẩm du lịch ngày càng phong phú, đa dạng, đưa hình ảnh, đất nước, con người Cần Thơ đến với bạn bè trong nước và quốc tế. Giai đoạn 2020 - 2024, tổng lượt khách tham quan, du lịch đến Cần Thơ đạt trên 20 triệu lượt, tăng bình quân 13%/năm, ước năm 2025 thu hút 6,6 triệu lượt khách. Khách lưu trú đạt hơn 11,5 triệu lượt, tăng trưởng bình quân 23%/năm, gấp 1,3 lần so với giai đoạn 2015 - 2020; trong đó, khách lưu trú nội địa đạt 11 triệu lượt, khách lưu trú quốc tế đạt 519 nghìn lượt. Tổng doanh thu du lịch đạt hơn 20 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng bình quân 32%/năm.

Hoạt động vận tải dân phục hồi, khai thác hiệu quả các tuyến vận tải nội địa, doanh thu tăng hàng năm<sup>33</sup>. Tiếp tục kêu gọi đầu tư Trung tâm logistics, tạo điều kiện và hỗ trợ hình thành các cơ sở cung ứng dịch vụ logistics tập trung, đồng bộ về bên bãi, hệ thống kho, bảo quản, vận chuyên... theo phương thức hoạt động tiên tiến.

### 1.5. Phát triển nông nghiệp, nông thôn

Đẩy mạnh tái cơ cấu nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn theo hướng hiện đại, sản xuất hàng hóa tập trung, ứng dụng công nghệ cao; làm tốt vai trò là trung tâm dịch vụ khoa học kỹ thuật về sản xuất và chế biến các sản phẩm nông nghiệp và thủy sản của vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Diện tích gieo trồng lúa đạt trên 216.000 ha/năm với sản lượng lúa hàng năm trên 1,36 triệu tấn. Tỷ lệ sử dụng giống lúa chất lượng cao và các giống thơm đặc sản trên 95%, với tỷ lệ sử dụng giống cấp xác nhận chiếm hơn 80%. Duy trì thực hiện 143 mô hình cánh đồng lớn với tổng diện tích trên 36.500 ha, thành phố tham gia Đề án phát triển bền vững 01 triệu ha chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh với diện tích 48.000 ha. Thành phố có 991 ha diện tích sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP và tương đương.

Diện tích gieo trồng cây hàng năm trên 15.500 ha, diện tích cây ăn trái trên 25.000 ha. Giai đoạn 2020 - 2024, tổng sản lượng rau màu các loại đạt 965.128 tấn, cây ăn trái đạt 854.676 tấn; đã hình thành vùng chuyên canh rau màu tập trung 229 ha (trong đó, sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP và tương đương đạt 20 ha), sản lượng đạt 28.390 tấn. Vùng cây ăn trái tập trung sản xuất chủ lực, các sản phẩm đặc trưng có thương hiệu với diện tích 11.880 ha, sản lượng đạt trên 135.000 tấn, có 448 ha cây ăn trái sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP và tương đương, gắn với mã vùng trồng và truy xuất nguồn gốc phục vụ thị trường xuất khẩu.

Ngành chăn nuôi chú trọng về tổ chức sản xuất, chăn nuôi trang trại<sup>34</sup>, tập trung theo chuỗi khép kín, an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh; phát triển chăn nuôi theo quy trình VietGAHP, hiện có 289 trang trại chăn nuôi, 04 mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi; đã triển khai hỗ trợ xây dựng 09 mô hình chăn nuôi đạt chứng nhận VietGAHP và 12 mô hình chăn nuôi an toàn dịch bệnh động vật.

Thủy sản phát triển theo hướng bền vững, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và vệ sinh môi trường. Diện tích thả nuôi từ 8.000 - 9.000 ha/năm; tổng sản lượng thủy sản giai đoạn 2020 - 2024 ước đạt 1,18 triệu tấn. Đẩy mạnh triển khai xây dựng vùng nuôi thủy sản áp dụng các tiêu chuẩn: GlobalGAP, ASC, SQF, BMP, Metro GAP..., cung cấp nguồn sản phẩm hàng hóa chất lượng cao phục vụ nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu, tăng giá trị sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất. Tổng diện tích nuôi thủy sản theo tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm đạt 220 ha.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, đến cuối năm 2024 toàn thành phố có 36/36 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (hoàn thành trước 01 năm mục tiêu Nghị quyết số 59-NQ/TW) và 11 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

*1.6. Huy động các nguồn lực, đẩy mạnh đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội; tăng cường liên kết, hợp tác phát triển*

Nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh ngày càng đóng vai trò quan trọng, tạo sự chủ động và tăng tính ổn định của ngân sách. Giai đoạn 2022 - 2024, tổng thu ngân sách nhà nước đạt và vượt dự toán Trung ương giao; ước năm 2025 thực hiện 14.030 tỷ đồng. Tổ chức điều hành, quản lý chi ngân sách nhà nước chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, bảo đảm nguồn lực thực hiện các chính sách an sinh xã hội và tiền lương; tổng chi ngân sách địa phương ước năm 2025 thực hiện 20.800 tỷ đồng. Hệ thống ngân hàng tiếp tục phát triển.

Thành phố nghiêm túc triển khai thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XIII về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Nghị quyết số 78/NQ-CP của Chính phủ về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Thành phố thực hiện vai trò thành viên Hội đồng điều phối vùng đồng bằng sông Cửu Long theo Quyết định số 825/QĐ-TTg ngày 12/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ, triển khai thực hiện Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 21/4/2022 của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp hoàn thiện thể chế liên kết vùng kinh tế - xã hội.

*1.7. Công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch; quản lý đô thị, nâng cao trật tự kỷ cương, văn minh đô thị; khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu*

Công tác quy hoạch, đảm bảo tính liên kết và đồng bộ, tạo không gian phát triển mới, thu hút nhiều nhà đầu tư quan tâm. Cơ bản hoàn thành lập và phê duyệt các đồ án quy hoạch phân khu các quận<sup>35</sup>, rà soát tổng thể quy hoạch chung thị trấn<sup>36</sup>, phê duyệt 02 đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn (thị trấn Cờ Đỏ và thị trấn Thới Lai); ban hành và triển khai Danh mục các dự án quy hoạch xây dựng, dự án quy hoạch đô thị, tạo sự chủ động cho các địa phương tổ chức rà soát, lập, điều chỉnh, phê duyệt quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị phù hợp quy định và điều kiện, đặc điểm tự nhiên của địa phương, phát huy tối đa lợi thế, tiềm năng, đặc trưng của từng quận, huyện; việc quản lý phát triển đô thị, nhất là đô thị hóa được quan tâm, từng bước nâng cao chất lượng khu vực đô thị<sup>37</sup>.

Công tác quản lý xây dựng đô thị đạt nhiều kết quả tích cực; tập trung xây dựng Quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đẩy mạnh cải tạo đô thị theo hướng đô thị thông minh, đô thị ứng phó biến đổi khí hậu, đô thị tăng trưởng xanh; khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn tài nguyên đất, nước và khoáng sản; công tác bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu được chú trọng...

### 1.8. Hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế

Chủ động tăng cường các hoạt động đối ngoại, đẩy mạnh thu hút đầu tư. Thành phố đã ký kết 10 bản ghi nhớ với các đối tác nước ngoài trên các lĩnh vực giáo dục, xây dựng, công nghệ, môi trường, kinh tế - xã hội; tổ chức, tham gia trên 60 hội nghị, hội thảo, tọa đàm xúc tiến đầu tư, thương mại quốc tế, sự kiện giao lưu văn hóa - thương mại bằng hình thức trực tiếp và trực tuyến. Quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa thành phố với địa phương các nước được đẩy mạnh<sup>38</sup>; tích cực tham gia vào các tổ chức quốc tế<sup>39</sup> trên các lĩnh vực đô thị, biến đổi khí hậu, môi trường, giáo dục, y tế, văn hóa, an ninh mạng...

## 2. Phát triển văn hóa xã hội

### 2.1. Giáo dục và đào tạo

Lĩnh vực giáo dục và đào tạo tiếp tục phát triển và đạt được một số thành tựu, thành phố đã tích cực phối hợp với các bộ, ngành Trung ương đầu tư phát triển hệ thống các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực với nhiều loại hình đào tạo, đáp ứng khá tốt nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Mạng lưới trường lớp và quy mô học sinh ở các bậc học, cấp học ngày một nâng lên.

### 2.2. Văn hóa, thể thao, du lịch

Lĩnh vực văn hóa phát triển sâu rộng. Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa gắn kết chặt chẽ với phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”, cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, xây dựng người Cần Thơ “Trí tuệ - Năng động - Nhân ái - Hào hiệp - Thanh lịch”. Các mô hình xã/phường, ấp/khu phố, gia đình văn hóa<sup>40</sup>, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn văn hóa được củng cố và phát triển. Công tác tôn tạo, bảo tồn các di tích lịch sử, văn hóa kết hợp gắn với phát triển du lịch được chú trọng<sup>41</sup>. Phát triển phong trào thể dục thể thao quần chúng<sup>42</sup> và phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” ở cơ sở. Thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp được quan tâm đầu tư<sup>43</sup>.

### 2.3. Khoa học và công nghệ

Thị trường khoa học và công nghệ của thành phố từng bước được hình thành và phát triển. Thúc đẩy các hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thông qua việc hỗ trợ, nâng cao năng lực cho các thành phần trong Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Thành lập 04 mạng lưới<sup>44</sup> hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thành phố và vùng đồng bằng sông Cửu Long, với sự tham gia của các nhà khoa học, chuyên gia Trường Đại học Cần Thơ và các Viện, Trường trên địa bàn thành phố và các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long, nhằm gắn kết các nguồn lực hỗ trợ

hiệu quả nhất cho hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Tiếp tục triển khai xây dựng Khu công nghệ thông tin tập trung tại thành phố Cần Thơ theo Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 09/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

#### *2.4. Thông tin - truyền thông*

Đẩy mạnh triển khai thực hiện chuyển đổi số trên các lĩnh vực, nhất là triển khai Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030”. Xây dựng các nền tảng số, cơ sở dữ liệu dùng chung<sup>45</sup>, công dịch vụ công thành phố Cần Thơ và Hệ thống thông tin một cửa điện tử được nâng cấp, hợp nhất thành hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Tổng số dịch vụ công trực tuyến một phần và toàn trình của thành phố là 1.714, đã tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Chỉ số chuyển đổi số (DTI) hàng năm được xếp hạng 05/63 tỉnh, thành phố<sup>46</sup>. Thành phố đã triển khai và vận hành thí điểm Trung tâm điều hành đô thị thông minh IOC trên 10 lĩnh vực<sup>47</sup>.

#### *2.5. Chăm sóc sức khỏe Nhân dân*

Chú trọng công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân; thực hiện hiệu quả công tác phòng, chống dịch Covid-19. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, nguồn nhân lực y tế đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân. Hệ thống các bệnh viện chuyên sâu, đa khoa, trung tâm y tế được quan tâm đầu tư xây dựng, nâng cấp; áp dụng kỹ thuật mới, kỹ thuật cao trong khám, chẩn đoán và điều trị bệnh; xã hội hóa hoạt động y tế ngày càng đa dạng, mở rộng nhiều loại hình, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe người dân thành phố và vùng đồng bằng sông Cửu Long. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân hàng năm đều đạt, ước đến cuối năm 2025 đạt 95% (năm 2020 đạt 90%).

#### *2.6. Chăm lo người có công, hỗ trợ người nghèo, bảo vệ người lao động*

Đảm bảo an sinh xã hội, giải quyết kịp thời các vấn đề bức xúc của xã hội; chú trọng giải quyết việc làm, giảm nghèo<sup>48</sup>; thực hiện đúng, đầy đủ chế độ chính sách đối với người có công với cách mạng<sup>49</sup>, chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số<sup>50</sup>.

### **3. Quốc phòng, an ninh**

Tập trung xây dựng nền quốc phòng toàn dân, gắn với an ninh nhân dân và xây dựng khu vực phòng thủ ngày càng vững chắc; sẵn sàng ứng phó với các tình huống xảy ra. Lực lượng vũ trang thành phố thường xuyên tổ chức tập huấn, diễn tập, đào tạo, xây dựng theo hướng cách mạng, chính quy, từng bước trang bị hiện đại, đảm bảo yêu cầu sẵn sàng chiến đấu, kịp thời giúp dân phòng, chống thiên tai, tìm kiếm, cứu hộ cứu nạn, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Công tác tuyên

quân, tuyển sinh quân sự và giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh hằng năm đạt 100% chỉ tiêu trên giao. Phong trào toàn dân bảo vệ Tổ quốc, thực hiện nhiệm vụ quốc phòng có nhiều tiến bộ; tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ đạt kết quả tốt. Mô hình “Tết Quân Dân” được tổ chức hằng năm mang lại hiệu quả thiết thực, tạo được sự phấn khởi, tin tưởng trong nhân dân.

An ninh chính trị được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo; kịp thời giải quyết những mâu thuẫn, bức xúc và tạo được sự đồng thuận trong Nhân dân. Chủ động nắm chắc và xử lý hiệu quả tình hình an ninh chính trị, an ninh kinh tế, văn hóa tư tưởng, thông tin truyền thông..., đảm bảo trật tự an toàn giao thông<sup>51</sup>, trật tự đô thị, trật tự công cộng, phòng cháy, chữa cháy.

### III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN 03 KHÂU ĐỘT PHÁ

**1. Khâu đột phá thứ nhất:** *“Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; thu hút nhân tài. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp, chuyên gia đầu ngành, cán bộ chuyên môn có bản lĩnh chính trị vững vàng, giỏi về nghiệp vụ, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong thời kỳ hội nhập quốc tế. Phát huy vai trò của lực lượng trí thức, đặc biệt là trí thức, nhà khoa học trẻ đóng góp trí lực phục vụ hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố”.*

Thành ủy đã ban hành đồng bộ, liên thông hệ thống các văn bản, cơ chế, chính sách để thực hiện nhiệm vụ đột phá thứ nhất: Bám sát các chủ trương, nghị quyết, quy định của Trung ương, hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương, Thành ủy đã cụ thể hóa đột phá chiến lược về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; thu hút nhân tài. Thành ủy ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 29/12/2021 “Về đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ, giai đoạn 2021 - 2025 và những năm tiếp theo”. Hàng năm, ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ hội nhập quốc tế; từ đầu nhiệm kỳ đến nay, thành phố đã cử 58.607 lượt cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng (756 thạc sĩ và 184 tiến sĩ; bồi dưỡng 52.288 lượt), tạo bước chuyên môn, đột phá trong công tác cán bộ và đẩy mạnh triển khai các giải pháp thực hiện mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, năng động, minh bạch và hiệu quả; từng bước củng cố và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và phát triển nhanh nguồn nhân lực của thành phố.

Thành phố quan tâm, trọng dụng đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ có tài năng, tạo điều kiện thuận lợi để sáng tạo và cống hiến. Các chuyên gia, nhà khoa học đã có những đóng góp tích cực trong nghiên cứu, tư vấn phân biện,

phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố và vùng đồng bằng sông Cửu Long. Hiện có 70 tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ với số lượng cán bộ nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo là 6.816 người; trong đó, có 1.205 tiến sĩ chiếm 17,6%, 2.859 thạc sĩ chiếm 41,9%, 1.955 đại học chiếm 28,7%, 393 cao đẳng chiếm 5,7%. Số tiến sĩ được phong hàm Giáo sư và Phó Giáo sư là 262 người chiếm 3,84% tổng số nhân lực khoa học và công nghệ, trong đó 30 người có chức danh Giáo sư, 232 người có chức danh Phó Giáo sư, tập trung chủ yếu ở lĩnh vực khoa học nông nghiệp, y khoa.

Thành phố ban hành và triển khai hiệu quả Đề án số 09-ĐA/TU ngày 29/12/2021 của Thành ủy về giáo dục thông minh và học tập suốt đời, trọng tâm là học ngoại ngữ giai đoạn 2021 - 2030. Mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tiếp tục được củng cố, tăng cường đầu tư và phát triển, hiện có 66 cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đa dạng về loại hình, trình độ đào tạo và mô hình hoạt động; có 11 trường công lập được chọn đầu tư 41 ngành, nghề chất lượng cao các cấp độ (được phê duyệt theo Quyết định số 1769/QĐ-BLĐTBXH ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; trong đó: cấp quốc tế: 10 nghề; cấp khu vực ASEAN: 07 nghề và cấp quốc gia: 24 nghề), đáp ứng yêu cầu về lực lượng lao động kỹ thuật cao cho các doanh nghiệp trong thành phố, khu vực kinh tế trọng điểm Nam Bộ và thị trường lao động trong và ngoài nước. Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2021 đạt 76%, đến cuối năm 2024 đạt 83,7%, ước đến cuối năm 2025 đạt trên 85%.

**2. Khâu đột phá thứ hai:** *“Huy động mọi nguồn lực đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; đặc biệt là kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại, kết nối nội vùng và liên vùng, là cơ sở để thành phố phát huy vai trò trung tâm động lực phát triển vùng và đầu mối quan trọng về giao thông vận tải nội vùng và liên vận quốc tế”.*

Nguồn vốn đầu tư trên địa bàn được huy động, khai thác mạnh mẽ, đa dạng về hình thức, phát huy tối đa nguồn lực cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, thay đổi nhanh chóng diện mạo thành phố, tăng tỷ trọng đầu tư của các thành phần kinh tế ngoài nhà nước và đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt là xây dựng hệ thống giao thông, sân bay, bến cảng, các công trình văn hóa - thể thao, y tế, giáo dục - đào tạo, nông thôn mới..., tăng cường tính kết nối, đồng bộ, cơ bản đáp ứng nhu cầu vận tải thông suốt từ thành phố Cần Thơ đi các tỉnh, vùng đồng bằng sông Cửu Long và Thành phố Hồ Chí Minh, các vùng miền trong cả nước. Tổng số vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện 140.000 tỷ đồng, tăng bình quân 11,55%/năm, đạt chỉ tiêu Nghị quyết nhiệm kỳ; tăng từ 20.240 tỷ đồng năm 2021 lên 38.000 tỷ đồng ước năm 2025.

Giai đoạn 2021 - 2025, Chính phủ, Bộ Giao thông vận tải và bộ, ngành liên quan tâm chỉ đạo, ưu tiên bố trí vốn đầu tư xây dựng các dự án kết cấu hạ tầng giao thông quan trọng có tính chất kết nối liên vùng qua địa bàn thành phố Cần Thơ như: Tuyến cao tốc Mỹ Thuận - Cần Thơ và cầu Mỹ Thuận 2; dự án cao tốc Bắc Nam phía Đông, dự án thành phần Cần Thơ - Hậu Giang; hiện đang nghiên cứu lập dự án nâng cấp, mở rộng đường Nam sông Hậu; nâng cấp tuyến kênh Chợ Gạo (giai đoạn 2); hoàn chỉnh luồng cho tàu biển tải trọng lớn vào sông Hậu giai đoạn 2; nâng cấp cảng hàng không quốc tế Cần Thơ; Đường sắt thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ.

Bên cạnh đó, thành phố đã tập trung triển khai thủ tục đầu tư, tập trung nguồn lực của thành phố để thực hiện các dự án giao thông đường bộ như: Dự án cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng, đoạn qua địa bàn thành phố Cần Thơ; dự án đường Vành đai phía Tây (nối Quốc lộ 91 với Quốc lộ 61C); dự án đầu tư xây dựng và nâng cấp mở rộng Đường tỉnh 917, 918, 921, 923; dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 91 (từ Km0 - Km7); nâng cấp các trục đường nội ô, giải quyết tình trạng ùn tắc giao thông, nâng tải trọng các cầu để đồng bộ với tải trọng đường, chủ động kết nối với các trục đường quan trọng do Trung ương đầu tư, tăng kết nối vùng, ... Qua đó, tăng tính liên kết, rút ngắn khoảng cách giữa các địa phương và các tỉnh trong vùng, góp phần thu hút đầu tư, phát triển kinh tế xã hội của thành phố.

**3. Khâu đột phá thứ ba:** *“Tập dụng cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tăng cường ứng dụng thành tựu khoa học - kỹ thuật trong quản lý, điều hành kinh tế xã hội, bảo vệ môi trường”.*

Thành phố đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ; hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực công nghệ, tham gia ươm tạo công nghệ, hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ... Xây dựng và triển khai “Đề án thành lập Trung tâm Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo thành phố Cần Thơ”, thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo trên địa bàn thành phố; cung cấp hạ tầng, cơ sở vật chất, kỹ thuật và các chương trình hành động hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hướng tới mở rộng hợp tác quốc tế; gắn kết các Viện, Trường và doanh nghiệp phát triển, ứng dụng, chuyển giao các công nghệ tiên tiến, hỗ trợ phát triển sản phẩm mục tiêu, hoạt động đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp; kết nối với các hệ sinh thái khu vực và cả nước nhằm thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ của thành phố Cần Thơ và vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu chế tạo, cải tiến chất lượng sản phẩm; triển khai xây dựng dự án đầu tư Sản giao dịch Công nghệ với năng lực phục vụ cả vùng Đồng bằng sông Cửu Long; thành lập Gian trưng bày nhằm triển lãm, giới thiệu sản phẩm khởi nghiệp tiêu biểu của thành phố, qua đó, quảng bá hình ảnh,

đồng thời, tạo điều kiện kết nối đầu tư và cơ hội phát triển thị trường cho các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của thành phố, hình thành và kết nối các thành phần trong hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của thành phố, vùng và cả nước.

#### **IV- NGUYÊN NHÂN ĐẠT ĐƯỢC**

1. Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương, Quốc hội, Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương, kịp thời giúp thành phố tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, giúp Đảng bộ thành phố hoàn thành nhiệm vụ chính trị địa phương<sup>52</sup>; đặc biệt là tinh thần đoàn kết, nhất trí, chung sức chung lòng của Đảng bộ, chính quyền và các tầng lớp nhân dân thành phố. Bên cạnh đó, thành phố luôn được sự ủng hộ, hợp tác tích cực, hiệu quả của các tỉnh, thành phố trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

2. Trong lãnh đạo, chỉ đạo, Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Thành ủy và Thường trực Thành ủy luôn đoàn kết thống nhất, quyết tâm chính trị cao, cùng sự đồng tình, hưởng ứng của đảng viên và nhân dân đồng lòng thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng. Công tác quán triệt, triển khai học tập các Nghị quyết, Kết luận, Chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương được thực hiện nghiêm túc, kịp thời; nhiều chủ trương, nghị quyết của Đảng được cụ thể hóa thành các chương trình, kế hoạch thực hiện, sát với tình hình thực tế.

3. Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy luôn nhận thức sâu sắc ý nghĩa, tầm quan trọng chủ trương, quan điểm của Đảng về xây dựng hệ thống chính trị và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị; thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ; nâng cao hiệu quả lãnh đạo, điều hành; giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật của Đảng. Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện thường xuyên, có trọng tâm, trọng điểm; kịp thời sơ kết, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm và đề ra nhiệm vụ, giải pháp sát với tình hình thực tiễn. Các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân thành phố luôn thể hiện cao vai trò, trách nhiệm và nỗ lực phấn đấu trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ.

4. Quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác rà soát, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách tiếp tục được đẩy mạnh, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh, tăng cường kết nối thu hút đầu tư; huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực.

5. Nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, huy động sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp, mở rộng hợp tác quốc tế.

## V HẠN CHẾ, KHUYẾT ĐIỂM VÀ NGUYÊN NHÂN

### 1. Hạn chế

- Sự phát triển của thành phố tuy có khởi sắc, nhưng chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế. Vai trò trung tâm và động lực phát triển của thành phố Cần Thơ đối với phát triển kinh tế của vùng Đồng bằng sông Cửu Long chưa rõ nét, đóng góp trong GRDP của vùng còn thấp, chiếm tỷ trọng hơn 9%.

- Cơ cấu lại các ngành kinh tế có chuyển dịch theo đúng hướng nhưng sự chuyển dịch về năng suất, chất lượng, nhất là khu vực công nghiệp và dịch vụ, chưa đáp ứng được kỳ vọng phát triển. Năng lực sản xuất một số ngành, sản phẩm quan trọng tăng chậm, các ngành có hàm lượng công nghệ cao có tỷ trọng nhỏ, năng lực cạnh tranh chưa cao.

- Sức mua thị trường nội địa có xu hướng giảm so với thời điểm trước đại dịch Covid-19, người tiêu dùng chỉ mua những hàng hóa thiết yếu. Mức độ đa dạng hóa thị trường các mặt hàng xuất khẩu phân lớn chưa đủ khả năng đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, chất lượng của các thị trường xuất khẩu.

- Nội lực về vốn đầu tư và doanh nghiệp dẫn đầu có tính lan tỏa, có khả năng làm thay đổi cục diện kinh tế của thành phố chưa thật sự mạnh mẽ. Việc triển khai thực hiện về một số chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư, khuyến khích xã hội hóa đầu tư chưa đạt kết quả như kỳ vọng, chưa tạo được sự đột phá trong huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phát triển, đặc biệt là thu hút các nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước, nhất là thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI còn hạn chế.

- Công tác lập quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng, quy hoạch phân khu, kế hoạch sử dụng đất, giải phóng mặt bằng, bồi hoàn hỗ trợ tái định cư... triển khai còn chậm, chưa đạt yêu cầu. Quy hoạch phát triển đô thị còn thiếu tầm chiến lược; kiến trúc đô thị thiếu tính đồng bộ đặc trưng. Công tác lập và thực hiện quy hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên còn nhiều bất cập; cơ chế, chính sách quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên chưa đồng bộ.

- Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng đô thị, các khu vui chơi giải trí, hạ tầng giao thông thiếu kết nối, chất lượng chưa cao, một số hạ tầng giao thông quan trọng chưa được sử dụng hết công suất như: Cảng hàng không quốc tế Cần Thơ, Cảng Cái Cui; hệ thống hạ tầng thương mại như chợ đầu mối, trung tâm logistics, kho chứa hàng hóa chưa theo kịp với nhu cầu phát triển.

- Giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ chưa trở thành động lực then chốt thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội. Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

- Việc khai thác, duy trì các thiết chế văn hóa của địa phương còn hạn chế; lĩnh vực hoạt động thể thao chưa tạo ra những khởi sắc mới. Đời sống một bộ phận người dân vẫn còn khó khăn, nhất là khu vực ngoại thành, đồng bào dân tộc thiểu số.

- Công tác xây dựng Đảng trên một số mặt còn những hạn chế. Tổ chức bộ máy hệ thống chính trị chưa thật tinh gọn; trình độ, năng lực đội ngũ đảng viên và cán bộ, công chức, viên chức ở một số lĩnh vực chưa đồng đều. Hệ thống dân vận, mặt trận, đoàn thể từng lúc thiếu đổi mới, chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

## **2. Nguyên nhân**

### **2.1. Nguyên nhân khách quan**

- Tình hình kinh tế - chính trị thế giới biến động rất nhanh, khó lường, phức tạp, nhiều diễn biến chưa từng có tiền lệ, vượt quá khả năng dự báo và gây khó khăn, tạo áp lực lớn lên khả năng phân tích, công tác điều hành.

- Kinh tế thành phố chịu tác động nặng nề của dịch Covid-19, vẫn đang trong quá trình phục hồi; áp lực lạm phát gia tăng, giá nguyên liệu đầu vào, nhiên liệu cho sản xuất tăng cao, ..., tác động xấu đến quá trình phục hồi một số ngành, lĩnh vực. Việc nối lại thị trường nước ngoài, chuỗi cung ứng bị gián đoạn vẫn chưa trở lại bình thường đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và xuất khẩu.

- Thiên tai, bão lũ trái quy luật, khó dự báo; biến đổi khí hậu toàn cầu diễn ra nhanh hơn dự báo, gây ra các hiện tượng thời tiết cực đoan ngày càng gia tăng, gây ra nhiều khó khăn, thách thức mới, ảnh hưởng phát triển kinh tế - xã hội.

- Kết quả thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể để thành phố có điều kiện phát triển nhanh theo yêu cầu đặt ra của Nghị quyết số 59-NQ/TW vẫn còn chậm; một số nội dung cụ thể hóa Nghị quyết số 45/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế đặc thù phát triển thành phố Cần Thơ về cơ chế chính sách đặc thù thuộc thẩm quyền của địa phương chưa được triển khai hoặc chưa đủ điều kiện triển khai thực hiện, làm ảnh hưởng đến hiệu quả của chính sách đã được Quốc hội thông qua.

### **2.2. Nguyên nhân chủ quan**

- Công tác dự báo, tham mưu còn bị động; công tác phối hợp với các bộ, ngành Trung ương và các địa phương chưa thật sự chặt chẽ, nhịp nhàng, nhất là khi xuất hiện những vấn đề mới phát sinh, chưa có tiền lệ.

- Công tác phối hợp trong các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố vẫn còn trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu; nhiều tồn tại, hạn chế kéo dài chưa được giải quyết, khắc phục, như trong công tác giải phóng mặt bằng, tái định cư, giải ngân vốn đầu tư công, thu hút đầu tư ngoài ngân sách.

- Một số cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên chưa nhận thức đầy đủ, toàn diện, sâu sắc về tầm quan trọng của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong tình hình mới; việc quán triệt, triển khai thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng ở một số nơi chưa kịp thời, sâu sắc. Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng chưa tập trung đúng mức, chưa đi vào chiều sâu, hiệu quả chưa cao.

## **VI ĐÁNH GIÁ CHUNG**

Nhiệm kỳ 2020 - 2025, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân thành phố Cần Thơ đã đoàn kết, quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, phát huy tối đa các nguồn lực, đổi mới công tác lãnh đạo, điều hành, khắc phục nhiều khó khăn, thách thức chưa có tiền lệ, đạt được nhiều kết quả quan trọng và khá toàn diện trên các lĩnh vực. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, hoạt động của Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố được quan tâm chỉ đạo, đổi mới và đạt hiệu quả cao hơn. Kinh tế tăng trưởng khá, cơ cấu đầu tư có sự chuyển dịch tích cực; hiệu quả và sức cạnh tranh của một số sản phẩm được cải thiện. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tiếp tục được đầu tư xây dựng phục vụ tốt hơn cho tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Các mặt xã hội đều có bước phát triển, đời sống Nhân dân được cải thiện và nâng lên; hộ nghèo giảm sâu. Hoạt động văn hoá đạt được nhiều kết quả, tiến bộ. Tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững ổn định.

Đặc biệt là qua hơn 05 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, các nghị quyết, đề án cụ thể hóa, thành phố đã cơ bản gặt hái được những kết quả bước đầu quan trọng. Nhận thức và tư duy phát triển có sự thay đổi rõ nét, tạo ra động lực mới cho quá trình thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra, với sự phân đầu và nỗ lực lớn hơn; định hình đồng bộ hệ thống các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện nhiệm vụ chính trị, tạo cơ sở nền tảng cho sự phát triển của thành phố; phần lớn các nghị quyết, chỉ thị, đề án, chương trình đã và đang từng bước đi vào cuộc sống. Từ đó, góp phần hoàn thành và nâng cao chất lượng các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ XIV đã đề ra, tạo thế và lực mới cho thành phố, phân đầu xây dựng và phát triển thành phố trở thành thành phố sinh thái, văn minh, hiện đại, mang đậm bản sắc văn hóa sông nước vùng Đồng bằng sông Cửu Long, xứng tầm là đô thị hạt nhân của vùng đồng bằng sông Cửu Long.

## VII MỘT SỐ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN

1. Bám sát các nghị quyết, chỉ thị, quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, trọng tâm là công tác lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hóa kịp thời, đồng bộ các cơ chế, chính sách của Trung ương, các nghị quyết chuyên đề, chương trình của thành phố với tinh thần đổi mới, đột phá, quyết tâm và phát huy nội lực, tận dụng thời cơ.

2. Khẳng định vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng, tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Tập trung kiện toàn tổ chức bộ máy, đặc biệt là các giải pháp đột phá về nâng cao chất lượng năng lực thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, nhất là lãnh đạo chủ chốt các cấp ngang tầm nhiệm vụ.

3. Cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, đứng đầu là tập thể Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố đoàn kết, chủ động, sáng tạo trong lãnh đạo, chỉ đạo những nhiệm vụ trọng tâm, đề ra các giải pháp đúng đắn, phù hợp, có tính đột phá, chiến lược, lâu dài; phát huy mạnh mẽ truyền thống đoàn kết, kinh nghiệm, thành quả của các nhiệm kỳ trước.

4. Hệ thống chính trị thống nhất về nhận thức và quyết tâm hành động vì sự phát triển chung của thành phố. Trong tổ chức thực hiện có quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, hiệu quả thiết thực.

5. Thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy dân chủ trong cấp ủy đảng, chế độ tập thể lãnh đạo đi đôi với phát huy tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của cá nhân, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung thống nhất của cấp ủy và giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật trong Đảng.

### Phần thứ hai

## MỤC TIÊU, PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ, GIAI ĐOẠN 2025 - 2030

----

### I DỰ BÁO TÌNH HÌNH

#### 1. Dự báo tình hình

Thế giới đang trong quá trình hình thành cấu trúc trật tự mới, dự báo trong những năm tới, hòa bình, hợp tác, phát triển vẫn là xu thế chung của khu vực và thế giới. Tuy nhiên, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, các trung tâm quyền lực sẽ ngày càng gay gắt, mờ rộng về phạm vi, tăng cường độ, gia tăng tính đối

đầu. Xung đột, chiến tranh có nguy cơ sẽ diễn ra trên phạm vi rộng hơn, phức tạp hơn với nhiều hình thái và phương thức mới, như chiến tranh công nghệ cao, chiến tranh trên không gian mạng... Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhất là công nghệ AI, chóp bán dẫn tiếp tục phát triển mạnh và tác động sâu sắc đến tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội. Những vấn đề toàn cầu: Xung đột, chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh, bất ổn xã hội và an ninh phi truyền thống, nhất là an ninh mạng, biến đổi khí hậu, nước biển dâng, ô nhiễm môi trường,... là những thách thức ngày càng tăng.

Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương tiếp tục là trung tâm phát triển năng động, có vị trí địa kinh tế - xã hội ngày càng quan trọng, song cũng là khu vực trọng điểm cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, tiềm ẩn nguy cơ xung đột. Tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, biển, đảo ở Biển Đông có chiều hướng căng thẳng, phức tạp hơn. ASEAN tiếp tục tăng cường hợp tác, liên kết nội khối, xây dựng Cộng đồng trên cả ba trụ cột chính trị - an ninh, kinh tế, văn hóa - xã hội, đồng thời nỗ lực khẳng định vai trò trung tâm trong cấu trúc khu vực đang định hình, song sẽ phải đối mặt với nhiều thách thức mới bên trong và bên ngoài.

Trong nước, sau 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới, cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế của đất nước ta tiếp tục nâng lên, là tiền đề quan trọng để tiếp tục xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện thắng lợi mục tiêu 100 năm thành lập Đảng, tạo nền tảng cho việc thực hiện thành công mục tiêu 100 năm thành lập Nước.

Đặc biệt, kế thừa và phát huy những kết quả đạt được qua 20 năm thành lập thành phố Cần Thơ trực thuộc Trung ương, Đảng bộ, quân và toàn dân thành phố quyết tâm triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045<sup>53</sup>; Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 30/8/2021 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW<sup>54</sup> và Nghị quyết số 45/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Cần Thơ<sup>55</sup>; tăng tốc, bứt phá, tạo đà cho thành phố Cần Thơ phát triển nhanh và bền vững trong thời gian tới.

## **2. Phương châm Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Cần Thơ lần thứ XV, nhiệm kỳ 2025 - 2030**

Từ những dự báo trên, Đảng bộ thành phố xác định phương châm Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Cần Thơ lần thứ XV, nhiệm kỳ 2025 - 2030 là: **“Đoàn kết - Dân chủ - Kỹ cương - Đột phá - Phát triển”**.

## II QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

### 1. Quan điểm chỉ đạo

(1) Đảng bộ thành phố có trách nhiệm lãnh đạo sự phát triển toàn diện của thành phố và chịu trách nhiệm trước Nhân dân về các quyết định của mình. Kiên định và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lý luận về đường lối đổi mới; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng. Gắn kết chặt chẽ giữa lý luận và thực tiễn để xây dựng, phát triển thành phố.

(2) Thành phố Cần Thơ phải trở thành trung tâm động lực của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, phát triển nhanh, bền vững, cân bằng tổng thể, toàn diện cả ba lĩnh vực: kinh tế, văn hóa xã hội và môi trường; lấy con người làm trung tâm, chủ thể, mục tiêu, động lực phát triển gắn với đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa, con người là nền tảng; tăng cường quốc phòng, an ninh và hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế là trọng yếu, thường xuyên.

(3) Thực hiện đồng bộ thể chế, kiên quyết khơi thông, tháo gỡ các điểm nghẽn, nút thắt và phát huy tối đa tiềm năng và nội lực, khơi dậy ý chí, khát vọng đưa Cần Thơ cùng cả nước bước vào kỷ nguyên mới. Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt là kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại. Ứng dụng mạnh mẽ khoa học công nghệ và đổi mới, sáng tạo, thực hiện chuyển đổi số; đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; thu hút, trọng dụng nhân tài.

(4) Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, ý chí tự lực tự cường và truyền thống văn hóa, cách mạng của Nhân dân Cần Thơ; xây dựng, phát triển toàn diện con người Cần Thơ “Trí tuệ, năng động, nhân ái, hào hiệp, thanh lịch”; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống, đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập của thành phố.

(5) Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp ủy và hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền; tiếp tục sắp xếp tinh gọn đơn vị hành chính các cấp gắn với cơ cấu lại và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; củng cố vững chắc lòng tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước; kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

### 2. Mục tiêu phát triển

**2.1. Mục tiêu tổng quát:** Đến năm 2030, Cần Thơ phải là cực tăng trưởng, là thành phố sinh thái, văn minh, hiện đại mang đậm bản sắc văn hóa sông nước

vùng Đồng bằng sông Cửu Long; là trung tâm của vùng về công nghiệp chế biến, chế tạo dịch vụ thương mại, du lịch, cảng logistics, công nghiệp chế biến, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, giáo dục và đào tạo, y tế chuyên sâu, khoa học công nghệ, văn hóa, thể thao; là đô thị hạt nhân vùng Đồng bằng sông Cửu Long, có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ thích ứng với biến đổi khí hậu, đáp ứng yêu cầu kết nối nội vùng, liên vùng và liên vận quốc tế; đời sống vật chất và tinh thần của người dân đạt mức cao; tổ chức đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; quốc phòng, an ninh được bảo đảm vững chắc.

## **2.2. Các chỉ tiêu chủ yếu**

### **2.2.1. Chỉ tiêu về kinh tế**

(1) Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân giai đoạn 2025 - 2030 bình quân 10%/năm; GRDP bình quân đầu người đến năm 2030 đạt trên 210 triệu đồng (tương đương 8.400 USD).

Tổng thu ngân sách hàng năm tăng 10%, phân đầu đến năm 2030 đạt từ 21.000 đến 22.000 tỷ đồng.

(2) Đến năm 2030, cơ cấu kinh tế dự kiến:

Tỷ trọng GRDP khu vực công nghiệp - xây dựng 40% - 45%, dịch vụ và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 52% - 57%, nông nghiệp khoảng 3%.

(3) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng bình quân 5 năm đạt 40% GRDP.

(4) Đóng góp năng suất của các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng đạt 45% - 50%. Tỷ trọng xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trên tổng giá trị hàng hóa xuất khẩu đạt tối thiểu 50%.

(5) Phát triển mạnh hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu tạo nền tảng chuyển đổi số quốc gia, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; tỷ trọng kinh tế số đạt khoảng 30% GRDP. Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo trên 40% trong tổng số doanh nghiệp.

Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp đạt trên 80%; giao dịch không dùng tiền mặt đạt trên 80%.

### **2.2.2. Chỉ tiêu về xã hội**

(6) Dân số tăng bình quân khoảng 0,67%/năm.

(7) Đến năm 2030, tuổi thọ bình quân đạt trên 76 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 68 tuổi.

(8) Đến năm 2030, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 85%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt trên 40%.

(9) Đến năm 2030, tỷ lệ trường đạt chuẩn cấp quốc gia ở cấp học mầm non đạt trên 90%, cấp tiểu học đạt trên 95%, cấp trung học cơ sở đạt trên 95%, cấp trung học phổ thông đạt trên 85%.

(10) Đến năm 2030, số giường bệnh/vạn dân tối thiểu 55 giường; số bác sĩ/vạn dân tối thiểu 20 bác sĩ; tỷ lệ giường bệnh tư nhân tối thiểu 15%.

(11) Đến năm 2030, tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân đạt trên 95%. Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt trên 95%.

(12) Đến năm 2030 cơ bản không còn hộ nghèo theo chuẩn chung của quốc gia.

(13) Phần đầu đến năm 2030 trên 50% xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

### 2.2.3. Chi tiêu môi trường

(14) Đến năm 2030, tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị và chất thải công nghiệp được thu gom và xử lý đạt 100%.

### 2.2.4. Chi tiêu về phát triển kết cấu hạ tầng

(15) Tỷ lệ đô thị hóa khoảng 80%; bảo đảm 100% đô thị loại IV trở lên hoàn thiện tiêu chí phân loại đô thị về cơ sở hạ tầng đô thị, nhất là hạ tầng về y tế, giáo dục, đào tạo và các công trình văn hóa cấp đô thị.

### 2.2.5. Chi tiêu về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

(16) Tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt trên 80%. Phát triển đảng viên mới trong nhiệm kỳ 10.500 đảng viên. Đến năm 2030, triển khai thực hiện có hiệu quả mô hình “chi bộ bốn tốt”, “đảng bộ cơ sở bốn tốt”.

(17) Tỷ lệ quần chúng tham gia vào các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội tỷ lệ đạt 74 % dân số trong độ tuổi.

### 2.2.6. Chi tiêu về quốc phòng an ninh

(18) Đảm bảo hàng năm số xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” từ 75 % trở lên.

## III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

### 1. Tiếp tục hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách tạo đột phá cho phát triển thành phố

- Tập trung nghiên cứu đề xuất Trung ương các cơ chế, chính sách mới, đột phá, để huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, tạo ra không gian và động lực mới phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững. Trọng tâm là tập trung triển khai có hiệu quả các cơ chế chính sách đặc thù đã được Trung ương ban hành, nghiên cứu đề xuất bổ sung các cơ chế chính sách mới để khai thác sử

dụng hiệu quả các nguồn lực và điều kiện đặc thù của thành phố như: chuyển đổi mô hình hoạt động để khai thác tài nguyên đất tại các Nông trường, thành lập Khu kinh tế Cần Thơ, Khu thương mại tự do Cần Thơ trong khu kinh tế; chính sách thu hút đầu tư vào các lĩnh vực phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ; xây dựng, phát triển hệ thống dịch vụ tài chính cấp vùng; cơ chế chính sách đặc thù để khai thác và phát huy tiềm năng, lợi thế của hệ thống sông nước của thành phố.

- Tập trung rà soát, ban hành các cơ chế, chính sách theo thẩm quyền của thành phố nhằm thu hút tối đa các nguồn lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ nhu cầu phát triển, thúc đẩy hình thành và phát triển các mô hình kinh tế mới như các khu công nghiệp tập trung công nghệ cao, cụm công nghiệp phụ trợ, phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

## **2. Phát triển kinh tế nhanh và bền vững**

### ***2.1. Triển khai kịp thời và hiệu quả các quy hoạch đã được phê duyệt; phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế, tạo bứt phá trong phát triển***

- Hoàn thiện đồng bộ hệ thống các quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, đảm bảo thống nhất, đồng bộ, mở rộng không gian phát triển, phát huy tối đa tiềm lực phục vụ mục tiêu phát triển.

- Tập trung triển khai các chương trình, đề án, dự án, các nhiệm vụ ưu tiên, trọng tâm và đột phá theo quy hoạch và định hướng phát triển. Phát huy tối đa nội lực, thu hút nguồn lực để thực hiện, đặc biệt là ngành, lĩnh vực tiềm năng, lợi thế, dự án mang tính dẫn dắt, liên kết; chú trọng nghiên cứu phương án quy hoạch có tầm nhìn chiến lược, ứng dụng công nghệ mới, hiện đại, phù hợp với yêu cầu và xu thế phát triển.

### ***2.2. Hoàn thiện các hạ tầng chiến lược, đặc biệt là kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại, kết nối giao thông trọng điểm quốc gia***

- Cùng các bộ ngành Trung ương huy động các nguồn lực thực hiện hoàn thành xây dựng và nâng cấp các dự án trọng điểm cấp quốc gia được triển khai thực hiện trên địa bàn thành phố như: tuyến cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ - Cà Mau, Cần Thơ - An Giang - Sóc Trăng, cầu Cần Thơ 2, tuyến đường sắt Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ, ...; Nâng cấp, mở rộng và xây dựng mới các tuyến đường kết nối nội vùng và liên vùng gồm: Sa Đéc (Đồng Tháp) - Ô Môn (Cần Thơ) - Giồng Riềng (Kiên Giang), Vành đai phía Tây (kết nối với Quốc lộ 80), Quốc lộ 91 đoạn Km0-Km7, Quốc lộ 61C (đoạn trên địa bàn thành phố Cần Thơ), các tuyến đường tỉnh, các nút giao thông trọng điểm, các tuyến đường trục chính đô thị nhằm thúc đẩy liên kết vùng, tăng năng lực vận tải, chỉnh trang đô thị, hình thành không gian mới cho phát triển kinh tế - xã hội.

- Phát triển hạ tầng giao thông đường thủy và hệ thống logistics: Nâng cấp và xây dựng mới hạ tầng cảng Cái Cui, Thốt Nốt, Ô Môn với công nghệ hiện đại, kết hợp phát triển hệ thống logistics, tối ưu hóa chuỗi cung ứng và giảm chi phí vận tải.

- Phát triển hạ tầng giao thông đường không: Xây dựng, nâng cấp kết cấu hạ tầng cảng hàng không quốc tế Cần Thơ gắn với hình thành các dịch vụ hàng không, định hướng phát triển khu thương mại tự do tại khu vực sân bay; thu hút đầu tư phát triển các sân bay và vùng nước dành cho thủy phi cơ tại các khu vực có tiềm năng về du lịch trên địa bàn theo quy hoạch.

- Phát triển hệ thống giao thông công cộng hiện đại, thân thiện môi trường; nghiên cứu xây dựng tuyến đường sắt đô thị và hệ thống nhà ga gắn kết với các trục động lực phát triển, các trung tâm đô thị.

### ***2.3. Đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa***

- Đẩy nhanh tốc độ, nâng cao chất lượng đô thị hóa, phát triển hệ thống đô thị bền vững. Quy hoạch đô thị và phát triển kết cấu hạ tầng các đô thị đồng bộ theo lộ trình phù hợp, gắn với sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã, cấp huyện, tạo nguồn lực cho phát triển đô thị.

- Gắn định hướng phát triển đô thị với quan điểm chỉ đạo trong việc hình thành và phát triển đô thị sinh thái, tiên phong cho những mô hình phát triển đô thị của vùng Đồng bằng sông Cửu Long trên cơ sở phát huy tối đa lợi thế của hệ thống sông chính của thành phố.

- Phát triển hạ tầng đô thị theo phương châm hiện đại, xanh, thân thiện với môi trường; hình thành mới các đô thị dọc theo các trục hành lang kinh tế, gắn với các trục giao thông, nhà ga đường sắt, sân bay.

### ***2.4. Phân bổ nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế - xã hội có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với khả năng huy động nguồn vốn***

- Huy động, phát huy tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính phát triển thành phố theo phương châm nội lực là căn bản, ngoại lực là quan trọng kết hợp chặt chẽ nội lực với ngoại lực tạo ra nguồn lực tổng hợp tối ưu.

- Tiến hành rà soát và điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, làm cơ sở quy hoạch hạ tầng dịch vụ cảng, logistics, công nghiệp và nông nghiệp công nghệ cao. Thực hiện tốt công tác chuẩn bị đất cho nhà đầu tư, giải phóng mặt bằng, đền bù tái định cư của các dự án khởi công mới; tập trung các nguồn lực vào các ngành, lĩnh vực then chốt, các công trình, dự án trọng điểm, có sức lan toả, tạo động lực phát triển kinh tế- xã hội; ứng dụng thí điểm đổi mới mạnh mẽ trong tổ chức triển khai thực hiện các dự án cải tạo và phát triển đô thị theo định hướng tích hợp, quản lý hiệu

quả giá trị nguồn lực từ đất đai và đầu tư cơ sở hạ tầng trên nguyên tắc khuyến khích sự tham gia tích cực từ nguồn lực xã hội.

- Huy động và khai thác mạnh mẽ tiềm năng các nguồn lực tài chính trong nước, ngoài nước để đầu tư phát triển thành phố. Tăng cường các biện pháp để quản lý và bồi dưỡng nguồn thu, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời theo quy định của pháp luật. Nâng cao hiệu quả sử dụng tài chính công để phát huy nguồn vốn xã hội, nguồn vốn của các tổ chức tài chính quốc tế phát triển đô thị. Phát huy hiệu quả nguồn kiều hối tham gia vào các hoạt động sản xuất, kinh doanh, phát triển thành phố.

### ***2.5. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tập trung phát triển sản xuất công nghiệp, tạo nền tảng phát triển kinh tế, hình thành các trung tâm thương mại - dịch vụ cấp vùng***

- Tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, thực hiện đồng bộ các giải pháp từ quy hoạch đến thủ tục đầu tư và triển khai thực hiện đầu tư để đưa vào khai thác các khu công nghiệp theo quy hoạch, quan tâm lựa chọn các dự án đầu tư phát triển các ngành công nghiệp hóa chất, cơ khí chế tạo, năng lượng, dược phẩm, điện tử, chế biến nông thủy sản, thực phẩm và công nghiệp hỗ trợ có tính nền tảng, hiện đại, bền vững, phù hợp với điều kiện, tự nhiên, lợi thế của địa phương gắn kết chặt chẽ với các địa phương trong vùng để hình thành vùng nguyên liệu và trung tâm chế biến chuyên sâu.

- Tập trung nghiên cứu và phát triển ngành công nghiệp công nghệ cao; thực hiện hoàn thành và đưa vào vận hành khu công nghệ thông tin trung tâm, khu công nghiệp công nghệ cao, khu công nghệ cao thành phố tạo nền tảng để thúc đẩy phát triển mạnh mẽ thị trường công nghệ, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin, phục vụ kịp thời cho nhu cầu phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

- Tiếp tục củng cố vị trí và phát huy vai trò trung tâm tài chính với hệ thống ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng hoạt động hiệu quả đáp ứng yêu cầu là trung tâm và là đầu mối giao dịch của vùng tại thành phố Cần Thơ; nghiên cứu thành lập trung tâm tài chính cấp vùng tại thành phố Cần Thơ;

- Hình thành các trung tâm thương mại tập trung mang tính vùng, trung tâm đầu mối tiêu thụ các sản phẩm chủ lực của vùng thúc đẩy lưu thông hàng hóa gắn kết chặt chẽ với hoạt động của các trung tâm logistics.

- Tiếp tục đẩy mạnh thu hút nguồn lực ngoài ngân sách để tham gia đầu tư và cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục chuyên sâu, với chất lượng cao và đạt chuẩn quốc tế để phục vụ nhu cầu của người dân trong vùng, cả nước và quốc tế; chú trọng liên kết đào tạo nguồn nhân lực phục vụ nhu cầu lao động chất lượng cao phục vụ

định hướng phát triển của thành phố nói riêng và phục vụ vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

- Phát triển các sản phẩm du lịch đặc thù như du lịch sông nước, văn hóa và sinh thái gắn với hình thành các tour tuyến du lịch nội vùng và quốc tế; quan tâm thực hiện hiệu quả các hình thức kết hợp trong phát triển du lịch với công tác tổ chức các sự kiện văn hóa, các lễ hội truyền thống, với đầu tư hoàn thiện các thiết chế văn hóa, di tích lịch sử và các trung tâm dịch vụ y tế, giáo dục nhằm phát huy cao nhất hiệu quả trong thu hút du khách trong nước và quốc tế.

### ***2.6. Phát triển nông nghiệp đô thị hiện đại, bền vững gắn với chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới***

- Tập trung xây dựng các vùng sản xuất nông - thủy sản chuyên canh đạt tiêu chuẩn, đáp ứng theo từng nhóm thị trường. Phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp gắn với các loại hình du lịch nông nghiệp. Đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp tuần hoàn, thân thiện với môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp; tập trung nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học để sản xuất giống cây, giống con chất lượng và năng suất cao, trở thành trung tâm giống cây, giống con của Đồng bằng sông Cửu Long.

- Hình thành các Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại các huyện: Vĩnh Thạnh, Cờ Đỏ và Thới Lai trên cơ sở quy hoạch và quá trình chuyển đổi mô hình hoạt động Nông trường Sông Hậu và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Nông trường Cờ Đỏ. Triển khai hiệu quả và thu hút các doanh nghiệp chiến lược đầu tư kinh doanh vào Trung tâm liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

- Phát triển nông nghiệp đô thị góp phần xây dựng môi trường sinh thái, cảnh quan, cung cấp thực phẩm xanh, đô thị bền vững gắn với chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới để phối hợp nguồn lực, phát triển toàn diện mọi mặt của sản xuất nông nghiệp và đời sống nông thôn. Phát huy tối đa lợi thế chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP).

### ***2.7. Tăng cường liên kết vùng, hợp tác phát triển***

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo Nghị quyết 13-NQ/TW ngày 02 tháng 4 năm 2022 của Bộ Chính trị và Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên cơ sở đánh giá nghiêm túc kết quả thực

hiện của hoạt động liên kết, hợp tác giữa các địa phương trong vùng và giữa các vùng để xác định nội dung, lĩnh vực liên kết hợp tác phù hợp với đặc điểm và tình hình mới, nhất là các hành lang, vành đai kinh tế 4 vùng động lực quốc gia với vai trò là cực tăng trưởng quốc gia phía Nam của Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đề xuất các giải pháp để nâng cao vai trò và tính pháp lý của Hội đồng điều phối vùng, đẩy mạnh liên kết, huy động, phân bổ nguồn lực, ngân sách, các quyết định đầu tư cơ sở hạ tầng liên vùng trong khuôn khổ hợp tác; đẩy mạnh hợp tác và kết nối giữa Bộ, ngành Trung ương với chính quyền địa phương với cam kết mạnh mẽ gắn với trách nhiệm, hành động từng cơ quan, tổ chức các cấp. Tăng cường phối hợp chặt chẽ với các viện trường, các địa phương ở các nước đã có ký kết hợp tác để tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng, chủ lực.

### **3. Phát triển văn hóa xã hội đồng bộ với phát triển kinh tế, làm nền tảng cho thành phố phát triển bền vững**

#### **3.1. Phát triển văn hóa, thể thao, y tế, đảm bảo an sinh xã hội**

- Thực hiện tiên bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân, bảo đảm gắn kết hài hòa giữa phát triển kinh tế với xã hội; xây dựng môi trường văn hóa, nghệ thuật, thể thao lành mạnh, đáp ứng nhu cầu thụ hưởng của người dân, phát huy đặc trưng của con người Cần Thơ.

- Tập trung đầu tư các môn thể thao mũi nhọn và môn thể thao trọng điểm của thành phố; nâng cao chất lượng hệ thống tổ chức các giải thể thao trong thành phố, tập trung những môn thể thao trọng điểm, hướng đến tổ chức các sự kiện thể thao quốc gia và quốc tế, phù hợp với điều kiện và tiềm năng thể mạnh của thành phố.

- Tập trung đầu tư hoàn thiện hệ thống y tế các cấp, nhất là các bệnh viện chuyên khoa theo quy hoạch, quan tâm thu hút nguồn lực đầu tư phát triển dịch vụ y tế chất lượng cao, công nghệ hiện đại, đẩy mạnh số hóa trong khám và điều trị bệnh. Tiếp tục nâng cao công tác khám và điều trị bệnh ở các tuyến gắn với rà soát, sắp xếp và kiện toàn hệ thống y tế các cấp trên cơ sở, năng lực, điều kiện thực tế và định hướng phát triển. Tăng cường công tác kiểm soát an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống dịch. Thực hiện các giải pháp tăng tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế một cách hiệu quả và bền vững.

- Chăm lo tốt cho người có công với cách mạng, các chính sách trợ giúp thường xuyên và đột xuất đối với các đối tượng yếu thế trong xã hội. Thực hiện đồng bộ và toàn diện các giải pháp phát triển thanh niên, bình đẳng giới, vì sự tiên bộ của phụ nữ. Bảo đảm cho trẻ em được phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ,

tin thần, đạo đức và mối quan hệ xã hội. Huy động nguồn lực, đẩy nhanh phát triển kinh tế - xã hội ở vùng có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào tôn giáo, tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo sinh hoạt theo đúng quy định của pháp luật.

### ***3.2. Phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học công nghệ***

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo ở các bậc học, nhất là bậc đại học, cao đẳng và đào tạo nghề, nâng cao vị thế trung tâm Vùng về giáo dục đào tạo. Rà soát sắp xếp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập; khuyến khích phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, có vốn đầu tư nước ngoài, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong doanh nghiệp; phát triển giáo dục nghề nghiệp ở nông thôn để chuyển dịch cơ cấu lao động, đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Thực hiện đồng bộ chú trọng phát triển giáo dục và đào tạo theo hướng “chuẩn hóa, hiện đại, dân chủ hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế”. Thực hiện hiệu quả chính sách thu hút và trọng dụng nhân tài.

- Thu hút, đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao; tăng cường hợp tác với các tổ chức đào tạo quốc tế. Đào tạo, chuẩn bị nguồn nhân lực số, kỹ năng số cho chuyên đổi số để phát triển kinh tế số, xã hội số.

- Phát triển nhân lực chất lượng cao, trọng dụng nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Chú trọng ứng dụng khoa học, công nghệ vào các ngành kinh tế trụ cột, phát triển Cần Thơ thành trung tâm nghiên cứu khoa học lớn của vùng Đồng bằng sông Cửu Long; trọng tâm là tiếp nhận chuyển giao và học hỏi để làm chủ công nghệ, kỹ thuật sản xuất hiện đại từ các quốc gia phát triển; đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động các cơ quan của hệ thống chính trị; thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số doanh nghiệp.

### ***3.3. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu***

- Nâng cao năng lực quản lý khai thác tài nguyên, khoáng sản, kiểm soát chặt chẽ chất thải đô thị, nông thôn, các khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế. Xây dựng mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường bảo đảm thông nhất, đồng bộ, tiên tiến và hiện đại, đáp ứng nhu cầu thu nhập và cung cấp thông tin, số liệu điều tra cơ bản về môi trường, tài nguyên nước, khí tượng thủy văn, phục vụ có hiệu quả cho công tác xử lý, khắc phục ô nhiễm môi trường, dự báo, cảnh báo, phòng, tránh, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra.

- Phát triển các dịch vụ xử lý chất thải, nước thải và năng lượng tái tạo. Ban hành hoặc đề xuất ban hành cơ chế, chính sách phù hợp nhằm hỗ trợ kịp thời các

doanh nghiệp trong việc tuân thủ tiêu chuẩn môi trường quốc tế góp phần xây dựng Cần Thơ thành một thành phố xanh, sạch, bền vững.

#### **4. Quốc phòng an ninh, đối ngoại**

**4.1. Tăng cường quốc phòng, an ninh; giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại**

Lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm các nghị quyết, chỉ thị, chiến lược, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về nhiệm vụ công tác quốc phòng, quân sự địa phương. Thực hiện tốt nhiệm vụ kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh; chỉ đạo xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thể trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thể trận an ninh nhân dân, trên cơ sở xây dựng thể trận lòng dân vững chắc. Tăng cường đầu tư xây dựng các công trình quân sự trong khu vực phòng thủ của thành phố, ưu tiên các công trình tại các địa phương theo quy hoạch thể trận quân sự. Hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ hàng năm, bảo đảm chất lượng. Làm tốt công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng. Tăng cường công tác đối ngoại quốc phòng, công tác chính sách xã hội, chính sách hậu phương quân đội.

Đến năm 2030 xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Huy động và phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn dân tham gia phòng chống tội phạm, bảo đảm an ninh, trật tự ngay tại cơ sở. Kịp thời phát hiện, chủ động xử lý có hiệu quả các vấn đề phức tạp về an ninh, trật tự và chủ động ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống. Kiên quyết đấu tranh trấn áp các loại tội phạm, nhất là tội phạm có tổ chức, tội phạm sử dụng công nghệ cao, tội phạm ma túy. Tăng cường các giải pháp giảm tai nạn giao thông, giảm cháy nổ. Duy trì, nâng cao hiệu quả phối hợp, hiệp đồng chiến đấu giữa lực lượng Công an với Quân đội và các ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

#### **4.2. Đẩy mạnh công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế**

Gắn kết chặt chẽ công tác đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước, đối ngoại Nhân dân, trong đó lấy ngoại giao kinh tế làm trọng tâm, đóng góp trực tiếp vào phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh.

Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng; kết nối, hợp tác với các đối tác nước ngoài có thể mạnh về phát triển kinh tế xanh, kinh tế số, dịch vụ thương mại, du lịch, logistics, công nghiệp chế biến, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, giáo dục và đào tạo, y tế

chuyên sâu, khoa học công nghệ, văn hóa, thể thao và các ngành kinh tế mới... Cùng cố, phát huy quan hệ hữu nghị hợp tác với các địa phương và đối tác truyền thống, mở rộng quan hệ với các đối tác tiềm năng. Tận dụng tối đa các tác động thuận lợi từ dịch chuyển chuỗi cung ứng và cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do đã ký kết như EVFTA, CPTPP...; Thúc đẩy thực hiện thực chất, hiệu quả các thỏa thuận đã ký kết giữa thành phố Cần Thơ với các đối tác nước ngoài; đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch các thị trường trọng điểm của thành phố như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ, Trung Quốc, Pháp, Singapore, mở rộng quan hệ với Liên minh Châu Âu (EU), Trung Đông, các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á, Ấn Độ... Thu hút viện trợ phát triển từ các đối tác phát triển, các quỹ đầu tư, các tổ chức và tập đoàn kinh tế, tài chính quốc tế tiềm năng để triển khai thực hiện các dự án, nhất là dự án lớn thuộc lĩnh vực ưu tiên của thành phố.

Triển khai phong phú các hoạt động ngoại giao văn hóa, đa phương hóa và đa dạng hóa đoàn kết, hữu nghị, hợp tác giữa Nhân dân Cần Thơ và Nhân dân các nước trên thế giới; đổi mới, tăng cường thu hút các nguồn lực kiều hối, trí thức kiều bào; tiếp nhận và quản lý hiệu quả nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài trong các lĩnh vực ưu tiên theo định hướng của thành phố; giải quyết, xử lý hiệu quả các vụ việc lãnh sự, bảo hộ công dân.

## **5. Thực hiện tốt công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh**

### **5.1. Tăng cường xây dựng đảng về chính trị, tư tưởng và đạo đức**

*Kiên định, vững vàng trên nền tảng tư tưởng của Đảng. Kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng. Nâng cao lập trường, bản lĩnh chính trị, trình độ, trí tuệ, tinh chiến đấu của cấp ủy, tổ chức đảng và của mỗi cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp. Vận dụng sáng tạo những nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào điều kiện thực tế của thành phố để xây dựng các nghị quyết, chương trình, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhất là xây dựng Đảng, hệ thống chính trị, phát triển kinh tế - xã hội. Tuyên truyền, giáo dục, quán triệt sâu rộng trong mọi cán bộ, đảng viên và Nhân dân bằng nhiều hình thức phù hợp để nâng cao nhận thức chính trị, kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.*

*Giữ vững sự đoàn kết, thống nhất, thực hành dân chủ gắn liền với tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong Đảng. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức và nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên.*

Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước, gắn với các phong trào thi đua ở các cấp, các ngành, tạo thống nhất trong Đảng, đồng thuận trong nhân dân. Nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; kịp thời cung cấp thông tin chính thông để phòng, chống thông tin xấu độc trên internet, mạng xã hội, phòng, chống diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch.

Các cấp ủy tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng, ý nghĩa thiết thực và lâu dài của việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với thực hành 05 chuẩn mực đạo đức cách mạng của người cán bộ, đảng viên theo Quy định số 144-QĐ/TW, ngày 09/5/2024 của Bộ Chính trị quy định về “chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới” và các nghị quyết của Trung ương về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, các quy định về trách nhiệm nêu gương.

***5.2. Tăng cường xây dựng đảng về tổ chức, cán bộ, tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là đối với cán bộ lãnh đạo, người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị đủ phẩm chất năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ***

Tiếp tục đổi mới, sắp xếp, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, gắn với rà soát, bổ sung, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của các tổ chức, cơ quan, đơn vị. Đẩy mạnh thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm. Tiếp tục kiện toàn tổ chức cơ sở đảng đồng bộ với đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và công tác cán bộ. Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện và thực hiện nghiêm các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và mối quan hệ công tác của các loại hình tổ chức cơ sở đảng bảo đảm phù hợp với thực tế và yêu cầu, nhiệm vụ mới. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ. Tiếp tục thực hiện nghiêm túc, hiệu quả tự phê bình và phê bình, đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên. Tăng cường công tác giáo dục, rèn luyện, quản lý đảng viên, nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên; kịp thời rà soát, sàng lọc đưa ra khỏi Đảng những đảng viên không đủ tư cách. Tăng cường cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác đảng, công tác quản lý đảng viên.

Triển khai thực hiện đồng bộ, toàn diện các nhiệm vụ, giải pháp về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là đối với cán bộ lãnh đạo, người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị đủ phẩm chất năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Đổi mới mạnh mẽ đồng bộ, toàn diện các khâu trong công tác

cán bộ, đảm bảo nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ trong hệ thống chính trị. Chú trọng nâng cao hiệu quả công tác cán bộ, trọng tâm là công tác quy hoạch, luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, bảo đảm sự chuyển tiếp, vững vàng giữa các thế hệ cán bộ. Thực hiện tốt chủ trương khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ; nắm chắc lịch sử chính trị và chú trọng vấn đề chính trị hiện nay.

### ***5.3. Đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị***

Khẩn trương triển khai thực hiện nghiêm các nhiệm vụ, giải pháp về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy theo chủ trương của Ban Chỉ đạo Trung ương. Thực hiện sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp phải đảm bảo bám sát tiến độ, định hướng của Trung ương, thành phố.

Tổ chức hợp lý cơ quan, đơn vị quản lý đa ngành, đa lĩnh vực, thực hiện nguyên tắc một cơ quan thực hiện nhiều việc và một việc chỉ giao cho một cơ quan chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính; sắp xếp, cơ cấu lại tổ chức bên trong các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện bảo đảm tinh gọn, giảm đầu mối.

Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức để đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ chính trị của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong tình hình mới.

Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp theo hướng cải tiến, nâng cao chất lượng tổ chức các kỳ họp của Hội đồng nhân dân, hoạt động tiếp xúc cử tri, giải quyết ý kiến, kiến nghị, phản ánh của cử tri, công tác tiếp công dân, xử lý thư khiếu nại, tố cáo của công dân; đổi mới hoạt động giám sát, nâng cao chất lượng chất vấn và trả lời chất vấn tại các kỳ họp của Hội đồng nhân dân.

### ***5.4. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng***

Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc quán triệt, triển khai đầy đủ, kịp thời các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước trong cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu, sự đoàn kết, thống nhất và giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương của Đảng; phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn, kiên quyết xử lý suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong Đảng và hệ thống chính trị.

Tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan kiểm tra, thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử thi hành án và các cơ quan quản lý Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội trong hoạt động kiểm tra, giám sát. Quan tâm cùng cố, kiện toàn tổ chức, bộ máy ủy ban kiểm tra và cơ quan ủy ban kiểm tra các cấp và tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác kiểm tra, giám sát của Đảng.

**5.5. Đổi mới công tác dân vận, tăng cường gắn bó mật thiết giữa Đảng với Nhân dân; nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố**

Đề cao trách nhiệm của các cấp ủy, cơ quan, tổ chức, cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ cấp chiến lược, người đứng đầu trong hệ thống chính trị về công tác dân vận; hoàn thiện cơ chế phối hợp chặt chẽ, đồng bộ để thực hiện hiệu quả công tác dân vận; thực hiện tốt phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”.

Phát huy vai trò, sự tham gia của Nhân dân trong xây dựng Đảng Nhà nước và tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Thực hiện tốt quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về dân chủ ở cơ sở và Quy chế công tác dân vận. Gắn công tác dân vận với thực hiện có hiệu quả các chính sách phát triển kinh tế - xã hội.

Tăng cường đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động; đẩy mạnh thực hiện quy chế phối hợp với chính quyền các cấp, tạo cơ chế phát huy tính dân chủ đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân.

Phát huy vai trò cơ quan chuyên trách Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong việc tập hợp, tuyên truyền, vận động, thuyết phục nhân dân thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhất là trong thực hiện các công trình, dự án trọng điểm cấp quốc gia và thành phố, góp phần cùng các cấp ủy, chính quyền hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của thành phố.

**5.6. Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí**

Tiếp tục nâng cao nhận thức, trách nhiệm cấp ủy, tổ chức đảng trong thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về nội chính, công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; kịp thời cụ thể hóa và triển khai

thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng về các nội dung liên quan đến nhiệm vụ công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và cải cách tư pháp. Chỉ đạo rà soát, cụ thể hóa các văn bản của Trung ương cho phù hợp tình hình thực tiễn của địa phương và hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về quản lý kinh tế - xã hội, các giải pháp về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực nhằm khắc phục những sơ hở, thiếu sót trong quản lý kinh tế - xã hội ở địa phương.

### **5.7. Đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của cấp ủy các cấp**

Đổi mới phương thức lãnh đạo của các cấp ủy theo hướng khẳng định sự chịu trách nhiệm toàn diện của cấp ủy trong việc lãnh đạo chính quyền thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị, đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền các cấp, nâng cao vai trò và chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và tính thiết thực của hội, đoàn.

Tập trung kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế làm việc của cấp ủy, tổ chức đảng, bảo đảm thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, mỗi tổ chức, cá nhân thực hiện đúng chức trách của mình.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả đi cơ sở, tiếp xúc và lắng nghe ý kiến của tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Thực hiện tốt quy chế chất vấn trong Đảng; tăng cường cải cách hành chính trong Đảng, ứng dụng công nghệ thông tin trong lãnh đạo, điều hành của thường trực cấp ủy và của các cơ quan tham mưu, giúp việc.

## **IV- CÁC KHÂU ĐỘT PHÁ**

Tiếp tục kế thừa và phát huy kết quả đạt được từ các nhiệm kỳ trước, trong 05 năm tới, Đảng bộ thành phố, các cấp, các ngành tập trung chỉ đạo thực hiện các khâu đột phá sau:

- **Khâu đột phá thứ nhất:** Đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp của thành phố thực sự tiêu biểu, nhất là những người đứng đầu, có phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, đáp ứng yêu cầu trong kỳ nguyên phát triển mới của đất nước.

- **Khâu đột phá thứ hai:** Phát triển, ứng dụng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để xây dựng Cần Thơ thành trung tâm phát triển khoa học và công nghệ của vùng đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

- **Khâu đột phá thứ ba:** Phát triển đồng bộ và hiện đại kết cấu hạ tầng, tạo điều kiện để phát triển kinh tế - xã hội, mở rộng không gian phát triển, kết nối, liên kết các địa phương trong vùng đồng bằng sông Cửu Long, Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh, thành phố trong cả nước.

<sup>1</sup> Tô Biều tập đề xuất 02 chủ đề Đại hội, trình xin ý kiến trong Đảng và các tầng lớp nhân dân, chọn 01 tiêu đề phù hợp với định hướng phát triển thành phố Cần Thơ

<sup>2</sup> Ngày 15/5/2023, Ban Thường vụ Thành ủy ban hành Chỉ thị số 23-CT/TU về đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác nghiên cứu, học tập, quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng

<sup>3</sup> Những năm qua, lực lượng 35 của thành phố cùng lực lượng ca nước đấu tranh, bóc gỡ 491 tài khoản, bài viết, trong đó đánh sập 98 tài khoản. Các kênh, mạng xã hội công khai của Ban Chỉ đạo 35CT đăng tải, lan toa thông tin, tài liệu, bài viết, tích cực tuyên truyền trên mạng xã hội 100 bài viết đấu tranh, phản bác trên mạng xã hội

<sup>4</sup> “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”, “Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực góp phần xây dựng Đảng, Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh”

<sup>5</sup> Giai đoạn 2021 - 2024, toàn thành phố đã tuyên dương, khen thưởng 1.890 điển hình trong thực hiện Kết luận số 01-KL/TW (trong đó, cấp Trung ương, 12 gương, cấp thành phố 251 gương, cấp quận, huyện, đảng ủy 1.627 gương)

<sup>6</sup> Tiến hành thực hiện chủ trương tạm dừng mô hình thi điểm Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra cấp uy đồng thời là Chánh Thanh tra cấp huyện, Trưởng ban Tổ chức cấp uy đồng thời là Trưởng phòng Nội vụ cấp huyện, phê duyệt Đề án tách Văn phòng Huyện ủy - Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện Cờ Đỏ; Đề án đẩy mạnh xây dựng lực lượng Công an thành phố Cần Thơ thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới, Đề án xây dựng Trường Chính trị thành phố Cần Thơ đạt chuẩn, Đề án thành lập Ủy ban Kiểm tra Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố Cần Thơ khóa I, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

<sup>7</sup> Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, Ban Thường vụ Thành ủy đã điều động, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, chỉ định chuẩn y, luân chuyển và giới thiệu cán bộ ứng cử - trường hợp, hiệp y với ngành dọc Trung ương quy hoạch, điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại - trường hợp

<sup>8</sup> Xây dựng Đề án và Quyết định thành lập Đảng bộ Trường Đại học Y Dược Cần Thơ là Đảng bộ cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy, Chuyển giao Đảng bộ Trường Trung cấp giao thông vận tải Miền Nam trực thuộc Đảng bộ Khối cơ quan Dân chính Đảng về trực thuộc Đảng ủy Khối cơ sở Bộ Giao thông vận tải, Chuyển giao Đảng bộ Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông nghiệp Nam bộ trực thuộc Đảng bộ quận Ô Môn về trực thuộc Đảng bộ Khối cơ quan Dân chính Đảng, chuyển giao Chi bộ cơ sở Điện lực Thốt Nốt trực thuộc Đảng bộ quận Thốt Nốt về trực thuộc Đảng bộ Khối Doanh nghiệp, tiếp nhận 03 tổ chức đảng từ Đảng bộ Khối Bộ Công Thương về trực thuộc Đảng bộ Khối Doanh nghiệp; chuyển giao tổ chức đảng và đảng viên thuộc 04 ngân hàng và 02 tập đoàn kinh tế về Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương.

<sup>9</sup> Ban Thường vụ Thành ủy ban hành. Quyết định số 265-QĐ/TU ngày 09/6/2021 về phân công Bí thư, Phó Bí thư, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy và Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố khóa XIV dự sinh hoạt với chi bộ khu dân cư; Quy định số 289-QĐ/TU ngày 30/6/2021 về trách nhiệm của các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố dự sinh hoạt với chi bộ khu dân cư được phân công phụ trách, theo dõi và dự sinh hoạt với tổ chức đảng và nhân dân nơi cư trú

<sup>10</sup> Tỷ lệ nữ 48,1%, đoàn thanh niên 68,9%, dân tộc 2,7%, tôn giáo 8,6%, công nhân 5,0%

<sup>11</sup> Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, các cấp ủy đã đưa 637 đảng viên ra khỏi Đảng, trong đó khai trừ 81 đảng viên, xóa tên 291 đảng viên, cho ra khỏi Đảng 255 đảng viên.

<sup>12</sup> Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, các cấp ủy đã thẩm định tiêu chuẩn chính trị 7.752 trường hợp (cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý 358 trường hợp); thực hiện rà soát chính trị nội bộ 2.764 trường hợp

<sup>13</sup> Ban Thường vụ Thành ủy kiểm tra 85 tổ chức đảng, 05 đảng viên, Ban Thường vụ huyện ủy và tương đương kiểm tra 454 tổ chức đảng và 117 đảng viên, cơ quan tham mưu của cấp ủy huyện và tương đương kiểm tra 91 tổ chức đảng, đảng ủy cơ sở kiểm tra 1.507 tổ chức đảng và 241 đảng viên, chi bộ kiểm tra 1.198 đảng viên.

<sup>14</sup> Ban Thường vụ Thành ủy giám sát 54 tổ chức đảng, 09 đảng viên, huyện ủy và tương đương giám sát 464 tổ chức đảng và 195 đảng viên; cơ quan tham mưu của cấp ủy huyện và tương đương giám sát 22 tổ chức đảng và 31 đảng viên, Đảng ủy cơ sở giám sát 1.677 tổ chức đảng và 2.148 đảng viên, chi bộ giám sát 680 đảng viên.

<sup>15</sup> Các cấp ủy đảng đã thi hành kỷ luật 516 đảng viên (có 10 cấp ủy viên), (khuyến trách 334, cảnh cáo 75, cách chức 20, khai trừ 07) và 13 tổ chức đảng (khuyến trách 07, cảnh cáo 06).

<sup>16</sup> Đã tổ chức Đoàn kiểm tra công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm tại 55 cơ quan, đơn vị, địa phương thành phố

<sup>17</sup> Thanh tra các cấp trong thành phố đã triển khai thực hiện 1 082 cuộc thanh tra, kiểm tra (trong đó, có 475 cuộc thanh tra hành chính và 607 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành), phát hiện vi phạm 173,54 tỷ đồng, kiến nghị thu hồi 52,03 tỷ đồng, kiến nghị xử lý khác 121,51 tỷ đồng; kiến nghị kiểm điểm trách nhiệm 247 tập thể, 1 040 cá nhân, chuyển cơ quan Điều tra 15 vụ, ban hành 3 940 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 23,21 tỷ đồng, đã thu nộp ngân sách Nhà nước 21,23 tỷ đồng.

<sup>18</sup> Kết quả, đã giải quyết 764/878 đơn khiếu nại, tố cáo, đạt tỷ lệ 87,01% và 3 235/3 625 đơn kiến nghị, phản ánh, đạt tỷ lệ 89,24%.

<sup>19</sup> Từ đầu nhiệm kỳ đến tháng 8/2024, thành phố có 10 953 mô hình được đăng ký (trong đó, lĩnh vực kinh tế 2 983 mô hình, văn hóa, xã hội 5.554 mô hình, quốc phòng, an ninh 853 mô hình, xây dựng hệ thống chính trị 558 mô hình), đã công nhận 7 006 mô hình

<sup>20</sup> Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, Ban Thường vụ Thành ủy kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở đối với 06 cơ quan, đơn vị, Ban Chỉ đạo thành phố thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở đã tổ chức kiểm tra được 32 cơ quan, đơn vị

<sup>21</sup> Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, Hội đồng nhân dân thành phố đã tổ chức thành công 20 kỳ họp của Hội đồng nhân dân thành phố, đã ban hành 305 nghị quyết (bao gồm 69 nghị quyết quy phạm pháp luật và 236 nghị quyết cá biệt) trên các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội.

<sup>22</sup> Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, lãnh đạo các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố tiếp công dân định kỳ theo quy định là 243 cuộc, tiếp nhận và xử lý 593 đơn, thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của công dân, đạt tỷ lệ 100%

<sup>23</sup> Kết quả, từ đầu nhiệm kỳ đến nay đã thực hiện nội dung giám sát, cuộc phản biện xã hội

<sup>24</sup> Đến trước 30/4/2025 cơ bản hoàn thành xây dựng nhà Đại đoàn kết cho hộ nghèo, xóa nhà tạm, nhà dột nát cho đối tượng hộ cận nghèo, hộ khó khăn đến cuối tháng 9/2025

<sup>25</sup> Giai đoạn 2021-2025 tăng trưởng bình quân 7,11 7,21%/năm (trong đó từng khu vực lần lượt có mức tăng trưởng bình quân hàng năm tương ứng 3,12 3,32%; 7,08 7,14%; 8,73 8,81%; 1,29 1,58%).

<sup>26</sup> Theo các kỳ đã công bố, Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của thành phố có mức điểm tăng theo từng năm 2020-2023, nằm trong nhóm tỉnh/thành có chất lượng điều hành khá tốt, Năm 2020 đạt 66,33 điểm (giảm 2,05 điểm so với năm 2019, xếp thứ 12/63 tỉnh, thành phố cả nước), năm 2021 đạt 68,06 điểm, xếp hạng 12, năm 2022 đạt 66,94 điểm, xếp hạng 19, năm 2023, đạt 68,88 điểm, xếp hạng 14

<sup>27</sup> Giai đoạn 2020-2024, các khu công nghiệp thu hút được 19 dự án thu cấp, tổng vốn đầu tư đăng ký 212 triệu USD, lũy kế cuối năm 2024, các khu công nghiệp có 257 dự án còn hiệu lực, năm 2025 tiếp tục thu hút nhà đầu tư thu cấp, nâng dần tỷ lệ lấp đầy khu công nghiệp

<sup>28</sup> Giai đoạn 2020 - 2024, ước thực hiện cấp mới 23 dự án, tổng vốn đầu tư đăng ký khoảng 1,53 tỷ USD, lũy kế đến cuối năm 2024, thành phố có 79 dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, tổng vốn đầu tư đăng ký 2,23 tỷ USD Năm 2025, thành phố dự kiến thu hút cấp mới thêm 05 dự án, vốn đăng ký khoảng 10 triệu USD

<sup>29</sup> Tỷ lệ lấp đầy khu công nghiệp Trà Nóc 1 đạt 99,65%, khu công nghiệp Trà Nóc 2 đạt 89,78%, khu công nghiệp Hưng Phú 1 đạt 44,34%, khu công nghiệp Hưng Phú 2 đạt 63,88%, khu công nghiệp Thốt Nốt đạt 87,26% và khu công nghiệp Vĩnh Thạnh giai đoạn 1 (VSIP Cần Thơ) đang triển khai xây dựng, Khu công nghiệp Vĩnh Thạnh giai đoạn 2 (Phủ Mỹ 3 Cần Thơ IP) vừa được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1707/QĐ-TTg ngày 31/12/2024

<sup>30</sup> Gồm: (1) Làng nghề bánh tráng Thuận Hưng, quận Thốt Nốt, (2) Làng nghề hoa kiểng Phó Thọ - Bà Bò, phường Long Hoa và Long Tuyền, quận Bình Thủy; (3) Làng nghề đan lưới Thom Róm, phường Tân Hưng, quận Thốt Nốt và (4) Làng nghề sản xuất bánh kẹo Ba Rich, phường Thới An, quận Ô Môn

<sup>31</sup> Trong đó, năm 2020 đạt 1 933,9 triệu USD, năm 2021 đạt 1.806,9 triệu USD, năm 2022 đạt 2.285,7 triệu USD, năm 2023 đạt 2 154,5 triệu USD, ước năm 2024 đạt 2 184 triệu USD

<sup>32</sup> Trong đó, năm 2020 đạt 485 triệu USD, năm 2021 đạt 485 triệu USD, năm 2022 đạt 529 triệu USD, năm 2023 đạt 524,5 triệu USD, ước năm 2024 đạt 536 triệu USD.

<sup>33</sup> Năm 2022, doanh thu vận tải, kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải và bưu chính, chuyển phát thực hiện 4 527 tỷ đồng, tăng 19,25% so năm 2021, Năm 2023 doanh thu vận tải, kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải và bưu chính, chuyển phát ước thực hiện 5 127 tỷ đồng, tăng 13,25% so năm 2022 Năm 2025

<sup>34</sup> Tổng đàn heo ước cuối năm 2023 đạt 1 35.000 con, tăng 2.246 con so với năm 2020, đàn gia cầm 2 triệu con, tăng 7 500 con so với năm 2020; có 313 hộ nuôi chim yến, với tổng số nhà yến 331 nhà và tổng đàn khoảng 190.000 con. Ước tổng sản lượng gia súc, gia cầm giai đoạn 2021 - 2023 đạt 119 987 tấn, đạt 59,55% kế hoạch (201 500 tấn), sản lượng trứng 283,5 triệu quả, đạt 60,1% kế hoạch (471,5 triệu quả)

<sup>35</sup> Gồm Ninh Kiều, Bình Thủy, Cái Răng, Thốt Nốt và một phần diện tích của quận Ô Môn

<sup>36</sup> Gồm Phong Điền, Thới Lai, Cờ Đỏ, Vĩnh Thạnh và Thạnh An.

<sup>37</sup> Kết quả tỷ lệ đô thị hóa năm 2024 đạt 75,06% (năm 2020 đạt 70,03%) và trong năm 2025 phấn đấu đạt 76%.

<sup>38</sup> Thành phố đã tiếp và làm việc với 477 đoàn với 2.041 lượt khách nước ngoài, cử, cho phép 251 lượt cán bộ, công chức, viên chức, vận động viên đi nước ngoài. Tổ chức các hoạt động kỷ niệm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao với 08 nước: Philippines, Thái Lan, Lào, Campuchia, Ấn Độ, Hàn Quốc, Pháp, Nhật Bản

<sup>39</sup> 03 tổ chức quốc tế: 100 thành phố có khả năng chống chịu (100 Resilient Cities), Hiệp hội quốc tế các Thị trưởng nói tiếng Pháp (AIMF) và Thỏa thuận toàn cầu của các Thị trưởng về Khí hậu và Năng lượng (Global Covenant of Mayors for Climate and Energy - GCoM)

<sup>40</sup> Đã công nhận 281 220/290 880 hộ đạt chuẩn gia đình văn hóa (đạt 97,52% tiêu tổng số hộ gia đình đăng ký và đạt 96,67% trên số hộ gia đình), 599/599 ấp, khu vực và 83/83 xã, phường, thị trấn được công nhận danh hiệu văn hóa trong Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" (trong đó có 47 phường, thị trấn đạt danh hiệu "Phường đạt chuẩn văn minh đô thị")

<sup>41</sup> Hoàn thành 03 hồ sơ đề nghị xếp hạng di tích (trong đó có 01 hồ sơ xếp hạng di tích quốc gia và 02 hồ sơ đề nghị xếp hạng di tích thành phố), công tác sưu tầm và thực hiện hồ sơ khoa học luôn đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch (1 357 hiện vật, vượt 171,4%), xuất bản 9 000 ấn phẩm, sách giới thiệu về di tích lịch sử - văn hóa, bảo tồn quốc gia và di sản văn hóa phi vật thể. Hệ thống thư viện công cộng thành phố bổ sung 104 368 bản sách, phục vụ 11,62 triệu lượt bạn đọc và 22,54 triệu lượt tài nguyên thông tin

<sup>42</sup> Số người tập luyện thể dục thể thao thường xuyên 852 979 người, vượt 0,46% kế hoạch, 186 931 hộ gia đình thể thao, vượt 1,28% kế hoạch, 2.630 câu lạc bộ Thể dục thể thao, vượt 2,12% kế hoạch.

<sup>43</sup> Có 546 huấn luyện viên, 2 718 lượt vận động viên (1 227 nữ) tham dự 224 giải thể thao, kết quả đạt 1 215 huy chương các loại, 366 huy chương vàng, 375 huy chương bạc, 474 huy chương đồng.

<sup>44</sup> Gồm Mạng lưới liên kết hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thành phố Cần Thơ - CanTho Startup Ecosystem (09 thành viên), Mạng lưới các cơ sở ương tạo công nghệ khu vực đồng bằng sông Cửu Long (07 thành viên), Mạng lưới Cố vấn khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (36 thành viên là các chuyên gia từ các lĩnh vực về quản trị thương hiệu, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, công nghệ tài chính, nông nghiệp, du lịch, sở hữu trí tuệ, thương mại điện tử), Mạng lưới liên kết phát triển các tổ hợp khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trong các trường đại học, cao đẳng vùng đồng bằng sông Cửu Long - Mạng lưới MKEI.

<sup>45</sup> Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (IGSP), Kho dữ liệu dùng chung trong cơ quan nhà nước thành phố, Kho quản lý dữ liệu số của tổ chức, cá nhân, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Cổng dữ liệu thành phố, Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, Hệ thống thư điện tử, Cổng thông tin điện tử, Hệ thống thông tin quản lý cán bộ công chức viên chức, Tổng đài Công dịch vụ công thành phố 1022, Nền tảng trợ lý ảo nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận thực hiện thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến và các nền tảng số, số hóa dữ liệu các ngành lĩnh vực như đất đai, tài chính, tư pháp, hộ tịch, y tế, giao dục, nông nghiệp, lao động, việc làm, các nền tảng số phục vụ tốt cho cơ quan nhà nước trong quản lý điều hành

<sup>46</sup> Theo kết quả công bố xếp hạng của Bộ Thông tin và Truyền thông (hiện mới công bố đến năm 2022).

<sup>47</sup> 10 lĩnh vực (1) Giám sát, điều hành chỉ tiêu báo cáo, thống kê kinh tế - xã hội, (2) Giám sát hiệu quả hoạt động của chính quyền, (3) Giám sát an ninh trật tự và an toàn giao thông, (4) Giám sát điều hành du lịch, (5) Giám sát tương tác phục vụ, phản hồi của người dân (Tổng đài dịch vụ công 1022), (6) Giám sát thông tin trên môi trường mạng, (7) Giám sát và cảnh báo chất lượng môi trường, (8) Giám sát an toàn thông tin mạng (9) thống kê số liệu y tế và (10) báo cáo nhanh theo dõi giải ngân đầu tư công

<sup>48</sup> Giai đoạn 2021 - 2025, đã giải quyết việc làm cho lao động (năm 2021 giải quyết việc làm 46.514 lao động, năm 2022 55 972 lao động và ước năm 2025 lao động), đạt % kế hoạch. Đến cuối năm 2025, giảm tỷ lệ hộ nghèo của thành phố xuống còn % (ngụ quyết giảm tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 0,5%).

<sup>49</sup> Tổ chức chuỗi hoạt động Kỷ niệm ngày Thương binh - Liệt sĩ hàng năm như Hội nghị biểu dương Người có công với cách mạng tiêu biểu thành phố giai đoạn 2018 - 2022, tổ chức Lễ "Thấp nền tri ân" các Anh hùng liệt sĩ, tổ chức các đoàn thăm, tặng quà Đặc biệt, thành phố Cần Thơ là đơn vị đầu tiên trong cả nước, đã tổ chức đến từng nhà thăm và ghi hình 29 Mẹ Việt Nam Anh hùng còn sống làm phum tư liệu

<sup>50</sup> Trong giai đoạn 2021 - 2025, đã hỗ trợ xây dựng mới, sửa chữa căn nhà với tổng kinh phí hơn tỷ đồng, hỗ trợ vay vốn phát triển sản xuất cho hộ dân tộc thiểu số vay vốn số tiền tỷ đồng 100% hộ đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng điện lưới quốc gia và sử dụng điện an toàn. Đến cuối năm 2024, còn hộ nghèo dân tộc thiểu số, chiếm % trên tổng số hộ dân tộc thiểu số. Sưu tầm, bổ sung 18 hiện vật dân tộc Hoa, Khmer, Chăm vào kho hiện vật của Bảo tàng để trưng bày, phục vụ khách tham quan. Tạo điều kiện thành lập Trung tâm Hoa ngữ Cần Thơ

<sup>31</sup> Hàng năm tai nạn giao thông được kiểm chế. Năm 2021, số vụ giảm 38,4%, số người chết giảm 27,5%, số người bị thương giảm 37,7%, tuy nhiên, trong năm 2022, số vụ tăng 37%, số người chết tăng 64,5%, số người bị thương giảm 45,2% (do năm 2021 là thời điểm dịch Covid 19 thành phố thực hiện giãn cách xã hội). Năm 2023, năm 2024, .

<sup>32</sup> Trung ương ban hành các Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 45/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế đặc thù phát triển thành phố Cần Thơ; Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 30/8/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

<sup>33</sup> Viết tắt. Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị.

<sup>34</sup> Viết tắt. Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 30/8/2021 của Chính phủ.

<sup>35</sup> Viết tắt. Nghị quyết số 45/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội.

**ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU  
ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ CẦN THƠ  
LẦN THỨ XV**

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

*Sóc Trăng, ngày 03 tháng 4 năm 2025*

\*

**BÁO CÁO  
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU  
ĐẢNG BỘ TỈNH SÓC TRĂNG, LẦN THỨ XIV,  
NHIỆM KỲ 2020 - 2025**

-----

**ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG TỰ HÀO  
VÀ TIN TƯỞNG DƯỚI LÁ CỜ VẼ VANG CỦA ĐẢNG; PHÁT HUY  
SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC; CHUNG SỨC,  
ĐỒNG LÒNG THỰC HIỆN THẮNG LỢI CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN  
ĐẾN NĂM 2030; QUYẾT TÂM XÂY DỰNG SÓC TRĂNG NGÀY CÀNG  
GIÀU MẠNH, PHỒN VINH, DÂN CHỦ, VĂN MINH, HẠNH PHÚC,  
CÙNG CẢ NƯỚC BƯỚC VÀO KỶ NGUYÊN MỚI - KỶ NGUYÊN  
VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC, VỮNG BƯỚC  
ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI**

Trong nhiệm kỳ 2020 - 2025, tình hình thế giới, khu vực diễn biến nhanh, phức tạp, vượt dự báo; đại dịch Covid-19 kéo dài, gây hậu quả nặng nề; xung đột Nga - Ucraina; Israel - Hamas diễn biến phức tạp; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt; kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại, lạm phát ở mức cao; an ninh năng lượng, lương thực, an ninh mạng gặp nhiều thách thức.

Trong nước, nền kinh tế tăng trưởng khá, sức mạnh tổng hợp quốc gia, uy tín quốc tế và niềm tin của nhân dân ngày càng được nâng cao, nhưng có nhiều yếu tố bất lợi, do tác động từ bên ngoài và những khó khăn, thách thức đặt ra từ yêu cầu mới; khả năng cạnh tranh và sức chống chịu của nền kinh tế còn hạn chế; hoạt động xuất, nhập khẩu gặp nhiều khó khăn; dịch bệnh, thiên tai, hạn hán, bão lũ diễn biến phức tạp, gây thiệt hại nặng nề ở nhiều địa phương...

Đối với tỉnh Sóc Trăng, kinh tế - xã hội tiếp tục ổn định, phát triển; tiềm lực kinh tế ngày càng tăng, còn dư địa để phát triển các dự án hạ tầng năng lượng,

thương mại, khu, cụm công nghiệp; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững; đời sống nhân dân được nâng cao. Tuy nhiên, vẫn còn một số khó khăn, hạn chế như: Thời tiết diễn biến bất thường, cực đoan ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp; một số công trình, dự án còn chậm tiến độ, năng lực cạnh tranh các doanh nghiệp còn thấp; an ninh, trật tự phát sinh một số vấn đề cần quan tâm; các thế lực thù địch tiếp tục lợi dụng các vấn đề dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền, khai thác mạng xã hội, chống phá Đảng, Nhà nước; năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của một số cấp uỷ, tổ chức đảng còn hạn chế,...

Trước bối cảnh đó, Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp phục hồi và phát triển kinh tế sau đại dịch; đồng thời, chú trọng các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá trong nhiệm kỳ; đẩy nhanh tiến độ triển khai các công trình, dự án trọng điểm, bảo đảm an sinh xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; tăng cường xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

### **Phần thứ nhất**

## **TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XIV, NHIỆM KỲ 2020 - 2025**

----

### **I NHỮNG THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC**

#### **1. Kết quả thực hiện 3 đột phá chiến lược**

(1) Nguồn nhân lực phát triển đồng bộ, chất lượng và hiệu quả. Tỉnh uỷ đã ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 11/7/2021 về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Các cấp uỷ, chính quyền thực hiện đồng bộ, hiệu quả, đáp ứng tốt yêu cầu phát triển nguồn nhân lực của tỉnh. Kết quả, trong nhiệm kỳ đã cử 67.929 lượt cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài nước. Toàn tỉnh hiện có 3.893 cán bộ, công chức (1.689 cán bộ, công chức cấp tỉnh, huyện; 2.204 cán bộ, công chức cấp xã) và 20.062 viên chức; trong đó, có 20 tiến sĩ, 79 chuyên khoa cấp II, 1.271 thạc sĩ và 374 chuyên khoa cấp I; tỷ lệ trạm y tế có bác sĩ, hộ sinh, nhân viên y tế đạt 100%. Có 100% cán bộ, công chức, viên chức đạt tiêu chuẩn ngạch, có chứng chỉ ngoại ngữ, tin học cơ bản theo quy định.

Ban hành quy định hỗ trợ đào tạo và thu hút nguồn nhân lực nhằm khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức tham gia các khoá đào tạo sau đại học, góp phần phát triển nguồn nhân lực của tỉnh. Hỗ trợ tốt nghiệp sau đại học đối với 82 trường hợp với tổng kinh phí 3,13 tỷ đồng. Đề án Phát triển đội ngũ nhà giáo

và cán bộ quản lý giáo dục tỉnh Sóc Trăng đáp ứng tốt yêu cầu triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030. Đặc biệt, trong nhiệm kỳ, hoàn thành hồ sơ thành lập phân hiệu Trường Đại học Cần Thơ tại Sóc Trăng; thành lập Trường Trung cấp kỹ năng chuyên nghiệp Nhật Bản tại tỉnh Sóc Trăng; xây dựng đề án Trường Cao đẳng Nghề và Cao đẳng Cộng đồng trở thành trường chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của tỉnh.

(2)- Công tác cải cách hành chính đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ đột phá. Tỉnh ủy tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 29/12/2021 về đẩy mạnh cải cách hành chính tỉnh Sóc Trăng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 27/10/2021 về Chuyển đổi số tỉnh Sóc Trăng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chỉ thị về nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) và Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI). Các cấp, các ngành đã ban hành trên 65 văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh thực hiện các nội dung liên quan đến công tác cải cách hành chính.

Hoạt động tuyên truyền, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính đạt hiệu quả tốt, trọng tâm là cải cách chế độ công vụ, xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số. Kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh đã có nhiều chuyển biến tích cực. Giá trị trung bình Chỉ số Cải cách hành chính, Chỉ số Hiệu quả quản trị và Hành chính công, Chỉ số năng lực cạnh tranh và Chỉ số chuyển đổi số đều xếp hạng cao trên cả nước.

Cơ chế một cửa, một cửa liên thông tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động. Xây dựng Trung tâm IOC phục vụ cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của tỉnh, đáp ứng việc tích hợp các chi số dịch vụ công theo quy định. Toàn tỉnh hiện có 1.696 thủ tục hành chính được cung cấp trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

(3) Hệ thống kết cấu hạ tầng, công tác đầu tư xây dựng cơ bản được quan tâm đầu tư và chỉ đạo thực hiện, đáp ứng nhiệm vụ trọng tâm về phát triển kinh tế - xã hội. Vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 đạt 32.387 tỷ đồng (trong đó, vốn ngân sách Trung ương là 16.125 tỷ đồng, vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương là 16.262 tỷ đồng). Tập trung đầu tư một số lĩnh vực quan trọng, chiếm tỷ lệ ngân sách tỉnh quản lý như: Giao thông chiếm 61,89%<sup>(1)</sup>; nông nghiệp, lâm

<sup>(1)</sup> Trong đó Dự án thành phần 4 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1 là 7.286,5 tỷ đồng, chiếm 39,17% vốn lĩnh vực giao thông và chiếm 22,49% tổng kế hoạch vốn của toàn tỉnh

ngiệp, thủy lợi và thủy sản chiếm 8,5%; Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp chiếm 9,69%; (20,12% ngân sách địa phương do tỉnh quản lý); Y tế, dân số và gia đình chiếm 3,09%; các lĩnh vực còn lại như văn hoá, thông tin truyền thông, quốc phòng, an ninh,... chiếm 16,83%.

Nhiều công trình, dự án trọng điểm đã và đang triển khai góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh<sup>(2)</sup>. Một số dự án có tác động lớn đang triển khai và đẩy nhanh tiến độ như: Dự án thành phần 4 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1; Dự án Tuyến đường trục phát triển kinh tế Đông Tây tỉnh Sóc Trăng<sup>(3)</sup>. Đây là những công trình quan trọng nhằm mở ra không gian phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, tạo điều kiện liên kết vùng, kết nối cảng biển, tạo hệ sinh thái thúc đẩy phát triển đồng bộ, lâu dài và hiệu quả. Phát huy hiệu quả từ các tuyến quốc lộ đi qua địa bàn tỉnh.

## 2. Kết quả thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm

(1)- Việc tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, chỉnh quyền và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh được thực hiện thường xuyên, đồng bộ; đội ngũ cán bộ, công chức có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, từng bước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Tỉnh uỷ ban hành 26 nghị quyết chuyên đề, 32 chỉ thị, 40 quy định, 49 chương trình và đề án để cụ thể hoá các văn bản của Trung ương nhằm thực hiện tốt công tác xây dựng Đảng trên các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức cán bộ. Công tác triển khai, quán triệt và thực hiện các văn bản của Đảng có liên quan đến các lĩnh vực xây dựng, chỉnh đốn Đảng được các cấp uỷ các cấp quan tâm đúng mức. Việc nghiên cứu, học tập, quán triệt; tổng kết thực tiễn, nghiên cứu mô hình, vận dụng sáng tạo vào điều kiện thực tiễn của các cấp uỷ ở địa phương có nhiều tiến bộ.

(2)- Các công trình, dự án trọng điểm của Trung ương, của tỉnh và các địa phương được chỉ đạo triển khai quyết liệt, đúng tiến độ và mang lại hiệu quả cao. Tập trung khai thác lợi thế hành lang kinh tế ven sông Hậu kết nối khu vực kinh

<sup>(2)</sup>Dự án Đầu tư hạ tầng kỹ thuật phục vụ chuyên đổi sản xuất phù hợp với điều kiện sinh thái để thích ứng với biến đổi khí hậu và nâng cao sinh kế người dân khu vực Cù Lao Dung, Cầu Mạc Đĩnh Chi, Đường từ Ngã ba Chín Đô - Quốc lộ 91B, Dự án Cải tạo, nâng cấp và thảm bê tông nhựa nóng Đường tỉnh 934 (đoạn giao từ Đường tỉnh 935 với Đường tỉnh 933C), Nâng cấp đường A1 (đoạn đường tỉnh 939 qua thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa), huyện Mỹ Tú, Đường Nguyễn Văn Linh (đoạn Quốc lộ Phụng Hiệp - Quốc lộ 61B), thị xã Ngã Năm, Xây dựng mới Trung tâm Văn hoá - Thể thao huyện Mỹ Xuyên, Đường liên xã Ngọc Tố - Ngọc Đông (Đường huyện 51, 55) huyện Mỹ Xuyên, Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Sóc Trăng. Dự án Mua sắm thiết bị cho các trường học.

<sup>(3)</sup>Đường Vành Đai I, Vành Đai II, Đường Nguyễn Huệ, thị trấn Phú Lộc, huyện Thạnh Trị, Dự án Đường 30/4 nối dài, thị xã Vĩnh Châu, Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường tỉnh 932, 932B, 933, 933B, 936, 938, 940; Nâng cấp đê cửa sông Ta, Hữu Cù Lao Dung, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng; Xây dựng mới Trung tâm Y tế huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, Xây dựng mười Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Dân tộc nội trú Vĩnh Châu, thị xã Vĩnh Châu.

tế biển. Trên cơ sở phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển cảng biển Trần Đề là cảng biển loại III, trong hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Tinh uỷ chỉ đạo các cấp, các ngành và địa phương lập quy hoạch để kêu gọi đầu tư các dự án năng lượng, cảng biển, khu logistics, phát triển các khu, cụm công nghiệp, thương mại, dịch vụ và du lịch. Từ các hội nghị xúc tiến đầu tư, có trên 200 tập đoàn kinh tế, doanh nghiệp trong và ngoài nước đến tìm hiểu đầu tư các ngành như: điện gió, nhiệt điện, khu, cụm công nghiệp, khu nhà ở thương mại, các nhà máy chế biến, xuất khẩu các mặt hàng nông sản, thực phẩm, chế biến,... Tinh uỷ ban hành nhiều chính sách nhằm đẩy mạnh thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

(3)- Thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân tiếp tục được củng cố, là nhiệm vụ quan trọng trong việc góp phần bảo vệ đất nước và duy trì an ninh quốc gia. Các cấp uỷ tập trung xây dựng lực lượng quốc phòng mạnh mẽ cùng với hệ thống an ninh nhân dân vững chắc, nhằm bảo đảm sự ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội của địa phương. Tinh uỷ chỉ đạo đồng bộ việc kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh,...

(4) Các cấp uỷ, tổ chức Đảng chỉ đạo và định hướng việc bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá gắn với phát triển du lịch; tập trung khai thác có hiệu quả tài nguyên du lịch gắn với việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá dân tộc, các di tích lịch sử. Kiện toàn hệ thống quản lý khu di tích theo loại hình đơn vị sự nghiệp có thu; gắn kết chương trình phát triển du lịch với giáo dục truyền thống lịch sử - địa lý của tỉnh. Triển khai có hiệu quả dự án phát triển du lịch sinh thái kết hợp du lịch văn hoá về nguồn; tôn tạo nâng cấp, trùng tu, phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hoá, kiến trúc cổ; cải tạo mở rộng các tuyến giao thông đến các điểm, khu di tích,... Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, chăm sóc sức khoẻ nhân dân; thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của người dân; triển khai có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

(5) Tinh uỷ tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành và địa phương tăng cường công tác quản lý, sử dụng hợp lý, hiệu quả đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về đất đai nhằm nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật cho cán bộ, đảng viên, người dân và doanh nghiệp. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng đất, đặc biệt là đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng và đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên...

Thường xuyên tăng cường chỉ đạo việc bảo vệ, cải thiện môi trường; chủ động, tích cực triển khai các giải pháp ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu. Các cấp, các ngành và các địa phương tích cực, chủ động xây dựng kế hoạch hành động ứng phó biến đổi khí hậu và nước biển dâng; rà soát, lồng ghép nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng vào quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng, quy hoạch chuyên ngành. Đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi, hệ thống đê; đầu tư hệ thống hạ tầng đô thị, khu dân cư nông thôn ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Rà soát, lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, bố trí lại dân cư, kiểm soát và hạn chế việc xây dựng các điểm dân cư tập trung tại các vùng sát bờ sông, kênh, rạch có nguy cơ sạt lở cao.

### **3. Thành tựu trên các ngành, lĩnh vực**

#### ***3.1. Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh***

Tổng sản phẩm xã hội của tỉnh (GRDP) tăng bình quân trong 5 năm (2021 - 2025) là 6,20%/năm, đạt 77,5% so với chỉ tiêu Nghị quyết. Ước GRDP bình quân đầu người năm 2025 (giá hiện hành) là 75,5 triệu đồng/người/năm, tăng 1,65 lần so với năm 2020. Cơ cấu kinh tế chuyên dịch theo hướng tích cực. Tỷ trọng giá trị khu vực I, II, III, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm trong GRDP năm 2020 là 45,18% - 14,05% - 37,37% - 3,40%; ước thực hiện năm 2025 tương ứng là 40% - 17% - 40% - 03%. Cụ thể trên các lĩnh vực:

- Nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới hoàn thành chỉ tiêu nghị quyết đề ra. Tỉnh uỷ chỉ đạo các cấp, các ngành kịp thời điều chỉnh kế hoạch sản xuất, cơ cấu mùa vụ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, cơ cấu giống phù hợp với diễn biến thời tiết, bảo đảm hạn chế tối đa thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh và ảnh hưởng của giá vật tư nông nghiệp. Sản lượng lúa hằng năm đạt trên 2 triệu tấn, trong đó, tỷ lệ sản xuất lúa đặc sản, chất lượng cao ngày càng tăng, góp phần nâng cao chất lượng và giá trị lúa gạo của tỉnh, nâng tỷ lệ sản lượng lúa đặc sản, chất lượng cao từ 73,79% năm 2020 lên 93,61% vào năm 2025. Cơ giới hoá, ứng dụng công nghệ chuyển đổi số vào sản xuất ngày càng cao. Sản xuất rau màu, cây ăn trái ổn định. Việc cấp và quản lý mã số vùng trồng, hỗ trợ kết nối, hình thành các chuỗi liên kết tiêu thụ có nhiều tiên bộ.

Một số mô hình chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao, mô hình chăn nuôi chứng nhận VietGAP, chứng nhận an toàn thực phẩm và an toàn dịch bệnh được phát huy hiệu quả. Tổng sản lượng thủy hải sản năm 2025 ước đạt 423.700 tấn, tăng 1,30 lần so với năm 2020. Chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP đã mang lại giá trị kinh tế cao, được nhiều thị trường trong và ngoài nước ưa chuộng, đến nay trên địa bàn toàn tỉnh có 277 sản phẩm OCOP, đạt 138,5% nghị quyết đề ra.

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được triển khai và thực hiện đồng bộ, mạnh mẽ của hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở cùng với sự tham gia của cộng đồng dân cư, đạt được nhiều kết quả quan trọng; phong trào thi đua “Sóc Trăng chung sức xây dựng nông thôn mới” tiếp tục được duy trì, lan tỏa; công tác chỉnh trang môi trường nông thôn mới - đô thị văn minh được quan tâm chỉ đạo cụ thể. Có 75/80 xã đạt chuẩn nông thôn mới, vượt 4,17% so với chỉ tiêu Nghị quyết; có 35 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, vượt 9% so với chỉ tiêu kế hoạch; có 8 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, đạt 100% so với chỉ tiêu kế hoạch; có 6 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, đạt 100% so với chỉ tiêu Nghị quyết; có 2 huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao đạt 100% so với chỉ tiêu kế hoạch.

- Sản xuất công nghiệp tăng dần theo chiều hướng tích cực. Ước chi số sản xuất công nghiệp đến cuối năm 2025 tăng 10%; giá trị sản xuất công nghiệp (tính theo giá so sánh năm 2010) năm 2025 là 32.700 tỷ đồng, tăng 1,43 lần so năm 2020, mức tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021 - 2025 là 7,38%/năm.

- Thương mại, dịch vụ và du lịch có nhiều chuyển biến tích cực. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội năm 2025 ước đạt 110.000 tỷ đồng, tăng 2,29 lần so với năm 2020. Giá trị xuất khẩu năm 2025 ước đạt 1,90 tỷ USD, tăng 1,7 lần so với năm 2020, vượt 58,33% so với chỉ tiêu Nghị quyết, mức tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021 - 2025 đạt 11,25%/năm, trong đó, giá trị xuất khẩu thủy sản là 1,05 tỷ USD, tăng 1,25 lần so với năm 2020. Các cấp uỷ, chính quyền ban hành nhiều đề án, dự án phát triển du lịch tỉnh Sóc Trăng, giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030. Trong nhiệm kỳ, du lịch Sóc Trăng có bước tăng trưởng khá với lượng khách du lịch tăng bình quân là 27,52 %<sup>(4)</sup>. Doanh thu du lịch đạt 7.491 tỷ đồng, tăng 39,09%. Chất lượng điểm đến du lịch được nâng cao, khai thác có hiệu quả tiềm năng tài nguyên du lịch văn hoá lễ hội, du lịch văn hoá tâm linh, du lịch cộng đồng.

- Thu ngân sách tăng dần, nguồn chi tiết kiệm, hiệu quả. Tỉnh đã triển khai thực hiện tốt các chính sách thu hút đầu tư, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, công bằng, phát triển của tất cả các thành phần kinh tế, khuyến khích đầu tư để phát triển sản xuất, kinh doanh những ngành nghề, lĩnh vực có đóng góp số thu lớn cho ngân sách Nhà nước để có định hướng tăng tỷ trọng thu nội địa trong thu ngân sách trên địa bàn tỉnh. Ước tính đến cuối năm 2025, tổng thu ngân sách Nhà nước trong cân đối ước đạt 6.500 tỷ đồng, tăng 1,78 lần so năm 2020. Ước tổng chi ngân sách địa phương năm 2025 là 19.172 tỷ đồng; trong đó, chi cân đối là 12.110 tỷ đồng, tăng 1,11 lần so với năm 2020.

<sup>(4)</sup>Khách du lịch 13,3 triệu lượt, trong đó, khách tham quan 11 420 141 lượt (khách quốc tế 116 496 lượt), khách lưu trú 2,5 triệu lượt (khách lưu trú quốc tế 88 727 lượt).

- Hoạt động đầu tư tín dụng trên địa bàn tỉnh luôn được mở rộng và có sự tăng trưởng liên tục qua các năm. Tính đến cuối năm 2025, tổng dư nợ đạt 80.900 tỷ đồng, tăng 1,78 lần so với năm 2020, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2020 - 2025 đạt 12,24%; nợ xấu ước đến cuối năm 2025 là 1.200 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 1,48%, giảm 0,45% so năm 2020. Bên cạnh đó, tỉnh cũng đã quan tâm tập trung chỉ đạo cấp vốn tín dụng cho lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, nhất là các lĩnh vực ưu tiên theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và ưu tiên vốn tín dụng cho lĩnh vực phát triển nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu, doanh nghiệp nhỏ và vừa, chương trình tín dụng chính sách xã hội, chương trình tín dụng đối với một số ngành hàng chủ lực.

- Phát triển các thành phần kinh tế được quan tâm đúng mức. Tỉnh tiếp tục xác định phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, ban hành các nghị quyết về hỗ trợ đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Hỗ trợ các doanh nghiệp, nhà đầu tư khi triển khai các dự án và hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Đến cuối năm 2025, số lượng doanh nghiệp thành lập mới đạt 2.079 doanh nghiệp, tăng 6,67% so với nhiệm kỳ 2015 - 2020. Kinh tế tập thể tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả<sup>6)</sup>. Toàn tỉnh thành lập mới 84 hợp tác xã (giảm 37 hợp tác xã so với nhiệm kỳ 2015 - 2020), giải thể 60 hợp tác xã (tăng 40 hợp tác xã so với nhiệm kỳ 2015 - 2020), lũy kế toàn tỉnh có 244 hợp tác xã (tăng 24 hợp tác xã so với cuối nhiệm kỳ 2015 - 2020).

- Tỉnh ủy tập trung xúc tiến việc đề xuất quy hoạch phát triển kinh tế biển và chỉ đạo các cấp uỷ tích cực, chủ động, tranh thủ mọi nguồn lực, triển khai nhiều giải pháp nhằm thu hút đầu tư và phát triển kinh tế biển. Đặc biệt là dự án quy hoạch tỉnh Sóc Trăng đến năm 2030 với nguồn vốn đầu tư trên 340.000 tỷ đồng với mục tiêu đẩy mạnh phát triển các lĩnh vực công nghiệp chế biến, năng lượng tái tạo, dịch vụ logistics, du lịch sinh thái; đề xuất xây dựng cảng biển Trần Đề với hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại.

- Thu hút đầu tư, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh có nhiều tiến bộ. Các ngành kịp thời hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư tháo gỡ khó khăn trong quá trình triển khai các hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh theo quy định. Tổ chức thành công Hội nghị Xúc tiến

<sup>6)</sup> Tỉnh ủy đã ban hành Chương trình số 55-CT/TU, ngày 15/10/2020 của Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 70-KL/TW, ngày 09/3/2020 của Bộ Chính trị, Chương trình số 31-CT/TU, ngày 24/02/2023 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Đề án Hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2021 - 2025; ban hành Kế hoạch số 62/KH UBND, ngày 29/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới.

đầu tư năm 2022 nhân sự kiện kỷ niệm 30 năm tái lập tỉnh. Tỉnh đã tiếp và làm việc với khoảng 560 lượt nhà đầu tư đến tìm hiểu cơ hội đầu tư trên địa bàn tỉnh; qua đó, tỉnh đã cấp chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư cho 59 dự án với tổng vốn đăng ký đầu tư là 54.000 tỷ đồng. Một số dự án đã đi vào hoạt động, tác động tích cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh như: 7 dự án điện gió đi vào vận hành thương mại với tổng công suất 340MW, các nhà máy sản xuất hàng may mặc trong khu công nghiệp, các nhà máy chế biến thủy hải sản,...

- Hoạt động đối ngoại, hội nhập và hợp tác quốc tế được quan tâm triển khai thực hiện hiệu quả. Tổ chức đón tiếp nhiều đoàn khách quốc tế, cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam đến thăm, làm việc, tạo tiền đề đẩy mạnh hội nhập quốc tế, liên kết phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; triển khai các hoạt động giao lưu, hợp tác, xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch, văn hoá, giáo dục với các nước, như: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, Cộng hoà Liên bang Đức,... Có 20 dự án FDI với tổng mức đầu tư khoảng 23.929 tỷ đồng chủ yếu trên lĩnh vực may mặc, chế biến thủy sản, điện gió, kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp. Nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài trong giai đoạn 2021 - 2025, trên địa bàn tỉnh có 7 dự án; các dự án được đầu tư tập trung trên các lĩnh vực như phát triển cơ sở hạ tầng, y tế, biến đổi khí hậu, mang lại nhiều lợi ích thiết thực cho người dân thụ hưởng vùng dự án.

- Đô thị được quan tâm đầu tư, phát triển đồng bộ ở các trung tâm chính và từng địa phương. Công tác lập, quản lý quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh được quan tâm thực hiện. Số lượng đô thị của tỉnh là 19 đô thị, bao gồm: 1 đô thị loại II (thành phố Sóc Trăng), 3 đô thị loại IV (thị xã Vĩnh Châu, Ngã Năm và thị trấn Trần Đề), 15 đô thị loại V (7 thị trấn huyện lỵ, 4 thị trấn và 4 đô thị loại V thuộc huyện chưa công nhận thị trấn); tỷ lệ đô thị hoá của tỉnh Sóc Trăng đạt khoảng 33,87% (cao hơn tỷ lệ trung bình trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long).

Triển khai Quy hoạch tỉnh Sóc Trăng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 995/QĐ-TTg, ngày 25/8/2023, đã có 100% các đô thị trên địa bàn tỉnh (thành phố, thị xã, thị trấn) được phê duyệt; tỷ lệ phù kín quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết đô thị không ngừng tăng lên (thành phố Sóc Trăng đạt 100%); 3/8 huyện hoàn thành công tác phù kín quy hoạch xây dựng vùng; 5/5 khu công nghiệp được phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng; 100% các xã đã được lập và phê duyệt quy hoạch.

**3.2. Chăm lo phát triển sự nghiệp văn hoá; nâng cao chất lượng công tác giáo dục và đào tạo, chăm sóc sức khoẻ nhân dân; quan tâm phát triển khoa học và công nghệ; thực hiện có hiệu quả tiến bộ, công bằng xã hội**

- Công tác bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hoá tiếp tục được quan tâm thực hiện toàn diện. Toàn tỉnh có 53 di tích, trong đó có 08 di tích cấp quốc gia và 45 di tích cấp tỉnh (trong nhiệm kỳ có thêm 8 di tích được xếp hạng di tích cấp tỉnh) và 08 di sản văn hoá phi vật thể cấp quốc gia (trong nhiệm kỳ có thêm 2 di sản văn hoá phi vật thể được đưa vào danh mục di sản văn hoá phi vật thể cấp quốc gia). Triển khai thực hiện Dự án “Bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030. Các lễ hội truyền thống trong tỉnh được quan tâm bảo tồn và tổ chức, nổi bật là Lễ hội Oóc Om Bóc - Đua ghe Ngo kết hợp với Ngày hội văn hoá, thể thao và du lịch đồng bào Khmer Nam Bộ năm 2022; Lễ hội Oóc Om Bóc - Đua ghe Ngo Sóc Trăng, Khu vực đồng bằng sông Cửu Long lần thứ VI và Tuần Văn hoá, Thể thao và Du lịch Sóc Trăng lần thứ I, năm 2024.

Thể dục, thể thao của tỉnh phát triển sâu rộng, cả thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao; trong đó thể thao thành tích cao tiếp tục có bước phát triển mạnh mẽ. Trong nhiệm kỳ đã tuyển chọn và tập trung đào tạo 1.085 lượt vận động viên ở 11 môn thể thao; tham dự 91 giải trong hệ thống thi đấu quốc gia, kết quả đạt 407 huy chương, trong đó phá 4 kỷ lục; đội bóng rổ nam nội dung 5x5 của tỉnh 4 năm liên (2021 - 2024) đạt giải vô địch quốc gia; tham dự 28 giải cấp khu vực và quốc tế, kết quả đạt 268 huy chương,...

- Giáo dục và đào tạo từng bước được nâng cao. Chất lượng giáo dục có những chuyển biến tích cực; cơ sở vật chất trường, lớp từng bước được đầu tư theo hướng kiên cố hoá, chuẩn hoá cơ bản đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo; tỷ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông hằng năm trên 99%; tỷ lệ học sinh trong độ tuổi vào các cấp học tăng dần theo từng năm học; tỷ lệ học sinh phổ thông bỏ học ở các cấp học giảm dần (năm học 2019 - 2020 là 1,16%, đến năm học 2023 - 2024 là 0,77%); tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 85,15%. Có 100% cán bộ quản lý của ngành đạt trình độ chuẩn; 36,53% cán bộ quản lý của ngành đạt trình độ trên chuẩn. Giáo viên đạt chuẩn chiếm 92,69%, trên chuẩn 13,75%. Công tác tuyên truyền tư vấn, hướng nghiệp cho học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông được quan tâm đúng mức. Công tác xã hội hoá giáo dục được tỉnh quan tâm thực hiện hiệu quả, kinh phí xây dựng trường, nhóm lớp ngoài công lập tăng dần theo từng năm.

Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm đạt kết quả tích cực. Tỉnh đã tổ chức đào tạo nghề cho 82.708 người; giải quyết việc làm cho 140.183 người; đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng 1.285 người.

- Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân từng bước được nâng cao. Tỉnh cùng cả nước vượt qua nhiều khó khăn, thách thức chống đại dịch Covid-19 thành công. Triển khai các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân thông qua việc chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng và thu hút nguồn nhân lực y tế trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 - 2025, nhất là lĩnh vực chẩn đoán và chữa trị các bệnh lý về tim mạch. Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp 45 Trạm Y tế tuyến xã. Có 100% xã, phường, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế, giường bệnh/vạn dân từ đạt 33,50, vượt so với chỉ tiêu Nghị quyết (30 bác sĩ/vạn dân); bác sĩ/vạn dân tăng từ 8,36 năm 2020 lên 10 vào năm 2025 đạt 100% chỉ tiêu Nghị quyết; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế ước đạt 96,50%; các chỉ tiêu sức khỏe cơ bản của người dân từng bước được cải thiện.

Tỉnh uỷ quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 theo Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 19/7/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. Vận động hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo giai đoạn 2021 - 2022, với 3.496 hộ được hỗ trợ, kinh phí 174,8 tỷ đồng. Công tác phòng, chống tệ nạn xã hội được các cấp, các ngành tăng cường thực hiện; đầu tư cơ sở vật chất cho cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh với kinh phí 38,4 tỷ đồng.

- Khoa học và Công nghệ có nhiều tiến bộ rõ nét. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ban hành Chương trình số 67-CTr/TU, ngày 13/02/2025 thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Công tác nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ từng bước được đổi mới và nâng cao hiệu quả theo hướng gắn kết với sản xuất, kinh doanh và đời sống của người dân. Tỉnh đầu tư 219 tỷ đồng cho đầu tư phát triển khoa học và công nghệ; chi gần 59 tỷ đồng đối với hoạt động sự nghiệp khoa học và công nghệ. Các đề tài, dự án ở giai đoạn này được xác định theo hướng chú trọng gắn với nhu cầu thực tiễn của địa phương, giải quyết các vấn đề cấp thiết, mới phát sinh, trên cơ sở gắn với chuỗi giá trị, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Toàn tỉnh có 639 đơn đăng ký quyền sở hữu công nghiệp (tăng 53% so với nhiệm kỳ trước). Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015 bản điện tử (ISO điện tử) được triển khai tại các cơ quan quản lý hành chính cấp tỉnh, cấp huyện,... góp phần nâng cao chất lượng quản trị trong hoạt động hành chính.

Lĩnh vực Công nghệ thông tin - chuyển đổi số của tỉnh có bước phát triển mạnh mẽ. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Đề án số tỉnh Sóc Trăng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và chỉ đạo hoạt động thường xuyên, hiệu quả. Kinh tế số, xã hội số ngày càng được chính quyền và người dân, doanh nghiệp quan tâm, tạo động lực phát triển mới. Tập trung triển khai có hiệu quả Đề án phát triển

ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyên đổi số Quốc gia giai đoạn 2022 - 2030, tầm nhìn đến năm 2030. Trung tâm Giám sát điều hành thông tin tình (IOC) tỉnh vận hành có hiệu quả.

- Thực hiện các chính sách an sinh xã hội, chính sách đối với người có công, các đối tượng bảo trợ xã hội, người có thu nhập thấp, ... Bên cạnh chính sách hỗ trợ của Trung ương, tỉnh xuất ngân sách hỗ trợ người, cận nghèo mua bảo hiểm y tế. Phát triển kinh tế - xã hội vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số đạt nhiều kết quả tích cực. Các cấp uỷ, chính quyền các cấp quan tâm triển khai thực hiện đồng bộ các chính sách an sinh xã hội, bảo đảm thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng, phát huy hiệu quả, tạo điều kiện cho hộ nghèo, hộ cận nghèo đồng bào dân tộc thiểu số được tiếp cận các chương trình, chính sách hỗ trợ của Nhà nước. Hỗ trợ xây dựng 15.320 căn nhà cho hộ nghèo (hộ dân tộc thiểu số nghèo là 5.603 hộ); hỗ trợ nước sinh hoạt; vay vốn chuyên đổi nghề; hỗ trợ cho hộ thiếu đất sản xuất và hộ dân tộc thiểu số nghèo sinh sống tại các xã khu vực III, áp đặc biệt khó khăn được vay vốn, ... Giáo dục và đào tạo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số có nhiều tiên bộ, cơ sở vật chất được đầu tư nâng cấp, chất lượng giáo dục từng bước được nâng cao. Xây dựng bổ sung, nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học cho 7 trường phổ thông dân tộc nội trú; xây dựng 4 công trình cấp nước tập trung tại 3 huyện (Kế Sách, Mỹ Tú và Thanh Trị). Phát huy hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, giai đoạn 2022 - 2024, giải ngân gần 870 triệu đồng (chiếm 85,41% so kế hoạch).

### ***3.3. Thực hiện có hiệu quả công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu***

- Tỉnh uỷ lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện tốt công tác lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp và việc công bố, công khai Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất luôn được ngành Tài nguyên và Môi trường chú trọng, thực hiện kịp thời làm cơ sở pháp lý cho công tác quản lý Nhà nước về đất đai, tạo sự minh bạch, công bằng trong việc tiếp cận các thông tin về đất đai trong xã hội; tăng cường công tác giám sát thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trong nhân dân. Quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đến năm 2030 đã được xây dựng và tích hợp vào Quy hoạch tỉnh Sóc Trăng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Hoàn thành việc “Cắm mốc hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng” làm cơ sở quản lý khu vực biển, phạm vi hành lang bảo vệ bờ biển, phục vụ thiết thực cho phát triển bền vững kinh tế biển của tỉnh. Việc cấp giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước và hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh được triển khai thực hiện theo quy định.

Trong nhiệm kỳ 2020 - 2025, tỉnh Sóc Trăng đã có bước đột phá trong việc khai thác cát sông và cát biển nhằm đáp ứng nhu cầu san lấp các dự án đường cao tốc và hạ tầng giao thông, đô thị vùng đồng bằng sông Cửu Long. Đã bàn giao hồ sơ 06 mỏ cát cho các nhà thầu để lập thủ tục theo quy định, để phục vụ Dự án thành phần 4 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1 và các dự án trọng điểm quốc gia.

- Triển khai có hiệu quả các biện pháp phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm, cải thiện môi trường; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học. Tập trung quyết liệt xử lý dứt điểm 3 cơ sở gây ô nhiễm môi trường và cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh (đạt 100%). Đưa vào hoạt động 01 nhà máy xử lý rác thải tập trung công suất xử lý 160 tấn rác thải sinh hoạt/ca/ngày với công nghệ là chôn lấp hợp vệ sinh kết hợp ủ phân vi sinh và tái chế, tái sử dụng các sản phẩm từ nhựa.

### ***3.4. Tăng cường quốc phòng - an ninh; giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội***

- Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành triển khai thực hiện có hiệu quả đường lối, chủ trương của Đảng về công tác bảo đảm quốc phòng, công tác quân sự, quốc phòng địa phương, xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh ngày càng vững chắc. Xây dựng và trình Quân khu phê duyệt và triển khai Quy hoạch tổng thể xây dựng hệ thống công trình phòng thủ, sử dụng đất quốc phòng của tỉnh giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2050. Triển khai dự án đầu tư xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh theo quy hoạch đã được Tư lệnh Quân khu phê duyệt, với tổng bố trí vốn 123,550 tỷ đồng; xây dựng 6 trụ sở của Ban Chỉ huy quân sự phường thuộc thị xã Vĩnh Châu và thị xã Ngã Năm. 100% trụ sở công an xã, phường thị trấn hoàn thành xây dựng trụ sở làm việc mới. Xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Tổ chức lực lượng theo hướng tinh, gọn, mạnh, xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ, Dự bị động viên ngày càng phát triển, hoạt động ngày càng hiệu quả; công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, tuyển sinh quân sự, giáo dục quốc phòng và an ninh cho cán bộ công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và nhân dân luôn được quan tâm, chất lượng năm sau cao hơn năm trước, đạt chỉ tiêu đề ra.

Tỉnh ủy tập trung chỉ đạo việc tổ chức huấn luyện, diễn tập, luyện tập sát thực tế, bảo đảm chất lượng, với 121 cuộc diễn tập khu vực phòng thủ, phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn từ tỉnh đến cơ sở (cấp tỉnh: 1 cuộc; cấp huyện 11 cuộc, cấp xã 109 cuộc). Thực hiện tốt công tác chính sách Quân đội và hậu phương Quân đội, nhất là tổ chức hoạt động “Tết Quân - Dân” trên địa bàn của 9 xã.

- Tình hình chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững ổn định. Tỉnh uỷ thường xuyên tăng cường sự lãnh đạo đối với công tác phòng, chống tội phạm, bảo đảm an ninh trật tự trong tình hình mới; thực hiện tốt công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030. Từ đó, góp phần huy động được cả hệ thống chính trị và nhân dân tham gia vào công tác bảo đảm an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh; đồng thời, lãnh đạo Công an tỉnh tổ chức triển khai đồng bộ các biện pháp, triển khai nhiều đợt cao điểm trên lĩnh vực an ninh chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và bảo đảm trật tự, an toàn giao thông được tập trung chỉ đạo thực hiện quyết liệt. Tình hình tội phạm về trật tự xã hội cơ bản được kiểm chế và từng lúc được kéo giảm, không để hình thành các băng nhóm tội phạm có tổ chức, triệt phá nhiều chuyên án lớn, phức tạp dư luận quan tâm; công tác đấu tranh với tội phạm về kinh tế, ma túy được tập trung chỉ đạo quyết liệt, các vụ việc được phát hiện, xử lý hằng năm đều đạt và vượt chỉ tiêu. Trật tự, an toàn giao thông được bảo đảm, không để xảy ra ùn tắc cục bộ, tai nạn giao thông được kiểm chế, kéo giảm nhiều năm liền.

### ***3.5. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp***

- Hội đồng nhân dân các cấp có nhiều đổi mới trong việc xem xét, quyết định những vấn đề quan trọng, cấp thiết ở địa phương. Hoạt động giám sát ngày càng hiệu quả, thiết thực, đi vào chiều sâu. Nội dung giám sát được ưu tiên lựa chọn những vấn đề nổi cộm, bức xúc được cử tri và đại biểu quan tâm; hình thức tổ chức hoạt động giám sát được đổi mới theo hướng tăng cường khảo sát, nắm thông tin tại cơ sở, góp phần quyết định những vấn đề quan trọng tại địa phương, sát với thực tiễn, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân. Công tác giải quyết kiến nghị của cử tri và công tác chất vấn, trả lời chất vấn được quan tâm thực hiện tốt; các ý kiến trả lời nghiêm túc, trách nhiệm; đồng thời, làm rõ những vấn đề mà đại biểu Hội đồng nhân dân và cử tri quan tâm.

- Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; tăng cường công tác xúc tiến, kêu gọi đầu tư, triển khai thực hiện các công trình, dự án trọng điểm mang lại hiệu quả thiết thực; chỉ đạo quyết liệt công tác thu ngân sách; thực hiện đồng bộ các giải pháp giảm nghèo và bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Các địa phương, cơ quan, đơn vị tiếp tục rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy theo đúng hướng dẫn, chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh, bảo đảm bộ máy hành chính theo hướng tinh gọn, hoạt động thông suốt, hiệu quả, phát huy tối đa nguồn lực của địa phương.

### **3.6. Tăng cường công tác xây dựng Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên**

- Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp uỷ, tổ chức đảng tăng cường công tác xây dựng Đảng về chính trị; chú trọng việc nghiên cứu, vận dụng sáng tạo, linh hoạt chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng chủ trương, chính sách, kế hoạch phát triển của tỉnh. Trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, các cấp uỷ kiên định đường lối đổi mới, những vấn đề có tính nguyên tắc trong công tác xây dựng Đảng; các quy định về trách nhiệm nêu gương, tăng cường kỷ luật, kỷ cương của Đảng; phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, khắc phục tình trạng “né tránh”, “đùn đẩy”, “sợ trách nhiệm”. Việc đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” được các cấp uỷ đảng quan tâm chỉ đạo thực hiện tốt.

Chỉ đạo đổi mới, nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu, học tập, quán triệt các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương, của Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ. Hằng năm, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ tổ chức hội nghị trực tuyến thông tin thời sự chuyên đề, kịp thời cung cấp thông tin chính thống và định hướng tư tưởng trong đội ngũ cán bộ, đảng viên. Tăng cường công tác dự báo, nắm tình hình tư tưởng, xử lý thông tin, định hướng dư luận xã hội đối với các vấn đề phức tạp, mới nảy sinh, tránh để xảy ra “điểm nóng”. Công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch được các cấp uỷ đảng chỉ đạo triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, sâu rộng, mang lại hiệu quả tích cực.

Công tác xây dựng Đảng về đạo đức được Tỉnh uỷ và các cấp uỷ, tổ chức đảng đặc biệt coi trọng. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hiệu quả Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khoá XI, khoá XII; Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII; Kết luận số 01-CT/TW, ngày 19/5/2021 của Bộ Chính trị (khoá XIII) gắn với Chuyên đề toàn khoá nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng và các chuyên đề hằng năm của tỉnh. Tổ chức biểu dương, khen thưởng kịp thời những tấm gương tiêu biểu về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, gương người tốt - việc tốt.

Ban Thường vụ Tỉnh uỷ chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức triển khai đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong toàn Đảng bộ tỉnh và các đợt sinh hoạt chính trị, tư tưởng về nội dung các tác phẩm của cô Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng. Quan tâm thực hiện tốt công tác giáo dục đạo đức, lối sống; nâng cao ý thức tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng, thực hiện

“tự soi”, “tự sửa”, khắc phục hạn chế, khuyết điểm của cán bộ, đảng viên; phát huy dân chủ cơ sở, tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân giám sát việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống, trách nhiệm thực thi công vụ của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, cán bộ lãnh đạo, quản lý.

- Các cấp uỷ, tổ chức đảng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khoá XII; Đề án số 08-ĐA/TU, ngày 24/8/2018 của Tỉnh uỷ về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị tinh Sóc Trăng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Thực hiện Kết luận số 121-KL/TW, ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 18/10/2017, Tỉnh uỷ đã ban hành Đề án số 05-ĐA/TU, ngày 30/12/2024 về sắp xếp tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị của tỉnh Sóc Trăng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị của tỉnh từng bước được đổi mới, sắp xếp, kiện toàn theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, giảm nhiều đầu mối bên trong, nhất là giảm số lượng tổ chức và lãnh đạo, quản lý cấp phòng các cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và chính quyền địa phương; giảm đầu mối tổ chức trung gian, khắc phục triệt để sự trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ<sup>(9)</sup>.

Công tác tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được chú trọng và đạt được kết quả rõ nét, theo hướng có trọng tâm, trọng điểm và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức, cơ quan, đơn vị, cơ bản bảo đảm lộ trình theo quy định. Công tác quy hoạch, luân chuyển, điều động, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ, bảo đảm nguyên tắc, tiêu chuẩn, điều kiện, đúng quy trình, thủ tục theo quy định của Trung ương, của tỉnh. Việc thực hiện chủ trương bố trí bí thư cấp uỷ cấp huyện không

<sup>(9)</sup> Kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội: Sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh uỷ, Trường Chính trị tỉnh, Bảo Sóc Trăng, Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ cán bộ tỉnh và thực hiện sáp nhập Đảng bộ Khối các cơ quan tỉnh và Đảng bộ Khối Doanh nghiệp tỉnh thành Đảng bộ Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh. Sau sắp xếp đã giảm 1 đơn vị sự nghiệp, giảm 1 đảng bộ trực thuộc Tỉnh uỷ, giảm 1 trường ngành tỉnh, giảm 8 cấp phó ngành tỉnh, giảm 33 đơn vị trực thuộc (cấp phòng, ban và tương đương), giảm 33 trường phòng, giảm 36 phó trường phòng. Hợp nhất Ban Tuyên giáo và Ban Dân vận thành Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ, hợp nhất Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính, thành Sở Tài chính, hợp nhất Sở Giao thông Vận tải và Sở Xây dựng thành Sở Xây dựng, hợp nhất Sở Tài nguyên và Môi trường và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành Sở Nông nghiệp và Môi trường; hợp nhất Sở Thông tin và Truyền thông và Sở Khoa học và Công nghệ thành Sở Khoa học và Công nghệ, hợp nhất Sở Lao động Thương binh và Xã hội và Sở Nội vụ thành Sở Nội vụ, thành lập Sở Dân tộc và Tôn giáo trên cơ sở Ban Dân tộc

là người địa phương được tích cực triển khai; đến nay có 9/11 đơn vị cấp huyện thực hiện<sup>(7)</sup>. Công tác đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý có nhiều đổi mới về nhận thức và cách làm; các tiêu chí đánh giá được xây dựng cụ thể, có tính định lượng. Kết quả bình quân hằng năm, tỷ lệ hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt 97,94%.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được triển khai nghiêm túc, dân chủ, đúng nguyên tắc, quan điểm chỉ đạo của Đảng. Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, toàn tỉnh đã có 91.218 lượt cán bộ, công chức, viên chức được cử tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng. Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được các cấp uỷ, tổ chức đảng quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện; công tác thẩm tra, xác minh, kết luận tiêu chuẩn chính trị được thực hiện chặt chẽ, hiệu quả, đúng quy định, phục vụ kịp thời cho công tác cán bộ và phát triển đảng viên.

Các cấp uỷ, tổ chức đảng quan tâm hướng dẫn nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ phù hợp với từng loại hình; tổ chức đánh giá chất lượng sinh hoạt theo tháng, làm cơ sở để đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức đảng hằng năm. Công tác kiểm điểm, tự phê bình và phê bình, đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tổ chức đảng, đảng viên được quy định cụ thể bằng các tiêu chí đánh giá, tiêu chuẩn xếp loại chất lượng; quy trình thực hiện ngày càng chặt chẽ; kết quả đánh giá, xếp loại ngày càng thực chất<sup>(8)</sup>.

Công tác bồi dưỡng, tạo nguồn và kết nạp đảng viên được các cấp uỷ quan tâm chỉ đạo thực hiện; chú trọng phát triển đảng viên là đội ngũ trí thức, người lao động trong các thành phần kinh tế, cán bộ khoa học kỹ thuật, đoàn viên, hội viên ở khu dân cư, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số, tôn giáo,...; kết quả, kết nạp đảng viên hằng năm đều đạt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra; từ đầu nhiệm kỳ 2020 - 2025 đến nay, các cấp uỷ đã kết nạp 7.025 đảng viên mới; bình quân hằng năm kết nạp đạt 3,72%. Tăng cường công tác quản lý, nắm tình hình tư tưởng của đảng viên; việc rà soát, sàng lọc và đưa đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng bảo đảm quy trình, thận trọng, chặt chẽ, minh bạch, đúng quy định.

- Tinh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, các cấp uỷ, tổ chức đảng trong tỉnh đã kịp thời quán triệt, triển khai và thực hiện nghiêm quy định của Điều lệ Đảng, các quy định, hướng dẫn của Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; kịp thời cụ thể hoá thành quy định, kế hoạch, quy chế để lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện đồng bộ, thống nhất trong toàn Đảng bộ tỉnh. Chỉ đạo cấp

<sup>(7)</sup> Gồm: Thành phố Sóc Trăng, thị xã Vĩnh Châu, thị xã Ngã Năm, huyện Thạnh Trị, huyện Mỹ Tú, huyện Long Phú, huyện Cù Lao Dung, huyện Châu Thành và huyện Trần Đề

<sup>(8)</sup> Trong nhiệm kỳ 2020 - 2025, bình quân hằng năm có 95,81% tổ chức cơ sở đảng và 93,34% đảng viên được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên

ủy các cấp làm tốt công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên theo thẩm quyền<sup>9)</sup>.

Tăng cường kiểm tra, giám sát những lĩnh vực dễ phát sinh vi phạm, những vấn đề dư luận quan tâm, nhất là công tác quản lý, sử dụng đất đai và đầu tư công. Chú trọng chỉ đạo việc xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra các cấp có bản lĩnh chính trị, năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ; quan tâm thực hiện luân chuyển cán bộ trong ngành Kiểm tra Đảng để đào tạo, rèn luyện, thử thách cán bộ trong thực tiễn, chuẩn bị đội ngũ cán bộ kế cận, nhất là cán bộ trẻ, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của Đảng.

Các cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp chủ động nắm tình hình hoạt động của cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý và người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị; xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát đột xuất, nhất là những nơi có biểu hiện nội bộ mất đoàn kết, có dấu hiệu sai phạm, vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, quy chế làm việc, các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và những nơi có vấn đề nổi cộm, gây bức xúc trong xã hội. Thường xuyên đổi mới, tăng cường hoạt động công tác kiểm tra, giám sát theo quan điểm của Đảng. Quan tâm theo dõi, kiểm tra, giám sát việc khắc phục, sửa chữa những hạn chế, khuyết điểm còn chậm, chưa triệt để; công khai kịp thời, đúng quy định về kết quả sau các kỳ họp của ủy ban kiểm tra các cấp, góp phần tăng cường kỷ luật, kỷ cương của Đảng.

- Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã kịp thời quán triệt, cụ thể hoá và triển khai thực hiện nghiêm túc các chủ trương, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; kết hợp chặt chẽ các giải pháp phòng ngừa, răn đe với chủ động phát hiện, xử lý nghiêm minh, kịp thời những hành vi tham nhũng, tiêu cực, bao che, dung túng, tiếp tay cho tham nhũng, can thiệp, cản trở; không có vùng cấm, không có ngoại lệ và đạt nhiều kết quả quan trọng, rõ rệt, được cán bộ, đảng viên và nhân dân đồng tình, ủng hộ, đánh giá cao.

<sup>9)</sup> Từ đầu nhiệm kỳ đến ngày 30/9/2024, cấp ủy các cấp đã kiểm tra 2 885 lượt tổ chức đảng, 2 013 lượt đảng viên, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm 4 tổ chức đảng, 39 đảng viên, giám sát 1 772 tổ chức đảng, 2 392 đảng viên, thi hành kỷ luật 11 tổ chức đảng bằng các hình thức: Khiển trách 9, cảnh cáo 2 và 443 đảng viên bằng các hình thức: Khiển trách 331, cảnh cáo 91, cách chức 11, khai trừ 10, giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng 5 trường hợp. Ủy ban kiểm tra các cấp kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm 53 tổ chức đảng, 244 đảng viên, giám sát 1 040 tổ chức đảng, 978 đảng viên, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát 979 tổ chức đảng, kiểm tra việc thi hành kỷ luật trong Đảng 142 tổ chức đảng, thi hành kỷ luật 188 đảng viên bằng các hình thức: Khiển trách 86 đảng viên, cảnh cáo 43 đảng viên, cách chức 4 đảng viên, khai trừ 55 đảng viên, giải quyết tố cáo 67 đảng viên, giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng 6 trường hợp, kiểm tra tài chính đảng 110 tổ chức, kiểm tra việc thu, nộp, quản lý và sử dụng đảng phí 1 264 tổ chức.

Tỉnh uỷ đã thành lập Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tỉnh; tăng cường kiểm soát quyền lực đề phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; thực hiện nghiêm các kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tại các phiên họp, cuộc họp của Ban Chỉ đạo; tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ xử lý các kiến nghị của các đoàn công tác Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và các vụ án, vụ việc thuộc diện Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tỉnh theo dõi, chỉ đạo.

Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã thành lập 5 đoàn kiểm tra, giám sát; Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tỉnh đã thành lập 16 đoàn kiểm tra, giám sát về công tác lãnh đạo, chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; qua đó, đã kịp thời chấn chỉnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả đối với lĩnh vực được kiểm tra, giám sát. Công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án có nhiều chuyên biến tích cực; những vụ việc, vụ án tham nhũng, tiêu cực được các cấp uỷ, tổ chức đảng chỉ đạo xử lý kịp thời, đúng quy định, không làm oan, sai, không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội. Công tác tiếp công dân, xử lý, giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh được quan tâm thực hiện đúng quy định. Công tác thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án về tham nhũng, tiêu cực được quan tâm chỉ đạo chặt chẽ.

- Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quan tâm chỉ đạo nâng cao chất lượng công tác cải cách tư pháp theo tinh thần Nghị quyết số 49-NQ/TW, Kết luận số 84-KL/TW và Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 09/11/2022 về xây dựng Nhà nước pháp quyền của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII, gắn với chuyển đổi số. Hằng năm, Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp tỉnh và các cơ quan trong khối nội chính, tư pháp ban hành và tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch hoạt động cải cách tư pháp và kế hoạch phối hợp thông tin, tuyên truyền về chủ trương, nhiệm vụ cải cách tư pháp và hoạt động tư pháp trên địa bàn tỉnh. Sở Tư pháp, Công an tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Toà án nhân dân tỉnh tăng cường thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với hoạt động tiến hành tố tụng, thi hành án, hỗ trợ tư pháp và các hoạt động khác có liên quan.

- Hệ thống dân vận, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội không ngừng đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, đa dạng hoá hình thức tổ chức và phương thức tập hợp, vận động, nắm bắt kịp thời tâm tư, nguyện vọng chính đáng của nhân dân, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động, tạo đồng thuận và phát huy vai trò của nhân dân trong thực hiện các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, nhất là các công trình trọng điểm của quốc gia, của tỉnh và các chương trình mục tiêu quốc gia đang triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh. Chủ động tham mưu các cấp uỷ

đảng, phối hợp với chính quyền, các tổ chức thành viên thực hiện đầy đủ các nội dung pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở; tổ chức tốt công tác tiếp dân, giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.

Hoạt động giám sát, phản biện xã hội ngày càng thiết thực, hiệu quả; trong nhiệm kỳ 2020 - 2025, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp đã tổ chức 712 cuộc giám sát và tham gia cùng các ngành tổ chức 830 cuộc giám sát; chủ trì, tổ chức 279 hội nghị góp ý, phản biện. Công tác tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền đạt nhiều kết quả quan trọng; đặc biệt, đã tổ chức nhiều cuộc góp ý sâu sát, cụ thể và đầy tâm huyết đối với các dự thảo văn kiện đại hội đảng bộ các cấp; tham gia tích cực vào công tác tổ chức, vận động nhân dân thực hiện thắng lợi cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Triển khai sâu rộng và nâng cao chất lượng, hiệu quả các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động, thu hút đông đảo đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân tham gia<sup>(10)</sup>; qua đó, phát huy tinh thần thi đua sáng tạo và huy động các nguồn lực trong xã hội chăm lo đời sống nhân dân trên địa bàn tỉnh<sup>(11)</sup>. Đặc biệt, trong thời điểm dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp cùng với các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức vận động, quyên góp, hỗ trợ kinh phí, vật tư, trang thiết bị y tế, lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm, ... phục vụ công tác phòng, chống dịch, bảo đảm an sinh cho người nghèo, người yếu thế, người già neo đơn, người lao động bị mất việc làm do ảnh hưởng dịch Covid-19, với tổng trị giá trên 264 tỷ đồng.

## II NHỮNG HẠN CHẾ, YẾU KÉM

### 1. Phát triển kinh tế chưa bền vững, sức cạnh tranh chưa cao; thực hiện 3 khâu đột phá chiến lược còn một số khó khăn, hạn chế

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2021 - 2025 đạt thấp so với mục tiêu nghị quyết; chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm. Sản xuất nông nghiệp của tỉnh tiềm ẩn nhiều rủi ro do ảnh hưởng thời tiết, biến động của thị trường. Chỉ số sản xuất công nghiệp đạt rất thấp, phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp,

<sup>(10)</sup> Cuộc vận động: “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” Phong trào thi đua “Sóc Trăng chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2021 - 2025; “Sóc Trăng chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau” giai đoạn 2021 - 2025.

<sup>(11)</sup> Trong nhiệm kỳ 2020 - 2025, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp đã tham gia vận động Quỹ Vì người nghèo được trên 413,6 tỷ đồng, hỗ trợ xây dựng mới, sửa chữa hơn 8 000 căn nhà ở cho hộ nghèo khó khăn, bức xúc về nhà ở; trao tặng trên 556 000 suất quà cho người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn nhân dịp Tết Nguyên đán, với tổng trị giá trên 237 tỷ đồng, vận động Quỹ Cứu trợ trên 144,6 tỷ đồng, riêng đợt vận động hỗ trợ các tỉnh phía Bắc bị thiệt hại bởi bão số 3 (YAGI), đã chuyển hỗ trợ trên 15,5 tỷ đồng

kêu gọi đầu tư, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu, cụm công nghiệp còn nhiều khó khăn, hạn chế; đầu tư phát triển các dự án điện (nhiệt điện, điện gió, lưới điện truyền tải) chậm tiến độ, chưa đưa vào vận hành đạt quy mô công suất đề ra. Tiến độ giải ngân vốn đầu tư công còn chậm so kế hoạch.

- Thành phần kinh tế tư nhân phần lớn là các hộ kinh doanh nhỏ lẻ, các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ; tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới khá thấp so với các tỉnh trong vùng đồng bằng sông Cửu Long, số doanh nghiệp đang duy trì hoạt động hiện nay chưa đến 4.000 doanh nghiệp; mô hình kinh tế tập thể chưa phát huy hiệu quả, chất lượng hoạt động nhiều hợp tác xã, tổ hợp tác còn yếu kém; liên kết sản xuất và tiêu thụ giữa doanh nghiệp với các tổ chức kinh tế tập thể còn hạn chế, thiếu bền vững.

- Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, nguồn lực đầu tư còn gặp nhiều khó khăn. Công tác thu hút đầu tư còn khó khăn do thiếu quỹ đất sạch, nhiều quy định về thủ tục đầu tư còn bất cập, chồng chéo, môi trường đầu tư, kinh doanh, hoạt động hỗ trợ tuy được tăng cường nhưng còn dàn trải, phân tán, chưa có trọng tâm, trọng điểm, chưa đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp.

- Cải cách hành chính chưa đáp ứng yêu cầu; Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính trong kỳ công bố gần nhất giảm điểm và vị trí xếp hạng, Chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh chậm được cải thiện; vấn đề số hoá hồ sơ thủ tục hành chính chậm được triển khai. Tình trạng thừa, thiếu giáo viên chưa được khắc phục triệt để; nguồn nhân lực y tế còn thiếu và yếu, nhất là đội ngũ bác sĩ chuyên khoa sâu; trình độ, năng lực; tinh thần trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, công chức còn hạn chế.

## **2. Một số vấn đề văn hoá xã hội còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển**

- Hệ thống thiết chế văn hoá, thể thao tuy được quan tâm đầu tư nhưng vẫn còn hạn chế, chưa đạt chuẩn theo quy định. Nhiều di tích đã được xếp hạng bị xuống cấp chưa có kinh phí đầu tư tu bổ, phục hồi. Phong trào thể thao quần chúng phát triển chưa đồng đều, nhất là hoạt động thể thao trong khu công nghiệp, vùng nông thôn.

- Chưa thu hút được nguồn nhân lực chất lượng cao, chuyên môn sâu. Trình độ năng lực, kinh nghiệm chuyên môn tại tuyến y tế cơ sở, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số vẫn còn hạn chế. Việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập còn nhiều khó khăn.

- Chất lượng, hiệu quả đào tạo nghề ở một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; chưa thu hút hiệu quả doanh nghiệp tham gia vào hoạt động đào tạo nghề tại địa phương.

- Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, ứng dụng và chuyển giao tiến khoa học và công nghệ có tiến bộ nhưng vẫn tập trung nhiều vào lĩnh vực nông nghiệp, ít có nghiên cứu trong lĩnh vực công nghiệp, đổi mới công nghệ. Tiềm lực khoa học và công nghệ còn yếu. Nguồn nhân lực công nghệ thông tin trong các cơ quan, đơn vị còn thiếu về số lượng, hạn chế về chất lượng; công tác bảo đảm an toàn thông tin còn bị động; trình độ công nghệ của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh còn thấp nên việc ứng dụng, tiếp nhận công nghệ chậm.

- Phát triển kinh tế, giảm nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số tuy đạt kết quả khả quan, nhưng chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn; tốc độ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn chậm. Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số còn cao so với bình quân chung của tỉnh, nguy cơ tái nghèo còn lớn; một số chính sách hỗ trợ triển khai chậm. Kết quả giảm nghèo có nơi, có lúc chưa bền vững, nguy cơ tái nghèo còn cao; triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo ở một số địa phương chưa quyết liệt. Một số chính sách của Trung ương, của tỉnh về phát triển nông nghiệp, nông thôn kết quả triển khai chưa đạt yêu cầu.

### **3. An ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội từng lúc, từng nơi còn diễn biến phức tạp, tiềm ẩn rủi ro**

- Tình hình an ninh chính trị còn tiềm ẩn nguy cơ gây mất ổn định. Hiệu quả công tác phòng ngừa tội phạm chưa cao. Phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc tại một số nơi chưa hiệu quả. Giải quyết một số vụ việc khiếu nại kéo dài liên quan đến đất đai chưa triệt để. Ứng dụng khoa học, kỹ thuật, công nghệ thông tin vào quản lý nhà nước về an ninh, trật tự chưa đạt yêu cầu.

- Công tác nắm tình hình, phân tích, dự báo và tham mưu chiến lược từng lúc còn hạn chế; công tác kiểm chế, kéo giảm tội phạm chưa bền vững, một số loại tội phạm như: cố ý gây thương tích, trộm cắp tài sản chiếm tỷ lệ cao trong tổng số tội phạm được phát hiện, xử lý; tội phạm công nghệ cao, tội phạm về ma túy vẫn còn diễn biến phức tạp và có chiều hướng gia tăng; vi phạm trên lĩnh vực kinh tế, môi trường còn tiềm ẩn phức tạp.

### **4. Một số mặt công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị chưa tạo sự chuyển biến rõ nét**

- Việc nắm bắt tư tưởng, dư luận xã hội và định hướng, xử lý những vấn đề phức tạp phát sinh từ thực tiễn còn lúng túng, chưa theo kịp những diễn biến nhanh chóng của đời sống thực tiễn. Công tác đấu tranh, phản bác luận điệu sai trái của các thế lực thù địch có lúc, có nơi còn bị động, thiếu sắc bén, tính chiến đấu chưa cao. Công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn chưa đáp ứng tốt yêu cầu. Việc triển khai thực hiện các chuẩn mực đạo đức của cán bộ, đảng viên có nơi chưa cụ thể hoá thành chuẩn mực đạo đức phù hợp với tình hình thực tiễn, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

- Công tác đổi mới, sắp xếp bộ máy tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động ở một số nơi thực hiện thiếu quyết liệt; công tác quy hoạch, đào tạo ở một số cơ quan, địa phương chưa xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ chính trị lâu dài; công tác thẩm định, thẩm tra, xác minh, kết luận tiêu chuẩn chính trị phục vụ công tác cán bộ đôi lúc chưa kịp thời. Chất lượng, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của một số tổ chức cơ sở đảng chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới; công tác tự phê bình và phê bình trong cán bộ, đảng viên có nơi còn biểu hiện nể nang, né tránh, ngại va chạm.

- Một số ít cấp uỷ, tổ chức đảng, người đứng đầu chưa thường xuyên triển khai, quán triệt và lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác kiểm tra, giám sát gắn với trách nhiệm người đứng đầu. Công tác phối hợp giữa uỷ ban kiểm tra với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng có lúc chưa chặt chẽ.

- Việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các giải pháp phòng ngừa, xử lý tham nhũng, lãng phí, tiêu cực ở một số cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị chưa đồng bộ và chưa thật sự quyết liệt; tiến độ điều tra, truy tố, xét xử đối với một số vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực còn chậm; công tác phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong xử lý vụ việc, vụ án có lúc chưa chủ động, kịp thời; công tác tự kiểm tra, tự phát hiện tham nhũng, tiêu cực trong nội bộ chưa có nhiều chuyển biến. Công tác phối hợp triển khai thực hiện các nội dung kế hoạch cải cách tư pháp hằng năm từng lúc chưa chặt chẽ.

- Công tác thông tin, tuyên truyền về chủ trương, chính sách liên quan trực tiếp đến lợi ích của người dân chưa sâu rộng; việc tuyên truyền, vận động của các tổ chức chính trị - xã hội và các hội còn gặp khó khăn, nhất là trong công tác giải phóng mặt bằng. Công tác phối hợp giữa chính quyền với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác dân vận có nơi chưa chặt chẽ và đồng bộ. Hoạt động giám sát và phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền có nơi chưa hiệu quả, chưa phát huy đầy đủ vai trò giám sát của nhân dân.

### III ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT, NGUYÊN NHÂN, BÀI HỌC KINH NGHIỆM

#### 1. Đánh giá tổng quát thành tựu và hạn chế

Tinh uỷ đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đồng bộ các giải pháp đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; trong đó, tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá được xác định từ đầu nhiệm kỳ đạt được kết quả đáng phấn khởi. Có 13 chỉ tiêu vượt, 6 chỉ tiêu đạt. Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được quan tâm đầu tư, nhiều công trình, dự án đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được triển khai thực hiện, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Kinh tế của tỉnh không ngừng phát triển, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực. Thu ngân sách đạt dự toán. Tổng số doanh nghiệp gia nhập thị trường tăng so cùng kỳ.

Công tác chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số được quan tâm thực hiện và đạt một số kết quả tích cực. Lĩnh vực văn hoá - xã hội được quan tâm và có nhiều tiên bộ, nhất là triển khai thực hiện tốt 3 chương trình mục tiêu quốc gia, các chính sách an sinh xã hội, chính sách đối với người có công, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số bảo đảm đầy đủ, kịp thời. Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) thuộc nhóm cao nhất. Công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh được chỉ đạo nghiêm túc. Quốc phòng - an ninh được củng cố; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững.

Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu và phát triển lý luận của Đảng bộ tỉnh có những chuyển biến tích cực; kịp thời định hướng tư tưởng, đấu tranh phản bác có hiệu quả các quan điểm sai trái, thù địch. Tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị tiếp tục được củng cố, kiện toàn; đội ngũ cán bộ, đảng viên của tỉnh từng bước được chuẩn hoá về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị, bảo đảm yêu cầu trong thực hiện nhiệm vụ. Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng được tăng cường. Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và cải cách tư pháp được lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đồng bộ, với quyết tâm chính trị cao.

Phương thức lãnh đạo của cấp uỷ và các tổ chức đảng tiếp tục được đổi mới, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên được nâng lên. Hệ thống dân vận, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục đổi mới về nội dung, phương thức hoạt động, hướng mạnh về cơ sở; khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố vững chắc, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững niềm tin của nhân dân đối với Đảng.

*Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, trong nhiệm kỳ, còn có những hạn chế.* Có 3 chỉ tiêu chưa đạt: (1) Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn; (2)

Cơ cấu GRDP; (3) Chỉ số sản xuất công nghiệp. Phát triển kinh tế chưa bền vững, sức cạnh tranh chưa cao; thực hiện 3 khâu đột phá chiến lược còn một số khó khăn, hạn chế. Một số vấn đề văn hoá - xã hội còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển.

Công tác tuyên truyền, quán triệt, cụ thể hoá và triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách, quy định của Trung ương, của Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị ở một số địa phương, đơn vị còn chậm, chưa đồng bộ; việc phối hợp triển khai thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng chưa thật sự hiệu quả; các giải pháp chủ động ngăn ngừa cán bộ, đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng, kỷ luật, kỷ cương của Đảng chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục. Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực có nơi chưa thật quyết liệt. Phương thức vận động, tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; việc nắm tình hình nhân dân, dư luận xã hội, giám sát việc giải quyết kiến nghị của nhân dân từng lúc, từng nơi chưa kịp thời.

## **2. Nguyên nhân**

### **2.1. Nguyên nhân thành tựu đạt được**

*Về khách quan:* Nhiều chủ trương, chính sách về phục hồi và phát triển kinh tế được triển khai, tình hình kinh tế đất nước được phục hồi sau đại dịch; quan hệ hợp tác đối ngoại của Việt Nam với các nước được tăng cường, đã tác động tích cực đến phát triển kinh tế chung của cả nước, trong đó có tỉnh Sóc Trăng.

Sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, đúng đắn của Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ và sự thống nhất về ý chí, hành động, quyết tâm tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả của các cấp uỷ, tổ chức đảng trong công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị; phối hợp giải quyết kịp thời những vấn đề phức tạp, nảy sinh trong thực tiễn; kiên quyết khắc phục hạn chế, khuyết điểm.

Các cấp uỷ, tổ chức đảng nêu cao tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, thống nhất và có nhiều đổi mới trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả các văn bản của Trung ương, của Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ. Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội đã phát huy vai trò chủ động, sáng tạo; tích cực tham mưu, hướng dẫn, tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân tham gia giám sát, phản biện xã hội, góp phần xây dựng Đảng bộ tỉnh ngày càng trong sạch, vững mạnh.

- *Về chủ quan:* Sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và sự hỗ trợ của các bộ, ban, ngành Trung ương. Sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, đúng đắn của Tỉnh uỷ,

Ban Thường vụ Tỉnh uỷ và sự thống nhất về ý chí, hành động, quyết tâm tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả của các cấp uỷ, tổ chức đảng trong công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị.

Các cấp uỷ, tổ chức đảng nêu cao tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, thống nhất và có nhiều đổi mới trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các văn bản của Trung ương, của Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp. Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội đã phát huy vai trò chủ động, sáng tạo; tích cực hướng dẫn, tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân tham gia giám sát, phản biện xã hội, góp phần xây dựng Đảng bộ tỉnh ngày càng trong sạch, vững mạnh.

## **2.2. Nguyên nhân hạn chế, tồn tại**

*Về khách quan:* Tình hình thế giới và khu vực diễn biến nhanh, phức tạp và khó lường; suy thoái kinh tế toàn cầu, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, xung đột Nga - Ucraina diễn biến phức tạp; lạm phát tăng cao, các nước thắt chặt chính sách tiền tệ dẫn đến suy giảm tăng trưởng,... đã tác động tiêu cực đến hầu hết các ngành, lĩnh vực; biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh tác động tiêu cực đến sản xuất nông nghiệp của tỉnh.

Đại dịch Covid-19 bùng phát và diễn biến phức tạp đã tác động tiêu cực đến nhiều mặt của đời sống kinh tế - xã hội; những diễn biến nhanh chóng, phức tạp của tình hình thế giới, khu vực; sự chống phá của các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị, nhất là trên lĩnh vực chính trị, tư tưởng; sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin, mạng xã hội, internet và mặt trái của nền kinh tế thị trường đã tác động nhiều mặt đến công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị của Đảng bộ tỉnh.

- *Về chủ quan:* Một số cấp uỷ, tổ chức đảng và người đứng đầu địa phương, cơ quan, đơn vị thiếu quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của cấp trên, sự quản lý, điều hành của chính quyền các cấp tuy có tập trung nhưng chưa đúng mức cho nhiệm vụ trọng tâm và các đột phá; công tác tham mưu của một số ngành chuyên môn còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển trong tình hình mới; trình độ, năng lực của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa đáp ứng yêu cầu, tinh chủ động và tinh thần trách nhiệm chưa cao.

Công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành có việc chưa chặt chẽ; các khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai các chương trình, đề án, dự án chậm được tháo gỡ, làm giảm hiệu quả nguồn lực đầu tư. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện của một số cấp uỷ chưa chủ động, sâu sát, thiếu quyết liệt; thiếu kiểm tra, giám sát, đôn đốc; chưa coi trọng việc tự kiểm tra, xử lý vi phạm.

Việc thực hiện các nguyên tắc tổ chức của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ ở một số nơi chưa nghiêm. Sự phối hợp giữa một số cấp uỷ với đảng đoàn, ban cán sự đảng có lúc, có nơi thiếu chặt chẽ. Việc phân định trách nhiệm của người đứng đầu trong mối quan hệ với cấp uỷ và tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị chưa rõ nét. Một bộ phận cán bộ làm công tác tham mưu chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; khả năng tư duy, tầm nhìn còn hạn chế.

### **3. Một số bài học kinh nghiệm**

*Một là*, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chính trị, phải bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng; kiên định, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; giữ vững và thực hiện nghiêm các nguyên tắc của Đảng. Coi trọng nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn; gắn kết chặt chẽ giữa công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch với các mặt của công tác xây dựng Đảng.

*Hai là*, đề cao tinh thần đoàn kết, thống nhất về nhận thức, ý chí và quyết tâm hành động trong toàn Đảng bộ. Người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền các cấp phải nêu cao tinh thần trách nhiệm; thật sự gương mẫu trong thực hiện chủ trương, quy định của Đảng; nói đi đôi với làm; đặt lợi ích quốc gia - dân tộc, lợi ích chung của Đảng, Nhà nước và của nhân dân lên trên hết, trước hết. Chú trọng phát huy dân chủ, vai trò của nòng cốt Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện.

*Ba là*, đặc biệt coi trọng việc đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, gắn với nâng cao chất lượng, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; khơi dậy và phát huy ý thức trách nhiệm, khát vọng công hiến, tinh thần đổi mới, đột phá vì lợi ích chung của nhân dân, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức.

*Bốn là*, không ngừng đổi mới, nâng cao năng lực lãnh đạo của các cấp uỷ, tổ chức đảng; nắm chắc tình hình, kịp thời cụ thể hoá, vận dụng sáng tạo, linh hoạt các chủ trương, quy định của Đảng phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ chính trị. Trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện, phải có quyết tâm chính trị cao, hành động quyết liệt; có cách làm chặt chẽ, dân chủ, sát thực tế và mang lại hiệu quả thiết thực; thường xuyên kiểm tra, giám sát, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và tiến hành sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm.

*Năm là*, người đứng đầu và lãnh đạo chủ chốt cấp uỷ, chính quyền, cơ quan, tổ chức, đơn vị phải nghiêm túc quán triệt, trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực với quyết tâm, hành động kiên quyết, kiên trì, thường xuyên, liên tục; kết hợp chặt chẽ giữa tích cực phòng ngừa với chủ động phát hiện, xử lý kịp thời, nghiêm minh, không có vùng cấm, không có ngoại lệ đối với các hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

## Phần thứ hai

### MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP NHIỆM KỲ 2025 - 2030

#### I DỰ BÁO TÌNH HÌNH

##### 1. Tình hình thế giới và trong nước

Cục diện thế giới sẽ có sự chuyển biến mạnh mẽ và phức tạp, khó dự báo; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn sẽ ngày càng gay gắt, mở rộng phạm vi, gia tăng tính đối đầu; xung đột, chiến tranh có thể xảy ra với nhiều hình thái và phương thức mới. Cuộc cách mạng Công nghiệp lần thứ tư tiếp tục phát triển mạnh mẽ; nhiều thành tựu khoa học công nghệ mới mang tính đột phá, tác động đến mọi mặt của đời sống xã hội; tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, biển, đảo ở Biển Đông có chiều hướng căng thẳng, phức tạp hơn.

Đất nước sau gần 40 năm đổi mới, cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín tiếp tục được nâng lên; vai trò lãnh đạo của Đảng ngày càng được nâng cao; nền kinh tế phát triển ổn định, tốc độ tăng trưởng kinh tế cao so với mức bình quân của thế giới; đời sống của nhân dân được nâng cao, công bằng xã hội ngày càng được bảo đảm hơn. Tuy nhiên, phát triển kinh tế - xã hội chưa bền vững, còn nhiều hạn chế, yếu kém; tình trạng biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh; ô nhiễm nguồn nước, an ninh và chủ quyền quốc gia trên không gian mạng là một thách thức lớn; việc bảo vệ chủ quyền và các lợi ích khác ở Biển Đông còn phức tạp, nhiều thách thức. Bốn nguy cơ Đảng ta chỉ ra đã từng bước được khắc phục, song có mặt còn diễn biến phức tạp.

##### 2. Tình hình trong tỉnh

Đối với tỉnh Sóc Trăng, thành tựu đạt được trong nhiệm kỳ nhiệm kỳ 2020 - 2025 sẽ là tiền đề, động lực lớn cho nhiệm kỳ 2025 - 2030. Kinh tế tiếp tục phát triển ổn định; còn nhiều tiềm năng để phát triển; các dự án hạ tầng giao thông, năng lượng, thương mại, khu cụm công nghiệp đưa vào khai thác, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội; môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện, nhiều nhà đầu tư lớn trong và ngoài nước quan tâm, tìm hiểu cơ hội đầu tư tại tỉnh.

Tuy nhiên, phát triển kinh tế - xã hội chưa bền vững; biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh ngày càng diễn biến phức tạp; khoa học - công nghệ và cuộc cách mạng Công nghiệp lần thứ tư phát triển mạnh mẽ, tạo ra thời cơ và thách thức; ô nhiễm môi trường ngày càng gia tăng; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, an ninh mạng tiềm ẩn nguy cơ mất ổn định; các thế lực thù địch, cơ hội chính trị không từ bỏ âm mưu chống phá Đảng, chính quyền; những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”; tham nhũng,

lãng phí, tiêu cực,... sẽ tác động đến công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị của Đảng bộ tỉnh.

## II- MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

### 1. Mục tiêu tổng quát và phương châm chỉ đạo

Tiếp tục tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; phát huy sức mạnh văn hoá, con người và khối đại đoàn kết toàn dân tộc; đẩy mạnh đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội; tăng cường quốc phòng - an ninh; giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; phấn đấu đến năm 2030, thu nhập bình quân đầu người bằng bình quân khu vực đồng bằng sông Cửu Long; đến năm 2045 trở thành tỉnh phát triển, có thu nhập cao, cùng cả nước bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh xác định phương châm chỉ đạo trong suốt nhiệm kỳ là: **“Đoàn kết Dân chủ Kỷ cương Đột phá Phát triển”**.

### 2. Mục tiêu cụ thể

(1) Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) theo giá so sánh 2010 bình quân 5 năm (2026 - 2030) đạt 10,50%/năm.

(2)- GRDP bình quân đầu người (theo giá hiện hành) đến cuối nhiệm kỳ đạt 130 triệu đồng/người/năm.

(3) Cơ cấu GRDP (giá hiện hành) đến cuối nhiệm kỳ: Khu vực I là 28%, khu vực II là 23%, khu vực III là 45%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm là 4%.

(4)- Diện tích canh tác lúa chuyên canh chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh đến năm 2030 đạt 72.000 ha.

(5) Lũy kế đến cuối nhiệm kỳ có 80 xã công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; có 10 huyện/thị xã đạt chuẩn nông thôn mới/hoàn thành xây dựng nông thôn mới, trong đó có 4 huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; có 40 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 16 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

(6)- Chi số sản xuất công nghiệp tăng bình quân mỗi năm 13%.

(7) Giá trị xuất khẩu hàng hoá đến cuối nhiệm kỳ đạt 2,5 tỷ USD.

(8)- Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội đến cuối nhiệm kỳ đạt 165.000 tỷ đồng.

(9) Thu ngân sách Nhà nước trong cân đối đến cuối nhiệm kỳ đạt 8.000 tỷ đồng.

(10) Diện tích nhà ở bình quân đầu người đạt 23,9 m<sup>2</sup> sàn/người (trong đó, khu vực đô thị đạt 26,3 m<sup>2</sup> sàn/người; khu vực nông thôn đạt 22,2 m<sup>2</sup> sàn/người). Xây dựng hoàn thành 6.400 căn hộ nhà ở xã hội.

(11) Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đến cuối nhiệm kỳ đạt 90%.

(12) Tỷ lệ giường bệnh/vạn dân đạt 35 giường/vạn dân; tỷ lệ bác sĩ/vạn dân đạt 14 bác sĩ/vạn dân.

(13)- Đến cuối nhiệm kỳ, tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 97% dân số; Tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội của lực lượng lao động trong độ tuổi đạt 60%.

(14)- Đến cuối nhiệm kỳ, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ là 35%; tỷ lệ lao động đang làm việc so với tổng số lao động trong độ tuổi chiếm khoảng 87%.

(15) Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân 1%/năm, trong đó, giảm tỷ lệ hộ Khmer nghèo là 2%/năm.

(16)- Đến cuối nhiệm kỳ, tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung là 98% - 100%; tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn là 80%.

(17) Tỷ lệ khu công nghiệp, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%.

(18)- Đến cuối nhiệm kỳ, tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị, công nghiệp, dịch vụ được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường là 98%; tỷ lệ chất thải rắn phát sinh tại khu dân cư nông thôn, làng nghề được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường là 75%.

(19)- Tỷ lệ kết nạp đảng viên mới hằng năm trong nhiệm kỳ 2025 - 2030 đạt từ 3 - 4% tổng số đảng viên của Đảng bộ tỉnh.

(20) Hằng năm, có trên 90% tổ chức cơ sở đảng được đánh giá, xếp loại từ “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên và có dưới 1,5% tổ chức cơ sở đảng “Không hoàn thành nhiệm vụ”.

(21)- Hằng năm, có trên 90% đảng viên được đánh giá, xếp loại từ “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên và có dưới 1,5% đảng viên “Không hoàn thành nhiệm vụ”.

(22) Hằng năm, phần đầu có trên 85% các tổ chức chính trị - xã hội “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”.

### III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

**1. Đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế và đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, lấy khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo làm động lực chủ yếu**

***1.1. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng gắn với cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh***

Tăng cường thúc đẩy đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng lấy khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo làm động lực chủ yếu. Đẩy mạnh các quá trình chuyển đổi số, chuyển đổi xanh gắn với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo; phát huy vai trò dẫn dắt của các lĩnh vực tăng trưởng, các vùng kinh tế có nhiều tiềm năng phát triển, các đô thị trung tâm.

Quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài chính; xây dựng dự toán ngân sách Nhà nước hằng năm gắn với việc xây dựng kế hoạch tài chính và chi tiêu trung hạn phù hợp; tăng cường quản lý thu ngân sách Nhà nước, chống thất thu, nợ đọng thuế, nhất là thất thu đối với các khoản thu liên quan đến đất đai, tài nguyên; thực hiện nghiêm quy định pháp luật về đấu giá tài sản công. Quản lý thu, chi ngân sách đạt hiệu quả; thực hiện chi trong hạn mức dự toán; cơ cấu lại chi ngân sách Nhà nước ở từng ngành, địa phương và đơn vị cơ sở theo hướng tiết kiệm; tăng tích lũy từ ngân sách Nhà nước cho chi đầu tư phát triển đối với các ngành, lĩnh vực ưu tiên.

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống quy hoạch tỉnh, quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành, bảo đảm tầm nhìn lâu dài, làm cơ sở cho phát triển đúng định hướng và có độ mở, tránh xơ cứng, chậm điều chỉnh. Đầu tư ngân sách Nhà nước có trọng tâm, trọng điểm; áp dụng chặt chẽ quy trình xác định, thẩm định, lựa chọn, phân bổ vốn đầu tư và thực hiện dự án đầu tư Nhà nước; rà soát, sắp xếp danh mục, thứ tự ưu tiên các dự án đầu tư từ ngân sách Nhà nước; chỉ lựa chọn những dự án đáp ứng tiêu chí về hiệu quả kinh tế - xã hội, phù hợp với quy hoạch và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tập trung bố trí đủ vốn đầu tư thực hiện các dự án quan trọng, cấp bách.

Tổ chức thực hiện các giải pháp về tiền tệ, hoạt động ngân hàng tạo điều kiện cho các tổ chức tín dụng mở rộng tín dụng đi đôi với an toàn, chất lượng tín dụng, bảo đảm cung ứng vốn cho nền kinh tế, tăng khả năng tiếp cận vốn tín dụng Ngân hàng cho doanh nghiệp và người dân; ưu tiên tập trung vốn tín dụng cho các lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Cải cách mạnh mẽ thủ tục về tín dụng theo hướng thuận tiện cho khách hàng tiếp cận vốn, dịch vụ ngân hàng. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát hoạt động ngân hàng, tín dụng.

Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, chuyên đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn, tập trung phát triển các sản phẩm cây trồng, vật nuôi chủ lực của tỉnh, phát huy tiềm năng lợi thế cạnh

tranh của tỉnh, phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung, tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị, xây dựng vùng nguyên liệu nông sản; thường xuyên theo dõi và giám sát công tác phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, thủy sản; triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình, đề án, dự án, kế hoạch trên lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; đầu tư hệ thống các công trình thủy lợi, nước sạch nông thôn phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp, ổn định đời sống người dân nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới. Tiếp tục các hoạt động nghiên cứu sản xuất giống cây trồng vật nuôi cho năng suất, chất lượng phù hợp với điều kiện từng vùng nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất của địa phương.

Cơ cấu lại ngành công nghiệp theo hướng hiện đại hoá, phát triển theo chiều sâu. Thu hút doanh nghiệp phát triển các ngành, sản phẩm công nghiệp mũi nhọn, có lợi thế cạnh tranh về nguyên liệu tại chỗ, như chế biến nông sản, thủy sản; ưu tiên thu hút ngành công nghiệp chế biến, công nghiệp nhẹ, những ngành thu hút nhiều lao động và thân thiện với môi trường; riêng các khu công nghiệp ở địa bàn ven biển sẽ thu hút thêm ngành công nghiệp đóng tàu và sửa chữa tàu biển. Xây dựng cơ chế chính sách để huy động các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng các khu, cụm công nghiệp; các chính sách thu hút các dự án sản xuất có hiệu quả kinh tế - xã hội cao vào đầu tư trong các khu, cụm công nghiệp. Tập trung khai thác hiệu quả nhà máy nhiệt điện Long Phú 1 và các nhà máy điện gió.

Nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của các ngành dịch vụ. Cơ cấu lại các ngành dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, ứng dụng các thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Phát triển trung tâm logistics tại huyện Trần Đề và thành phố Sóc Trăng nhằm gắn với dịch vụ logistics với phát triển sản xuất hàng hóa, xuất nhập khẩu và thương mại trong và ngoài nước; kêu gọi, thu hút đầu tư các khu công nghiệp ven biển, cảng biển; phát triển các trung tâm thương mại đa năng, phức hợp, tổng hợp, nghiên cứu hình thành các chợ chuyên kinh doanh nông sản; khuyến khích thu hút đầu tư, xã hội hoá để phát triển trung tâm logistic, trung tâm đầu mối, trung tâm thương mại, siêu thị. Tiếp tục đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại; tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong việc tiếp cận thông tin, đối tác thương mại; tăng cường các hoạt động thâm nhập và mở rộng thị trường; thực hiện các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin, đẩy mạnh thương mại điện tử phục vụ hoạt động xuất khẩu.

Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án tổng thể phát triển du lịch tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030. Tập trung đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật và kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển du lịch. Khuyến khích các nhà đầu tư thực hiện các dự án về dịch vụ du lịch. Tập trung khai thác có hiệu quả thị trường khách du lịch nội địa, thị trường khách quốc tế truyền thông. Tiếp tục tổ

chức, tham gia các hoạt động liên kết hợp tác phát triển du lịch giữa Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh, thành đông bằng sông Cửu Long để kết nối, quảng bá, xúc tiến du lịch Sóc Trăng với các tỉnh, thành trong khu vực và quốc tế.

## ***1.2. Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo***

Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá tận dụng những thành tựu mới nhất của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, thực chất, hiệu quả, bền vững; nâng cao năng lực tự chủ về sản xuất, công nghệ và thị trường, bảo vệ và phát huy tốt thị trường trong nước.

Phát triển công nghiệp gắn với công nghệ thông minh; chú trọng phát triển công nghệ số, công nghệ xanh, giảm mức tiêu hao năng lượng, nhiên liệu; tiếp tục phát triển công nghiệp hỗ trợ phù hợp với điều kiện cụ thể của từng giai đoạn phục vụ sản xuất công nghiệp.

Nâng cao năng lực ngành xây dựng, nghiên cứu và phát triển vật liệu xây dựng ưu tiên vào các sản phẩm thế mạnh của tỉnh, sản xuất vật liệu xây dựng có nguồn nguyên liệu tại chỗ; sử dụng hiệu quả tài nguyên, triệt để tiết kiệm năng lượng, nguyên liệu, nhiên liệu; ưu tiên đầu tư nghiên cứu sử dụng các loại phế thải, chất thải làm nguyên liệu, nhiên liệu sản xuất vật liệu xây dựng, vật liệu san lấp để thay thế các loại vật liệu truyền thống.

Đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn; phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới, nông nghiệp xanh, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp hữu cơ, ... nông thôn hiện đại và nông dân văn minh; phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá lớn, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường, thúc đẩy cơ giới hoá đồng bộ, hiện đại hoá trong toàn bộ chuỗi cung ứng; đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh trong nông nghiệp và nông thôn; chuyển tư duy sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp.

Tập trung phát triển một số ngành dịch vụ có lợi thế gắn với thúc đẩy sản xuất công nghiệp, nhất là dịch vụ vận tải và logistics, các ngành dịch vụ có hàm lượng tri thức và công nghệ cao; phát triển ngành dịch vụ mới, dịch vụ kết nối.

Phát triển các ngành kinh tế biển. Hình thành các cụm kinh tế biển đa ngành, gắn với xây dựng Trung tâm kinh tế biển tại các huyện, thị xã ven biển. Phát triển kinh các ngành tế biển, ven biển tạo nên cụm kinh tế đa ngành, gắn với xây dựng trung tâm kinh tế biển; tạo hành lang giao thông đường bộ ven biển, chuỗi đô thị ven biển, ... Kết hợp chặt chẽ bảo đảm quốc phòng, an ninh. Phát triển nuôi trồng thủy sản, đầu tư phát triển theo chiều sâu, xác định các mô hình nuôi tôm ứng

dụng công nghệ cao, là hướng phát triển chính của tỉnh. Tiếp tục khai thác, quản lý có hiệu quả cát biển nhằm phục vụ cho các công trình trọng điểm của tỉnh, của Trung ương mang lại giá trị kinh tế của tỉnh.

Tiếp tục triển khai các chính sách, Chương trình khai thác hải sản trong Chiến lược phát triển kinh tế biển; tuân thủ quy định quốc tế về bảo vệ nguồn lợi thủy sản để khắc phục cảnh báo của Ủy ban Châu Âu về chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU). Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng số, hạ tầng năng lượng; thúc đẩy đô thị hoá nhanh và bền vững gắn kết chặt chẽ và tạo động lực cho đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

### ***1.3. Thúc đẩy phát triển mạnh mẽ các khu vực kinh tế trên nguyên tắc hợp tác, cạnh tranh bình đẳng, hội nhập***

Tập trung khuyến khích, kêu gọi đầu tư của một số doanh nghiệp có quy mô lớn, hoạt động hiệu quả, có năng lực cạnh tranh, đóng vai trò dẫn dắt, trụ cột trong một số lĩnh vực như: Năng lượng, công nghiệp chế biến, chế tạo, tài chính, ngân hàng, nông nghiệp, viễn thông, kết cấu hạ tầng,...

Phát triển kinh tế tư nhân thật sự trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế. Hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng, đa dạng hoá thị trường, tái cơ cấu mặt hàng, xây dựng và phát triển thương hiệu; khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nghiên cứu và triển khai, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Mở rộng đầu tư theo các hình thức đối tác công tư.

Thu hút có chọn lọc các dự án đầu tư nước ngoài. Triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp theo Đề án Hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp tỉnh Sóc Trăng, trong đó, quan tâm thực hiện tốt công tác vận động hộ kinh doanh chuyển đổi lên thành doanh nghiệp; xây dựng và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp; các hoạt động nâng cao nhận thức và hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số. Triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ, ưu đãi phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã; liên kết giữa tổ chức phát triển kinh tế tập thể với các thành phần kinh tế khác.

Tiếp tục cơ cấu lại các đơn vị sự nghiệp công lập. Rà soát, sắp xếp, kiện toàn tinh gọn đầu mối bên trong của các đơn vị sự nghiệp công lập. Thực hiện tính đúng, tính đủ giá dịch vụ công; tăng cường xã hội hoá trong cung cấp dịch vụ công.

### ***1.4. Đẩy mạnh liên kết vùng***

Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Quy hoạch tỉnh Sóc Trăng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 nhằm tạo ra không gian và động lực phát triển mới cho tỉnh trong công tác xúc tiến và kêu gọi đầu tư.

Tăng cường liên kết hạ tầng giao thông, năng lượng với các địa phương trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long; phát huy vai trò của các tuyến giao thông trọng điểm như: Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng, tuyến đường trục phát triển kinh tế Bắc - Nam,... gắn kết với động lực phát triển từ khu vực Cảng cửa ngõ vùng đồng bằng sông Cửu Long tại Trần Đề. Phát triển mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo phù hợp với đặc trưng từng vùng sản xuất.

Chủ động tham gia và thực hiện công tác liên kết vùng; góp phần phát huy vai trò hiệu quả hoạt động các Hội đồng điều phối vùng; tổ chức thực hiện quy hoạch tỉnh trên cơ sở tích hợp quy hoạch vùng, quy hoạch quốc gia.

## **2. Phát triển mạnh mẽ, toàn diện văn hoá và con người Việt Nam**

Tiếp tục triển khai thực hiện Kết luận số 76-KL/TW, ngày 04/6/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 09/6/2014 “Về xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”. Tập trung xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh trong từng cơ quan, đơn vị, cộng đồng dân cư và mỗi gia đình. Bảo tồn và phát huy hiệu quả các giá trị của văn hóa và lịch sử cách mạng của địa phương; trước hết là văn hóa truyền thống của dân tộc thiểu số; xây dựng, phát triển văn học - nghệ thuật phù hợp, xứng tầm với lịch sử văn hóa và yêu cầu phát triển của tỉnh; chăm lo đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa; ưu tiên phát triển các bộ môn nghệ thuật truyền thống, các cơ sở đào tạo văn hóa, nghệ thuật của tỉnh.

Tổ chức đa dạng các hoạt động tuyên truyền, văn hoá, văn nghệ, thể thao nâng cao đời sống văn hoá, tinh thần cho nhân dân, tạo nền tảng tinh thần vững chắc phát triển kinh tế - xã hội; chú trọng phát triển văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số; khuyến khích việc sưu tầm, nghiên cứu, sáng tạo, xây dựng và phát triển các mô hình, thiết chế quản lý văn hóa, thông tin ở cơ sở.

## **3. Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**

### ***3.1. Thực hiện có hiệu quả chủ trương phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu***

Tiếp tục thực hiện tốt chủ trương của Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo tinh thần Kết luận số 91-KL/TW, ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị, tăng cường trật tự, kỷ cương trong các cơ sở giáo dục và trường học, xây dựng môi trường giáo dục thật sự lành mạnh. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; tăng cường vai trò của các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo trong việc quyết định biên

chế, tổ chức bộ máy, chính sách đối với nhà giáo và phân bổ ngân sách nhà nước cho ngành Giáo dục. Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên và giáo dục chính trị, tư tưởng cho học sinh, sinh viên. Tập trung đầu tư hiện đại hoá giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học và nâng cao tiềm lực nghiên cứu khoa học trong các cơ sở giáo dục, đào tạo.

Tập trung đầu tư chiều sâu, cơ sở vật chất, nguồn nhân lực chất lượng cao đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học nhằm tạo đột phá, chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện về chất lượng đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao gắn với nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá tinh nhà; chú trọng các ngành, lĩnh vực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế tri thức, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, nhất là các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật, công nghệ và các ngành mới như trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu, bán dẫn,... Phát triển, nâng cao chất lượng, chuẩn hoá đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp; bảo đảm đủ số lượng giáo viên theo định mức quy định; nghiên cứu cơ chế, chính sách điều động, luân chuyển giáo viên giữa các địa phương để giải quyết căn bản tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ và nâng cao chất lượng giáo dục cho các vùng khó khăn.

### ***3.2. Nâng cao dân trí, chất lượng đào tạo nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, trọng dụng nhân tài***

Tiếp tục thực hiện các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Gắn việc phát triển nguồn nhân lực với thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; chú trọng nâng cao học vấn và kỹ năng cho người lao động, giáo dục tính kỷ luật, tác phong lao động chuyên nghiệp, hiệu quả; hình thành thị trường cung ứng nguồn nhân lực và mở rộng hợp tác quốc tế trên lĩnh vực nhân lực. Xây dựng cơ chế, chính sách đột phá để thu hút, sử dụng chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước về giảng dạy, nghiên cứu và làm việc tại các cơ sở giáo dục và đào tạo trong tỉnh. Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước, nhất là đào tạo giảng viên trình độ tiến sĩ và chuyên gia các ngành kỹ thuật, công nghệ mũi nhọn.

### ***3.3. Xây dựng mô hình xã hội học tập, công dân học tập suốt đời***

Xây dựng một hệ thống giáo dục bảo đảm cho mọi công dân đều được học tập suốt đời, đồng thời, bảo đảm chính sách và cơ chế tương ứng để mọi công dân góp sức phát triển các hình thức học tập thường xuyên trên mọi địa bàn dân cư. Tập trung đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người dạy và người học; phát triển toàn diện năng

lực và phẩm chất người học. Thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông thống nhất. Phát triển giáo dục thường xuyên đa dạng về nội dung và hình thức, đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người dân.

#### **4. Đẩy mạnh phát triển và tăng cường ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

##### ***4.1. Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo***

Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy; xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo. Xác định phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là đột phá quan trọng hàng đầu, từng bước trở thành các yếu tố mang tính quyết định đối với sự phát triển nhanh và bền vững của tỉnh trên mọi lĩnh vực; là nhiệm vụ tiên quyết, tạo nền tảng để xây dựng tỉnh Sóc Trăng phát triển giàu mạnh trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Trong đó, mục tiêu cụ thể đến năm 2030 đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế ở mức trên 55%; quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 30% GRDP; tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp đạt trên 80%; giao dịch không dùng tiền mặt đạt trên 80%; kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D) đạt 2% GRDP, trong đó kinh phí từ xã hội chiếm hơn 60%; bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách hàng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và tăng dần theo yêu cầu phát triển. Đến năm 2045 Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phát triển vững chắc, góp phần đưa tỉnh Sóc Trăng trở thành một trong những tỉnh phát triển khá của vùng đồng bằng sông Cửu Long. Quy mô kinh tế số đạt 50% GRDP; Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp tỉnh (PII) đạt mức trung bình - khá so với cả nước. Thu hút tối thiểu từ 1 - 2 doanh nghiệp công nghệ số đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại tỉnh.

##### ***4.2. Tăng cường ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ***

Tăng cường kết nối, hợp tác nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo với các Viện, Trường, tổ chức khoa học và công nghệ trong nước; thông qua mạng lưới đại diện khoa học và công nghệ Việt Nam ở nước ngoài, để đáp ứng nhu cầu chuyển giao công nghệ của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ vào các lĩnh vực phát triển các giống cây trồng và vật nuôi chất lượng cao, áp dụng các công nghệ tiên tiến vào sản xuất nông nghiệp; chế biến, bảo đảm chất lượng sản phẩm và mở rộng thị trường; phát triển các nguồn năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời, gió, để bảo vệ môi trường và giảm phụ thuộc vào năng lượng hoá thạch, phát triển kinh tế biển và du lịch, tạo ra các sản phẩm du lịch đặc trưng và thu hút khách du lịch.

## **5. Quản lý phát triển xã hội bền vững, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, an sinh xã hội, an ninh con người và an ninh xã hội**

### **5.1. Tăng cường quản lý phát triển xã hội bền vững, hài hoà**

Nhận diện rõ những xu hướng vận động, phát triển xã hội trong giai đoạn mới, nhất là sự tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế. Trên cơ sở đó triển khai thực hiện có hiệu quả mô hình, thể chế quản lý phát triển xã hội bền vững, gắn kết chặt chẽ, hài hoà giữa phát triển kinh tế với bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, thích ứng với quá trình già hoá dân số, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả mô hình tổ chức, phương thức quản lý phát triển xã hội trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế bảo đảm thực hiện đạt mục tiêu phát triển bền vững.

Nâng cao năng lực quản lý Nhà nước về phát triển xã hội. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả văn bản quy phạm pháp luật về phát triển xã hội; nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện; nâng cao năng lực giám sát việc thực hiện pháp luật liên quan đến phát triển xã hội, giải quyết tốt các mâu thuẫn, tranh chấp và xung đột xã hội. Đẩy mạnh xây dựng Chính phủ số - Chính phủ kiến tạo gắn với xây dựng xã hội số, đáp ứng yêu cầu quản lý phát triển xã hội bền vững.

Nâng cao phúc lợi xã hội cho toàn dân; bảo đảm mọi người dân được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản có chất lượng. Đổi mới nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ xã hội; cải thiện điều kiện sống và môi trường sống, nâng cao chất lượng sống cho người dân.

Phát triển hài hoà, ổn định trong dài hạn, hình thành cơ cấu xã hội hợp lý, tối ưu nhất; tạo sự đồng thuận xã hội, phòng, tránh hiệu quả xung đột xã hội trên cơ sở xây dựng và thực hiện hệ thống giá trị, chuẩn mực xã hội mới, tiên bộ để điều chỉnh các quan hệ xã hội theo hướng tích cực. Khuyến khích, nhân rộng và chia sẻ các mô hình, kinh nghiệm hay, cách làm sáng tạo trong quản trị phát triển cộng đồng bền vững.

### **5.2. Bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, an sinh xã hội, an ninh con người và an ninh xã hội**

Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu về người lao động của tỉnh, kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về lao động và cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phục vụ công tác quản lý, dự báo, phân tích về lao động; tăng tần suất tổ chức các phiên giao dịch việc làm; tăng cường công tác quản lý, cấp giấy phép lao động

cho người lao động nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh, hướng dẫn các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có sử dụng lao động thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam; triển khai đồng bộ các chính sách, hoạt động hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Tăng cường công tác quản lý Nhà nước trong lĩnh vực quan hệ lao động, công tác tuyên truyền, vận động các doanh nghiệp thực hiện tốt chính sách, pháp luật lao động, góp phần ổn định môi trường quan hệ lao động tại doanh nghiệp; thúc đẩy các hoạt động đối thoại, thương lượng tập thể; theo dõi và giải quyết tốt tranh chấp lao động và đình công, hướng dẫn, giải quyết kịp thời các vướng mắc phát sinh, không để xảy ra các cuộc tranh chấp lao động tập thể dẫn đến ngừng việc, đình công.

Tiếp tục nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý Nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động; thường xuyên giám sát việc thực hiện pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động; tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật nhằm phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động; ngăn chặn và giảm tần suất tai nạn lao động chết người. Đẩy mạnh tuyên truyền, huấn luyện, phổ biến pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động. Tổ chức các hoạt động Tháng hành động về an toàn, vệ sinh lao động hằng năm; khuyến khích các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, người lao động tham gia cải thiện điều kiện và môi trường lao động giảm thiểu tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

Tăng cường công tác truyền thông về giáo dục nghề nghiệp, triển khai các chính sách về giáo dục nghề nghiệp, hoàn thiện các điều kiện bảo đảm về chất lượng nghề nghiệp (nâng cấp cơ sở vật chất, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo nghề, phát triển chương trình giáo trình, nâng cao năng lực cho đội ngũ quản lý, giảng viên, giáo viên cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập đạt điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định). Tiếp tục đầu tư phát triển Trường Cao đẳng Nghề Sóc Trăng và Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng đạt tiêu chuẩn ngành, nghề trọng điểm cấp độ quốc gia, khu vực ASEAN vào năm 2030. Phát huy hiệu quả đào tạo nguồn nhân lực đối với các cơ sở đào tạo như: Phân hiệu Trường Đại học Cần Thơ, các trường cao đẳng, trung cấp ngoài công lập.

Tiếp tục quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người có công. Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả, bảo đảm công khai, minh bạch chính sách ưu đãi người có công với cách mạng. Ưu tiên chăm sóc sức khỏe, hỗ trợ nhà ở, giáo dục, đào tạo, việc làm, vay vốn, phát triển sản xuất và tiếp cận các dịch vụ xã hội cho người có công và thân nhân. Bảo đảm người có công và gia đình người có công phải có mức sống từ trung bình khá trở lên so với mức sống của cộng đồng dân cư nơi cư trú. Hoàn thành cơ bản việc giải quyết tồn đọng trong

chính sách người có công, nhất là công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin; hoàn thiện hệ thống thông tin, dữ liệu về người có công. Tu sửa, nâng cấp mộ liệt sĩ, các công trình nghĩa trang liệt sĩ, đài tưởng niệm. Tiếp tục tuyên truyền, vận động các cá nhân, tổ chức trong và ngoài tỉnh phát huy truyền thống “Uông nước nhớ nguồn”, tích cực tham gia phong trào “Đền ơn đáp nghĩa” và xây dựng Quỹ “Đền ơn đáp nghĩa”.

Tiếp tục phối hợp với các ngành, địa phương thực hiện tốt công tác cứu trợ đột xuất, bảo đảm người dân bị thiệt hại gặp rủi ro, thiên tai được hỗ trợ kịp thời; triển khai nhân rộng các mô hình phòng tránh và cứu trợ phù hợp, hướng dẫn người dân chủ động phòng, tránh và cứu giúp lẫn nhau khi gặp thiên tai.

Tiếp tục thực hiện chính sách trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng khó khăn theo quy định của Trung ương và địa phương; tổ chức rà soát thực hiện chính sách trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng khó khăn để giải quyết trợ cấp thường xuyên; phát triển mạng lưới dịch vụ trợ giúp xã hội đối với trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người bị bạo lực gia đình và người bị bạo lực trên cơ sở giới; xây dựng, triển khai các mô hình cung cấp dịch vụ công tác xã hội, chăm sóc, giáo dục và phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ em tự kỷ và rối nhiễu tâm trí,...

Triển khai thực hiện có hiệu quả các Chương trình, Đề án, Kế hoạch bảo vệ, chăm sóc trẻ em. Chủ động thực hiện các giải pháp phòng ngừa, kiểm soát và giảm thiểu nguy cơ trẻ em bị xâm hại, tai nạn, thương tích, trẻ em lao động trái quy định của pháp luật. Tiếp tục triển khai hiệu quả Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030 và các chương trình, đề án liên quan. Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông về bình đẳng giới. Thường xuyên khảo sát, thống kê người nghiện ma túy; đánh giá tình hình người sau cai nghiện ma túy về địa phương cư trú; tăng cường công tác kiểm tra đối với các cơ sở kinh doanh, dịch vụ nhạy cảm dễ phát sinh tệ nạn xã hội.

Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2025 - 2030, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức trong toàn hệ thống chính trị, cộng đồng và người dân về ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác giảm nghèo bền vững; tiếp tục đầu tư về cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, kinh doanh và dân sinh nhằm góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống của người dân nhất là ở vùng xa, nơi có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống; phát huy phong trào tương thân, tương ái, làm tốt công tác vận động Quỹ Vì người nghèo các cấp để hỗ trợ kịp thời cho người nghèo, cận nghèo khi gặp thiên tai, dịch bệnh; tăng cường và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm

công tác giảm nghèo ở cấp xã, huyện, đặc biệt là các xã nghèo, các xã vùng xa, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số.

## **6. Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu**

### **6.1. Tổ chức thực hiện tốt các cơ chế, chính sách quản lý, phân bổ và sử dụng hiệu quả tài nguyên, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu**

Triển khai thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Trung ương, của tỉnh về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; chủ động xây dựng kế hoạch, quy hoạch, huy động, sử dụng nguồn vốn đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng giao thông, phòng, chống và khắc phục sạt lở bờ sông, bờ biển và ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời gian tới.

Quy hoạch sử dụng đất phải mang tính liên kết liên vùng, liên tỉnh nhằm khai thác thế mạnh, tiềm năng đất đai của từng vùng, địa phương, là cơ sở để thực hiện chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất gắn liền với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đáp ứng yêu cầu công nghiệp, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.

### **6.2. Thực hiện các đột phá nhằm thúc đẩy sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu**

Tiếp tục duy trì khai thác hiệu quả tại các khu vực mỏ, điểm mỏ khoáng sản đã được cấp phép. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác khoáng sản, bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch, chống tiêu cực, lãng phí tài nguyên khoáng sản, tăng nguồn thu cho ngân sách.

Dừng hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước dưới đất phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và thay thế bằng nguồn nước khác. Tăng cường hoạt động bảo vệ môi trường trong các khu, cụm công nghiệp; thực hiện lộ trình di dời các cơ sở công nghiệp có nguy cơ ô nhiễm trong khu dân cư vào khu công nghiệp tập trung nhằm ngăn ngừa ô nhiễm.

## **7. Tăng cường quốc phòng, an ninh; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội**

Lãnh đạo triển khai thực hiện có hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng về công tác bảo đảm quốc phòng, xây dựng khu vực phòng thủ phù hợp với đặc điểm tình hình tại địa phương<sup>(12)</sup>,... Tiếp tục đầu tư xây dựng công trình quốc phòng,

<sup>(12)</sup> Nghị quyết số 28 NQ/TW, ngày 22/9/2008 của Bộ Chính trị khoá X về tiếp tục thực hiện xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thành khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới, Nghị quyết số 44 NQ/TW, ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương 8 khoá XIII về Chiến lược bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới, Nghị định số 21/2019/NĐ-CP, ngày 22/02/2019 của Chính phủ về khu vực phòng thủ, Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 16/4/2018 của Bộ Chính trị về Chiến lược Quốc phòng Việt Nam.

khu quân sự theo Quy hoạch tổng thể xây dựng hệ thống công trình phòng thủ của tỉnh giai đoạn 2021 - 2030 và những năm tiếp theo; Đề án bảo đảm quốc phòng giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân ngày càng vững chắc.

Xây dựng lực lượng vũ trang của tỉnh cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; nâng cao chất lượng, hiệu quả xây dựng và hoạt động khu vực phòng thủ tỉnh; duy trì nghiêm công tác sẵn sàng chiến đấu, phối hợp với các lực lượng bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ từ tỉnh đến cơ sở đúng quy định, đạt chỉ tiêu, chất lượng đề ra. Tổ chức thực hiện chặt chẽ công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, tuyển sinh quân sự. Thực hiện tốt công tác dân vận trong tình hình mới, công tác chính sách quân đội và hậu phương quân đội.

Tập trung lãnh đạo tổ chức thực hiện hiệu quả chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trên lĩnh vực an ninh, trật tự, nhất là các kết luận và nghị quyết của Bộ Chính trị, Ban Bí thư,... nhằm tiếp tục huy động cả hệ thống chính trị và nhân dân tham gia vào công tác bảo đảm an ninh, trật tự.

Lãnh đạo tổ chức triển khai đồng bộ các biện pháp chủ động nắm tình hình, kịp thời phát hiện, đấu tranh ngăn chặn âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động bên ngoài; kịp thời tham mưu giải quyết ổn định các vụ việc phức tạp ngay từ sớm, từ cơ sở, không để xảy ra “điểm nóng”, bị động, bất ngờ. Triển khai các đợt cao điểm trên lĩnh vực đấu tranh phòng chống tội phạm, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội gắn với nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa xã hội, phòng ngừa nghiệp vụ,... nhằm kéo giảm tội phạm về trật tự xã hội và kiềm chế tai nạn giao thông, bảo đảm an toàn cháy nổ.

### **8. Đẩy mạnh triển khai đồng bộ, sáng tạo, hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện**

Tiếp tục triển khai hiệu quả, đồng bộ các hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại Nhân dân trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, thông tin, công tác người Việt Nam ở nước ngoài trên tinh thần chủ động, phù hợp với đặc điểm, tình hình của địa phương. Tiếp tục củng cố và làm sâu sắc hơn mối quan hệ hợp tác với các đối tác nước ngoài đã thiết lập; mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác mới có tiềm năng, phù hợp với điều kiện, định hướng phát triển của tỉnh. Chủ động triển khai các hình thức thông tin, tuyên truyền, quảng bá về hình ảnh, tiềm năng, thế mạnh và cơ hội hợp tác, đầu tư của tỉnh đến các đối tác trong và ngoài nước.

Khai thác tối đa các cơ hội có được từ quá trình hội nhập, hạn chế thấp nhất các tác động tiêu cực khi nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Thu hút các nguồn lực về vốn, công nghệ, tri thức, kinh nghiệm quản lý và thị trường để thúc đẩy phát triển kinh tế, tạo việc làm, nâng cao đời sống nhân dân, giữ vững ổn định chính trị - xã hội. Xúc tiến, vận động viện trợ nước ngoài để phát triển kinh tế - xã hội. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế.

## **9. Phát huy mạnh mẽ vai trò chủ thể của nhân dân, dân chủ xã hội chủ nghĩa và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc**

### **9.1. Phát huy mạnh mẽ vai trò chủ thể của nhân dân**

Kiên định bài học “Dân là gốc”; xây dựng mối quan hệ mật thiết giữa các cấp uỷ đảng với nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng, lấy kết quả sự hài lòng và tin nhiệm của nhân dân làm tiêu chí quan trọng để đánh giá chất lượng tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức. Thực hiện có hiệu quả pháp luật về dân chủ ở cơ sở, tiếp cận thông tin, những quy định liên quan đến quyền làm chủ của nhân dân.

Tiếp tục phát huy dân chủ, bảo đảm quyền làm chủ thực sự của nhân dân thông qua chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân và làm chủ trực tiếp. Kiên trì thực hiện đúng phương châm: “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát và dân thụ hưởng*” và “*Nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin*”. Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, thủ tục hành chính; phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; chú trọng chăm lo, bảo vệ lợi ích và tập hợp, phản ánh tâm tư, nguyện vọng hợp pháp, chính đáng của nhân dân với các cấp uỷ đảng, chính quyền.

### **9.2. Thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa là mục tiêu và động lực của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội**

Phát huy quyền làm chủ của nhân dân trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dân vận của cơ quan nhà nước, chính quyền các cấp; thường xuyên tổ chức lấy ý kiến của nhân dân đối với các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và các chính sách có liên quan trực tiếp đến người dân; thực hiện giải trình của các cơ quan nhà nước đối với những kiến nghị, đề xuất của nhân dân. Phát huy hơn nữa vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức tự quản cộng đồng trong đại diện thực hiện quyền làm chủ của nhân dân. Thực hành dân chủ đi đôi với tăng cường trách nhiệm, đề cao pháp luật, kỷ luật, kỷ cương trong toàn xã hội; tăng cường đồng thuận xã hội gắn với đề cao ý thức trách nhiệm của công dân; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

### **9.3. Phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc**

Tiếp tục mở rộng, đa dạng hoá các hình thức vận động, tập hợp, đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân, bảo đảm sự đồng thuận, thống nhất cao về tư tưởng và hành động, phấn đấu thực hiện có hiệu quả các chủ trương, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội của địa phương. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục phát huy vai trò trong việc thực hiện chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện tốt hơn việc cải thiện, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người dân và cộng đồng dân cư. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng hoạt động của các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội nghề nghiệp, hướng hoạt động về cơ sở; chú trọng sinh hoạt đoàn thể ở các chi, tổ hội để nắm tinh thần tư tưởng, tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân. Tăng cường xây dựng lực lượng nòng cốt, người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có đông đồng bào tín đồ các tôn giáo.

### **10. Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước**

Tiếp tục triển khai thực hiện hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, minh bạch, khả thi, ổn định, đặt nền tảng cho xã hội hiện đại, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc, khơi dậy, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững của tỉnh. Tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, hiệu quả, thượng tôn Hiến pháp và Pháp luật, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ hiệu quả quyền con người, quyền công dân; chú trọng khâu giải thích pháp luật, hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật, bảo đảm việc hiểu, áp dụng pháp luật một cách thống nhất.

Bảo đảm thực hiện quyền lực quản lý thống nhất ở địa phương theo quy định của pháp luật; phân công, phân cấp, phân quyền rành mạch, phối hợp chặt chẽ, kiểm soát hiệu quả; góp phần xây dựng nền hành chính, tư pháp chuyên nghiệp, pháp quyền, hiện đại; bộ máy nhà nước tinh gọn, trong sạch, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, năng lực, thực sự chuyên nghiệp, liêm chính. Tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với uỷ quyền thực chất. Đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Đẩy mạnh số hoá, xây dựng Chính phủ số, Chính quyền số.

Tăng cường kiểm tra, thực thi chính sách, chế độ tiền lương, thời hạn bổ nhiệm và cơ chế bảo đảm đề đội ngũ các bộ, công chức, viên chức yên tâm công tác, liêm chính, công tâm, chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

## **11. Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh toàn diện; nâng cao năng lực lãnh đạo - cầm quyền của Đảng**

### ***11.1. Coi trọng xây dựng Đảng về chính trị***

Kiên định đường lối đổi mới, những vấn đề có tính nguyên tắc trong công tác xây dựng Đảng. Không ngừng vận dụng sáng tạo, linh hoạt chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào quá trình cụ thể hoá, xây dựng chính sách, chủ trương, kế hoạch phát triển của tỉnh. Tăng cường công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, tập trung vào những vấn đề thực tiễn mới phát sinh và đáp ứng yêu cầu phát triển; thực hiện nghiêm các nguyên tắc xây dựng Đảng; nâng cao lập trường, bản lĩnh chính trị, trình độ, trí tuệ, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các cấp uỷ, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ chủ chốt các cấp. Thực hành dân chủ trong Đảng, gắn liền với tăng cường kỷ luật, kỷ cương của Đảng.

### ***11.2. Đẩy mạnh xây dựng Đảng về tư tưởng***

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức công tác tư tưởng theo hướng chủ động, tích cực, nâng cao tính chiến đấu, tính giáo dục, tính thuyết phục trong tuyên truyền, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và chủ trương, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tiếp tục đổi mới việc học tập, quán triệt nghị quyết của Đảng bảo đảm thiết thực, hiệu quả; đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục lý luận chính trị theo phương châm lý luận gắn liền với thực tiễn. Năm chắc, dự báo đúng tình hình, định hướng chính xác, xử lý đúng đắn, kịp thời các vấn đề tư tưởng trong Đảng, trong xã hội. Chú trọng nắm bắt, định hướng dư luận xã hội, bảo đảm sự thống nhất trong Đảng, đồng thuận trong nhân dân. Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác, ngăn chặn hiệu quả thông tin xấu độc, quan điểm sai trái, thù địch, nhất là trên không gian mạng.

### ***11.3. Tăng cường xây dựng Đảng về đạo đức***

Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khoá XI, khoá XII; Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyên hoá” gắn với thực hiện các văn bản của Trung ương, của Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; thực hiện tốt các quy định của Trung ương về nêu gương, về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới và những điều đảng viên không được làm. Cụ thể hoá các chuẩn mực đạo đức của cán bộ, đảng viên phù hợp với tình hình thực tiễn, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

#### ***11.4. Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy và tăng cường hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị***

Nâng cao nhận thức, tạo sự thống nhất về ý chí và hành động trong các cấp uỷ, tổ chức đảng, nhất là người đứng đầu về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy, bảo đảm tính tổng thể, kết hợp hài hoà giữa kế thừa, ổn định với đổi mới, phát triển; gắn đổi mới tổ chức bộ máy với đổi mới phương thức lãnh đạo, tinh giản biên chế; rà soát, sắp xếp, tinh gọn đầu mối bên trong các cơ quan, đơn vị; cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Tiếp tục thực hiện quyết liệt, thực chất việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của cả hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Tăng thẩm quyền và trách nhiệm cho cơ quan chủ trì, bãi bỏ các quy định về phối hợp không cần thiết. Đẩy mạnh thực hiện phân cấp, phân quyền giữa tỉnh và địa phương gắn với nâng cao trách nhiệm, bảo đảm nguồn lực, phù hợp với năng lực thực hiện nhiệm vụ; tăng cường kiểm tra, giám sát, bảo đảm sự quản lý thống nhất, đồng thời phát huy vai trò chủ động, sáng tạo, tự chịu trách nhiệm của cơ sở. Tiếp tục sắp xếp đơn vị hành chính theo quy định của Trung ương gắn với quy hoạch đơn vị hành chính. Tiếp tục sắp xếp, đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động đơn vị sự nghiệp công lập gắn với đẩy mạnh tự chủ, xã hội hoá đơn vị sự nghiệp bảo đảm đáp ứng nhu cầu dịch vụ công cơ bản, thiết yếu phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Coi trọng đánh giá chất lượng, hiệu quả, sản phẩm thực tế theo chức trách, nhiệm vụ được giao và đề cao trách nhiệm người đứng đầu. Chú trọng cơ cấu hợp lý, sớm phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trẻ, cán bộ nữ, người dân tộc thiểu số. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền về công tác cán bộ. Kiểm soát chặt chẽ quyền lực trong từng khâu của công tác cán bộ. Giữ vững kỷ luật, kỷ cương; tăng cường kiểm tra, giám sát, chống chạy chức, chạy quyền. Thực hiện chặt chẽ công tác thẩm định, kết luận tiêu chuẩn chính trị trong công tác cán bộ. Có cơ chế khuyến khích, bảo vệ những cán bộ, đảng viên dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đương đầu với khó khăn, thử thách, quyết liệt trong hành động vì lợi ích chung.

#### ***11.5. Tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên***

Tiếp tục chi đạo rà soát, củng cố, kiện toàn tổ chức cơ sở đảng trong các loại hình theo hướng tinh gọn, đồng bộ với đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị. Chú trọng đổi mới phong cách, phương pháp công tác, lề lối làm việc theo hướng khoa học, bảo đảm sự lãnh đạo, chi đạo thông suốt, kịp thời,

dân chủ, sâu sát của cấp uỷ, tổ chức đảng; nâng cao hiệu quả công tác đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức đảng, đảng viên theo hướng thực chất, đúng quy định.

Chú trọng đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp uỷ, sinh hoạt chi bộ. Đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao ý thức tu dưỡng, rèn luyện về bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, “tự soi”, “tự sửa” cho đảng viên. Tăng cường cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác đảng, công tác quản lý đảng viên và sinh hoạt đảng phù hợp với tình hình thực tiễn. Quan tâm công tác phát triển đảng viên mới, bảo đảm về chất lượng; chỉ đạo kết nạp đảng viên ở vùng nông thôn, vùng có đông đồng bào dân tộc, tôn giáo, các đơn vị kinh tế tư nhân, học sinh, sinh viên, đoàn viên, hội viên ưu tú, lực lượng vũ trang, ...; thường xuyên rà soát, sàng lọc đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng.

#### ***11.6. Nâng cao chất lượng công tác bảo vệ chính trị nội bộ***

Tăng cường kiểm tra, giám sát việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác bảo vệ chính trị nội bộ ở cấp uỷ, tổ chức đảng, các cơ quan tham mưu thực hiện nhiệm vụ bảo vệ chính trị nội bộ của Đảng. Triển khai thực hiện đồng bộ, đồng thời gắn công tác bảo vệ chính trị nội bộ với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và xây dựng hệ thống chính trị; thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ, kỷ lưỡng công tác rà soát, thẩm định, thẩm tra, xác minh, kết luận tiêu chuẩn chính trị. Tăng cường các biện pháp nắm tình hình, chủ động phòng ngừa, tự bảo vệ; phát hiện, ngăn chặn việc phát tán, gây rối nội bộ trong thời gian diễn ra các sự kiện quan trọng trên địa bàn tỉnh, không để lọt, lộ thông tin nội bộ; kịp thời tham mưu đề xuất cấp uỷ giải quyết dứt điểm các vấn đề chính trị nội bộ ngay từ cơ sở. Tăng cường công tác quản lý cán bộ, đảng viên đi nước ngoài và quan hệ, tiếp xúc với tổ chức, cá nhân người nước ngoài. Quản lý chặt chẽ hoạt động báo chí, truyền thông, mạng xã hội; bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng; thường xuyên rà soát, kiểm tra việc chấp hành các quy định về chế độ bảo mật.

#### ***11.7. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng***

Các cấp uỷ, tổ chức đảng tiếp tục đẩy mạnh công tác quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc quy định của Điều lệ Đảng, các hướng dẫn, kết luận của Trung ương, của Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng. Đổi mới công tác kiểm tra, giám sát theo hướng tăng cường sự lãnh đạo của cấp uỷ, hướng dẫn của uỷ ban kiểm tra cấp trên đối với cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra cấp dưới. Thực hiện đồng bộ giữa công tác kiểm tra và giám sát theo phương châm “giám sát phải mở rộng”, “kiểm tra phải có trọng tâm, trọng điểm”; kết hợp giám sát của Đảng với giám sát của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và giám sát của nhân dân.

Chú động năm tình hình hoạt động của cấp uỷ, tổ chức đảng, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý và người đứng đầu cấp uỷ các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị; tăng cường kiểm tra, giám sát đột xuất, nhất là những nơi có biểu hiện vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, quy chế làm việc của cấp uỷ, nội bộ mất đoàn kết và những nơi có vấn đề phức tạp, bức xúc nảy sinh. Tiếp tục củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy uỷ ban kiểm tra các cấp; thực hiện tốt công tác quy hoạch, điều động, luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác kiểm tra, giám sát.

***11.8. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; nâng cao hiệu quả hoạt động cải cách tư pháp***

Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền gắn với vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong việc thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; chủ động phòng ngừa, phát hiện, xử lý các vụ việc có dấu hiệu tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Chỉ đạo các cơ quan chức năng tăng cường thanh tra, kiểm tra, nhất là đối với các lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; đẩy nhanh tiến độ điều tra, truy tố, xét xử các vụ án, vụ việc liên quan đến tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

Tiếp tục quán triệt và triển khai thực hiện các chủ trương, nhiệm vụ của Trung ương, của Tỉnh uỷ về công tác tư pháp và cải cách tư pháp. Tăng cường chỉ đạo các cơ quan tư pháp thực hiện tốt công tác phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật và tội phạm xảy ra trên địa bàn tỉnh. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động tư pháp. Thường xuyên theo dõi, đôn đốc việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân liên quan đến hoạt động tư pháp. Quan tâm củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan tư pháp, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ tư pháp và hỗ trợ tư pháp; đầu tư cơ sở vật chất, bảo đảm điều kiện hoạt động của các cơ quan tư pháp và kinh phí cho các hoạt động cải cách tư pháp.

***11.9. Đổi mới công tác dân vận, thắt chặt hơn nữa mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng***

Tăng cường đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác dân vận của các cơ quan đảng, nhà nước; phát huy vai trò của nhân dân tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh trong tình hình

mới. Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt các chủ trương, nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh uỷ về công tác dân vận, công tác dân tộc, tôn giáo. Tiếp tục cụ thể hoá phương châm “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*”. Tăng cường công tác phối hợp giữa các ban, ngành, đoàn thể và chính quyền các cấp trong công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện các chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; nắm tình hình dư luận xã hội để kịp thời phản ánh với cấp uỷ, chính quyền về tâm tư, nguyện vọng, những khó khăn trong sản xuất và đời sống của người dân, đặc biệt là những vấn đề bức xúc, có liên quan đến dân tộc, tôn giáo.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong tỉnh tiếp tục đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức hoạt động theo hướng gắn bó mật thiết, sâu sát với nhân dân, hướng mạnh về cơ sở. Đa dạng hoá các hình thức tuyên truyền, vận động, tập hợp nhân dân; thực hiện tốt vai trò là người đại diện bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp của nhân dân; phát huy vai trò nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc, các phong trào thi đua yêu nước, nhất là phong trào thi đua “*Dân vận khéo*” và cuộc vận động “*Toàn dân tham gia xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*”. Nâng cao chất lượng hoạt động giám sát, phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng Đảng, chính quyền, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

***11.10. Tiếp tục tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, thực chất về đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở trong giai đoạn mới***

Phát huy sự chủ động, sáng tạo của các cấp uỷ, tổ chức đảng, vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý và người đứng đầu trong quá trình tổ chức thực hiện chủ trương, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng ban hành văn bản của Đảng theo hướng đồng bộ, toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện thực tế, tính khả thi cao, bảo đảm nguồn lực tổ chức thực hiện; từng bước hoàn thiện hệ thống các văn bản về công tác tổ chức cán bộ, công tác kiểm tra, giám sát, công tác tuyên truyền, vận động. Chú trọng đổi mới phong cách, phương pháp công tác, lề lối làm việc của các cấp uỷ, tổ chức đảng thật sự khoa học, dân chủ; xây dựng và ban hành quy chế làm việc của cấp uỷ bảo đảm quy định chặt chẽ nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ, quy trình công tác, khắc phục tình trạng bao biện, làm thay, vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, áp đặt hoặc buông lỏng vai trò lãnh đạo của cấp uỷ, tổ chức đảng. Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các cơ quan của hệ thống chính trị.

## IV NHỮNG NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ CÁC ĐỘT PHÁ

### 1. Những nhiệm vụ trọng tâm

(1)- Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, chính quyền và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

(2)- Đẩy nhanh tiến độ triển khai các công trình dự án như: Tranh thủ mọi nguồn lực kêu gọi đầu tư Cảng cửa ngõ vùng đồng bằng sông Cửu Long tại Trần Đề kết hợp hình thành khu kinh tế tổng hợp, đa ngành, đa chức năng; Dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1; Dự án tuyến đường trục phát triển kinh tế Bắc - Nam; Cầu Đại Ngãi và tuyến Quốc lộ 60 mới nối thành phố Sóc Trăng; các khu công nghiệp,... Khai thác lợi thế hành lang kinh tế ven sông Hậu kết nối khu vực kinh tế biển; kêu gọi đầu tư các dự án năng lượng, cảng biển, khu logistics, phát triển các khu, cụm công nghiệp, thương mại, dịch vụ và du lịch. Đẩy mạnh thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

(3) Cùng cố thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh. Phòng ngừa, làm thất bại mọi âm mưu, chống phá của các thế lực thù địch, phản động và các loại tội phạm, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

(4)- Bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá gắn với phát triển du lịch. Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, chăm sóc sức khoẻ nhân dân. Triển khai thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của người dân; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

(5) Tăng cường công tác quản lý, sử dụng hợp lý, hiệu quả đất đai, tài nguyên; bảo vệ, cải thiện môi trường; chủ động, tích cực triển khai các giải pháp ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu.

### 2. Đột phá

Các đột phá được xác định trong Văn kiện Đại hội lần thứ XIV của Đảng bộ tỉnh tiếp tục có giá trị chỉ đạo cho giai đoạn 2025 - 2030. Trong giai đoạn mới để đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững trong nhiệm kỳ mới, Đảng bộ tập trung vào những nội dung then chốt sau:

(1)- Tập trung thực hiện mạnh mẽ, quyết liệt chuyển đổi số ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn gắn với chuyển đổi phương thức sản xuất theo hướng hiện đại như nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp xanh, nông nghiệp công

nghe cao, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái, ... thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo, khoa học - công nghệ thực sự trở thành động lực quan trọng phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

(2)- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội đồng bộ, hiện đại, trọng tâm là ưu tiên phát triển hạ tầng trọng yếu về giao thông, năng lượng, cảng biển công nghệ thông tin, đô thị lớn, hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu; tập trung đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng du lịch, dịch vụ logistics trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh.

(3) Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đánh giá, quản lý công tác cán bộ; kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ; tạo môi trường thuận lợi, điều kiện để thúc đẩy đổi mới, sáng tạo; bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; khắc phục tình trạng đùn đẩy, né tránh, ngại đổi mới, sợ trách nhiệm.

---

**ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU  
ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ CẦN THƠ  
LẦN THỨ XV**

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

*Hậu Giang, ngày tháng năm 2024*

\*

**BÁO CÁO  
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU  
ĐẢNG BỘ TỈNH HẬU GIANG, LẦN THỨ XIV,  
NHIỆM KỲ 2020 - 2025**

-----

**TỰ HÀO ĐẢNG QUANG VINH, CHUNG SỨC ĐỒNG LÒNG,  
PHÁT HUY NỘI LỰC, TẬN DỤNG THỜI KỲ VÀNG, HIỆN THỰC HÓA  
KHÁT VỌNG, QUYẾT TÂM XÂY DỰNG TỈNH HẬU GIANG PHÁT TRIỂN  
NHANH, BỀN VỮNG, TOÀN DIỆN, BAO TRÙM, NGƯỜI DÂN  
CÓ CUỘC SỐNG AN NO, VĂN MINH, HẠNH PHÚC**

-----

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2025 - 2030 diễn ra trong bối cảnh có nhiều thời cơ, thuận lợi, song cũng không ít khó khăn, thách thức đan xen: *Trên thế giới*, hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế chủ đạo trong quan hệ quốc tế nhưng cạnh tranh chiến lược, cạnh tranh kinh tế, chiến tranh thương mại, xung đột diễn ra dưới những hình thức mới và gay gắt hơn. *Trong nước*, thế và lực của đất nước sau gần 40 năm đổi mới đã lớn mạnh hơn cả về quy mô và sức cạnh tranh; tình hình chính trị - xã hội và kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định, vị thế, uy tín của nước ta tiếp tục được nâng lên. Tuy nhiên, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh diễn biến khó lường đã tác động đến hầu hết các ngành, các lĩnh vực; các thế lực thù địch, phần tử cơ hội chính trị không ngừng chống phá; tình hình trên biển Đông ngày càng diễn biến khó lường... *Trong tỉnh*, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân đã phát huy tốt truyền thống đoàn kết, quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, với nhiều chủ trương, chính sách, giải pháp mới, đột phá được triển khai, tạo động lực quan trọng, có tính quyết định cho sự phát triển mạnh mẽ của tỉnh. Bên cạnh những thuận lợi, tỉnh cũng đối mặt với không ít khó khăn, thách thức như: Quy mô kinh tế vẫn còn

nhỏ; năng suất lao động, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư, thu ngân sách trên địa bàn thấp; hạ tầng chiến lược thiếu, chưa đồng bộ; nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới,...

Trong bối cảnh đó, bám sát các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhất là Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị khóa XIII về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã chủ động lường đón, nỗ lực vượt khó, phát huy nội lực, tận dụng thời cơ, lợi thế mới, với tinh thần “Đổi mới, đột phá, quyết tâm, khát vọng”, trên cơ sở Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, Chương trình hành động toàn khóa và chương trình công tác hàng năm, toàn hệ thống chính trị tập trung triển khai, hiện thực hóa các nghị quyết, chương trình, đề án phát triển tỉnh; từ nỗ lực lớn, quyết tâm cao, cùng sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận của Nhân dân và doanh nghiệp, Tỉnh đã đạt được những kết quả khá toàn diện trên các lĩnh vực, nhiều chỉ tiêu tăng trưởng ấn tượng. Công tác xây dựng Đảng có nhiều tiến bộ, ghi nhận nhiều đổi mới thực chất; hệ thống chính trị được củng cố, tăng cường và hoạt động hiệu quả. Kinh tế tăng trưởng cao, đánh dấu sự phát triển bứt phá qua 20 năm thành lập và phát triển; phòng, chống, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh Covid-19; hoạt động văn hóa, xã hội; đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện; quốc phòng được tăng cường, an ninh chính trị và trật tự xã hội được giữ vững ổn định.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2025 - 2030 là sự kiện chính trị trọng đại của Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân trong tỉnh. Với phương châm **“Đoàn kết Dân chủ Kỹ cương Đột phá Phát triển”**, Đại hội lần thứ XV có nhiệm vụ tổng kết việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh khóa XIV, tổng kết 20 năm thành lập và phát triển, kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025; xác định mục tiêu, nhiệm vụ nhiệm kỳ 2025 - 2030; thảo luận góp ý kiến vào dự thảo các văn kiện Đại hội lần thứ XIV của Đảng; bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025 - 2030 và bầu Đoàn đại biểu dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV có ý nghĩa rất quan trọng, làm cơ sở để Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân tỉnh nhà tự hào và tin tưởng dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, đoàn kết, thống nhất, phát huy nội lực, tận dụng “thời kỳ vàng” hiện thực hóa khát vọng xây dựng tỉnh Hậu Giang phát triển nhanh, bền vững, toàn diện, bao trùm, cùng cả nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

## Phần thứ nhất

# ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XIV, 20 NĂM THÀNH LẬP VÀ PHÁT TRIỂN TỈNH HẬU GIANG

----

## I ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XIV

### 1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo nghiên cứu, học tập, quán triệt, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020 – 2025

#### 1.1. Kết quả tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt nghị quyết

Quán triệt và thực hiện nghiêm Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã sớm ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo công tác nghiên cứu học tập, quán triệt, tuyên truyền và thực hiện nghị quyết<sup>[1]</sup>, với phương châm “*hình thức tập trung, nội dung thiết thực, hành động quyết liệt, hiệu quả thực chất*”, công tác quán triệt được tổ chức nghiêm túc, bài bản, kịp thời, sáng tạo và hiệu quả. Điểm đổi mới, nổi bật là tổ chức các hội nghị nghiên cứu, quán triệt nghị quyết bằng hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến, trong đó, hình thức trực tuyến ngày càng được chú trọng; tổ chức các cuộc hội thảo, tọa đàm, cuộc thi, hội nghị chuyên đề<sup>[2]</sup>; đẩy mạnh ứng dụng nền tảng số của phân mềm “Số tay đảng viên điện tử” vào triển khai, tuyên truyền những nội dung cốt lõi, trọng tâm của nghị quyết, góp phần đổi mới phương pháp, cách thức nghiên cứu, học tập, nghị quyết, nội dung sinh hoạt chi bộ ngày càng thiết thực, hiệu quả.

Nhìn chung, việc tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt các nghị quyết, đề án, chương trình của Tỉnh ủy được các cấp ủy, tổ chức đảng, đơn vị, địa phương lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện kịp thời, chặt chẽ, có chất lượng, phù hợp với tình hình thực tế, góp phần quán triệt, tuyên truyền sâu rộng đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh, gắn với các phong trào thi đua yêu nước, tạo khí thế sôi nổi, rộng khắp trong toàn Đảng bộ, toàn quân, toàn dân, quyết tâm thực hiện thắng lợi các nghị quyết, đề án, chương trình. Qua đó nâng

<sup>[1]</sup> Chỉ thị số 01-CT/TU, ngày 03/11/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc học tập, quán triệt, tuyên truyền và thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020 – 2025, Chương trình số 07-CTr/TU, ngày 26/11/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hậu Giang lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020 – 2025

<sup>[2]</sup> Chỉ đạo tổ chức Tọa đàm đưa nghị quyết Đại hội Đảng vào cuộc sống với chủ đề “Đột phá phát triển nguồn nhân lực tỉnh Hậu Giang”, tổ chức cuộc thi tìm hiểu Chương trình số 50-CTr/TU.

cao nhận thức, trình độ lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, uốn nắn những nhận thức lệch lạc, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch.

### ***1.2. Kết quả xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết, nhất là Chương trình số 50-CTr/TU của Tỉnh ủy***

Để cụ thể hóa và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Chương trình số 07-CTr/TU ngày 26/11/2020. Sau Đại hội XIII của Đảng, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Chương trình số 50-CTr/TU (thay thế Chương trình số 07-CTr/TU), vừa cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, vừa định hướng lại nội dung, phương thức triển khai, thực hiện hiệu quả Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV. Với tinh thần **“Đổi mới, đột phá, quyết tâm, khát vọng”**, Chương trình số 50-CTr/TU đã quán triệt sâu sắc, đầy đủ quan điểm chỉ đạo, định hướng và nhiệm vụ trọng tâm Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, đồng thời đề ra mục tiêu có tính phấn đấu cao, quyết tâm cải thiện vị trí xếp hạng về quy mô nền kinh tế, thu ngân sách, xây dựng thành công các nền tảng bền vững cho tăng trưởng kinh tế các giai đoạn tiếp theo, 3 khâu đột phá được diễn đạt lại khoa học và rõ ràng hơn. Để triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, đặc biệt là cụ thể hóa Chương trình số 50-CTr/TU, tỉnh đã ban hành 19 văn bản lãnh đạo và 15 định hướng nhiệm vụ trên nhiều lĩnh vực. Trong đó có một số nghị quyết, đề án có tư duy đột phá, tầm nhìn chiến lược.

### ***1.3. Công tác kiểm tra, đôn đốc việc triển khai, quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết, chương trình***

Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chú trọng công tác kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, Chương trình số 50-CTr/TU, các nghị quyết, đề án, chuyên đề thực hiện Nghị quyết Đại hội. Các cấp ủy, chính quyền đã bám sát chương trình, quy chế làm việc, chương trình công tác hàng năm của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Thường trực Tỉnh ủy để chủ động cụ thể hóa bằng các chương trình, kế hoạch phù hợp với địa phương, đơn vị, góp phần đảm bảo các nội dung nghị quyết, chương trình hành động được triển khai thực hiện một cách nghiêm túc, đồng bộ, hiệu quả từ tỉnh đến cơ sở.

Thực hiện quy chế và chương trình làm việc, định kỳ Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy làm việc với các đảng bộ trực thuộc, các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tỉnh,... đặc biệt Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thành lập Ban Chỉ đạo công tác triển khai, quán triệt, thực hiện các

ng nghị quyết, chủ trương của Đảng để đánh giá việc triển khai, quán triệt và cụ thể hóa thực hiện nghị quyết của các cấp ủy đảng và cơ quan, đơn vị, với quyết tâm đưa nghị quyết vào cuộc sống, nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh đã đề ra<sup>[3]</sup>.

## **2. Kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025**

### **2.1. Kết quả thực hiện 3 nhiệm vụ đột phá chiến lược**

**(1) Đột phá thứ nhất:** Tỉnh ủy đã thể chế hóa, ban hành đồng bộ, liên thông hệ thống các văn bản, cơ chế, chính sách để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đột phá về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực lãnh đạo chủ chốt các cấp đã mang lại hiệu quả tích cực<sup>[4]</sup>.

#### **- Đổi mới công tác đánh giá cán bộ**

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Quy định số 1120-QĐ/TU ngày 01/6/2022 về “*Bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trên địa bàn tỉnh Hậu Giang*”. Lần đầu tiên Tỉnh có tiêu chí đánh giá cán bộ toàn diện, khoa học, lượng hóa cụ thể *năng suất*, chất lượng và kết quả công việc, chú trọng phát huy phẩm chất, năng lực và uy tín, bản lĩnh chính trị của cán bộ, công chức. Đặc biệt, Tỉnh ủy đã chỉ đạo xây dựng và triển khai có hiệu quả bộ chỉ số đo lường hiệu quả, hiệu suất công việc (KPI), phần mềm quản lý văn bản và đánh giá hiệu quả công việc, đây là công cụ hiệu quả để đánh giá cán bộ thông qua sản phẩm công việc và thời gian làm việc mang tính đột phá, tiên phong của tỉnh.

#### **- Đổi mới quy trình bổ nhiệm cán bộ**

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Đề án số 05-ĐA/TU ngày 01/6/2022 về “*Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp*” với nhiều nội dung, phương pháp, cách làm đổi mới, đột phá, trọng tâm là việc cán bộ được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại phải trình bày chương trình hành động của cá nhân trong 05 năm tới nếu được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại vào chức vụ dự kiến giới thiệu. Quá trình thực hiện dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch. Đổi mới này đã góp phần giới thiệu, lựa chọn được những cán bộ có phẩm chất, năng lực thật sự bổ nhiệm vào những chức danh lãnh đạo tại các cơ quan, đơn vị.

<sup>[3]</sup> Quyết định số 1757-QĐ/TU ngày 12/01/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Quyết định số 3637 ngày 18/3/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy

<sup>[4]</sup> Tỉnh ủy đã ban hành 01 nghị quyết, 07 đề án, 01 quy định, 01 kế hoạch về công tác cán bộ như Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 01/6/2022 về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn đến năm 2030; Đề án số 05-ĐA/TU, ngày 01/6/2022 về việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt các cấp; Đề án số 06-ĐA/TU, ngày 01/5/2023 về việc thí điểm đổi mới tinh giản biên chế gắn với tuyển dụng cán bộ trẻ ngang tầm nhiệm vụ.

**- Đổi mới tinh giản biên chế, gắn với tuyển dụng cán bộ trẻ, ngang tầm nhiệm vụ**

Từ thực trạng, chất lượng nguồn nhân lực còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Đề án số 06-ĐA/TU ngày 01/5/2023 về “Đổi mới tinh giản biên chế gắn với tuyển dụng cán bộ trẻ, ngang tầm nhiệm vụ”. Với mục tiêu giai đoạn 2022 - 2025: Tinh giản biên chế tối thiểu 5% đối với cán bộ, công chức và tối thiểu 5% đối với viên chức (ngoài chỉ tiêu biên chế Trung ương giao giảm giai đoạn 2022 - 2026) để tuyển dụng cán bộ trẻ có trình độ, năng lực thay thế. Qua quá trình tổ chức thực hiện các chủ trương nêu trên, bước đầu đã tạo sự chuyển biến thực chất, rõ nét trong nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, tạo được sự đồng thuận, quyết tâm và khát vọng cống hiến trong đội ngũ cán bộ, đảng viên nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp, từ tỉnh đến cơ sở.

**(2) Đột phá thứ hai:** Tỉnh đã tập trung rà soát, điều chỉnh, bổ sung hoàn thiện đồng bộ cơ chế, chính sách tạo động lực phát triển; môi trường đầu tư, kinh doanh được cải thiện, thông thoáng, minh bạch, thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân. Công tác cải cách hành chính được chỉ đạo mạnh mẽ, hướng đến mục tiêu nâng cao chất lượng và cải thiện vị trí xếp hạng các chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh, trong nhiệm kỳ các chỉ số đều tăng, nằm trong nhóm cao của cả nước<sup>[5]</sup>, đặc biệt năm 2023 chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) nằm trong top 10 cả nước. Chính quyền điện tử, chuyên đổi số đã và đang được triển khai thực hiện tích cực trong hệ thống các ngành, lĩnh vực, giúp người dân và doanh nghiệp kịp thời nắm bắt thông tin và thuận tiện, dễ dàng trong thực hiện các giao dịch công. Tổ chức Hội nghị xúc tiến đầu tư với 05 điểm nhấn thành công<sup>[6]</sup>, tạo điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư trong nước và ngoài nước đến khảo sát, tìm hiểu và đầu tư một số dự án quan trọng. Tỉnh duy trì tổ chức Chương trình Cà phê doanh nhân hàng quý, nhằm tạo không gian gặp gỡ, đối thoại giữa lãnh đạo tỉnh,

<sup>[5]</sup> Năm 2022 các chỉ số cạnh tranh của tỉnh tăng từ 5 đến 26 bậc, năm 2023 các chỉ số cạnh tranh của tỉnh tăng từ 01 đến 36 bậc, năm 2024

<sup>[6]</sup> Thứ nhất, sự tham dự của đồng chí Thủ tướng Chính phủ và lãnh đạo các bộ, ngành Trung ương. Đặc biệt là đồng chí Thủ tướng có bài phát biểu đánh hương không những đối với tỉnh mà còn kêu gọi đối với các doanh nghiệp và một số gọi mở của các bộ, ngành Trung ương, thứ hai là có trên 600 doanh nghiệp trong nước và nước ngoài, các nhà đầu tư đến trực tiếp tham dự tại hội nghị, thứ ba, tại hội nghị đã trao chủ trương đầu tư và giấy chứng nhận đầu tư cho 12 dự án, với tổng mức đầu tư 18.997 tỷ đồng. Ký kết biên bản ghi nhớ đầu tư với 08 nhà đầu tư, với tổng giá trị khoảng 220 000 tỷ đồng, thứ tư là tiềm năng, cơ hội và thế mạnh của Hậu Giang đã được lan tỏa đến hơn 600 doanh nghiệp tham gia trực tiếp tại hội nghị. Ngoài ra, đã lan tỏa đến rất nhiều các doanh nghiệp trong khu vực và cả nước về cơ hội, những tiềm năng mới của Hậu Giang rất hấp dẫn đối với các doanh nghiệp, thứ năm, thông qua hội nghị, hệ thống chính trị cũng như người dân Hậu Giang có thêm niềm tin, có thêm cảm hứng, có động lực để cùng nhau hiện thực hóa mục tiêu thu hút doanh nghiệp, phát triển kinh tế xã hội của Hậu Giang trong giai đoạn phát triển mới.

các cơ quan quản lý nhà nước với cộng đồng các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; là nơi để kết nối giữa các doanh nghiệp, diễn đàn giao lưu, để các doanh nghiệp chia sẻ thông tin, tiếp cận những chính sách đầu tư mới. Tỉnh tập trung xây dựng cơ chế, chính sách, nhất là cơ chế, chính sách đặc thù, ưu đãi đặc biệt trên một số lĩnh vực thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã; ban hành tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư vào các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

**(3) Đột phá thứ ba:** Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được tỉnh triển khai bài bản, sâu sắc, toàn diện, khoa học và chất lượng, với sự quyết tâm, tư duy đột phá, tầm nhìn chiến lược, định hướng phát triển xuyên suốt trong Quy hoạch tỉnh là “Một tâm, hai tuyến, ba thành, bốn trụ, năm trọng tâm”. Quy hoạch tỉnh được phê duyệt tại Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 08/12/2024 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 566/QĐ-TTg ngày 22/6/2024, là tỉnh có Quy hoạch và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh được phê duyệt sớm so với cả nước. Trên cơ sở đó, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Chương trình số 274-CTr/TU ngày 28/8/2024 triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh Hậu Giang, UBND tỉnh cụ thể hóa thành Kế hoạch thực hiện để thống nhất trong nhận thức, hành động, huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và sự chung sức, đồng lòng của người dân để tổ chức thực hiện Quy hoạch tỉnh nghiêm túc, tổng thể, toàn diện, sớm hiện thực hóa Quy hoạch tỉnh.

Tỉnh tập trung nguồn lực để tháo gỡ điểm nghẽn và hạ tầng chiến lược, đặc biệt là hạ tầng giao thông và công nghiệp. Trong nhiệm kỳ tỉnh đã huy động được 24.278 tỷ đồng, đầu tư mới các dự án giao thông trọng điểm như: Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng, các tuyến đường tỉnh lộ, các tuyến giao thông kết nối cao tốc...; đầu tư 06 khu tái định cư; bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất tạo quỹ đất sạch công nghiệp các dự án Sông Hậu II, Đông Phú II, Trung tâm công nghiệp thực phẩm miền Tây.

## **2.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu**

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh đề ra 18 chỉ tiêu chủ yếu (được cụ thể hóa thành 36 nội dung), kết quả đạt được khá toàn diện: có 13 chỉ tiêu vượt (Điểm số, chỉ số PAR INDEX, VIET NAM ICT INDEX tăng; tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân; GRDP bình quân đầu người; chuyển dịch cơ cấu kinh tế; tổng vốn đầu tư toàn xã hội; số doanh nghiệp thành lập mới và đang hoạt động; thu ngân sách nhà nước; giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm; lao động và việc làm; giáo dục; y tế; xây dựng nông thôn mới; tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch); có 05 chỉ tiêu đạt kế hoạch (kết nạp đảng viên; cơ sở của các đoàn thể chính trị - xã hội vững mạnh; quốc phòng; an ninh) (*kèm phụ lục*).

### **2.3. Kết quả lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, con người và bảo vệ môi trường**

*(1) Phát triển kinh tế là điểm sáng trong nhiệm kỳ 2020 - 2025, GRDP liên tục tăng trưởng cao hơn khu vực và cả nước, đánh dấu sự phát triển bứt phá nhất trong 20 năm thành lập.*

Tỉnh ủy đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, khai thác tiềm năng, huy động mọi nguồn lực phát triển kinh tế, với nhiều quyết sách quan trọng: Cơ cấu lại nguồn vốn, ưu tiên cho đầu tư phát triển; đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển tư duy từ “cho phép”, “cấp phép” sang “được phép”; xây dựng cơ chế, chính sách tạo lợi thế khác biệt, cạnh tranh; bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để tạo quỹ đất sạch; tăng cường công tác xúc tiến đầu tư<sup>7</sup> bằng kêu gọi đầu tư, ... Từ đó, nhiều công trình, dự án trọng điểm được triển khai, thu hút được nhiều nhà đầu tư lớn, uy tín đầu tư, mở rộng sản xuất. Trong nhiệm kỳ tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) của Tỉnh liên tục tăng trưởng cao hơn bình quân khu vực và cả nước, đánh dấu sự phát triển mạnh mẽ nhất trong 20 năm qua<sup>8</sup>. GRDP bình quân giai đoạn 2020 - 2025 là 9,24%/năm, vượt 42,15% chỉ tiêu nhiệm kỳ. Quy mô nền kinh tế không ngừng được mở rộng, đạt 77.854 tỷ đồng (tương đương 3,05 tỷ USD), tăng 107,22% so với đầu nhiệm kỳ. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng định hướng, tăng tỷ trọng khu vực II (công nghiệp và xây dựng) và giảm dần tỷ trọng khu vực I (nông, lâm nghiệp và thủy sản) trong cơ cấu kinh tế, khẳng định vai trò động lực của công nghiệp trong sự phát triển của tỉnh<sup>9</sup>. GRDP bình quân đầu người/năm đến năm 2025 ước đạt 106,44 triệu đồng, tăng 54,96 triệu đồng so với năm 2020 (năm 2020 đạt 51,48 triệu đồng), vượt 38,24% chỉ tiêu nhiệm kỳ. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng qua từng năm, tính chung 5 năm là 114.120 tỷ đồng, vượt 15,27% chỉ tiêu

<sup>7</sup> Tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư tỉnh Hậu Giang, do đồng chí Bí thư Tỉnh ủy làm Trưởng ban, đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh làm Phó Trưởng ban Thường trực Hội nghị xúc tiến đầu tư năm 2022 tạo nên vang lớn, với 5 thành công quan trọng, sau Hội nghị nhiều doanh nghiệp lớn, uy tín đã đến tìm hiểu và đầu tư, kết quả thu hút được nhiều nhà đầu tư, nhất là các nhà đầu tư chiến lược. Đặc biệt, quán triệt tinh thần “thành công của doanh nghiệp và thành quả của Hậu Giang”, “Doanh nghiệp đến, Hậu Giang vui”, tỉnh đã ban hành nhiều chính sách và luôn đồng hành hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển sản xuất, vượt qua khó khăn, nhất là sau đại dịch Covid 19

<sup>8</sup> GRDP năm 2020 đạt 2,47%, thấp hơn 0,4% so với bình quân của cả nước (cả nước tăng trưởng 2,87%), năm 2021 đạt 3,08%, đứng thứ 39 cả nước và thứ 2 khu vực đồng bằng Sông Cửu Long, cao hơn 0,53% so với bình quân của cả nước (cả nước tăng trưởng 2,55%); năm 2022 đạt 13,94%, mức cao nhất kể từ khi thành lập tỉnh, đứng thứ 4 cả nước và đứng đầu khu vực đồng bằng Sông Cửu Long, cao hơn 5,4% so với bình quân cả nước (cả nước tăng trưởng 8,54%); năm 2023 đạt 12,27%, tăng trưởng kinh tế vươn lên đứng thứ 2 cả nước và đứng đầu khu vực đồng bằng sông Cửu Long, cao hơn 7,2% so với bình quân cả nước (cả nước tăng trưởng 5,07%); năm 2024 đạt 8,76%, thứ 15 cả nước và đứng thứ 2 khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

<sup>9</sup> Cơ cấu kinh tế ước đến năm 2025 khu vực I 20,84%, khu vực II 40,84%, khu vực III 33,25%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sau phẩm 6,08% (kế hoạch là 22% - 29,84% - 38,75% - 9,41%). Tỷ trọng khu vực I đã giảm 6,39%, khu vực II tăng 13,78% trong 5 năm

và tăng 26,8% so với giai đoạn 2015 - 2020. Năng suất lao động năm 2025 là 186 triệu đồng/lao động/năm, tăng bình quân 15%/năm.

*Lĩnh vực công nghiệp:* Với cơ chế, quyết sách thông thoáng, cạnh tranh, lĩnh vực công nghiệp trở thành trụ cột quan trọng trong phát triển kinh tế tỉnh Hậu Giang, lần đầu tiên giá trị sản xuất công nghiệp vượt giá trị sản xuất nông nghiệp (năm 2023). Giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng không ngừng tăng lên, GRDP lĩnh vực công nghiệp tăng bình quân là 21,65%, đây là bước khởi sắc của công nghiệp (trong đó, năm 2022 tăng 42,73% so với năm 2021 hoặc năm 2022 tăng 54,76% so với năm 2020). Tỷ trọng ngành công nghiệp tăng từ 18,88% năm 2020 lên 36,62% năm 2025 trong cơ cấu kinh tế. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh đã có nhiều dự án mới đi vào hoạt động<sup>[10]</sup>.

*Lĩnh vực nông nghiệp:* Sản xuất nông nghiệp được xác định là một trong 4 trụ cột phát triển của tỉnh. Do đó, tỉnh đã ban hành đồng bộ nhiều chủ trương, cơ chế, chính sách<sup>[11]</sup> để lãnh đạo, chỉ đạo, hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, tập trung lãnh đạo thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển nông nghiệp theo hướng chất lượng, phù hợp nhu cầu thị trường; ưu tiên nguồn lực hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp; kết cấu hạ tầng thiết yếu phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và phòng chống thiên tai được chú trọng đầu tư, kết hợp lồng ghép với chiến dịch giao thông nông thôn - thủy lợi theo phương châm Nhà nước và Nhân dân cùng làm. Đến nay, hệ thống kết cấu hạ tầng nông thôn đã phát triển khá, hệ thống thủy lợi tạo nguồn phát huy hiệu quả<sup>[12]</sup>.

Từ đó, trụ cột nông nghiệp tiếp tục phát triển ổn định, tăng trưởng bình quân 3,63%/năm, luôn giữ vai trò là trụ đỡ vững chắc cho nền kinh tế của tỉnh, kể cả trong thời điểm khó khăn nhất (thời điểm đại dịch Covid-19 bùng phát). Kinh tế tập thể, hợp tác xã không ngừng được củng cố và tăng lên về số lượng; kinh tế

<sup>[10]</sup> Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng Xanh Hamaco, sản xuất xi măng các loại, Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu I, sản xuất điện, Công ty TNHH MTV Nhựa Sinh Học Hậu Giang. Các khu công nghiệp đã thu hút được 41 dự án mới và mở rộng, với tổng vốn thu hút thêm khoảng 7.000 tỷ đồng, hỗ trợ nhà đầu tư triển khai dự án với tổng số vốn khoảng 21.559 tỷ đồng. Lũy kế đến nay thu hút 75 doanh nghiệp, thu hút 78 dự án đầu tư (có 13 dự án đầu tư nước ngoài) với tổng số vốn đầu tư trong nước là 78.431 tỷ đồng và tổng vốn đầu tư nước ngoài 3.827,98 triệu USD.

<sup>[11]</sup> Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 26/11/2021 về phát triển công nghiệp, nông nghiệp, đô thị và du lịch tỉnh Hậu Giang, giai đoạn 2021 - 2025 và các năm tiếp theo, Nghị quyết số 07/NQ/TU, về thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới, Chương trình thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 Ban Chấp hành Trung ương Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2045.

<sup>[12]</sup> Toàn tỉnh có 885 ô bao khép kín với quy mô 50 đến 200 ha và 130 trạm bơm điện, diện tích phục vụ 27.227 ha, 01 hồ chứa nước ngọt với diện tích mặt nước 34,53 ha, cơ khả năng đảm bảo nguồn cung cấp nước mặt chất lượng cho các nhà máy xử lý nước sạch của tỉnh. Hệ thống công trình cấp nước sạch nông thôn được đầu tư xây dựng, nâng cấp với 70 trạm, trong đó có 36 trạm cấp nước tập trung (10 trạm đầu nổi), góp phần cung cấp nguồn nước sạch đảm bảo sinh hoạt cho trên 92% hộ dân nông thôn.

trang trại đang từng bước phát triển về số lượng và quy mô. Toàn tỉnh có 245 hợp tác xã, tăng 32 HTX so đầu nhiệm kỳ; có 50 trang trại, tăng 26 trang trại so đầu nhiệm kỳ. Tổ chức thành công, ấn tượng Festival quốc tế ngành hàng lúa gạo Việt Nam - Hậu Giang 2023,...

Xây dựng nông thôn mới đạt nhiều kết quả tích cực<sup>[13]</sup>, bộ mặt nông thôn đã thay đổi rõ rệt, cùng với việc chuyển giao ứng dụng khoa học công nghệ mới, chuyển đổi cơ cấu giống và áp dụng các giải pháp kỹ thuật sản xuất tiên tiến mang lại năng suất, chất lượng cao, góp phần tăng thu nhập. Chương trình mỗi xã một sản phẩm - OCOP tạo được động lực thúc đẩy các chủ thể tích cực tham gia và có nhiều đổi mới sáng tạo. Toàn tỉnh có 388 sản phẩm OCOP<sup>[14]</sup>, trong đó, có trong đó có 03 sản phẩm 5 sao, 110 sản phẩm 4 sao, 235 sản phẩm 3 sao.

*Lĩnh vực đô thị:* Lĩnh vực quy hoạch xây dựng đô thị được chú trọng, làm cơ sở để triển khai thực hiện các dự án đầu tư, chỉnh trang phát triển đô thị, quản lý nhà nước về trật tự xây dựng, thu hút đầu tư xây dựng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Chất lượng các đồ án quy hoạch trên địa bàn tỉnh được tổ chức lập đảm bảo về trình tự, thủ tục. Tốc độ tăng trưởng bình quân của lĩnh vực xây dựng là 10,27%/năm (kế hoạch 6,24%/năm). Công tác phát triển đô thị thực hiện đạt 100% kế hoạch đề ra, năm 2025 tỷ lệ đô thị hóa, đạt 32%.

*Lĩnh vực du lịch:* Phát triển du lịch tiếp tục được quan tâm, tình xây dựng và triển khai thực hiện các nghị quyết, kế hoạch, đề án liên quan đến phát triển du lịch<sup>[15]</sup>, tạo nền tảng quan trọng để phát triển du lịch. Nhiều doanh nghiệp và hộ gia đình đã mạnh dạn đầu tư kinh doanh các dịch vụ du lịch góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh.

Chất lượng thương mại, dịch vụ tiếp tục được nâng lên, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng; hình thức thương mại chuyển dịch theo hướng hiện đại, phù hợp với nhu cầu và thị hiếu của người dân trong và ngoài tỉnh; mạng lưới thương mại, chuỗi cửa hàng tiện ích, dịch vụ được đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân mua sắm, vui chơi giải trí. Tổng doanh thu hoạt động thương mại và dịch vụ tiêu dùng thực hiện nhiệm kỳ 2020 - 2025 ước thực hiện 269.121 tỷ

<sup>[13]</sup> Đến năm 2025, toàn tỉnh có 04 đơn vị cấp huyện được công nhận hoàn thành/đạt chuẩn nông thôn mới, 11/43 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt 25,58%, có 43/51 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt 84,31%, có 05/11 xã nông thôn mới kiểu mẫu, đạt 45,45%.

<sup>[14]</sup> Có 160 chủ thể (bao gồm 25 công ty, chiếm tỷ lệ 15,6%, có 45 hợp tác xã, chiếm tỷ lệ 28,1%, có 90 cơ sở, hộ kinh doanh, chiếm tỷ lệ 56,3%).

<sup>[15]</sup> UBND tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, Đề án phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

đồng, tăng 9,94% so với chỉ tiêu (chỉ tiêu là 244.784 tỷ đồng), tốc độ tăng trưởng bình quân 9,85%/năm.

Hoạt động xuất nhập khẩu được chú trọng theo hướng mở rộng thị trường, đa dạng hóa mặt hàng, phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững, hạn chế ô nhiễm môi trường, từ đó nâng cao hiệu quả xuất nhập khẩu. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa trực tiếp, uỷ thác và các dịch vụ đại lý chi trả ngoại tệ của các tổ chức tín dụng trên địa bàn nhiệm kỳ 2020 - 2025 ước thực hiện được 6.093 triệu USD, vượt 4,12% so với chỉ tiêu (chỉ tiêu là 5.852 triệu USD), tốc độ tăng bình quân 5,42%/năm<sup>[16]</sup>.

Triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp điều hành thu ngân sách nhà nước, góp phần nuôi dưỡng nguồn thu bền vững cho ngân sách nhà nước, hoàn thành đạt và vượt kế hoạch đề ra, thu ngân sách của tỉnh trở thành điểm sáng, mỗi năm thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng bình quân 1.000 tỷ đồng; quản lý chi ngân sách chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả; chủ động điều hành đảm bảo cân đối ngân sách các cấp; đẩy mạnh thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Tổng thu ngân sách cả nhiệm kỳ được 74.059 tỷ đồng, đạt trên 168% chỉ tiêu Nghị quyết; trong đó, thu nội địa 30.481 tỷ đồng, đạt 179% chỉ tiêu Nghị quyết. Tổng chi là 67.131 tỷ đồng, đạt 168% chỉ tiêu Nghị quyết, trong đó chi đầu tư phát triển là 31.793 tỷ đồng, đạt 232% chỉ tiêu Nghị quyết. Quy mô tín dụng tăng nhanh đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, tỷ lệ nợ xấu tiếp tục được cải thiện, duy trì trong phạm vi cho phép.

### *(2) Phát triển văn hóa, xã hội, con người đạt nhiều kết quả ấn tượng*

Hoạt động văn hóa, văn nghệ được các cấp ủy quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, phục vụ đời sống tinh thần của Nhân dân, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ chính trị của tỉnh trên lĩnh vực văn hóa, văn nghệ<sup>[17]</sup>. Nhận thức của cấp ủy đảng, chính quyền và Nhân dân Hậu Giang về phát triển văn hóa, con người trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh được nâng lên. Lần đầu tiên sau 20 năm thành lập, tỉnh ban hành Nghị quyết về phát triển văn hóa, con người Hậu Giang. Môi trường

<sup>[16]</sup> Trên địa bàn tỉnh hiện nay có 30 doanh nghiệp lớn thực hiện hoạt động xuất nhập khẩu, trong đó các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu là: Thủy hải sản, giấy dếp, gạo, giấy và các sản phẩm từ giấy,... mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là Hóa chất, nguyên phụ liệu dệt may da, giấy, giày, máy móc thiết bị. Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa trực tiếp, uỷ thác và các dịch vụ đại lý chi trả ngoại tệ của các tổ chức tín dụng 4.171 triệu USD, đạt 96,29% kế hoạch (KH 4.331 triệu USD), tốc độ tăng bình quân 7,02%/năm. Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 1.923 triệu USD, vượt 26,45% kế hoạch (KH 1.521 triệu USD), tốc độ tăng bình quân 2,08%/năm.

<sup>[17]</sup> Tỉnh đã ban hành Nghị quyết "xây dựng và phát triển văn hóa, con người Hậu Giang đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững", tổ chức nhiều chương trình nghệ thuật lớn phục vụ cho Nhân dân trong dịp Tết và các kiện chính trị quan trọng của địa phương, nổi bật là chi đạo xây dựng 15 tập phim tài liệu về Hậu Giang, biên soạn sách kỷ niệm 20 năm thành lập tỉnh Hậu Giang và tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, văn học nghệ thuật hướng đến kỷ niệm 20 năm thành lập tỉnh.

văn hóa, phẩm chất con người Hậu Giang được quan tâm xây dựng từ nhà trường, gia đình đến cộng đồng xã hội. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và công tác gia đình được đẩy mạnh, mang lại nhiều kết quả đáng ghi nhận<sup>[18]</sup>. Thể thao thành tích cao của tỉnh được đầu tư và gặt hái nhiều kết quả đáng khích lệ<sup>[19]</sup>. Tỉnh tổ chức thành công 5 kỳ Giải marathon quốc tế “Mekong Delta” - Hậu Giang, đem lại những ấn tượng và trở thành thương hiệu của tỉnh Hậu Giang.

Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách giải quyết việc làm cho người lao động, duy trì và mở rộng thị trường lao động<sup>[20]</sup>, tạo việc làm mới cho 90.178/75.000 lao động, đạt 120,24% chỉ tiêu Kế hoạch. Các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng được thực hiện toàn diện, ngoài trợ cấp thường xuyên còn có chế độ trợ cấp một lần, chăm sóc sức khỏe, điều dưỡng, phục hồi chức năng, y tế, giáo dục đào tạo, cải thiện nhà ở, đất ở, ... với tổng kinh phí gần 950 tỷ đồng.

Công tác giảm nghèo, bảo trợ xã hội, bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em, bình đẳng giới, ... được chú trọng<sup>[21]</sup>, đời sống của Nhân dân không ngừng được cải thiện. Thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, tỉnh đã thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp hỗ trợ giảm nghèo, an sinh xã hội, huy động nhiều nguồn lực giải quyết nhà ở cho người có công, hộ nghèo, trong nhiệm kỳ đã xây dựng và sửa chữa được 3.377 căn nhà tình nghĩa, đại đoàn kết, trị giá hơn 167,951 tỷ đồng (trong đó sửa chữa 470 căn, trị giá 9,4 tỷ đồng); đặc biệt dịp 20 năm thành lập tỉnh, 50 năm Ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, 80 năm Ngày thành lập Ngày thành lập nước xây dựng được 1.429 căn nhà đại đoàn kết, với số tiền 71,450 tỷ đồng; 1.479 căn nhà (trong đó sửa chữa 646 căn, trị giá 19,380 tỷ đồng) cho gia đình chính sách, người có công; hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ đồng

<sup>[18]</sup> Tỷ lệ ấp, khu vực có Nhà văn hóa Khu thể thao chiếm 95,23%. Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có Trung tâm Văn hóa Thể thao hoặc Trung tâm Văn hóa Thể thao và Học tập cộng đồng chiếm 81,33%. Tỷ lệ gia đình văn hóa chiếm 93,28%. Tỷ lệ ấp, khu vực văn hóa chiếm 99,23%. Tỷ lệ phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị chiếm 87,5%. Tỷ lệ xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới chiếm 80,39%

<sup>[19]</sup> Đạt 01 HCV Giải vô địch võ thuật thể giới trực tuyến “Oulme World Martial Arts Masterships 2021”, 03 HCV, 01 HCB tại SEA Games 31, 03 HCV Giải vô địch và vô địch trẻ Judo Đông Nam Á năm 2023, 04 HCB, 02 HCB tại SEA Games 32, 01 HCB Giải vô địch Vovinam thể giới lần thứ VII năm 2023, 01 HCB Giải vô địch trẻ Kickboxing thể giới năm 2024 tại Hungary, 01 HCB, 01 HCB Giải vô địch và vô địch trẻ Judo Đông Nam Á năm 2024, 01 HCB Giải đua thuyền Rong và Canoeing Giải vô địch Đông Nam Á trẻ U19, U23 và vô địch Đông Nam Á năm 2024,

<sup>[20]</sup> Các chính sách giải quyết việc làm mới cho lao động được thực hiện thường xuyên. Thường xuyên tổ chức các sân giao dịch việc làm cho xuất khẩu lao động

<sup>[21]</sup> Tổ chức Tháng hành động vì trẻ em, Diễn đàn trẻ em ở các cấp, xây dựng, công nhận xã, phường, phù hợp trẻ em, 100% trẻ em không nguồn nuôi dưỡng, thuộc đối tượng bảo trợ xã hội được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, thực hiện đạt các mục tiêu Quốc gia về Bình đẳng giới, tỷ lệ nữ tham gia vào cấp ủy, lãnh đạo chính quyền tăng so với nhiệm kỳ trước. Công tác quản lý đối tượng là người nghiện ma túy, đối tượng mại dâm được thực hiện chặt chẽ.

bào Dân tộc thiểu số... , trị giá hơn 69,360 tỷ đồng theo Chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát của Chính phủ. Tỷ lệ giảm nghèo bình quân 1,40%/năm, ước đến cuối năm 2025 tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 0,74%.

Công tác khám, chữa bệnh đã chuyển biến tích cực. Hoàn thiện mạng lưới khám chữa bệnh từ tuyến cơ sở đến tuyến tỉnh, công lập và ngoài công lập được mở rộng và củng cố; công tác đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn được chú trọng, các trang thiết bị y tế thiết yếu được bảo đảm, giúp chẩn đoán và điều trị được chính xác hơn, góp phần nâng cao chất lượng công tác khám chữa bệnh trên địa bàn. Triển khai thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh<sup>[22]</sup> đã góp phần giảm thời gian chờ đợi của người bệnh, giảm lãng phí xã hội, giảm đáng kể tỷ lệ bệnh nhân phải chuyển viện tuyến trên, góp phần tăng tỷ lệ hài lòng của người bệnh trên 90%. Mạng lưới hành nghề y được tư nhân cũng phát triển mạnh mẽ, đáp ứng cho người dân dễ dàng tiếp cận các dịch vụ y tế cơ bản và giảm tải cho các bệnh viện.

### *(3) Phát triển giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ*

Quán triệt quan điểm giáo dục là quốc sách hàng đầu, đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển, Tỉnh ủy đã chỉ đạo các cấp ủy, chính quyền quan tâm đầu tư cho giáo dục, bố trí nhiều nguồn lực, ban hành nhiều cơ chế, chính sách để phát triển giáo dục, đặc biệt là ban hành các nghị quyết, đề án có tính đột phá công tác giáo dục, đào tạo<sup>[23]</sup>. Với sự quan tâm và đầu tư mạnh mẽ, chất lượng giáo dục không ngừng được cải thiện và nâng lên, công tác giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh ở trong và ngoài nhà trường đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có nhiều chuyển biến tích cực góp phần đưa giáo dục Hậu Giang vươn tầm khu vực và cả nước<sup>[24]</sup>.

Quán triệt, thực hiện Nghị quyết 57- NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tiếp tục được các cấp

<sup>[22]</sup> Thực hiện Quyết định số 2348/QĐ TTg ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới, UBND tỉnh Hậu Giang ban hành Kế hoạch số 112/KH-UBND ngày 15/9/2017 về “phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2018 – 2025”

<sup>[23]</sup> Nghị quyết số 16-NQ/TU, ngày 14/7/2023 về Chiến lược phát triển bền vững giáo dục và đào tạo tỉnh Hậu Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Đề án số 07 ĐA/TU, ngày 14/7/2023 về xây dựng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đủ phẩm chất, năng lực ngang tầm nhiệm vụ giai đoạn 2023 – 2025, định hướng đến năm 2030

<sup>[24]</sup> Toàn tỉnh có 311 trường từ mầm non đến trung học phổ thông, trong đó có 265 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 85,21%, cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn 98% (theo Luật Giáo dục 2019), trên chuẩn đạt 18,64%; Số sinh viên trên 10 000 dân là 62 sinh viên, tỉ lệ giáo viên đạt chuẩn các cấp học: mầm non: 98,93%, Tiểu học 94,65%, THCS 96,06%, THPT 100% Ngân sách tỉnh chi cho giáo dục và đào tạo chiếm 20%.

Ủy, chính quyền quan tâm chỉ đạo; Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 28-NQ/TU ngày 03/4/2025 về tổ chức thực hiện các nhiệm vụ đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Hậu Giang, nhiều đề tài, dự án khoa học công nghệ, chuyển đổi số được đưa vào ứng dụng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Triển khai mới 58 đề tài, dự án khoa học và công nghệ trên các lĩnh vực: khoa học nông nghiệp (chiếm 58%), khoa học kỹ thuật và công nghệ (17%), khoa học y dược, khoa học xã hội và nhân văn (25%). Đặc biệt là tỉnh đã ban hành Quyết định thành lập Hội đồng khoa học các cơ quan đảng Tỉnh ủy, nhằm giúp cho công tác nghiên cứu khoa học của các cơ quan Đảng Tỉnh ủy có nề nếp, đi vào chiều sâu, phục vụ nhiệm vụ chính trị trong việc định hướng các hoạt động nghiên cứu khoa học, nâng cao hàm lượng khoa học trong các văn bản lãnh đạo của Tỉnh ủy. Công tác sở hữu trí tuệ, đo lường chất lượng tiếp tục được thực hiện tốt, tăng cường hỗ trợ và phát triển tài sản trí tuệ, sản xuất kinh doanh, nâng cao chất lượng hàng hóa, của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh<sup>[25]</sup>. Xây dựng Chính quyền điện tử, đô thị thông minh và chuyển đổi số của tỉnh tiếp tục được đẩy mạnh. Nhiều hoạt động thiết thực cũng được chỉ đạo thực hiện và mang lại hiệu quả lan tỏa trong xã hội. Tổ chức thành công Tuần lễ thúc đẩy Chuyển đổi số và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo ba năm liên với hơn 3.000 đại biểu tham dự<sup>[26]</sup>, thành lập và đưa vào hoạt động Khu công nghệ số tỉnh Hậu Giang với diện tích 28,5ha, thu hút 09 doanh nghiệp trong và ngoài nước đang hoạt động.

*(4) Thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo mang lại hiệu quả tích cực, cùng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.*

Cấp ủy các cấp quan tâm công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, nhất là đối với cấp ủy, chính quyền các cấp về vị trí, nhiệm vụ công tác dân tộc trong tình hình mới<sup>[27]</sup>. Đặc biệt, tổ chức triển khai có kết quả các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030. Từ đó, đời sống đồng bào dân tộc từng bước được cải thiện, nâng cao.

<sup>[25]</sup> Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận 327 đơn hợp lệ và cấp 226 văn bằng bảo hộ về giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, chỉ dẫn địa lý và các loại nhãn hiệu (nhãn hiệu chứng nhận, tập thể, thông thường) Thực hiện đăng ký, được cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ hình ảnh Hậu Giang (gồm nhãn hiệu chứng nhận “HẬU GIANG MIỀN ĐẤT HỘI TỤ”, nhãn hiệu Biểu tượng “7 BÔNG HOA/7 CỬA SÔNG”, kiểu dáng công nghiệp: Biểu tượng BÉ KHÓM, tác phẩm Biểu tượng 07 BÔNG HOA/CỬA SÔNG,

<sup>[26]</sup> Năm 2022, 2023, 2024

<sup>[27]</sup> Phát vay nguồn vốn tín dụng ưu đãi cho 697 lượt hộ dân tộc thiểu số (DTTS) để trang trải học phí, phát triển sản xuất, kinh doanh, giải quyết việc làm, với tổng số tiền 27 694 triệu đồng, đã đào tạo nghề cho 1 805 lao động người DTTS Đầu tư nâng cấp 02 trường phổ thông dân tộc nội trú, với tổng số tiền 8,6 tỷ đồng

Công tác tôn giáo trên địa bàn tỉnh ngày càng đi vào nền nếp, ổn định; hầu hết các hoạt động tôn giáo đều chấp hành tốt chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước và Hiến chương Giáo hội. Tỉnh thường xuyên tổ chức thăm viếng, tặng quà chúc mừng các tổ chức, cá nhân tôn giáo nhân dịp lễ, tết; tuyên truyền, sinh hoạt pháp luật về tín ngưỡng cho các chức sắc, chức việc tôn giáo trên địa bàn; tích cực vận động tham gia các hoạt động an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo, đóng góp phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội ở địa phương, từ đó góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân trên địa bàn tỉnh ngày càng vững chắc.

*(5) Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên; bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai*

Công tác quản lý, sử dụng nguồn tài nguyên được tăng cường và nâng cao hiệu quả, nhất là tài nguyên đất góp phần quan trọng cho sự phát triển bền vững của tỉnh<sup>[28]</sup>. Công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư là nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng, quyết định sự phát triển của tỉnh. Trong nhiệm kỳ qua, tỉnh đã hoàn thành vượt tiến độ giải phóng mặt bằng nhiều dự án, công trình trọng điểm như: dự án cao tốc Cần Thơ - Hậu Giang - Cà Mau; cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Hậu Giang - Sóc Trăng; các dự án giao thông trọng điểm của tỉnh. Tổ chức Hội nghị triển khai Luật Đất đai và các Nghị định hướng dẫn thi hành.

Tỉnh tổ chức nhiều giải pháp bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý tài nguyên và ứng phó với biến đổi khí hậu<sup>[29]</sup>. Các giải pháp nâng cao nhận thức và năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu được chỉ đạo và thực hiện khá tốt, lồng ghép thực hiện trong các chiến lược quy hoạch. Công tác kiểm tra, hướng dẫn, hỗ trợ các xã thực hiện tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm trong xây dựng nông thôn mới được đẩy mạnh. Công tác phòng chống thiên tai được chỉ đạo sát sao; chủ động ứng phó, kịp thời khắc phục hậu quả, góp phần giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra<sup>[30]</sup>.

<sup>[28]</sup> Tiếp tục triển khai, thực hiện nghiêm Chỉ thị số 57-CT/TU ngày 18/9/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, sử dụng đất đai trên địa bàn tỉnh

<sup>[29]</sup> Triển khai thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TU ngày 24/6/2019 của Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh, Chương trình số 97-CTr/TU ngày 04/4/2022 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Kế hoạch số 164-KH/TU ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 56-KL/TW ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, Chương trình số 1735/CTr UBND ngày 15 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh hành động về bảo vệ môi trường tỉnh Hậu Giang 5 năm (2021 - 2025) Đề án Hậu Giang xanh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

<sup>[30]</sup> Từ năm 2021 đến nay, Tỉnh ưu tiên đầu tư 21 công trình, dự án phòng chống thiên tai, sạt lở, hỗ trợ di dời người dân ra khỏi vùng có nguy cơ thiên tai, sạt lở, với tổng mức đầu tư là 1.766,67 tỷ đồng. Ngoài ra, Tỉnh quan tâm đầu tư kết cấu hạ tầng thủy lợi, phòng chống thiên tai từ nguồn giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi và chính sách hỗ trợ đất trồng lúa với nguồn kinh phí 150 tỷ đồng/năm

#### **2.4. Quốc phòng, an ninh được giữ vững và đạt kết quả nổi bật; hoạt động đối ngoại phát huy hiệu quả**

Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ quân sự, quốc phòng địa phương; tập trung xây dựng và huy động các tiềm lực quân sự, giữ vững thế trận lòng dân trong khu vực phòng thủ; kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ cùng cố quốc phòng, an ninh với đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng Hậu Giang thành khu vực phòng thủ vững chắc theo Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 22/9/2008 của Bộ Chính trị về tiếp tục xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới. Chỉ đạo thành công, có chất lượng công tác diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh Hậu Giang năm 2023 và hàng năm chỉ đạo hoàn thành diễn tập khu vực phòng thủ cấp huyện, diễn tập chiến đấu trong khu vực phòng thủ cấp xã<sup>31</sup>. Công tác bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho các đối tượng được tiến hành chặt chẽ, hiệu quả. Công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ được thực hiện nghiêm túc, công khai, dân chủ, đúng pháp luật, hàng năm đều đạt 100% chỉ tiêu trên giao, lực lượng vũ trang tỉnh được xây dựng vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ, phát huy tốt vai trò nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng địa phương.

Lãnh đạo thực hiện nghiêm túc, kịp thời chủ trương, giải pháp về đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Chủ động phát hiện đấu tranh, ngăn chặn mọi hoạt động xâm hại an ninh quốc gia trên địa bàn của các thế lực thù địch phản động; chỉ đạo đảm bảo an ninh tôn giáo, dân tộc, an ninh chính trị nội bộ, kinh tế, văn hóa, tư tưởng, an ninh mạng, không để lộ, lọt bí mật nhà nước và giải quyết ổn định các vụ khiếu kiện trong Nhân dân, không để hình thành “điểm nóng”, khiếu kiện vượt cấp, đông người. Đặc biệt, trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, cán bộ, chiến sĩ hoàn thành nhiệm vụ kép, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự, giữ vững ổn định chính trị và tham gia tốt công tác phòng chống dịch Covid-19 bảo vệ người dân, phục vụ hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và đối ngoại của địa phương. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh, trật tự và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được nâng lên; sức mạnh tổng hợp trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự ngày càng được phát huy. Công tác xây dựng lực lượng Công an tiếp tục được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, đáp ứng tốt yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới, ra mắt và đi vào hoạt động 525 tổ an ninh ở cơ sở,... Nhiều nghị quyết, đề án được xây dựng và triển

<sup>31</sup> Tổ chức thành công, an toàn tuyệt đối diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh năm 2023, diễn tập khu vực phòng thủ 07/07 huyện, thị, thành phố.

khai thực hiện<sup>[32]</sup>, góp phần tạo cơ sở vững chắc cho sự phát triển lực lượng Công an toàn tỉnh.

Công tác đối ngoại tiếp tục được mở rộng, đi vào chiều sâu và đạt kết quả thực chất. Lãnh đạo tỉnh tiếp tục quan tâm giữ mối liên hệ với các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, đã tổ chức thành công các đoàn đi công tác nước ngoài nhằm xúc tiến đầu tư, tìm kiếm cơ hội hợp tác, đầu tư, giao lưu hữu nghị, văn hóa với các đối tác nước ngoài như: Phần Lan, Pháp, Ý, Úc, New Zealand, Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Nhật Bản, Philippines, ... Tổ chức các hoạt động liên kết, học tập kinh nghiệm về nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư và lập Quy hoạch tỉnh ở một số tỉnh phía Bắc, miền Trung và Đông Nam Bộ. Hoạt động đối ngoại đã góp phần quảng bá hình ảnh, tiềm năng và cơ hội đầu tư của tỉnh đến các doanh nghiệp trong và ngoài nước, thu hút nguồn tài trợ để triển khai các chương trình, dự án phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

### ***2.5. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị đảm bảo nguyên tắc, đổi mới phương thức***

Đổi mới mạnh mẽ phương thức hoạt động, cầm quyền của Đảng với phương châm “Hình thức tập trung, nội dung thiết thực, hành động quyết liệt, hiệu quả thực chất” đã đem lại nhiều kết quả nổi bật:

#### *(1) Công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và đạo đức*

Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, học tập, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến cán bộ, đảng viên được đẩy mạnh và mang lại hiệu quả tích cực. Hoạt động tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận được chú trọng, Tỉnh đã thành lập Hội đồng khoa học các cơ quan Đảng của Tỉnh và đi vào hoạt động bước đầu có hiệu quả<sup>[33]</sup>; hình thức, nội dung nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền, sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương, của tỉnh và việc xây dựng, ban hành văn bản có nhiều đổi mới, phát huy được trí tuệ của cán bộ, đảng viên, đi vào thực chất, phản ánh sinh động quá trình triển khai thực hiện trong thực tiễn. Công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, nhất là trên không gian

<sup>[32]</sup> Ban hành Kế hoạch số 116-KH/TU, ngày 11/8/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TW, ngày 16/3/2022 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Chỉ đạo xây dựng và triển khai Đề án “Đẩy mạnh xây dựng lực lượng Công an tỉnh Hậu Giang thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới”. Ban hành Nghị quyết số 11-NQ/TU, ngày 13/3/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng “Công an phường điển hình, kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị” trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 - 2030

<sup>[33]</sup> Triển khai thực hiện 04 đề tài thuộc các cơ quan khối Đảng

mạng được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai đồng bộ, quyết liệt, có hệ thống, đạt kết quả tích cực<sup>[34]</sup>.

Việc tổ chức quán triệt và tổ chức thực hiện Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” (sau đây gọi tắt là *Kết luận số 01 KL/TW*) được tổ chức, bài bản theo tinh thần luôn luôn đổi mới, sáng tạo, sát thực tiễn, gắn kết chặt chẽ việc tổ chức thực hiện các chuyên đề của tỉnh về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh<sup>[35]</sup> với thực hiện các nghị quyết, kết luận Hội nghị Trung ương 4 (khóa XI, XII), Kết luận số 21-KL/TW của Hội nghị Trung ương 4 khóa XIII về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, góp phần ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Triển khai, thực hiện nghiêm túc Quy định số 144-QĐ/TW, ngày 09/5/2024 của Bộ Chính trị quy định về “chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới”, hướng dẫn đảng viên viết tay Bản cam kết thực hành 05 chuẩn mực đạo đức của người đảng viên trong giai đoạn mới để ghi nhớ và thực hành.

## (2) Công tác tổ chức xây dựng Đảng

Tổ chức bộ máy các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và hệ thống chính trị tiếp tục được sắp xếp kiện toàn tinh gọn, hoạt động ngày càng hiệu lực, hiệu quả<sup>[36]</sup>. Triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả chủ trương của Trung ương về tinh giản biên chế giai đoạn 2016 - 2021 và 2022 - 2026<sup>[37]</sup>; chỉ đạo hoàn thành sớm việc xây dựng danh mục vị trí việc làm, bản mô tả vị trí công việc và khung năng lực vị trí việc làm.

<sup>[34]</sup> Lực lượng 35 của tỉnh đã đấu tranh, bóc gỡ 683 tài khoản, bài viết, lan tòn 22 link bài viết tích cực trên mạng xã hội theo chỉ đạo của Trung ương, mở các chuyên trang, chuyên mục về công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên Báo Hậu Giang, Đài Phát thanh và Truyền hình Hậu Giang; Ban chỉ đạo 35 tỉnh đã tổ chức diễn tập xử lý tình huống có thông tin biểu tình, bạo loạn trên không gian mạng.

<sup>[35]</sup> Chuyên đề năm 2022 - 2023 “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về phát huy nội lực, tận dụng thời cơ, khơi dậy khát vọng xây dựng tỉnh Hậu Giang phát triển nhanh và bền vững”, Chuyên đề năm 2024 - 2025 “Học tập làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về phát huy nội lực, tận dụng thời cơ, khơi dậy khát vọng xây dựng tỉnh Hậu Giang phát triển nhanh, bền vững, toàn diện, bao trùm”

<sup>[36]</sup> Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, Cấp tỉnh giảm 07/31 cơ quan, 114/231 đầu mối cấp phòng và tương đương; Cấp huyện, giảm 29/141 đầu mối cấp phòng và tương đương, số lượng đơn vị sự nghiệp công lập giảm 61/465 đơn vị. Thực hiện tinh giản 3.403 biên chế (từ 18.958 biên chế năm 2017 giảm còn 15.555 biên chế năm 2024). Tổng biên chế có mặt thời điểm 30/6/2024 là 14.058 biên chế, thấp hơn tổng biên chế đến năm 2026 Trung ương gộp là 14.723, đảm bảo thực hiện mục tiêu theo lộ trình tinh giản biên chế đến năm 2026.

<sup>[37]</sup> Thực hiện tinh giản 1.521 biên chế (từ 16.244 biên chế giảm còn 14.723 biên chế). Tổng biên chế có mặt thời điểm 30/6/2024 là 14.699 biên chế, thấp hơn tổng biên chế đến năm 2026, đảm bảo thực hiện mục tiêu theo lộ trình tinh giản biên chế đến năm 2026.

Tỉnh ủy đã tập trung ban hành đồng bộ các cơ chế, chính sách, hệ thống các văn bản, thống nhất triển khai thực hiện, trong đó nhiều văn bản mang tính định hướng lớn và đột phá về mặt cơ chế, chính sách tạo bước chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản về chất lượng trong công tác cán bộ<sup>[38]</sup>; nhất là các khâu tuyển dụng, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử đã có nhiều đổi mới, thực chất, đảm bảo tính khách quan, chặt chẽ, liên thông, bước đầu mang lại hiệu quả tốt<sup>[39]</sup> góp phần nâng cao năng lực, phẩm chất và tính chuyên nghiệp của đội ngũ cán bộ, công chức trong định hướng phát triển chung của tỉnh.

Công tác xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đảng viên được quan tâm chỉ đạo và có nhiều chuyển biến tích cực. Số lượng tổ chức cơ sở tiếp tục được kiện toàn phù hợp với việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, công tác phát triển đảng viên được chỉ đạo thực hiện thường xuyên theo hướng chất lượng, hiệu quả; kết nạp đảng viên vượt chỉ tiêu nghị quyết đề ra, số lượng đảng viên tiếp tục tăng lên<sup>[40]</sup>. Triển khai thực hiện phân mềm Sở tay đảng viên điện tử trong toàn Đảng bộ tỉnh, góp phần chuyển đổi số trong công tác Đảng, đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, bước đầu mang lại hiệu quả tích cực.

### (3) Công tác dân vận

Công tác dân vận của Đảng, của chính quyền tạo được điểm nhấn nổi bật<sup>[41]</sup> gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị trọng tâm, trọng điểm của tỉnh, tập trung hướng về cơ sở, gần dân, sát dân; tăng cường đối thoại để lắng nghe và kịp thời giải quyết những tâm tư, nguyện vọng, đề xuất chính đáng, hợp pháp của Nhân

<sup>[38]</sup> Nghị quyết số 05 NQ/TU, ngày 01/6/2022 về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn đến năm 2030; Đề án số 01 ĐA/TU ngày 29/6/2021 về nâng cao chất lượng, năng lực đội ngũ cán bộ trẻ, nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số và cán bộ chủ chốt cấp cơ sở nhiệm kỳ 2020 - 2025, Đề án số 04-ĐA/TU ngày 01/6/2022 về thi điểm đổi mới cách thức tuyển chọn chức danh lãnh đạo, quản lý trên địa bàn tỉnh, Đề án số 05 ĐA/TU, ngày 01/6/2022 về việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt các cấp, Đề án số 06-ĐA/TU, ngày 01/5/2023 về việc thi điểm đổi mới tinh giản biên chế gắn với tuyển dụng cán bộ trẻ ngang tầm nhiệm vụ, Đề án số 09-ĐA/TU ngày 05/01/2024 quy định tạm thời về vị trí việc làm các cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh Hậu Giang, Quy định số 1120-QĐ/TU, ngày 01/6/2022 về “Bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trên địa bàn tỉnh Hậu Giang”, Kế hoạch số 37 KH/TU, ngày 29/6/2021 về luân chuyển cán bộ, nhiệm kỳ 2020 - 2025

<sup>[39]</sup> Trong nhiệm kỳ, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành 216 quyết định liên quan đến công tác tổ chức, cán bộ.

<sup>[40]</sup> Nhiệm kỳ 2020 - 2025 toàn tỉnh đã kết nạp được 3.915/2.000 đảng viên, đạt 195,75% chỉ tiêu Nghị quyết đề ra, nâng tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ tỉnh là 34.425 đảng viên.

<sup>[41]</sup> Xây dựng và triển khai Đề án về “Nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân thực hiện hiệu quả chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2023 - 2025 và các năm tiếp theo”, Quy chế công tác đầu vụ tham gia trong bồi dưỡng, hỗ trợ, tái định cư, thu hồi đất

dân, ban hành nhiều văn bản có tính đột phá, sát thực tiễn. Đổi mới, nâng cao chất lượng phong trào thi đua “Dân vận khéo” gắn với học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đã huy động được nhiều nguồn lực trong xã hội, vận động các tầng lớp Nhân dân tích cực hưởng ứng tham gia, thực hiện tốt các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh và xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở, chăm lo đời sống cho Nhân dân<sup>[42]</sup>.

Cấp ủy các cấp thực hiện nghiêm Quy chế tiếp xúc đối thoại trực tiếp của người đứng đầu cấp ủy đảng, chính quyền với Nhân dân trên địa bàn tỉnh; tăng cường công tác tiếp dân, đối thoại trực tiếp giải quyết kiến nghị, đề xuất của công dân và doanh nghiệp, được Nhân dân đồng tình, đánh giá cao, góp phần thắt chặt thêm mối quan hệ giữa Đảng, chính quyền với Nhân dân. Phát huy tối đa vai trò, trách nhiệm của Nhân dân thông qua việc tham gia các hoạt động giám sát, phản biện, góp ý xây dựng đảng, chính quyền, quyền làm chủ thật sự của Nhân dân được phát huy, mở rộng. Từ đó, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của Nhân dân, thắt chặt hơn nữa mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và Nhân dân, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng, tạo nên sự đoàn kết, thống nhất, tập hợp được sức mạnh toàn dân, tạo nên động lực để thực hiện thắng lợi các mục tiêu về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh.

*(4) Hoạt động Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội có nhiều điểm mới, chất lượng, hiệu quả được nâng lên*

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới nội dung và phương thức hoạt động theo hình thức tập trung, nội dung thiết thực, tạo điều kiện thuận lợi để Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng phát huy tính năng động, sáng tạo, phát huy tốt vai trò đại diện, chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và nhân dân. Ban hành Quy định về Bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị trên địa bàn tỉnh; đây là văn bản đột phá, quan trọng, có tính định lượng cao của tỉnh trong việc nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cơ sở.

Công tác giám sát, phản biện xã hội được đẩy mạnh, phát huy hiệu quả. Trong đó chú trọng đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao chất lượng hoạt động giám sát, phản biện xã hội, đóng góp ý kiến của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân; xây dựng chính quyền, tập trung vào những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp chính đáng của đoàn

<sup>[42]</sup> Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 3 408 mô hình, điển hình “Dân vận khéo” được công nhận.

viên, hội viên và Nhân dân; nhận thức về giám sát và phản biện xã hội đã thay đổi về chất, chuyển từ “bị” giám sát, phản biện sang “được” giám sát, phản biện.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện tốt chức năng tập hợp, xây dựng, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Làm tốt công tác nắm bắt tâm tư nguyện vọng của nhân dân, tăng cường vận động, tạo sự đồng thuận xã hội, sự tham gia tích cực của các tầng lớp Nhân dân vào các phong trào thi đua yêu nước ở địa phương. Triển khai thực hiện có hiệu quả các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước; huy động được nguồn lực xã hội rất lớn để thực hiện công tác an sinh xã hội.

*(5) Công tác xây dựng chính quyền; nâng cao năng lực tổ chức thực hiện hiệu quả quản lý nhà nước*

Hoạt động của Hội đồng nhân dân có nhiều điểm đổi mới, nổi bật, chất lượng hoạt động ngày càng được nâng lên. Đảm bảo sự lãnh đạo xuyên suốt của các cấp ủy Đảng, phát huy tinh thần đổi mới, đồng bộ, tạo sự chuyển biến tích cực, sâu sắc, toàn diện các mặt hoạt động của HĐND các cấp<sup>[43]</sup>. Tổ chức kịp thời, linh hoạt, chất lượng, chưa có tiền lệ nhiều kỳ họp với tinh thần tích cực, khẩn trương, trách nhiệm cao; bám sát yêu cầu thực tiễn, các chủ trương, nghị quyết của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, kịp thời quyết nghị ban hành nhiều chính sách quan trọng phục vụ cho sự phát triển của tỉnh. Nhiệm kỳ qua, HĐND tỉnh đã cụ thể hóa các quy định của pháp luật, định hướng chỉ đạo của Tỉnh ủy ban hành 315 nghị quyết, trong đó nhiều nghị quyết quan trọng mang tính đột phá<sup>[44]</sup>. Công tác tiếp xúc cử tri, chất vấn và trả lời chất vấn của hội đồng nhân dân các cấp thực hiện theo luật định, các yêu cầu, kiến nghị chính đáng của cử tri được quan tâm xem xét, giải quyết kịp thời. Hoạt động giám sát ngày càng đi vào chiều sâu, thể hiện rõ vai trò của các cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, nội dung giám sát tập trung vào các chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

*Công tác quản lý nhà nước, điều hành phát triển kinh tế - xã hội đạt nhiều kết quả ấn tượng.* Hệ thống chính quyền các cấp được kiện toàn, củng cố, hoạt động có nhiều đổi mới theo hướng gọn đầu mối, rõ chức năng, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc thực hiện, giải quyết kịp thời các vướng mắc từ cơ sở. Việc rà soát, sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, tinh giản

<sup>[43]</sup> Chỉ thị số 12-CT/TU ngày 21/10/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của HĐND tỉnh về thông qua Đề án nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang

<sup>[44]</sup> Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, Đề án phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030, Chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, chính sách hỗ trợ đào tạo sau đại học, khuyến khích tự đào tạo sau đại học, thu hút nhân lực, biết phân và luân chuyển trên địa bàn tỉnh, Đề án Xây dựng Chính quyền điện tử và Đô thị thông minh giai đoạn 2020 - 2026.

biên chế theo hướng đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực tiếp tục được đẩy mạnh. Công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách được quan tâm thực hiện với trọng tâm là triển khai thực hiện tốt Chỉ thị số 05-CT/TU ngày 18/01/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng và thực thi thể chế, chính sách của tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025.

Hoạt động quản lý và điều hành của hệ thống chính quyền các cấp được tăng cường theo hướng đề cao hiệu quả, kỷ luật và kỷ cương hành chính, nâng cao trách nhiệm thực thi công vụ, tập trung xây dựng nền hành chính công khai, minh bạch, hiệu quả, hướng tới sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp. Tỉnh đã lãnh đạo và chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 31/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV về cải cách hành chính nhà nước tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025. Qua đó, công tác cải cách hành chính đã có nhiều chuyển biến tích cực, hiệu quả trên các lĩnh vực. Các chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh liên tục được cải thiện, năm sau cao hơn năm trước<sup>[45]</sup>. Đặc biệt, trong năm 2023, chỉ số PCI của Hậu Giang nằm trong top 10 tỉnh, thành phố ở cả nước.

*(6) Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng có nhiều chuyển biến tích cực, chất lượng, hiệu lực, hiệu quả được nâng lên rõ nét*

Tỉnh ủy bám sát các chủ trương, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, kịp thời chỉ đạo quán triệt, triển khai, cụ thể hóa các văn bản về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng đảm bảo đồng bộ, thống nhất và chặt chẽ<sup>[46]</sup>, nổi bật là ban hành Sổ tay nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng

<sup>[45]</sup> PAR INDEX năm 2021 hạng 27/63, năm 2022 hạng 20/63, năm 2023 hạng 19/63 tỉnh, thành phố trong cả nước; PCI năm 2021 hạng 38/63, năm 2022 hạng 12/63, năm 2023 hạng 09/63 tỉnh, thành phố trong cả nước, SIPAS năm 2021 hạng 50/63, năm 2022 hạng 33/63, năm 2023 hạng 29/63 tỉnh, thành phố trong cả nước

<sup>[46]</sup> Quy định số 22 QĐ/TW, ngày 28/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng, Quy định số 37 QĐ/TW, ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về những điều đảng viên không được làm, Quy định số 69-QĐ/TW, ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm, Quyết định số 17 QĐ/TW, ngày 22/6/2021 của Ban Bí thư về việc ban hành Quy chế phối hợp giữa Đảng ủy Công an Trung ương với tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng đối với tổ chức đảng, đảng viên thuộc đảng bộ công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Quyết định số 16-QĐ/TW, ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị về việc ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập, Kết luận số 34-KL/TW, ngày 18/4/2022 của Bộ Chính trị về chiến lược công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đến năm 2030, Chương trình hành động số 06-CTr/UBKTTW, ngày 23/6/2021 của UBKT Trung ương về thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Hướng dẫn số 13 HD/UBKTTW, ngày 02/12/2020 của UBKT Trung ương về giải quyết tố cáo, khiếu nại về bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND các cấp, nhiệm kỳ 2021 - 2026 của cấp ủy, tổ chức đảng, UBKT các cấp, Hướng dẫn số 02 HD/TW, ngày 09/12/2021 của Ban Bí thư về thực hiện một số nội dung Quy định số 22-QĐ/TW, ngày 28/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng, Hướng dẫn số 02-HD/UBKTTW, ngày 29/11/2021 của UBKT Trung ương về thực hiện Quy định những điều đảng viên không được làm, Hướng dẫn số 05 HD/UBKTTW, ngày 22/11/2022 của UBKT Trung ương về thực hiện một số điều trong Quy định số 69-QĐ/TW của Bộ Chính trị, Quy định số 1877a-QĐ/TU, ngày 27/01/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập

nhằm hệ thống những nội dung cơ bản các quy trình, thủ tục theo quy định, tạo sự thống nhất, giúp cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp và chi bộ thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; thực hiện tốt phương châm “*kiểm tra phải có trọng tâm, trọng điểm*”, “*giám sát phải mở rộng*”, công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, việc lãnh đạo kiểm soát, kê khai tài sản, thu nhập và kiểm tra, giám sát trách nhiệm người đứng đầu được chú trọng, thực hiện đạt hiệu quả, góp phần giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật của Đảng, ngăn ngừa vi phạm đối với tổ chức đảng, đảng viên. Thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát, nhất là công tác kiểm tra các tổ chức đảng theo chỉ đạo của Ủy ban Kiểm tra Trung ương<sup>[47]</sup>, theo dõi, đôn đốc, giám sát công tác khắc phục các hạn chế, khuyết điểm, vi phạm, sai phạm theo kết luận kiểm tra, giám sát của Ủy ban Kiểm tra Trung ương<sup>[48]</sup>.

Chủ động lãnh đạo và tổ chức thực hiện chương trình kiểm tra, giám sát toàn khóa của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và hàng năm của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, chỉ đạo tổ chức thực hiện kịp thời, chặt chẽ, tập trung vào những vấn đề được xã hội quan tâm<sup>[49]</sup>. Đặc biệt, trong nhiệm kỳ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã đưa vào Chương trình kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng và người đứng đầu trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt, triển khai và tổ chức thực hiện các nghị quyết, đề án của Tỉnh ủy trong Chương trình số 50-CTr/TU<sup>[50]</sup>. Tỉnh ủy, các cấp ủy không

<sup>[47]</sup> Ban Thường vụ Tỉnh ủy kịp thời lãnh đạo, tổ chức thực hiện nghiêm sự chỉ đạo của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về kiểm tra các tổ chức đảng trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác phòng, chống dịch Covid 19 trên địa bàn tỉnh. Thực hiện Thông báo số 703-TB/UBKTTW ngày 18/7/2024 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã tổ chức Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy các nhiệm kỳ 2010 - 2015, 2015 - 2020, 2020 - 2025 để kiểm điểm nghiêm túc, rút kinh nghiệm sâu sắc đối với Ban Thường vụ Tỉnh ủy các nhiệm kỳ 2010 - 2015, 2015 - 2020 trong việc thiếu kiểm tra, giám sát để Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh và một số tổ chức, cá nhân liên quan vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các dự án/gói thầu do Công ty cổ phần Tiến bộ Quốc tế AIC và các doanh nghiệp thuộc “hệ sinh thái” AIC thực hiện. Thực hiện báo cáo chuyên đề theo yêu cầu của Ủy ban Kiểm tra Trung ương đảm bảo yêu cầu đề cương, thời gian quy định.

<sup>[48]</sup> Ban hành Kế hoạch số 218 KH/TU ngày 19/10/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về khắc phục những vi phạm, khuyết điểm theo Thông báo số 532-TB/UBKTTW và báo cáo kiểm điểm nghiêm túc, rút kinh nghiệm về những vi phạm, khuyết điểm theo Thông báo số 532-TB/UBKTTW ngày 29/9/2023 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

<sup>[49]</sup> Chương trình số 14-CTr/TU, ngày 21/12/2020 về chương trình kiểm tra, giám sát của Ban Thường vụ Tỉnh ủy năm 2021, Chương trình số 74-CT/TU, ngày 29/11/2021 về chương trình kiểm tra, giám sát của Ban Thường vụ Tỉnh ủy năm 2022 và Chương trình số 146-CTr/TU, ngày 07/12/2022 về chương trình kiểm tra, giám sát của Ban Thường vụ Tỉnh ủy năm 2023.

<sup>[50]</sup> Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 01/6/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 và Đề án số 05-ĐA/TU, ngày 01/6/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về “Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp”, Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 26/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển công nghiệp, nông nghiệp, đô thị và du lịch tỉnh Hậu Giang, giai đoạn 2021 - 2025 và các năm tiếp theo, Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới.

ngừng đổi mới phương thức lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật Đảng; chỉ đạo toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm, đổi mới nội dung kiểm tra, giám sát và có nhiều giải pháp đồng bộ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát<sup>[51]</sup>. Cấp ủy, tổ chức đảng ủy ban kiểm tra các cấp đã tiến hành kiểm tra 40.680 đảng viên và 3.414 tổ chức đảng; giám sát chuyên đề 1.422 đảng viên và 1.223 tổ chức đảng; giải quyết 27 trường hợp tố cáo đảng viên và 03 tổ chức đảng. Thông qua công tác kiểm tra, giám sát, cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp xử lý kỷ luật 597 đảng viên (giảm 33 đảng viên so nhiệm kỳ trước) và 11 tổ chức đảng (tăng 01 so nhiệm kỳ trước).

Cấp ủy các cấp quan tâm, kịp thời kiện toàn tổ chức, bộ máy và đội ngũ cán bộ ngành kiểm tra Đảng các cấp; luân chuyển cán bộ ngành kiểm tra; kịp thời sơ kết, tổng kết các văn bản về công tác kiểm tra, giám sát; công tác “*hậu kiểm*” được thực hiện thường xuyên, hiệu quả; công tác tự kiểm tra, giám sát được thực hiện chủ động với phương châm phát hiện và phòng ngừa, ngăn chặn khuyết điểm, vi phạm từ sớm, từ xa; đồng thời, thông qua công tác kiểm tra, giám sát để phát hiện cấp ủy tổ chức đảng, đảng viên chấp hành tốt, cách làm hay, hiệu quả để phát huy, biểu dương, khen thưởng, nhân rộng. Tỉnh ủy chỉ đạo thực hiện tốt công tác phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy với các tổ chức đảng và cơ quan liên quan trong công tác kiểm tra giám sát và kỷ luật của Đảng; phát huy hiệu quả cơ chế phối hợp trong tham mưu, đề xuất các giải pháp để lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng, giải quyết kịp thời, chặt chẽ các vụ việc liên quan trong công tác xây dựng Đảng.

*(7) Công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và cải cách tư pháp*

Quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, sâu sắc các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Ban hành đồng bộ các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực nội chính, phòng, chống tham

<sup>[51]</sup> Với 04 điểm tích cực (1) Nội dung kiểm tra, giám sát trọng tâm, trọng điểm, đối tượng kiểm tra đa dạng, đại diện nhiều lĩnh vực, nhất là những lĩnh vực nhạy cảm, (2) Thành phần đoàn kiểm tra tinh gọn, quy định rõ và rút ngắn thời gian kiểm tra thực tế, (3) Kết luận kiểm tra, giám sát cụ thể, rõ ràng về ưu điểm, hạn chế và yêu cầu khắc phục, rõ người, rõ việc, có tiến độ và giám sát chặt chẽ kết quả thực hiện, (4) Xây dựng kế hoạch khắc phục hậu chế, khuyết điểm, xác định rõ nội dung, giải pháp, lộ trình thực hiện, thời gian hoàn thành, báo cáo kết quả khắc phục về chủ thể kiểm tra, giám sát. Tỉnh ủy chỉ đạo tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, giữ nghiêm kỷ luật đảng, thực hiện hiệu quả chỉ tiêu “*Chi bộ có chi ủy thực hiện ít nhất 02 cuộc kiểm tra, chi bộ không có chi ủy thực hiện ít nhất 01 cuộc kiểm tra*”, góp phần giúp các chi bộ tự kiểm tra, tự phát hiện vi phạm khi mới manh nha, kịp thời ngăn chặn, phòng ngừa, giáo dục là chính, giảm kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên

những, lãng phí, tiêu cực<sup>[52]</sup>. Qua đó, nhận thức của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu trong công tác nội chính phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực ở địa phương được nâng lên, xem đây là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của các cấp ủy.

Kịp thời thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực tỉnh và ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành hoạt động của Ban Chỉ đạo<sup>[53]</sup>; tổ chức các Phiên họp Ban Chỉ đạo, Cuộc họp Thường trực Ban chỉ đạo theo đúng quy định<sup>[54]</sup>; chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan điều tra, truy tố, khởi tố, xét xử đẩy nhanh quá trình tố tụng đối với những vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực, kinh tế, dư luận xã hội quan tâm thuộc diện Ban Chỉ đạo theo dõi, chỉ đạo và giao Ban Nội chính Tỉnh ủy theo dõi, đôn đốc<sup>[55]</sup>. Thường xuyên kiểm tra việc triển khai, thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh tại các cơ quan, đơn vị<sup>[56]</sup>, nhất là các kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Trưởng Ban Chỉ đạo tại các Phiên họp Ban Chỉ đạo, Cuộc họp của Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Quan tâm đổi mới và nâng

<sup>[52]</sup> Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, ban hành 02 nghị quyết, 03 chương trình, 11 kế hoạch, 01 chỉ thị và 13 công văn lãnh đạo, chỉ đạo Nội bất Nghị quyết số 13 NQ/TU, ngày 11/11/2019 của Tỉnh ủy về Chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia trên địa bàn tỉnh, Chương trình số 60-CT/TU, ngày 30/9/2021, Chương trình số 113-CT/TU, ngày 04/7/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV về nhiệm vụ công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, cải cách tư pháp, Chương trình số 113-CT/TU, ngày 04/7/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV về nhiệm vụ công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, cải cách tư pháp, Kế hoạch số 16-KH/TU, ngày 26/02/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tổ chức Hội nghị triển khai, quán triệt Chỉ thị số 26-CT/TW, ngày 09/11/2018 và Hướng dẫn số 04-HD/TW, ngày 09/12/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Kế hoạch số 17-KH/TU, ngày 26/02/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tổ chức Hội nghị giao ban công tác an ninh, nội chính và cải cách tư pháp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, Chỉ thị số 15-CT/TU, ngày 19/01/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tăng cường giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trên địa bàn tỉnh, Kết luận số 12-KL/TW, ngày 06/4/2022 của Bộ Chính trị về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, Kế hoạch 250-KH/TU, ngày 25/12/2023 về triển khai Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 25/12/2023 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

<sup>[53]</sup> Ban hành 44 văn bản thực hiện nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo (01 quy định, 01 quy chế, 01 quy trình, 03 quyết định, 05 chương trình, 27 thông báo, 02 kế hoạch, 07 công văn).

<sup>[54]</sup> Từ khi thành lập đến nay, Ban Chỉ đạo tỉnh đã tổ chức 09 Phiên họp Ban Chỉ đạo và 17 cuộc họp Thường trực Ban Chỉ đạo.

<sup>[55]</sup> Từ năm 2020 đến nay, qua công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết tố cáo đã phát hiện 24 vụ tham nhũng, tiêu cực. Từ khi thành lập đến nay, Ban Chỉ đạo đã đưa vào và theo dõi, chỉ đạo 05 vụ án, vụ việc; giao Ban Nội chính Tỉnh ủy theo dõi, đôn đốc 02 vụ án. Hiện nay, đã kết thúc và đưa ra khởi kiện Ban Chỉ đạo tỉnh theo dõi, chỉ đạo 01 vụ án, đưa vào 01 vụ việc.

<sup>[56]</sup> Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai 11 đoàn kiểm tra, 01 đoàn giám sát về công tác triển khai, quán triệt thực hiện công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, cải cách tư pháp và công tác tiếp công dân của người đứng đầu cấp ủy, 05 đoàn kiểm tra, rà soát các cuộc thanh tra về kinh tế xã hội và thực hiện kiến nghị của Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán Nhà nước, Ban Chỉ đạo về phòng, chống tham nhũng, tiêu, tiêu cực tỉnh triển khai 04 đoàn kiểm tra 01 đoàn giám sát về việc lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

cao chất lượng công tác thanh tra về kinh tế - xã hội, nhất là chất lượng các kiến nghị, đề xuất xử lý vi phạm (khắc phục tình trạng kiến nghị, đề xuất chung chung, không rõ nội dung). Tập trung làm tốt và khắc phục những tồn tại, hạn chế theo chỉ đạo của Trung ương về lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các kiến nghị, kết luận thanh tra, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước<sup>[57]</sup>.

*Công tác cải cách tư pháp được chỉ đạo thực hiện đạt nhiều kết quả quan trọng.* Chỉ đạo các cơ quan tư pháp chủ động phối hợp rà soát, củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động, trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cải cách tư pháp; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức ngành Nội chính Đảng, cơ quan tư pháp có trình độ, năng lực, phẩm chất đạo đức, lối sống, tận tụy với công việc. Nâng cao chất lượng công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án theo đúng quy định của pháp luật, không xảy ra oan sai, bỏ lọt tội phạm<sup>[58]</sup>. Triển khai thực hiện có hiệu quả các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo không xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người, vượt cấp và hình thành “điểm nóng” trên địa bàn tỉnh<sup>[59]</sup>; ban hành quy định thời gian người đứng đầu cấp ủy tiếp công dân định kỳ hàng tháng, đảm bảo hoạt động tiếp công dân duy trì nền nếp, hiệu quả<sup>[60]</sup>.

<sup>[57]</sup> Ban hành Kế hoạch số 163 KH/TU, ngày 13/3/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các kiến nghị, kết luận thanh tra, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, Kế hoạch số 172 KH/TU, ngày 26/4/2023 triển khai thực hiện các nội dung có liên quan theo Thông báo kết luận số 146/TB/BNCTW, ngày 28/02/2023 của Ban Nội chính Trung ương, khắc phục những tồn tại, hạn chế, thiếu sót và nguyên nhân qua công tác tự kiểm tra

<sup>[58]</sup> Trong nhiệm kỳ qua Cơ quan điều tra phát hiện, điều tra làm rõ 1 306/1 440 vụ tội phạm trật tự xã hội, đạt tỷ lệ 90,7%, bắt xử lý 1 959 đối tượng. Viện kiểm sát nhân dân hai cấp đã thực hiện quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp trong giai đoạn truy tố 2 157 vụ/4 178 bị can, đã giải quyết 2 113 vụ/4 048 bị can, đạt 98%, phối hợp với Tòa án nhân dân tổ chức 405 phiên tòa hình sự rút kinh nghiệm theo tinh thần cải cách tư pháp. Tòa án nhân dân hai cấp thu lý 27 520 vụ, đã giải quyết 25 768 vụ, đạt tỷ lệ 93,63%, thu lý và đưa ra xét xử 24/33 bị cáo trong các vụ án tham nhũng, tiêu cực, đạt tỷ lệ 100%. Cơ quan thi hành án dân sự thụ lý 11 việc liên quan đến tài sản bị chiếm đoạt, thất thoát trong các vụ án tham nhũng, kinh tế, với số tiền trên 27 tỷ 863 triệu đồng, thi hành xong 06 việc, thu hồi số tiền trên 21 tỷ 720 triệu đồng, đạt tỷ lệ 77,95% trong tổng số phải thi hành.

<sup>[59]</sup> Trong 05 năm, các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh đã tiếp 12 437 lượt/ 8 932 người đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (trong đó: tiếp thường xuyên 7 669 lượt/ 728 người, tiếp định kỳ, đột xuất 4 768 lượt/ 1 205 người). Tổng số đơn tiếp nhận trong toàn tỉnh là 7 670 đơn các loại. Điều kiện xử lý là 6 547 đơn (thuộc thẩm quyền 3 709 đơn, không thuộc thẩm quyền 2 838). Đã giải quyết 3 661/3 709 đơn thuộc thẩm quyền (đạt tỷ lệ 98,71%).

Tiếp nhận 994 đơn, thư gửi Thường trực Tỉnh ủy và Bí thư Tỉnh ủy (trong đó: tố cáo 207 đơn, khiếu nại 288 đơn, phản ánh 159 đơn, kiến nghị 79 đơn, yêu cầu 141 đơn và 120 đơn khác 120), đã xử lý xong, đạt tỷ lệ 100%.

<sup>[60]</sup> Ban hành 01 kế hoạch, 02 quy chế, 01 chỉ thị, 02 quyết định, 01 công văn. Một số văn bản nổi bật: Quy chế số 15-QC/TU, ngày 10/6/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp dân, đối thoại với dân và xử lý, giải quyết những phản ánh, kiến nghị của dân, Chỉ thị số 21 CT/TU, ngày 13/11/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc nâng cao chất lượng công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, Công văn số 760-CV/TU, ngày 13/3/2023 về quy định thời gian người đứng đầu cấp ủy tiếp dân định kỳ hàng tháng (quy định người đứng đầu cấp tỉnh, huyện tiếp dân vào ngày 25 hàng tháng, cấp xã tiếp dân vào ngày 10 và ngày 25 hàng tháng).

Đồng chủ Bí thư Tỉnh ủy tiếp công dân 47 ngày/21 lượt công dân (trong đó: tiếp định kỳ 46 ngày/19 lượt công dân, tiếp đột xuất 01 ngày/02 lượt công dân)

Nhìn chung, qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, Đảng bộ, chính quyền, quân và dân trong tỉnh đã đoàn kết, quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, phát huy tối đa các nguồn lực, đổi mới công tác lãnh đạo, điều hành, khắc phục khó khăn, thách thức, với tinh thần “đổi mới, đột phá, quyết tâm, khát vọng” Hậu Giang đạt được nhiều kết quả quan trọng, nổi bật, ấn tượng và khá toàn diện trên các lĩnh vực. Khẳng định vị thế mới, trở thành điểm sáng trong công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị và phát triển kinh tế - xã hội. Tăng trưởng kinh tế liên tục đứng trong nhóm đầu khu vực và cả nước, đánh dấu sự phát triển bứt phá nhất trong 20 năm thành lập. Văn hóa, xã hội, con người đạt nhiều kết quả ấn tượng, huy động được nguồn lực lớn cho an sinh xã hội, tỷ lệ hộ nghèo giảm sâu, đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân được nâng lên. Phòng chống có hiệu quả đại dịch Covid-19. Chính trị, xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo giữ vững ổn định. Công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị có nhiều đổi mới, đột phá, xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ trong giai đoạn phát triển mới. Công tác nội chính, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; cải cách tư pháp và công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được chỉ đạo thực hiện nghiêm minh, hiệu quả.

## **2.6. Hạn chế và nguyên nhân**

Công tác triển khai, hiện thực hóa một số chủ trương, nghị quyết, đề án của Tỉnh ủy còn chậm, có nơi chưa quyết liệt, thiếu kiểm tra, đôn đốc thực hiện, nguồn lực bố trí chưa cân xứng với quy mô, nhiệm vụ, mục tiêu đề ra.

Tăng trưởng kinh tế, thu ngân sách chưa đảm bảo tính bền vững, các động lực tăng trưởng mới triển khai chậm, chịu tác động ã suy giảm kinh tế thế giới và những tác động đối với kinh tế trong nước.

Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng tiếp tục được quan tâm nhưng kết quả đạt được chưa như kỳ vọng. Hiệu quả thu hút đầu tư chưa được tối ưu. Phát triển nông nghiệp, nông thôn chưa bền vững. Trụ cột về du lịch chưa tương xứng với tiềm năng. Phát triển đô thị chưa đạt mục tiêu kép.

Việc triển khai các nghị quyết, đề án trong công tác cán bộ, công tác đánh giá cán bộ có nơi chưa quyết liệt, thiếu quyết tâm chính trị, tình trạng nể nang, né tránh, ngại va chạm còn diễn ra.

*\* Nguyên nhân:*

- Nguyên nhân khách quan

Tình hình thế giới, khu vực diễn biến phức tạp; kinh tế - xã hội và đời sống của đất nước, tỉnh còn khó khăn; sự tăng cường chống phá của các thế lực thù địch bằng âm mưu “diễn biến hòa bình” đối với cách mạng nước ta.

Dịch Covid-19 để lại nhiều hậu quả; đã tác động, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của các thành phần kinh tế và đời sống của Nhân dân. Ảnh hưởng tiêu cực từ biến đổi khí hậu toàn cầu, thiên tai, bão lũ, mặn xâm nhập tác động đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư của doanh nghiệp và đời sống của một bộ phận Nhân dân.

Chất lượng nguồn nhân lực vẫn chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Nguồn lực dành cho đầu tư phát triển còn hạn chế; hạ tầng giao thông kết nối chưa đồng bộ, thiếu quỹ đất sạch để thu hút nhà đầu tư phát triển công nghiệp.

- Nguyên nhân chủ quan

Một số cấp ủy, cơ quan, đơn vị, người đứng đầu chưa quán triệt, chưa nhận thức đầy đủ, sâu sắc, chưa phát huy hiệu quả vai trò, trách nhiệm trong việc quán triệt, triển khai thực hiện nhiệm vụ theo tinh thần chỉ đạo của tỉnh, nhất là các nghị quyết, chương trình, đề án trọng tâm của tỉnh.

Tinh thần trách nhiệm và ý thức tự giác của một số cán bộ, đảng viên từng lúc chưa cao, chưa quyết liệt. Năng lực một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức, kể cả người đứng đầu cấp ủy, chính quyền chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Công tác tham mưu, đề xuất và năng lực dự báo của một bộ phận cán bộ, công chức chưa ngang tầm nhiệm vụ; việc cụ thể hóa, tổ chức thực hiện chủ trương, nghị quyết của cấp trên ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa sát thực tế.

## ***2.7. Bài học kinh nghiệm***

*Thứ nhất*, bám sát chặt chẽ các nghị quyết, chỉ thị, quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; đổi mới thực chất phương thức lãnh đạo của Đảng, trọng tâm là công tác lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hóa kịp thời, đồng bộ các cơ chế, chính sách của Trung ương, các nghị quyết, chương trình của tỉnh, tập trung triển khai các đột phá chiến lược, hiện thực hóa các nghị quyết, chương trình, đề án đã ban hành với nhiều định hướng mới, sáng tạo, làm kim chỉ nam cho sự phát triển của tỉnh.

*Thứ hai*, khẳng định vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng, tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Tập trung kiện toàn tổ chức bộ máy, đặc biệt là các giải pháp đột phá về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, nhất là lãnh đạo chủ chốt các cấp ngang tầm nhiệm vụ.

*Thứ ba*, cấp ủy, chính quyền các cấp, đứng đầu là tập thể Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đoàn kết, chủ động, sáng tạo trong lãnh đạo, chỉ đạo những nhiệm vụ trọng tâm, đề ra các giải pháp đúng, trúng và một số có tính đột

phá, chiến lược, lâu dài; phát huy mạnh mẽ truyền thống, kinh nghiệm, thành quả của các giai đoạn phát triển trước.

*Thứ tư*, hệ thống chính trị thống nhất nhận thức, có quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt vì sự phát triển chung của tỉnh; nội bộ đoàn kết, trách nhiệm, tạo được sự tin tưởng, đồng thuận cao của cán bộ, đảng viên và quần chúng Nhân dân đối với phương châm “Phát huy nội lực, tận dụng thời kỳ vàng, hiện thực hóa khát vọng phát triển Hậu Giang nhanh, bền vững, toàn diện, bao trùm”. Thường xuyên gặp gỡ, đối thoại giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

*Thứ năm*, thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy dân chủ trong cấp ủy đảng, chế độ tập thể lãnh đạo đi đôi với phát huy tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của cá nhân, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung thống nhất của cấp ủy và giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật trong Đảng.

## **II. KẾT QUẢ SAU 20 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TỈNH HẬU GIANG**

### **1. Những thành tựu nổi bật trên các lĩnh vực sau 20 năm xây dựng và phát triển**

Qua hơn 20 năm xây dựng và phát triển, từ một tỉnh thuần nông, có xuất phát điểm thấp ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, với truyền thống đoàn kết, nghĩa tình, thủy chung, năng động, sáng tạo, ý chí tự lực, tự cường, được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của Trung ương, sự hợp tác, hỗ trợ của các địa phương, cùng sự nỗ lực lớn, quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, Đảng bộ và Nhân dân Hậu Giang thực hiện nhiệm vụ chính trị đạt được nhiều kết quả toàn diện, ấn tượng, nổi bật trên tất cả các lĩnh vực.

#### ***1.1. Kinh tế tăng trưởng khá, kết cấu hạ tầng được đầu tư xây dựng đồng bộ tạo động lực phát triển.***

Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) của Tỉnh giai đoạn 2004 - 2010 tăng 12,1%; giai đoạn 2011 - 2015 đạt 6,27%; giai đoạn 2016 - 2020 còn 6,3%; giai đoạn 2021 - 2025 ước tăng 9,24%; đặc biệt là từ năm 2022 - 2024 tốc độ tăng trưởng kinh tế của Hậu Giang luôn nằm trong nhóm đầu khu vực và cả nước; quy mô nền kinh tế của Tỉnh tăng hơn 16,5 lần<sup>[61]</sup>. Thu nhập bình quân đầu người năm 2004 là 5,99 triệu đồng/năm, đến năm 2025 ước đạt 106,44 triệu đồng/người, tương đương 4.174 USD, tăng bình quân 14,69%/năm, tăng 16,77 lần so với năm 2004.

[61] Năm 2004 khoảng 4 700 tỷ đồng, đến năm 2025 ước đạt 77 854 tỷ đồng (tương đương 3,05 tỷ USD)

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, tăng tỷ trọng khu vực II (công nghiệp, xây dựng), khu vực III (thương mại, dịch vụ) và giảm dần khu vực I (nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản), năm 2004, công nghiệp, xây dựng chiếm 28,50%, dịch vụ 25,48%, nông nghiệp 46,03% đến năm 2025 công nghiệp, xây dựng chiếm 40,84% (tăng 12,34% so năm 2004), dịch vụ 32,25% (tăng 6,77% so năm 2004), nông nghiệp chiếm 20,84 % (giảm 25,19% so năm 2004). Lần đầu sau 20 năm thành lập cơ cấu lĩnh vực công nghiệp vượt qua lĩnh vực nông nghiệp, trở thành trụ cột quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh nhà. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được đầu tư mạnh mẽ, làm thay đổi diện mạo đô thị, nông thôn, phục vụ tốt hơn cho tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

### ***1.2. Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân***

Lĩnh vực văn hóa, xã hội được quan tâm, chăm lo, đầu tư phát triển. Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa gắn với xây dựng nông thôn mới được triển khai sâu rộng và nhận được sự đồng thuận cao của Nhân dân. Diện mạo nông thôn ngày càng khang trang, đời sống vật chất, tinh thần của người dân được nâng cao. Phong trào thể dục, thể thao, đặc biệt là thể thao thành tích cao có bước phát triển và đạt nhiều giải trong nước và quốc tế. Mạng lưới y tế, đặc biệt là y tế cơ sở ngày càng được củng cố và phát triển; công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần cải thiện các chỉ số sức khỏe cộng đồng. Công tác giảm nghèo của tỉnh được thực hiện tốt, đi vào thực chất. Nhiều mô hình giảm nghèo bền vững được phát huy, tỷ lệ hộ nghèo của Tỉnh giảm bình quân trên 1% mỗi năm; đã giảm từ 23,55% (năm 2005) xuống còn 0,74% (năm 2025, theo chuẩn mới); công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm được đặc biệt quan tâm, không những góp phần nâng cao trình độ và chất lượng nguồn nhân lực, mà còn tạo sinh kế phù hợp nguồn lực, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần Nhân dân. Quy mô và chất lượng đào tạo được nâng lên, chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý được củng cố, kiện toàn. Công tác xây dựng trường học theo chuẩn quốc gia tiếp tục được quan tâm đầu tư, đến năm 2025 Tỉnh có 267 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 85,57%. Hậu Giang là đơn vị đầu tiên trong vùng đồng bằng sông Cửu Long xóa dứt điểm xã không có trường mầm non từ năm 2013.

***1.3. Củng cố, tăng cường quốc phòng, bảo đảm an ninh chính trị, giữ vững an toàn xã hội và công tác đối ngoại đạt nhiều kết quả quan trọng, góp phần kêu gọi, thu hút đầu tư, quảng bá tiềm năng, thế mạnh của tỉnh.***

Tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội luôn được giữ vững ổn định; thực hiện nghiêm túc, quyết liệt, hiệu quả các chủ trương về kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội gắn với công tác đảm bảo an ninh, trật tự trên các lĩnh vực; tập trung phát hiện, triệt phá các loại tội phạm, tệ nạn xã hội; công

tác đảm bảo trật tự, an toàn giao thông và bảo đảm an toàn phòng cháy, chữa cháy luôn được kiểm chế, kéo giảm.

Thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội, tạo môi trường an ninh, an toàn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt đóng góp tích cực cho thành công tại các sự kiện văn hóa, chính trị của Tỉnh trong thời gian qua như Festival Lúa gạo lần thứ I năm 2009, lần thứ II năm 2023; Diễn đàn Hợp tác kinh tế đồng bằng sông Cửu Long MIDFC Hậu Giang năm 2016; tổ chức thành công nhiều hội nghị, nhiều đoàn công tác xúc tiến đầu tư; đặc biệt Hội nghị Xúc tiến đầu tư tỉnh Hậu Giang năm 2022 tiếp đón các đoàn công tác của Trung ương và quốc tế đến thăm và làm việc tại Hậu Giang; tổ chức thành công Giải Marathon Quốc tế hàng năm tại tỉnh Hậu Giang; tổ chức chuỗi sự kiện, hoạt động mang tầm khu vực và quốc gia chào mừng Kỷ niệm 20 năm thành lập tỉnh (01/01/2004-01/01/2024).

***1.4. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể được quan tâm chỉ đạo, đổi mới và đạt kết quả rõ nét, thực chất.***

Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được chú trọng; hệ thống chính trị được củng cố, kiện toàn; năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng được nâng lên. Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Trung ương 4 khoá XI, XII gắn với Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị và các quy định về nêu gương của Trung ương. Công tác luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được quan tâm, góp phần tạo nguồn cán bộ cho nhiệm kỳ 2020 - 2025. Tỉnh cũng đã xây dựng và triển khai thực hiện tốt Đề án “Nâng cao chất lượng, năng lực đội ngũ cán bộ trẻ, nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số nhiệm kỳ 2015 - 2020 và các nhiệm kỳ tiếp theo”. Việc sắp xếp tổ chức bộ máy theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII đạt kết quả bước đầu, cơ bản hoàn thành việc sắp xếp tổ chức bộ máy bên trong các cơ quan tham mưu giúp việc của Tỉnh ủy và cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân. Công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng được chú trọng. Công tác dân vận có sự đổi mới, sáng tạo theo hướng gần dân, sát cơ sở, củng cố vững chắc niềm tin của nhân dân, đội ngũ cán bộ, đảng viên và Nhân dân đồng thuận cao với các chủ trương của Đảng, Nhà nước, của Tỉnh. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động, góp phần cùng cấp ủy, chính quyền lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt các phong trào thi đua yêu nước tại địa phương.

## **2. Khó khăn, thách thức, điểm nghẽn của tỉnh**

Quy mô kinh tế của tỉnh tuy đã được cải thiện đáng kể trong những năm gần đây, song so với các tỉnh trong vùng và cả nước còn nhỏ.

Nguồn thu ngân sách địa phương chưa đảm bảo tính bền vững. Các động lực tăng trưởng mới chưa được khơi thông; lượng di cư cao, chủ yếu là lực lượng lao động trẻ, dân số sụt giảm qua các năm.

Hai điểm nghẽn lớn nhất về hạ tầng chiến lược và chất lượng nguồn nhân lực cần thời gian và quyết tâm cao, nỗ lực lớn để tháo gỡ.

### **3. Bài học kinh nghiệm**

*Thứ nhất*, quán triệt, triển khai nghiêm túc, quyết liệt, kịp thời các chủ trương, đường lối của đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước. Quá trình triển khai, tổ chức thực hiện bám sát nghị quyết, chương trình hành động, các nghị quyết, nhưng phải thích ứng linh hoạt, đồng bộ, hiệu quả.

*Thứ hai*, xây dựng khối đoàn kết, thống nhất trong tập thể Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. Đề cao vai trò tiên phong, gương mẫu của tập thể cấp ủy và người đứng đầu, chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện vì lợi ích chung.

*Thứ ba*, trong lãnh đạo, chỉ đạo xác định rõ nhiệm vụ ưu tiên, trọng tâm, trọng điểm. Coi trọng công tác phân tích, dự báo tình hình. Nắm chắc tình hình thực tiễn, trong lãnh đạo chủ động, kịp thời, đúng thời điểm; khơi thông, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, nhất là các động lực đầu kéo phát triển.

*Thứ tư*, kết hợp khai thác tối đa nội lực và tận dụng ngoại lực, tranh thủ sự ủng hộ của các cơ quan Trung ương và các địa phương; trong thực thi nhiệm vụ phải có quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, hiệu quả thực chất.

*Thứ năm*, chấp hành thực hiện nghiêm các phương thức lãnh đạo và nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với cá thể hoá trách nhiệm. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

## **Phần thứ Hai**

### **QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN TỈNH TRONG GIAI ĐOẠN MỚI**

#### **I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH THẾ GIỚI VÀ TRONG NƯỚC**

Thế giới đang trong quá trình hình thành cấu trúc trật tự mới, dự báo trong những năm tới, hòa bình, hợp tác, phát triển vẫn là xu thế chung của khu vực và thế giới. Tuy nhiên, tình hình tranh chấp lãnh thổ, biên giới, hải đảo, các vấn đề về văn hóa, dân tộc, sắc tộc, khủng bố, an ninh phi truyền thông,... tiếp tục

diễn biến phức tạp. Cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc diễn ra gay gắt, xu hướng quan hệ quốc tế thay đổi mạnh. Về kinh tế, xu hướng toàn cầu hóa và nền kinh tế mở vẫn tiếp tục, song vẫn chịu nhiều thách thức như: bảo hộ thương mại; sự cạnh tranh ngày càng lớn trong việc tìm thị trường, thị phần của các tập đoàn kinh tế, công ty đa quốc gia; việc tham gia vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu trở thành một tất yếu; khoa học, công nghệ và nguồn nhân lực chất lượng cao trở thành lực lượng lao động chủ lực cho sự phát triển,... Ngoài ra, trong xu thế toàn cầu hóa, khu vực hóa, đã tạo ra cơ hội phát triển và cả những thách thức về kinh tế, đối ngoại, văn hóa, an ninh đối với nước ta ngày càng gay gắt hơn.

Trong nước, thuận lợi cơ bản tiếp tục là động lực, nền tảng cho sự phát triển như: chính trị, xã hội ổn định; kinh tế tiếp tục tăng trưởng; hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, vị thế uy tín đất nước ngày càng được nâng lên trên trường quốc tế; công tác đổi mới, sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả được đẩy mạnh đã tạo ra dư địa và không gian phát triển mới cho đất nước. Đảng, Nhà nước và Chính phủ tiếp tục có sự quan tâm đặc biệt cho vùng đồng bằng sông Cửu Long; công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng, phòng chống tham nhũng, tiêu cực tiếp tục được đẩy mạnh, tạo được lòng tin trong Nhân dân,... Tuy nhiên, sự chống phá ngày càng tinh vi của các thế lực thù địch, nhất là trên không gian mạng; các yếu tố an ninh phi truyền thống; thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường... sẽ tác động tiêu cực đến quá trình phát triển của nước ta trong 5 năm tới.

Đối với tỉnh, tình hình chung vẫn là thuận lợi và khó khăn đan xen. Về thuận lợi: kế thừa và phát huy những kết quả đạt được qua 20 năm thành lập, tỉnh Hậu Giang đang trong “thời kỳ vàng” khi hội đủ các yếu tố thiên thời, địa lợi, nhân hòa để phát triển. Về khó khăn, nhiều nhân tố tiêu cực sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển của Tỉnh như: tình hình biến đổi khí hậu; sạt lở đất, mặn xâm nhập, nước biển dâng; dịch bệnh; hạ tầng giao thông kết nối lên vùng và giữa các địa phương trong tỉnh chưa thực sự đáp ứng nhu cầu; nguồn lực đầu tư còn hạn chế; sự chống phá không ngừng của các thế lực thù địch; sự phát triển nhanh chóng của Internet, mạng xã hội, tác động hai mặt đến đời sống Nhân dân; trình độ, năng lực lãnh đạo, quản lý và tổ chức thực hiện của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa ngang tầm nhiệm vụ trong tình hình mới. Tình hình đó đặt ra nhiều vấn đề, đòi hỏi phải có những chủ trương đúng đắn, giải pháp đột phá, phù hợp để phát huy những thuận lợi, khắc phục khó khăn, tiếp tục đưa Hậu Giang ngày càng phát triển nhanh, bền vững, toàn diện, bao trùm, vững bước cùng cả nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

## II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN TỈNH HẬU GIANG TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

### 1. Quan điểm chỉ đạo

*Một là*, kiên định và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng.

*Hai là*, phát triển nhanh, bền vững, toàn diện, bao trùm; gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, trong đó: phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa, con người là nền tảng; bảo đảm quốc phòng, an ninh và tăng cường đối ngoại là trọng yếu, thường xuyên.

*Ba là*, phát triển các ngành, lĩnh vực trên nền tảng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, khai thác hiệu quả tiềm năng, cơ hội nổi trội, lợi thế cạnh tranh; phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số và các mô hình kinh tế mới dựa trên 4 trụ cột công nghiệp, nông nghiệp, đô thị và du lịch theo chiến lược “Một tâm, hai tuyên, ba thành, bốn trụ, năm trọng tâm”.

*Bốn là*, văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực, góp phần quan trọng thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển; thu hút, trọng dụng người có năng lực, nhân tài, phục vụ cho quá trình phát triển.

*Năm là*, tiếp tục tăng cường, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, toàn diện; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và đảng viên; xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ trong giai đoạn mới; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

### 2. Mục tiêu phát triển

#### 2.1. Mục tiêu tổng quát

Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; phát triển kinh tế nhanh, bền vững, chú trọng kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, có các vùng động lực về kinh tế, công nghiệp, đô thị hiện đại; phát triển văn hóa, đảm bảo an sinh xã hội; giữ vững quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội; đến năm 2030 là tỉnh công nghiệp đạt mức khá của vùng đồng bằng sông Cửu Long, người dân có cuộc sống ấm no, văn minh, hạnh phúc.

## **2.2. Định hướng các mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu 5 năm 2025 - 2030**

### **a) Lĩnh vực kinh tế**

(1) Tốc độ tăng trưởng kinh tế GRDP bình quân 5 năm đạt trên 10%/năm; trong đó khu vực I: 3,86%/năm, khu vực II: 14,99%/năm, khu vực III: 9,06%/năm, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm: 3,23%/năm.

(2) GRDP bình quân đầu người năm 2030 đạt 184,09 triệu đồng/người, tương đương 6.598 USD, tăng bình quân 11,58%/năm.

(3) Cơ cấu kinh tế ước đến năm 2030 khu vực I: 15,8%, khu vực II: 50,43%, khu vực III: 29,54%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 4,23%.

(4) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội 5 năm đạt 219.000 tỷ đồng, tăng bình quân 18,75%/năm.

(5) Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 5 năm đạt 75.000 tỷ đồng. Trong đó: thu nội địa đạt 67.400 tỷ đồng, thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu 5 năm 7.600 tỷ đồng.

(6) Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ thu ngoại tệ ước đến cuối giai đoạn 2026 - 2030 đạt 7.900 triệu USD, tăng bình quân 5,64%/năm. Trong đó, giá trị xuất khẩu giai đoạn 2026 - 2030 đạt 5.800 triệu USD, tăng bình quân 7,13%/năm; nhập khẩu giai đoạn 2026 - 2030 đạt 2.100 triệu USD, tăng bình quân 2,09%/năm.

(7) Đóng góp của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vào tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh (TFP) từ 55%.

(8) Số doanh nghiệp đang hoạt động và có kê khai thuế tăng thêm trong 5 năm đạt 1.000 doanh nghiệp.

### **b) Lĩnh vực văn hóa - xã hội**

(9) Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 7,5%.

(10) Tỷ lệ đô thị hóa là 37%.

(11) Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân mỗi năm từ 1% trở lên.

(12) Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 80%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 40%.

(13) Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 90% tổng số trường. Số sinh viên đại học trên 10.000 dân là 73 sinh viên.

(14) Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng <9%; số bác sĩ trên 10.000 người dân là 12 bác sĩ; số giường bệnh trên 10.000 người dân là 41 giường; tỷ lệ người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế đạt từ 95% trở lên.

(15) 100% đơn vị hành chính cấp xã đạt chuẩn nông thôn mới; trong đó, 50% xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 20% xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

*c) Tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững*

(16) Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch 100%.

(17) Tỷ lệ rác thải sinh hoạt (ở đô thị và nông thôn) được thu gom và xử lý đạt 98%.

*d) Lĩnh vực quốc phòng và an ninh*

(18) Công tác tuyên chọn và gọi công dân nhập ngũ; công tác huấn luyện, diễn tập, giáo dục quốc phòng - an ninh hoàn thành 100% chỉ tiêu hàng năm.

(19) Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, số vụ tội phạm và tai nạn giao thông được kiểm chế.

### III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

**1. Tiếp tục hoàn thiện đồng bộ cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững, toàn diện, bao trùm**

Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát triển các lĩnh vực kinh tế, trong đó ưu tiên cơ chế, chính sách phát triển bốn trụ cột: công nghiệp, nông nghiệp, đô thị, du lịch; khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo; chuyển đổi số, chuyển đổi xanh.

Tăng cường các chính sách an sinh xã hội, chính sách giảm nghèo đa chiều bền vững, chính sách cho người có công, gia đình chính sách theo hướng toàn diện, bao trùm, để mọi người dân được hưởng thành quả phát triển, theo quan điểm chỉ đạo “không để ai bị bỏ lại phía sau”.

Xây dựng, hoàn thiện và thực thi có hiệu quả các chính sách phát triển văn hóa, để văn hóa thực sự là mục tiêu, nguồn lực nội sinh, động lực để phát triển Hậu Giang. Xây dựng văn hóa, con người Hậu Giang với các đặc trưng “*Yêu nước, Đoàn kết, Nghĩa tình, Năng động, Bản lĩnh, Trí tuệ*”.

Tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, quán triệt đầy đủ quan điểm “không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế; chủ động xây dựng cơ chế chính sách phát triển xanh”.

**2. Đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại các lĩnh vực kinh tế, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo làm động lực chủ yếu**

**2.1. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, gắn với cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh**

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, phát triển hài hòa giữa chiều rộng và chiều sâu, chú trọng phát triển chiều sâu, gắn với cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh, lấy khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo làm động lực chủ yếu.

Chuyển dịch ngân sách địa phương theo hướng nâng cao tỷ trọng đóng góp từ doanh nghiệp sản xuất kinh doanh. Cơ cấu lại chi ngân sách, ưu tiên chi cho đầu tư phát triển, tập trung cho công nghiệp, nông nghiệp, đô thị, du lịch và khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo. Thực hiện đồng bộ các giải pháp điều hành thu ngân sách nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh phát triển ổn định, góp phần nuôi dưỡng và tăng nguồn thu bền vững, hoàn thành đạt và vượt kế hoạch. Quản lý chi ngân sách nhà nước đúng quy định, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch; chủ động đảm bảo cân đối ngân sách nhà nước các cấp; đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Phân bổ tổng chi ngân sách địa phương 100.000 - 102.000 tỷ đồng; trong đó, chi đầu tư phát triển 48.210 tỷ đồng.

Phát triển công nghiệp trở thành ngành kinh tế chủ lực, thế mạnh của tỉnh, hình thành hệ thống các khu, cụm công nghiệp tập trung, hiện đại, quy mô lớn, hạ tầng đồng bộ để thu hút đầu tư các ngành: Công nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp chế biến, chế tạo; công nghiệp năng lượng, công nghiệp hỗ trợ; dược, mỹ phẩm; chế biến nông sản; logistics.

Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, quy mô lớn, theo chuỗi giá trị gắn với chế biến và xây dựng thương hiệu sản phẩm; chuyển đổi cơ cấu sản phẩm chủ lực: cây ăn trái - lúa - thủy sản. Hình thành vùng chuyên canh cây ăn trái, chăn nuôi tập trung, công nghệ cao. Phát triển nông nghiệp kết hợp du lịch sinh thái, miệt vườn, sông nước.

Phát triển thủy sản với sản phẩm chủ lực là cá tra, cá thát lát, lươn; gắn chế biến với mở rộng thị trường; khai thác gắn với bảo vệ nguồn lợi. Phát triển lâm nghiệp, nâng cao giá trị kinh tế rừng sản xuất kết hợp với phát triển du lịch.

Phát triển nhanh, đa dạng các loại hình dịch vụ, du lịch dựa trên tiềm năng, thế mạnh của tỉnh; các sản phẩm dịch vụ chất lượng cao, hiện đại, có giá trị gia tăng lớn; trở thành tỉnh có ngành thương mại, dịch vụ và du lịch phát triển khá của vùng đồng bằng sông Cửu Long.

## ***2.2. Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.***

Tận dụng những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, tăng cường nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ, ưu tiên gia tăng

ứng dụng công nghệ cao; đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số thực chất, hiệu quả, bền vững; xây dựng Khu Công nghệ số tỉnh Hậu Giang thành Khu Công nghệ thông tin tập trung. Tập trung thực hiện nhiệm vụ đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để thúc đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh, đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực quản trị, hiện thực hóa khát vọng xây dựng tỉnh Hậu Giang phát triển nhanh, bền vững, toàn diện, bao trùm.

Tập trung phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, tăng nhanh cơ cấu khu vực công nghiệp trong cơ cấu kinh tế của tỉnh; gắn phát triển công nghiệp với công nghệ hiện đại, thông minh, công nghệ số. Hình thành các khu công nghiệp mới theo quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại và nông dân thông minh.

Nâng cao hiệu quả hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng góp phần thúc đẩy ứng dụng mạnh mẽ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, tạo nền tảng kỹ thuật quan trọng, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa của các ngành, lĩnh vực và nền kinh tế, nâng cao năng lực hội nhập quốc tế.

### ***2.3. Phát huy đúng vai trò và chức năng các khu vực kinh tế trên nguyên tắc hợp tác, cạnh tranh và hội nhập***

Nâng cao hiệu quả hoạt động, năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp nhà nước, góp phần đóng góp vào ngân sách của tỉnh. Tiếp tục rà soát, cơ cấu lại các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn đầu mối.

- Phát triển kinh tế tư nhân thật sự trở thành động lực quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp phát triển sản phẩm, thương hiệu, thị trường; khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, chuyển đổi số. Đẩy mạnh thu hút có chọn lọc các dự án đầu tư nước ngoài, thúc đẩy liên kết các doanh nghiệp trong nước và các doanh nghiệp FDI.

Triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã. Gắn vai trò của kinh tế hợp tác với các vùng sản xuất, tiêu thụ hàng hóa nông sản, nhất là các nông sản chủ lực của tỉnh.

## **3. Phát triển mạnh mẽ, toàn diện văn hóa và con người Hậu Giang**

### ***3.1. Phát triển văn hoá thực sự trở thành nền tảng, nguồn lực, sức mạnh nội sinh, động lực to lớn cho sự phát triển của tỉnh trong giai đoạn mới***

Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Hậu Giang đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền

vững. Phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa; tăng cường đầu tư cho lĩnh vực văn hóa, thống nhất nhận thức đầu tư cho văn hóa là đầu tư cho phát triển. Xây dựng và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho văn hóa. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong phát triển, quản lý văn hóa.

Tiếp tục đẩy mạnh Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, phấn đấu đạt ít nhất: 50% phường, thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh; 70% ấp, khu vực đạt danh hiệu văn hóa; 80% gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa. Tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị số 06-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng gia đình trong tình hình mới đến năm 2030; Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2030; Chương trình giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình đến năm 2030 và các văn bản thuộc lĩnh vực gia đình. Tiếp tục tổ chức tốt các ngày kỷ niệm thuộc lĩnh vực gia đình trong năm. Qua đây, nhằm đề cao trách nhiệm của lãnh đạo các ngành, các cấp, các đoàn thể, tổ chức xã hội và gia đình quan tâm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững; động viên, khen thưởng kịp thời tổ chức, cá nhân, gia đình có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong công tác gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình.

Bảo tồn phát huy các giá trị văn hóa truyền thống; hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa từ tinh đến cơ sở; tôn tạo, nâng cấp các khu di tích lịch sử; xây dựng, hoàn thiện hệ giá trị văn hóa con người Hậu Giang.

### ***3.2. Lấy con người làm trung tâm***

Xây dựng con người Hậu Giang có tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc và có khát vọng vươn lên trong cuộc sống; đoàn kết trong lao động, học tập, sản xuất, kinh doanh góp phần tích cực vào việc xây dựng tỉnh Hậu Giang phát triển nhanh, bền vững, toàn diện, bao trùm. Xây dựng và hoàn thiện các chuẩn mực về đạo đức của cán bộ, đảng viên, các tiêu chí về xây dựng gia đình văn hóa, các cơ quan, đơn vị văn hóa.

Chú trọng phát huy tính năng động, bản lĩnh và trí tuệ của các tầng lớp nhân dân; phát huy vai trò chủ thể sáng tạo, chủ thể thụ hưởng văn hoá của nhân dân; tận dụng trí tuệ của nhân dân thông qua các hoạt động đối thoại để xây dựng hệ thống chính trị của Tỉnh ngày càng trong sạch, vững mạnh.

### ***3.3. Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc***

Khơi dậy mạnh mẽ truyền thống yêu nước, ý chí tự cường, tinh thần đoàn kết, khát vọng phát triển. Phát huy có hiệu quả những giá trị văn hóa truyền thống, tinh thần công hiến, phát huy nội lực, tận dụng “thời kỳ vàng”, thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn 2050.

Phát triển văn hóa trong chính trị, nâng cao tinh thần dân tộc, trách nhiệm, tận tụy phục vụ đất nước, phục vụ nhân dân. Chú trọng văn hóa kinh doanh, gia đình, nhà trường, công vụ. Phát triển, lan tỏa các giá trị văn hóa, chuẩn mực đạo đức tốt đẹp.

#### **4. Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**

##### ***4.1. Thực hiện có hiệu quả chủ trương phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu***

Thực hiện có hiệu quả, đồng bộ các chủ trương và chính sách phát triển giáo dục và đào tạo, nhất là Nghị quyết số 16-NQ/TU, ngày 14/7/2023 về chiến lược phát triển bền vững giáo dục và đào tạo tỉnh Hậu Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Đề án số 07-ĐA/TU, ngày 14/7/2023 xây dựng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đủ phẩm chất, năng lực, ngang tầm nhiệm vụ giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030; chú trọng đổi mới phương thức giáo dục đạo đức, lối sống; kết hợp hài hòa chặt chẽ với giáo dục năng lực sáng tạo, trình độ chuyên môn, nghề nghiệp để tạo môi trường cho thế hệ trẻ phát triển toàn diện.

##### ***4.2. Nâng cao dân trí, chất lượng đào tạo nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, trọng dụng người có năng lực, nhân tài***

Nâng cao chất lượng dự báo nhu cầu nhân lực chất lượng ở các lĩnh vực, ngành, nghề trong giai đoạn mới, để làm cơ sở cho triển khai kế hoạch đào tạo; chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học; chú trọng giáo dục đào tạo từ chủ yếu theo số lượng sang chú trọng chất lượng và hiệu quả.

Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học và hướng dẫn lựa chọn ngành nghề vào đại học; thực hiện tốt đổi mới nội dung, chương trình và phương thức đào tạo, gắn với cơ chế chính sách để xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng.

##### ***4.3. Xây dựng mô hình xã hội học tập, công dân học tập suốt đời***

Quan tâm thúc đẩy phong trào khuyến học, khuyến tài, ý thức tự học tập, rèn luyện, tự trau dồi kiến thức, nâng cao trình độ. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức, người dân về vai trò xã hội học tập; đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các thiết chế giáo dục cơ sở, hỗ trợ các trung tâm học tập cộng đồng; hỗ trợ người yếu thế, hết tuổi lao động, người khuyết tật... có điều kiện học tập suốt đời.

## **5. Tăng cường ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

Quản trịet, thực hiện mạnh mẽ Nghị quyết số 57- NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và Nghị quyết số 28-NQ/TU ngày 03/4/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tổ chức thực hiện các nhiệm vụ đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Hậu Giang; lấy đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trở thành động lực then chốt thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh; coi doanh nghiệp là trung tâm để hoạt động khoa học, công nghệ hướng đến, nhằm đưa khoa học và công nghệ phục vụ thiết thực cho việc nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất - kinh doanh và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Đưa Hậu Giang trở thành Trung tâm khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của vùng và cả nước.

Chú trọng nâng cao trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ở các cấp, các ngành, lĩnh vực, doanh nghiệp; hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; thu hút, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ vào tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội; tăng cường liên kết, hợp tác với các đơn vị nghiên cứu, viện, trường trong nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả khai thác tài sản trí tuệ, nhất là tài nguyên trí tuệ của doanh nghiệp và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Quan tâm nguồn nhân lực để xây dựng hạ tầng khoa học và công nghệ của tỉnh đáp ứng yêu cầu phát triển toàn diện và bao trùm; chú trọng cụ thể hóa tiêu chuẩn của tỉnh hài hoà tiêu chuẩn quốc gia đối với các công nghệ, sản phẩm mới, sản phẩm xuất khẩu, sản phẩm chủ lực đáp ứng yêu cầu của thị trường. Hình thành và tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân thực hiện dịch vụ khoa học và công nghệ.

## **6. Quản lý phát triển xã hội bền vững, đảm bảo tiến bộ, công bằng xã hội**

Gắn chính sách phát triển kinh tế với chính sách xã hội, quan tâm lĩnh vực công tác xã hội, nhất là phúc lợi xã hội, an sinh xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân. Thực hiện tốt chính sách đối với người có công trên cơ sở nguồn lực của nhà nước và xã hội, đảm bảo mức sống của người có công với cách mạng bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của cộng đồng dân cư nơi cư trú; triển khai các chương trình, dự án hỗ trợ người yếu thế, vận động người dân tham gia bảo hiểm xã hội. Tập trung phát triển công nghiệp, nông nghiệp, đô thị, du lịch, góp phần tạo việc làm tại chỗ cho người lao động, đồng thời thu hút lao động có trình độ, tay nghề từ nơi khác đến làm việc.

Tiếp tục đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, tăng cường đầu tư trang thiết bị y tế cho các cơ sở y tế. Phát triển nguồn nhân lực y tế chất lượng, chuyên sâu. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, đa dạng hoá các dịch vụ khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe người dân, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong hoạt động khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe; tăng cường gắn kết dịch vụ khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe với du lịch của tỉnh; nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc và bảo vệ sức khỏe bà mẹ, trẻ em; phát triển y học cổ truyền, kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại trong phòng bệnh, khám chữa bệnh, phục hồi chức năng, chăm sóc sức khỏe; thực hiện các giải pháp để bảo đảm đủ thuốc, có chất lượng, an toàn, hiệu quả, giá hợp lý, đáp ứng nhu cầu phòng bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng.

### **7. Quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu**

Tập trung xây dựng, hoàn thiện quy định, thể chế chính sách về đất đai theo thẩm quyền của địa phương trên cơ sở Luật đất đai 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành; nâng cao chất lượng lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đáp ứng yêu cầu, quan điểm, mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội và định hướng phát triển tỉnh nhanh, bền vững, có tính kế thừa, thống nhất, đồng bộ, gắn kết chặt chẽ, thúc đẩy lẫn nhau để phát triển, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; hoàn thành nhiệm vụ điều tra, đánh giá đất đai trên địa bàn tỉnh, làm cơ sở đề ra các giải pháp bảo vệ, cải tạo, phục hồi, định hướng khai thác, sử dụng hiệu quả và bền vững nguồn tài nguyên đất đai; hoàn thiện cơ sở dữ liệu về đất đai và các lĩnh vực tài nguyên và môi trường để nâng cao hiệu quả quản lý. Thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và bàn giao mặt bằng với tổng diện tích khoảng 1.500 ha, tạo quỹ đất sạch và khai thác quỹ đất hiệu quả, tạo nguồn thu từ đất với số tiền khoảng 10.000 tỷ đồng.

Đẩy mạnh xã hội hoá và nâng cao nhận thức của toàn xã hội về công tác bảo vệ môi trường, triển khai các hoạt động bảo vệ môi trường; thúc đẩy phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, năng lượng tái tạo... gắn với tiêu dùng xanh; giảm phát thải. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các dự án nước sạch, trạm xử lý nước thải, nhất là tại các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp, khu dân cư, đẩy nhanh tiến độ xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải ở các trung tâm đô thị.

Chủ động ứng phó biến đổi khí hậu, các vấn đề môi trường; nâng cao năng lực, chủ động phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản của nhân dân. Kịp thời đánh giá hiện trạng, cập nhật bổ sung, mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh

cho phù hợp với mạng lưới quan trắc quốc gia, hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch tỉnh Hậu Giang trong giai đoạn 2025 - 2030.

Tăng cường công tác thanh tra trách nhiệm, thanh tra, kiểm tra về đất đai, môi trường, tài nguyên nước, khoáng sản nhằm đảm bảo thực hiện đúng quy định của pháp luật, phát hiện, chấn chỉnh kịp thời những yếu kém, sai phạm, xử lý nghiêm minh các trường hợp vi phạm.

### **8. Tăng cường quốc phòng, an ninh, xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại**

Lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh. Tiếp tục quán triệt và vận dụng sáng tạo chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội gắn với an ninh, trật tự phù hợp với quy luật khách quan và đặc điểm tình hình của địa phương, trọng tâm là Nghị quyết số 13-NQ/TW, ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Chỉ thị số 12-CT/TW, ngày 05/01/2017 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm an ninh kinh tế trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế; Chỉ thị số 24-CT/TW, ngày 13/7/2023 của Bộ Chính trị về bảo đảm vững chắc an ninh quốc gia trong bối cảnh hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng.

Chủ động nắm sát tình hình quốc tế, khu vực, vùng biên giới; tình hình phát triển kinh tế - xã hội; các vấn đề liên quan đến dân tộc, tôn giáo; âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, phản động để kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo triển khai đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đề ra nhiệm vụ công tác đảm bảo an ninh, trật tự, giữ vững môi trường an toàn, ổn định để phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Tăng cường thực hiện công tác bảo vệ an ninh nội bộ, bảo vệ bí mật Nhà nước; kịp thời phát hiện, khắc phục mọi lỗ hổng trên không gian mạng, không để lộ, lọt thông tin, tạo điều kiện cho đối tượng xấu phá hoại. Tập trung giải quyết tốt các vấn đề về tranh chấp, khiếu kiện liên quan đến đất đai, bồi thường, hỗ trợ tái định cư không để các đối tượng xấu lợi dụng kích động, xúi giục. Đẩy mạnh công tác trấn áp các loại tội phạm, bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, phòng, chống cháy nổ, phòng, chống thiên tai, cứu nạn, cứu hộ.

Tiếp tục xây dựng lực lượng quân đội, công an nhân dân trong sạch, vững mạnh, cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Quan tâm đầu tư bảo đảm các trang bị, phương tiện phục vụ cho nhiệm vụ cơ động, sẵn sàng chiến đấu; tập trung xây dựng các tiềm lực quân sự và thế

trận lòng dân trong khu vực phòng thủ tinh và nâng cao chất lượng công tác huấn luyện, diễn tập khu vực phòng thủ. Tập trung xây dựng vững chắc thể trận an ninh nhân dân, gắn với nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Thực hiện có hiệu quả công tác nắm, quản lý chặt địa bàn và tiếp tục kiện toàn và nâng cao chất lượng lực lượng Công an chính quy tại cơ sở.

### **9. Đẩy mạnh triển khai đồng bộ, hiệu quả hoạt động đối ngoại**

Quán triệt nâng cao nhận thức các cấp, các ngành về chủ trương, đường lối đối ngoại của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về công tác đối ngoại. Tiếp tục nghiên cứu, rà soát, xây dựng và hoàn thiện hệ thống các văn bản lãnh đạo thực hiện công tác đối ngoại trên địa bàn tỉnh, đảm bảo sự thống nhất và phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành trong triển khai các hoạt động đối ngoại.

Quan tâm công tác thông tin đối ngoại, hợp tác, ngoại giao kinh tế, tăng cường quảng bá hình ảnh, tiềm năng, lợi thế của tỉnh Hậu Giang; tuyên truyền các chủ trương, chính sách lớn của Đảng, pháp luật của Nhà nước về hội nhập kinh tế quốc tế. Nghiên cứu, xúc tiến, thiết lập và tăng cường quan hệ hợp tác, hữu nghị với một số địa phương trong và ngoài nước và duy trì, phát triển quan hệ hữu nghị với địa phương các nước bạn đã kết nghĩa với Hậu Giang.

Hoàn thiện cơ sở dữ liệu người Hậu Giang ở nước ngoài để kết nối và có biện pháp thu hút tiềm năng của người Việt Nam ở nước ngoài; tăng cường, đổi mới phương pháp tuyên truyền, thông tin đối ngoại và chủ động ngăn ngừa sự tác động tiêu cực phát sinh trong quá trình hội nhập quốc tế.

### **10. Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn đảng trong sạch vững mạnh toàn diện; nâng cao năng lực lãnh đạo cầm quyền của đảng**

#### **10.1 Đẩy mạnh xây dựng đảng về chính trị, tư tưởng và đạo đức**

Kiên định, vững vàng trên nền tảng tư tưởng của Đảng. Kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng. Nâng cao lập trường, bản lĩnh chính trị, trình độ, trí tuệ, tính chiến đấu của cấp ủy, tổ chức đảng và của mỗi cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp. Vận dụng sáng tạo những nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào điều kiện thực tế của tỉnh để xây dựng các nghị quyết, chương trình, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhất là xây dựng Đảng, hệ thống chính trị; chỉ đạo triển khai các khâu đột phá, chương trình trọng tâm, công trình trọng điểm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Tuyên truyền, giáo dục, quán triệt sâu rộng trong mọi cán bộ, đảng viên và Nhân dân bằng nhiều hình thức phù hợp để nâng cao nhận thức chính trị, kiên định chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Giữ vững sự đoàn kết, thống nhất, thực hành dân chủ gắn liền với tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong Đảng. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức và nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên. Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước, gắn với các phong trào thi đua ở các cấp, các ngành, tạo thống nhất trong Đảng, đồng thuận trong nhân dân. Dự báo, chủ động nắm sát tình hình tư tưởng, dư luận xã hội, kịp thời định hướng, xử lý vấn đề tư tưởng, dư luận, tạo sự đoàn kết, nhất trí trong đảng và ngoài xã hội. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý hoạt động báo chí, truyền thông, mạng xã hội để nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền; xử lý nghiêm các trường hợp đăng tải thông tin xấu độc, sai trái, vi phạm quy định của Đảng, nhà nước, bảo đảm an ninh, an toàn trên không gian mạng. Nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Các cấp ủy tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng, ý nghĩa thiết thực và lâu dài của việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với thực hành 05 chuẩn mực đạo đức cách mạng của người cán bộ, đảng viên theo Quy định Quy định số 144-QĐ/TW, ngày 09/5/2024 của Bộ Chính trị quy định về “chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới” và các nghị quyết của Trung ương về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, các quy định về trách nhiệm nêu gương của Đảng, làm cho việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh có những đóng góp tích cực, hiệu quả hơn nữa đối với việc thực hiện Chương trình thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2025 - 2030”, xem đây là nhiệm vụ trọng tâm thường xuyên của các cấp ủy, chính quyền, các cơ quan, đơn vị, địa phương.

### ***10.2. Tăng cường xây dựng đảng về tổ chức, cán bộ, tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp đủ năng lực, ngang tầm nhiệm vụ***

Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn tổ chức cơ sở đảng đồng bộ với đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và công tác cán bộ, nhất là cuộc cách mạng tinh gọn tổ chức bộ máy, thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp theo tinh thần chỉ đạo của Trung ương để hệ thống chính trị của tỉnh tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 17/11/2022, của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII “về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của đảng đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn mới”. Đổi mới

phương thức lãnh đạo của đảng với phương châm “Hình thức tập trung, nội thiết thực, hành động quyết liệt, hiệu quả thực chất”, thực hiện nghiêm các nguyên tắc của Đảng, đặc biệt là nguyên tắc tập trung dân chủ; vừa đảm bảo bao quát, toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm, vừa phát huy tốt vai trò, trách nhiệm của các cơ quan tham mưu, các tổ chức trong hệ thống chính trị. Tiếp tục thực hiện Kết luận số 14-KL/TW ngày 22/9/2021 của Bộ Chính trị về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung, khơi dậy mạnh mẽ ý thức trách nhiệm, khát vọng cống hiến, tinh thần đổi mới, hết lòng, hết sức vì nhân dân phục vụ của đội ngũ cán bộ, tạo bước chuyển biến tích cực trong khơi dậy tinh thần đổi mới, sáng tạo trong cán bộ, đảng viên.

Tăng cường đối thoại, tiếp xúc, gặp gỡ các giai tầng xã hội để lắng nghe, xử lý những vấn đề cán bộ, đảng viên và nhân dân đặt ra. Tăng cường trách nhiệm của cấp ủy đảng, nhất là cấp ủy cơ sở trong công tác cán bộ và bảo vệ chính trị nội bộ. Gắn công tác bảo vệ chính trị nội bộ với công tác xây dựng chính đồn Đảng, kiên quyết đấu tranh, ngăn chặn những hiện tượng cục bộ, bè phái, gây mất đoàn kết trong Đảng.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao năng suất, hiệu quả công tác, tiết kiệm chi phí và giảm hội họp, bảo đảm an toàn thông tin và an ninh mạng. Đổi mới, nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành văn bản của Đảng theo hướng đồng bộ, toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm, tính dự báo cao, bám sát thực tiễn.

Nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, thực hiện nghiêm chế độ sinh hoạt cùng với đổi mới nội dung sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt cấp ủy thiết thực, trọng tâm, trọng điểm gắn với yêu cầu nhiệm vụ thực tế tại địa bàn cơ sở. Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả tự phê bình và phê bình, đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức cơ sở đảng, đảng viên. Tiếp tục hoàn thiện phần mềm Sổ tay đảng viên điện tử Đảng bộ tỉnh và thực hiện tốt Nghị quyết số 20-NQ/TU ngày 11/01/2024 về tăng cường công tác phát triển đảng viên, nhất là trong học sinh, sinh viên và doanh nghiệp ngoài nhà nước để lãnh đạo, chi đạo hoàn thành mục tiêu kết nạp đảng viên theo Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới.

Tiếp tục rà soát điều chỉnh, cụ thể hóa để tổ chức thực hiện tốt chủ trương của Đảng về xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, bảo đảm sự chuyên tiếp liên tục, vững vàng giữa các thế hệ. Triển khai thực hiện có hiệu quả Quy định số 1120-QĐ/TU, ngày 01/6/2022 về “Bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức,

viên chức, người lao động trên địa bàn tỉnh Hậu Giang”, Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 01/6/2022 về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn đến năm 2030; Đề án số 04-ĐA/TU, ngày 01/6/2022 về thí điểm đổi mới cách thức tuyển chọn chức danh lãnh đạo, quản lý trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Đề án số 05-ĐA/TU, ngày 01/6/2022 về việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt các cấp, ... Các nghị quyết, đề án có ý nghĩa rất quan trọng, cấp thiết nhằm tạo đột phá hiện thực hoá mục tiêu nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, có phẩm chất đạo đức, trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển trong giai đoạn mới.

### ***10.3. Đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả hoạt động của dân vận, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội***

Phát huy vai trò, sự tham gia của Nhân dân trong tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng về công tác dân vận. Thường xuyên kiểm tra, giám sát quá trình triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng về công tác dân vận; kịp thời sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm và đề ra các chủ trương, giải pháp phù hợp với thực tiễn công tác dân vận trong tình hình mới<sup>[62]</sup>; đổi mới nội dung, lựa chọn hình thức tuyên truyền phù hợp với từng địa bàn, đối tượng; phát huy vai trò của đội ngũ tuyên truyền viên, báo cáo viên, người có uy tín trong cộng đồng dân cư; người có uy tín, cốt cán trong vùng đồng bào dân tộc, tôn giáo. Thực hiện nghiêm công tác tiếp dân, tiếp xúc đối thoại với Nhân dân, giải quyết kiến nghị của nhân dân và xử lý các vấn đề bức xúc liên quan đến đời sống nhân dân với phương châm: “Mọi bức xúc, nổi cộm phải được lắng nghe, nắm bắt kịp thời và giải quyết triệt để”. Nâng cao chất lượng hoạt động giám sát, phản biện xã hội, đóng góp ý kiến của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân; đa dạng hóa hình thức tổ chức và phương thức tập hợp, vận động, nắm bắt kịp thời tâm tư, nguyện vọng hợp pháp, chính đáng của các tầng lớp Nhân dân.

Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, thực hiện tốt phong trào thi đua “Dân vận khéo”, tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng các mô hình, điển hình về công tác dân vận. Đổi mới, nâng cao chất lượng phong trào thi đua “Dân vận khéo”, nhất là phong trào thi đua “Dân vận khéo” trong xây dựng nông thôn mới, đô thị

<sup>[62]</sup> Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Đề án về “Nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân thực hiện hiệu quả chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2023 - 2025 và các năm tiếp theo”, Quy chế công tác dân vận tham gia trong bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thu hồi đất, Quy định về Bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị trên địa bàn tỉnh

văn minh, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội gắn với học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Chú trọng việc xây dựng, đánh giá, tổng kết, nhân rộng các mô hình, điển hình “Dân vận khéo”; kịp thời khen thưởng, động viên các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong các phong trào thi đua yêu nước, cuộc vận động tại địa phương.

Tiếp tục xây dựng tổ chức của MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội vững mạnh, nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ và hoạt động của MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội Tiếp tục mở rộng và đa dạng hóa các hình thức tập hợp quần chúng vào tổ chức đảm bảo đúng quy định và chất lượng<sup>[63]</sup>

#### ***10.4. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan dân cử, xây dựng chính quyền vững mạnh, thân thiện***

Phát huy vai trò và hiệu quả hoạt động của cơ quan dân cử; kịp thời cụ thể hóa các định hướng của Tỉnh ủy thành chính sách của địa phương; đảm bảo dân chủ công khai trong thảo luận, chất vấn; thực hiện tốt tiếp xúc cử tri, kịp thời giải quyết kiến nghị hợp pháp của cử tri, tăng cường công tác giám sát, thẩm tra của hội đồng nhân dân, các ban của hội đồng nhân dân dân các cấp; phối hợp tiếp dân, giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo của công dân theo đúng quy định.

Thực hiện nghiêm quy chế làm việc của cấp ủy, nghị quyết của hội đồng nhân dân, đồng thời phát huy sự năng động, sáng tạo trong quản lý, điều hành của ủy ban nhân dân. Thường xuyên thực hiện kiểm tra, giám sát, nâng cao ý thức, trách nhiệm trong thực thi công vụ và xây dựng thái độ “thân thiện” với người dân và doanh nghiệp. Nâng cao chất lượng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan dân cử, xây dựng chính quyền vững mạnh, thân thiện. Tiếp tục cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, thực hiện chuyển đổi số các ngành, lĩnh vực, phát triển đô thị thông minh kinh tế số; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong mọi hoạt động kinh tế - xã hội trên cơ sở đẩy mạnh số hóa và tái sử dụng tài liệu, dữ liệu số. Nâng cao chất lượng và cải thiện vị trí xếp hạng các chỉ số cạnh tranh của tỉnh từng năm và cả nhiệm kỳ đạt mục tiêu đề ra.

<sup>[63]</sup> Kết luận số 62-KL/TW, ngày 08/12/2009 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội, Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 21/7/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về “Nâng cao chất lượng hoạt động của MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020 và những năm tiếp theo”, Kết luận số 154-KL/TU, ngày 16/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng hoạt động của MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội ở cơ sở Đưa xuống footnote

### ***10.5. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng***

Phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong quán triệt, triển khai, tuyên truyền các chỉ thị, nghị quyết của Đảng về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật Đảng trong cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên. Cụ thể hóa các văn bản về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng của cấp trên phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, đơn vị.

Nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng theo phương châm “giám sát phải mở rộng”, “kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm”, tập trung các lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh vi phạm, kiểm tra, giám sát trách nhiệm của người đứng đầu trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ, nhất là trên các lĩnh vực được dư luận xã hội quan tâm. Thực hiện tốt công tác “hậu kiểm” đối với các tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên sau khi nhận được thông báo kết luận kiểm tra, giám sát của tổ chức đảng có thẩm quyền. Nâng cao hiệu quả công tác đối thoại, tiếp và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân trên địa bàn tỉnh kịp thời, triệt để, không để kéo dài tồn đọng.

Tiếp tục triển khai thực hiện luân chuyển cán bộ theo Quy định số 110-QĐ/TW ngày 06/7/2023 của Ban Bí thư về luân chuyển cán bộ trong ngành Kiểm tra Đảng. Quan tâm kiện toàn tổ chức, bộ máy UBKT, cơ quan UBKT các cấp tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn của UBKT cấp trên đối với cấp ủy, UBKT cấp dưới về công tác kiểm tra, giám sát. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ kiểm tra theo hướng chuyên nghiệp, có bản lĩnh, có chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ.

### ***10.6. Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác nội chính, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực***

Tiếp tục nâng cao nhận thức, trách nhiệm cấp ủy, tổ chức đảng trong thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về nội chính, công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; kịp thời cụ thể hóa và triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng về các nội dung liên quan đến nhiệm vụ công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và cải cách tư pháp. Chỉ đạo rà soát, cụ thể hóa các văn bản của Trung ương cho phù hợp tình hình thực tiễn của địa phương và hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về quản lý kinh tế - xã hội, các giải pháp về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực nhằm khắc phục những sơ hở, thiếu sót trong quản lý kinh tế - xã hội ở địa phương.

Đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tỉnh; chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các giải pháp phòng ngừa, kiểm soát quyền lực trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; tập

trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ điều tra, truy tố, xét xử các vụ việc, vụ án về tham nhũng, tiêu cực, kinh tế thuộc diện theo dõi, chỉ đạo. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, xây dựng văn hóa “liêm chính”, tạo chuyên môn mạnh mẽ trong nhận thức, hình thành ý thức “không tham nhũng” trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức. Tăng cường các hoạt động thanh tra, kiểm tra, phòng ngừa, kịp thời phát hiện, chấn chỉnh sai phạm.

Tập trung công tác giáo dục kỷ cương, kỷ luật hành chính, cải cách lề lối làm việc khoa học trong các cơ quan nội chính, khắc phục, xử lý nghiêm các biểu hiện tiêu cực; hình thành các bộ quy tắc ứng xử cho cán bộ, đảng viên trong công việc, nâng cao trách nhiệm giải trình góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ các cơ quan nội chính gương mẫu, trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp. Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm quy định về tiếp dân, đối thoại với công dân; nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác tiếp công dân và giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của công dân theo đúng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

#### **IV NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ ĐỘI PHÁ CHIẾN LƯỢC**

##### **1. Những nhiệm vụ trọng tâm**

*Một là*, tập trung ưu tiên xây dựng và phát huy đồng bộ cơ chế, chính sách, bảo đảm yêu cầu nhiệm vụ phát triển nhanh, bền vững, toàn diện, bao trùm.

*Hai là*, xây dựng, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên các cấp đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp. Bám sát các quy định của Trung ương để triển khai thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị của tỉnh theo mô hình chính quyền 02 cấp. Đồng thời triển khai thực hiện tốt các nghị quyết, đề án, quy định... về công tác cán bộ để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong thời kỳ mới.

*Ba là*, thúc đẩy chuyển đổi mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại các lĩnh vực kinh tế, dựa vào khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo làm động lực chủ yếu. Thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, chuyển đổi xanh...

*Bốn là*, phát triển văn hoá, con người thực sự trở thành nền tảng, động lực to lớn cho sự phát triển của tỉnh trong giai đoạn mới.

*Năm là*, tập trung triển khai thực hiện tốt quy hoạch phát triển tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050.

*Sáu là*, triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, góp phần xây dựng lực lượng quân đội, công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại và hội nhập.

## 2. Các đột phá chiến lược

*Thứ nhất*, xây dựng và thực hiện đồng bộ cơ chế hỗ trợ thúc đẩy, đột phá phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên tất cả các lĩnh vực.

*Thứ hai*, đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, đổi mới căn bản, toàn diện công tác cán bộ, xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; thu hút, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển, trọng dụng cán bộ có năng lực, nhân tài và cán bộ có sản phẩm vượt trội làm động lực chủ yếu cho sự phát triển nhanh, bền vững, toàn diện, bao trùm.

*Thứ ba*, tập trung nguồn lực xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển 4 trụ cột (công nghiệp, nông nghiệp, đô thị và du lịch), chuyển đổi số, chuyển đổi xanh... thích ứng với biến đổi khí hậu.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hậu Giang lần thứ XV đã nghiêm túc kiểm điểm, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025, đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nhiệm kỳ 2025 - 2030. Chúng ta tin tưởng rằng, trong nhiệm kỳ mới, tỉnh Hậu Giang dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ và sự hỗ trợ, giúp đỡ của các ban, bộ, ngành Trung ương, các tỉnh, thành phố trong cả nước, các nhà khoa học, doanh nghiệp, văn nghệ sĩ,... Với truyền thống cách mạng và những kinh nghiệm quý báu, những thành tựu đạt được sau 20 năm thành lập và phát triển, Hậu Giang đang hội tụ “thiên thời, địa lợi, nhân hòa”, đứng trước “thời kỳ vàng” để bứt phá phát triển. Với tinh thần “Đổi mới, đột phá, quyết tâm, khát vọng” Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Nhân dân trong tỉnh phát huy mạnh mẽ lòng yêu nước, sức mạnh đoàn kết, chung sức đồng lòng vượt qua khó khăn, thách thức thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra, hiện thực hóa khát vọng xây dựng tỉnh Hậu Giang phát triển nhanh, bền vững, toàn diện, bao trùm, người dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Quân khu 9,
- Các đ/c Trung ương phụ trách địa bàn,
- Các đ/c Tỉnh ủy viên,
- Ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Các huyện, thị, thành ủy và đảng ủy trực thuộc,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy

T/M TỈNH ỦY

# PHỤ LỤC 1

## BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 05 NĂM (2020 - 2025) THÀNH PHỐ CẦN THƠ

-----

### I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

#### 1. Phát triển kinh tế

##### 1.1. Tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng

Cơ cấu kinh tế chuyên dịch theo hướng phát triển thương mại - dịch vụ, công nghiệp - xây dựng, giảm tỷ trọng khu vực nông nghiệp. Ước năm 2025 tăng trưởng kinh tế đạt 10,5-11%. Tính chung cả giai đoạn 2020 - 2025 tăng trưởng bình quân 5,80 - 5,87%/năm<sup>1</sup> thấp hơn mục tiêu Nghị quyết (*tăng bình quân 7,5 - 8%*), cao hơn bình quân giai đoạn 2015 - 2020 đạt 5,62%/năm.

Quy mô nền kinh tế thành phố tiếp tục được mở rộng, tổng sản phẩm trên địa bàn thành phố (GRDP) theo giá hiện hành năm 2025 dự kiến đạt trên 150.000 tỷ đồng, gấp 1,67 lần so với năm 2020; đóng góp khoảng 10% vào quy mô kinh tế vùng đồng bằng sông Cửu Long; tỷ trọng đóng góp GDP cả nước khoảng 1,2%.

Tổng sản phẩm bình quân đầu người (GRDP/người) tăng từ 72,41 triệu đồng năm 2020, dự kiến năm 2025 đạt trên 120 triệu đồng, thấp hơn mục tiêu Nghị quyết (*đến năm 2025 đạt ra 145 - 160 triệu đồng*).

Năng suất lao động tăng qua các năm, từ 130,82 triệu đồng/lao động năm 2020, dự kiến năm 2025 đạt tối thiểu 240 triệu đồng/lao động thấp hơn mục tiêu Nghị quyết (*năm 2025 để ra 297,18 triệu đồng/lao động*).

##### 1.2. Cải thiện môi trường đầu tư

Quan tâm xây dựng, cải thiện môi trường kinh doanh, đầu tư thông thoáng, minh bạch, thuận lợi, an toàn và thân thiện; nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của thành phố<sup>2</sup>. Đẩy mạnh hỗ trợ doanh nghiệp phát triển ứng dụng khoa học công nghệ, chuyên đổi sâu; tăng cường đối thoại, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp; quảng bá, giới thiệu tiềm năng của thành phố... Chú trọng thu hút đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp<sup>3</sup>; tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp từ nước ngoài<sup>4</sup>.

Kinh tế tư nhân có bước phát triển mạnh, tham gia hầu hết các hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề sản xuất kinh doanh. Giai đoạn 2020 - 2024, thành phố có 8.440 doanh nghiệp mới thành lập, với tổng vốn đăng ký hơn 74.000 tỷ đồng; dự kiến năm 2025, cấp mới 1.900 lượt hồ sơ đăng ký doanh nghiệp với tổng vốn 14.500 tỷ đồng; ước đến cuối năm 2025 thành phố duy trì 12.200 doanh nghiệp

hoạt động; số doanh nghiệp có quy mô vốn từ 50 tỷ đồng trở lên chiếm khoảng 3,5% tổng số doanh nghiệp.

Các hợp tác xã, tổ hợp tác từng bước nâng cao năng lực hoạt động, hỗ trợ hiệu quả cho thành viên sản xuất, kinh doanh, mở rộng thị trường. Toàn thành phố có 347 hợp tác xã, tăng 63 hợp tác xã so với năm 2020; tổng vốn điều lệ 746 tỷ đồng, tăng 56 tỷ đồng so với năm 2020. Tỷ lệ hợp tác xã hoạt động có hiệu quả hàng năm ước đạt 60%.

### *1.3. Phát triển công nghiệp*

Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giữ vai trò chủ lực, chiếm tỷ trọng trên 96% trong giá trị sản xuất toàn ngành, với ưu thế ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm có tỷ trọng cao nhất gần 65%. Thành phố hiện có 05 khu công nghiệp đang hoạt động, 02 khu công nghiệp đang triển khai xây dựng (Khu công nghiệp Vĩnh Thạnh giai đoạn 1 - VSIP Cần Thơ; Khu công nghiệp Vĩnh Thạnh giai đoạn 2 (Phú Mỹ 3 Cần Thơ IP); đến thời điểm hiện tại, tổng tỷ lệ lấp đầy<sup>3</sup> diện tích đất công nghiệp đạt 54,01%.

Thành phố quy hoạch 04 cụm công nghiệp tại quận Bình Thủy, huyện Vĩnh Thạnh, Thới Lai, Cờ Đỏ, với quy mô mỗi cụm khoảng 75 ha; hiện đang trong giai đoạn kêu gọi nhà đầu tư hạ tầng, định hướng phát triển cụm công nghiệp thành phố nhằm thúc đẩy tăng trưởng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của địa phương, khai thác hiệu quả tiềm năng về nguyên liệu, giải quyết việc làm cho lao động tại địa phương.

Thúc đẩy phát triển các làng nghề, ngành nghề gắn với định hướng phát triển kinh tế nông thôn; triển khai thực hiện Kế hoạch hỗ trợ phát triển làng nghề, ngành nghề của thành phố đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; đến nay, có 04 làng nghề đã được Ủy ban nhân dân thành phố công nhận<sup>6</sup>.

### *1.4. Phát triển thương mại - dịch vụ*

Ngành dịch vụ phát triển đa dạng với nhiều loại hình, tiếp tục giữ vai trò chủ lực trong cơ cấu GRDP, tác động tích cực đến ngành, lĩnh vực khác và từng bước xây dựng vai trò trung tâm dịch vụ của thành phố về các lĩnh vực: tài chính, thương mại - dịch vụ, logistics, giáo dục, đào tạo nghề, y tế, khoa học công nghệ... của vùng. Tuy nhiên, ngành dịch vụ cũng là ngành chịu tác động nặng nề nhất của dịch COVID-19 làm cho cơ cấu trong nội bộ ngành có sự tăng trưởng chưa đạt kỳ vọng.

Triển khai có hiệu quả chương trình xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu tiêu thụ sản phẩm, phát triển chuỗi cung ứng nông sản sạch, an toàn vào kênh phân phối. Tổng mức hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ giai đoạn 2020 - 2024 thực

hiện đạt 554.216 tỷ đồng; tăng bình quân 3,33%/năm, ước năm năm 2025 tăng khoảng 150.000 tỷ đồng; (so giai đoạn 2015 - 2020 tăng bình quân 13%/năm).

Các doanh nghiệp đẩy mạnh thực hiện kết nối, tìm kiếm thị trường xuất khẩu; mặt hàng xuất khẩu chủ yếu gạo và thủy sản chiếm khoảng 60% kim ngạch xuất khẩu. Đến nay, thành phố xuất khẩu gần 100 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Giai đoạn 2020 - 2024, tổng kim ngạch xuất khẩu, dịch vụ và thu ngoại tệ ước đạt 10.635 triệu USD<sup>7</sup>, tăng bình quân 2,46%/năm, năm 2025 kim ngạch xuất khẩu, dịch vụ và thu ngoại tệ ước đạt khoảng 2.300 triệu USD. Kim ngạch nhập khẩu giai đoạn 2020 - 2024 ước thực hiện 2.559 triệu USD<sup>8</sup>, tăng bình quân 2,21%/năm, năm 2025 kim ngạch nhập khẩu ước đạt thêm khoảng 560 triệu USD; sản phẩm nhập khẩu chủ yếu là nguyên, nhiên, vật liệu phục vụ sản xuất.

Công tác quảng bá, xúc tiến du lịch được đổi mới, có trọng tâm, trọng điểm; liên kết, hợp tác phát triển du lịch ngày càng sâu rộng. Sản phẩm du lịch ngày càng phong phú, đa dạng, đưa hình ảnh, đất nước, con người Cần Thơ đến với bạn bè trong nước và quốc tế. Giai đoạn 2020 - 2024, tổng lượt khách tham quan, du lịch đến Cần Thơ đạt trên 20 triệu lượt, tăng bình quân 13%/năm, ước năm 2025 thu hút 6,6 triệu lượt khách. Khách lưu trú đạt hơn 11,5 triệu lượt, tăng trưởng bình quân 23%/năm, gấp 1,3 lần so với giai đoạn 2015 - 2020; trong đó, khách lưu trú nội địa đạt 11 triệu lượt, khách lưu trú quốc tế đạt 519 nghìn lượt. Tổng doanh thu du lịch đạt hơn 20 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng bình quân 32%/năm.

Hoạt động vận tải dần phục hồi, khai thác hiệu quả các tuyến vận tải nội địa, doanh thu tăng hàng năm<sup>9</sup>. Tiếp tục kêu gọi đầu tư Trung tâm logistics, tạo điều kiện và hỗ trợ hình thành các cơ sở cung ứng dịch vụ logistics tập trung, đồng bộ về bến bãi, hệ thống kho, bảo quản, vận chuyển... theo phương thức hoạt động tiên tiến.

### *1.5. Phát triển nông nghiệp, nông thôn*

Đẩy mạnh tái cơ cấu nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn theo hướng hiện đại, sản xuất hàng hóa tập trung, ứng dụng công nghệ cao; làm tốt vai trò là trung tâm dịch vụ khoa học kỹ thuật về sản xuất và chế biến các sản phẩm nông nghiệp và thủy sản của vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Diện tích gieo trồng lúa đạt trên 216.000 ha/năm với sản lượng lúa hàng năm trên 1,36 triệu tấn. Tỷ lệ sử dụng giống lúa chất lượng cao và các giống thơm đặc sản trên 95%, với tỷ lệ sử dụng giống cấp xác nhận chiếm hơn 80%. Duy trì thực hiện 143 mô hình cánh đồng lớn với tổng diện tích trên 36.500 ha, thành phố tham gia Đề án phát triển bền vững 01 triệu ha chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh với diện tích 48.000 ha. Thành phố có 991 ha diện tích sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP và tương đương.

Diện tích gieo trồng cây hàng năm trên 15.500 ha, diện tích cây ăn trái trên 25.000 ha. Giai đoạn 2020 - 2024, tổng sản lượng rau màu các loại đạt 965.128 tấn, cây ăn trái đạt 854.676 tấn; đã hình thành vùng chuyên canh rau màu tập trung 229 ha (trong đó, sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP và tương đương đạt 20 ha), sản lượng đạt 28.390 tấn. Vùng cây ăn trái tập trung sản xuất chủ lực, các sản phẩm đặc trưng có thương hiệu với diện tích 11.880 ha, sản lượng đạt trên 135.000 tấn, có 448 ha cây ăn trái sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP và tương đương, gắn với mã vùng trồng và truy xuất nguồn gốc phục vụ thị trường xuất khẩu.

Ngành chăn nuôi chú trọng về tổ chức sản xuất, chăn nuôi trang trại, tập trung theo chuỗi khép kín, an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh; phát triển chăn nuôi theo quy trình VietGAHP, hiện có 289 trang trại chăn nuôi, 04 mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi; đã triển khai hỗ trợ xây dựng 09 mô hình chăn nuôi đạt chứng nhận VietGAHP và 12 mô hình chăn nuôi an toàn dịch bệnh động vật.

Thủy sản phát triển theo hướng bền vững, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và vệ sinh môi trường. Diện tích thả nuôi từ 8.000 - 9.000 ha/năm; tổng sản lượng thủy sản giai đoạn 2020 - 2024 ước đạt 1,18 triệu tấn. Đây mạnh triển khai xây dựng vùng nuôi thủy sản áp dụng các tiêu chuẩn: GlobalGAP, ASC, SQF, BMP, Metro GAP..., cung cấp nguồn sản phẩm hàng hóa chất lượng cao phục vụ nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu, tăng giá trị sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất. Tổng diện tích nuôi thủy sản theo tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm đạt 220 ha.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, đến cuối năm 2024 toàn thành phố có 36/36 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (hoàn thành trước 01 năm mục tiêu Nghị quyết) và 11 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; 04/04 huyện đạt chuẩn huyện nông thôn mới nâng cao.

*1.6. Huy động các nguồn lực, đẩy mạnh đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội; tăng cường liên kết, hợp tác phát triển*

Nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh ngày càng đóng vai trò quan trọng, tạo sự chủ động và tăng tính ổn định của ngân sách. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn hàng năm hầu hết đều đạt và vượt dự toán Trung ương; giai đoạn 2020 - 2025, tăng bình quân khoảng 1,28%/năm, ước cuối năm 2025 đạt khoảng 12.362 tỷ đồng. Tổ chức điều hành, quản lý chi ngân sách nhà nước chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, bảo đảm nguồn lực thực hiện các chính sách an sinh xã hội và tiền lương; tổng chi ngân sách địa phương tăng bình quân khoảng 6,93%/năm, ước năm 2025 thực hiện 15.233 tỷ đồng. Hệ thống ngân hàng tiếp tục phát triển.

Thành phố nghiêm túc triển khai thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XIII về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Nghị quyết số 78/NQ-CP của Chính phủ về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Thành phố thực hiện vai trò thành viên Hội đồng điều phối vùng đồng bằng sông Cửu Long theo Quyết định số 825/QĐ-TTg ngày 12/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ, triển khai thực hiện Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 21/4/2022 của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp hoàn thiện thể chế liên kết vùng kinh tế - xã hội.

*1.7. Công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch; quản lý đô thị, nâng cao trật tự kỷ cương, văn minh đô thị; khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu*

Công tác quy hoạch, đảm bảo tính liên kết và đồng bộ, tạo không gian phát triển mới, thu hút nhiều nhà đầu tư quan tâm. Cơ bản hoàn thành lập và phê duyệt các đồ án quy hoạch phân khu các quận<sup>10</sup>, rà soát tổng thể quy hoạch chung thị trấn<sup>11</sup>, phê duyệt 02 đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn (thị trấn Cờ Đỏ và thị trấn Thới Lai); ban hành và triển khai Danh mục các dự án quy hoạch xây dựng, dự án quy hoạch đô thị, tạo sự chủ động cho các địa phương tổ chức rà soát, lập, điều chỉnh, phê duyệt quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị phù hợp quy định và điều kiện, đặc điểm tự nhiên của địa phương, phát huy tối đa lợi thế, tiềm năng, đặc trưng của từng quận, huyện; việc quản lý phát triển đô thị, nhất là đô thị hóa được quan tâm, từng bước nâng cao chất lượng khu vực đô thị<sup>12</sup>.

Công tác quản lý xây dựng đô thị đạt nhiều kết quả tích cực; tập trung xây dựng Quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đẩy mạnh cải tạo đô thị theo hướng đô thị thông minh, đô thị ứng phó biến đổi khí hậu, đô thị tăng trưởng xanh; khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn tài nguyên đất, nước và khoáng sản; công tác bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu được chú trọng...

*1.8. Hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế*

Chủ động tăng cường các hoạt động đối ngoại, đẩy mạnh thu hút đầu tư. Thành phố đã ký kết 10 bản ghi nhớ với các đối tác nước ngoài trên các lĩnh vực giáo dục, xây dựng, công nghệ, môi trường, kinh tế - xã hội; tổ chức, tham gia trên 60 hội nghị, hội thảo, tọa đàm xúc tiến đầu tư, thương mại quốc tế, sự kiện giao lưu văn hóa - thương mại bằng hình thức trực tiếp và trực tuyến. Quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa thành phố với địa phương các nước được đẩy mạnh<sup>13</sup>; tích cực tham gia vào các tổ chức quốc tế<sup>14</sup> trên các lĩnh vực đô thị, biến đổi khí hậu, môi trường, giáo dục, y tế, văn hóa, an ninh mạng. .

## 2. Phát triển văn hóa xã hội

### 2.1. Giáo dục và đào tạo

Lĩnh vực giáo dục và đào tạo tiếp tục phát triển và đạt được một số thành tựu, thành phố đã tích cực phối hợp với các bộ, ngành Trung ương đầu tư phát triển hệ thống các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực với nhiều loại hình đào tạo, đáp ứng khá tốt nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Mạng lưới trường lớp và quy mô học sinh ở các bậc học, cấp học ngày một nâng lên.

### 2.2. Văn hóa, thể thao, du lịch

Lĩnh vực văn hóa phát triển sâu rộng. Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa gắn kết chặt chẽ với phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”, cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, xây dựng người Cần Thơ “Trí tuệ - Năng động - Nhân ái - Hào hiệp - Thanh lịch”. Các mô hình xã/phường, ấp/khu phố, gia đình văn hóa<sup>15</sup>, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn văn hóa được củng cố và phát triển. Công tác tôn tạo, bảo tồn các di tích lịch sử, văn hóa kết hợp gắn với phát triển du lịch được chú trọng<sup>16</sup>. Phát triển phong trào thể dục thể thao quần chúng<sup>17</sup> và phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” ở cơ sở. Thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp được quan tâm đầu tư<sup>18</sup>.

### 2.3. Khoa học và công nghệ

Thị trường khoa học và công nghệ của thành phố từng bước được hình thành và phát triển. Thúc đẩy các hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thông qua việc hỗ trợ, nâng cao năng lực cho các thành phần trong Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Thành lập 04 mạng lưới<sup>19</sup> hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thành phố và vùng đồng bằng sông Cửu Long, với sự tham gia của các nhà khoa học, chuyên gia Trường Đại học Cần Thơ và các Viện, Trường trên địa bàn thành phố và các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long, nhằm gắn kết các nguồn lực hỗ trợ hiệu quả nhất cho hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Tiếp tục triển khai xây dựng Khu công nghệ thông tin tập trung tại thành phố Cần Thơ theo Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 09/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

### 2.4. Thông tin truyền thông

Đẩy mạnh triển khai thực hiện chuyển đổi số trên các lĩnh vực, nhất là triển khai Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030”. Xây dựng các nền tảng số, cơ sở dữ liệu dùng chung<sup>20</sup>, công dịch vụ công thành phố Cần Thơ và Hệ thống thông tin một cửa điện tử được nâng cấp, hợp nhất

thành hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Tổng số dịch vụ công trực tuyến một phần và toàn trình của thành phố là 1.714, đã tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Chỉ số chuyển đổi số (DTI) hàng năm được xếp hạng 05/63 tỉnh, thành phố<sup>21</sup>. Thành phố đã triển khai và vận hành thí điểm Trung tâm điều hành đô thị thông minh IOC trên 10 lĩnh vực<sup>22</sup>.

### 2.5. Chăm sóc sức khỏe Nhân dân

Chú trọng công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân; thực hiện hiệu quả công tác phòng, chống dịch Covid-19. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, nguồn nhân lực y tế đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân. Hệ thống các bệnh viện chuyên sâu, đa khoa, trung tâm y tế được quan tâm đầu tư xây dựng, nâng cấp; áp dụng kỹ thuật mới, kỹ thuật cao trong khám, chẩn đoán và điều trị bệnh; xã hội hóa hoạt động y tế ngày càng đa dạng, mở rộng nhiều loại hình, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe người dân thành phố và vùng đồng bằng sông Cửu Long. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân hàng năm đều đạt, ước đến cuối năm 2025 đạt 95% (năm 2020 đạt 90%).

### 2.6. Chăm lo người có công, hỗ trợ người nghèo, bảo vệ người lao động

Đảm bảo an sinh xã hội, giải quyết kịp thời các vấn đề bức xúc của xã hội; chú trọng giải quyết việc làm, giảm nghèo<sup>23</sup>; thực hiện đúng, đầy đủ chế độ chính sách đối với người có công với cách mạng<sup>24</sup>, chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số<sup>25</sup>.

## II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN 03 KHẤU ĐỘT PHÁ

**1. Khâu đột phá thứ nhất:** “*Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; thu hút nhân tài. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp, chuyên gia đầu ngành, cán bộ chuyên môn có bản lĩnh chính trị vững vàng, giỏi về nghiệp vụ, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong thời kỳ hội nhập quốc tế. Phát huy vai trò của lực lượng trí thức, đặc biệt là trí thức, nhà khoa học trẻ đóng góp trí lực phục vụ hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của thành phố*”.

Thành ủy đã ban hành đồng bộ, liên thông hệ thống các văn bản, cơ chế, chính sách để thực hiện nhiệm vụ đột phá thứ nhất: Bám sát các chủ trương, nghị quyết, quy định của Trung ương, hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương, Thành ủy đã cụ thể hóa đột phá chiến lược về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; thu hút nhân tài. Thành ủy ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 29/12/2021 “Về đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ, giai đoạn 2021 - 2025 và những năm tiếp theo”. Hàng năm, ban hành kế hoạch đào tạo,

bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ hội nhập quốc tế; từ đầu nhiệm kỳ đến nay, thành phố đã cử 58.607 lượt cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng (756 thạc sĩ và 184 tiến sĩ; bồi dưỡng 52.288 lượt), tạo bước chuyển biến, đột phá trong công tác cán bộ và đẩy mạnh triển khai các giải pháp thực hiện mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, năng động, minh bạch và hiệu quả; từng bước củng cố và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và phát triển nhanh nguồn nhân lực của thành phố.

Thành phố quan tâm, trọng dụng đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ có tài năng, tạo điều kiện thuận lợi để sáng tạo và cống hiến. Các chuyên gia, nhà khoa học đã có những đóng góp tích cực trong nghiên cứu, tư vấn phản biện, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố và vùng đồng bằng sông Cửu Long. Hiện có 70 tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ với số lượng cán bộ nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo là 6.816 người; trong đó, có 1.205 tiến sĩ chiếm 17,6%, 2.859 thạc sĩ chiếm 41,9%, 1.955 đại học chiếm 28,7%, 393 cao đẳng chiếm 5,7%. Số tiến sĩ được phong hàm Giáo sư và Phó Giáo sư là 262 người chiếm 3,84% tổng số nhân lực khoa học và công nghệ, trong đó 30 người có chức danh Giáo sư, 232 người có chức danh Phó Giáo sư, tập trung chủ yếu ở lĩnh vực khoa học nông nghiệp, y khoa.

Thành phố ban hành và triển khai hiệu quả Đề án số 09-ĐA/TU ngày 29/12/2021 của Thành ủy về giáo dục thông minh và học tập suốt đời, trọng tâm là học ngoại ngữ giai đoạn 2021 - 2030. Mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tiếp tục được củng cố, tăng cường đầu tư và phát triển, hiện có 66 cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đa dạng về loại hình, trình độ đào tạo và mô hình hoạt động; có 11 trường công lập được chọn đầu tư 41 ngành, nghề chất lượng cao các cấp độ, đáp ứng yêu cầu về lực lượng lao động kỹ thuật cao cho các doanh nghiệp trong thành phố, khu vực kinh tế trọng điểm Nam Bộ và thị trường lao động trong và ngoài nước. Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2021 đạt 76%, đến cuối năm 2024 đạt 83,7%, ước đến cuối năm 2025 đạt trên 85%.

**2. Khâu đột phá thứ hai:** *“Huy động mọi nguồn lực đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội; đặc biệt là kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại, kết nối nội vùng và liên vùng, là cơ sở để thành phố phát huy vai trò trung tâm động lực phát triển vùng và đầu mối quan trọng về giao thông vận tải nội vùng và lên vận quốc tế”.*

Nguồn vốn đầu tư trên địa bàn được huy động, khai thác mạnh mẽ, đa dạng về hình thức, phát huy tối đa nguồn lực cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, thay đổi nhanh chóng diện mạo thành phố, tăng tỷ trọng đầu tư của các thành phần kinh

tế ngoài nhà nước và đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt là xây dựng hệ thống giao thông, sân bay, bến cảng, các công trình văn hóa - thể thao, y tế, giáo dục - đào tạo, nông thôn mới..., tăng cường tính kết nối, đồng bộ, cơ bản đáp ứng nhu cầu vận tải thông suốt từ thành phố Cần Thơ đi các tỉnh, vùng đồng bằng sông Cửu Long và Thành phố Hồ Chí Minh, các vùng miền trong cả nước. Tổng số vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện 140.000 tỷ đồng, tăng bình quân 11,55%/năm, đạt chỉ tiêu Nghị quyết nhiệm kỳ; tăng từ 20.240 tỷ đồng năm 2021 lên 38.000 tỷ đồng ước năm 2025.

Giai đoạn 2021 - 2025, Chính phủ, Bộ Giao thông vận tải và bộ, ngành liên quan quan tâm chỉ đạo, ưu tiên bố trí vốn đầu tư xây dựng các dự án kết cấu hạ tầng giao thông quan trọng có tính chất kết nối liên vùng qua địa bàn thành phố Cần Thơ như: Tuyến cao tốc Mỹ Thuận - Cần Thơ và cầu Mỹ Thuận 2; dự án cao tốc Bắc Nam phía Đông, dự án thành phần Cần Thơ - Hậu Giang; hiện đang nghiên cứu lập dự án nâng cấp, mở rộng đường Nam sông Hậu; nâng cấp tuyến kênh Chợ Gạo (giai đoạn 2); hoàn chỉnh luồng cho tàu biển tải trọng lớn vào sông Hậu giai đoạn 2; nâng cấp cảng hàng không quốc tế Cần Thơ; Đường sắt thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ.

Bên cạnh đó, thành phố đã tập trung triển khai thủ tục đầu tư, tập trung nguồn lực của thành phố để thực hiện các dự án giao thông đường bộ như: Dự án cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng, đoạn qua địa bàn thành phố Cần Thơ; dự án đường vành đai phía Tây (nối Quốc lộ 91 với Quốc lộ 61C); dự án đầu tư xây dựng và nâng cấp mở rộng Đường tỉnh 917, 918, 921, 923; dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 91 (từ Km0 - Km7); nâng cấp các trục đường nội ô, giải quyết tình trạng ùn tắc giao thông, nâng tải trọng các cầu đê đồng bộ với tải trọng đường, chủ động kết nối với các trục đường quan trọng do Trung ương đầu tư, tăng kết nối vùng,... Qua đó, tăng tính liên kết, rút ngắn khoảng cách giữa các địa phương và các tỉnh trong vùng, góp phần thu hút đầu tư, phát triển kinh tế xã hội của thành phố.

**3. Khâu đột phá thứ ba:** *“Tập dụng cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tăng cường ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật trong quản lý, điều hành kinh tế xã hội, bảo vệ môi trường”.*

Thành phố đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ; hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực công nghệ, tham gia ươm tạo công nghệ, hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ. Xây dựng và triển khai “Đề án thành lập Trung tâm Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo thành phố Cần Thơ”, thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo trên địa bàn thành phố; cung cấp hạ tầng, cơ sở vật chất, kỹ thuật và các chương trình hành động hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới

sáng tạo, hướng tới mở rộng hợp tác quốc tế; gắn kết các Viện, Trường và doanh nghiệp phát triển, ứng dụng, chuyển giao các công nghệ tiên tiến, hỗ trợ phát triển sản phẩm mục tiêu, hoạt động đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp; kết nối với các hệ sinh thái khu vực và cả nước nhằm thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ của thành phố Cần Thơ và vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu chế tạo, cải tiến chất lượng sản phẩm, triển khai xây dựng dự án đầu tư Sản giao dịch Công nghệ với năng lực phục vụ cả vùng Đồng bằng sông Cửu Long; thành lập Gian trưng bày nhằm triển lãm, giới thiệu sản phẩm khởi nghiệp tiêu biểu của thành phố, qua đó, quảng bá hình ảnh, đồng thời, tạo điều kiện kết nối đầu tư và cơ hội phát triển thị trường cho các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của thành phố, hình thành và kết nối các thành phần trong hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của thành phố, vùng và cả nước.

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

#### **1. Những mặt làm được**

Nhiệm kỳ 2020 - 2025, kinh tế tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực; hiệu quả và sức cạnh tranh của một số sản phẩm được cải thiện. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tiếp tục được đầu tư xây dựng phục vụ tốt hơn cho tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Các mặt xã hội đều có bước phát triển, đời sống Nhân dân được cải thiện và nâng lên; hộ nghèo giảm sâu. Hoạt động văn hoá đạt được nhiều kết quả, tiến bộ. Tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững ổn định.

Đặc biệt là qua hơn 05 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, các nghị quyết, đề án cụ thể hóa, thành phố đã cơ bản gặt hái được những kết quả bước đầu quan trọng. Nhận thức và tư duy phát triển có sự thay đổi rõ nét, tạo ra động lực mới cho quá trình thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra, với sự phấn đấu và nỗ lực lớn hơn; định hình đồng bộ hệ thống các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện nhiệm vụ chính trị, tạo cơ sở nền tảng cho sự phát triển của thành phố; phần lớn các nghị quyết, chỉ thị, đề án, chương trình đã và đang từng bước đi vào cuộc sống. Từ đó, góp phần hoàn thành và nâng cao chất lượng các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ XIV đã đề ra, tạo thế và lực mới cho thành phố, phấn đấu xây dựng và phát triển thành phố trở thành thành phố sinh thái, văn minh, hiện đại, mang đậm bản sắc văn hóa sông nước vùng Đồng bằng sông Cửu Long, xứng tầm là đô thị hạt nhân của vùng đồng bằng sông Cửu Long.

## **Nguyên nhân đạt được**

Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương, Quốc hội, Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương, kịp thời giúp thành phố tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, giúp Đảng bộ thành phố hoàn thành nhiệm vụ chính trị địa phương<sup>26</sup>; đặc biệt là tinh thần đoàn kết, nhất trí, chung sức chung lòng của Đảng bộ, chính quyền và các tầng lớp nhân dân thành phố. Bên cạnh đó, thành phố luôn được sự ủng hộ, hợp tác tích cực, hiệu quả của các tỉnh, thành phố trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

Trong lãnh đạo, chỉ đạo, Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Thành ủy và Thường trực Thành ủy luôn đoàn kết thống nhất, quyết tâm chính trị cao, cùng sự đồng tình, hưởng ứng của đảng viên và nhân dân đồng lòng thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng. Công tác quán triệt, triển khai học tập các Nghị quyết, Kết luận, Chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương được thực hiện nghiêm túc, kịp thời; nhiều chủ trương, nghị quyết của Đảng được cụ thể hóa thành các chương trình, kế hoạch thực hiện, sát với tình hình thực tế.

Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy luôn nhận thức sâu sắc ý nghĩa, tầm quan trọng chủ trương, quan điểm của Đảng về xây dựng hệ thống chính trị và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị; thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ; nâng cao hiệu quả lãnh đạo, điều hành; giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật của Đảng. Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện thường xuyên, có trọng tâm, trọng điểm; kịp thời sơ kết, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm và đề ra nhiệm vụ, giải pháp sát với tình hình thực tiễn. Các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân thành phố luôn thể hiện cao vai trò, trách nhiệm và nỗ lực phấn đấu trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ.

Quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác rà soát, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách tiếp tục được đẩy mạnh, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh, tăng cường kết nối thu hút đầu tư; huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực.

Nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, huy động sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp, mở rộng hợp tác quốc tế.

## **2. Hạn chế, khuyết điểm**

- Sự phát triển của thành phố tuy có khởi sắc, nhưng chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế. Vai trò trung tâm và động lực phát triển của thành phố Cần Thơ đối với phát triển kinh tế của vùng Đồng bằng sông Cửu Long chưa rõ nét, đóng góp trong GRDP của vùng còn thấp, chiếm tỷ trọng hơn 9%.

- Cơ cấu lại các ngành kinh tế có chuyển dịch theo đúng hướng nhưng sự chuyển dịch về năng suất, chất lượng, nhất là khu vực công nghiệp và dịch vụ, chưa đáp ứng được kỳ vọng phát triển. Năng lực sản xuất một số ngành, sản phẩm quan trọng tăng chậm, các ngành có hàm lượng công nghệ cao có tỷ trọng nhỏ, năng lực cạnh tranh chưa cao.

- Sức mua thị trường nội địa có xu hướng giảm so với thời điểm trước đại dịch Covid-19, người tiêu dùng chỉ mua những hàng hóa thiết yếu. Mức độ đa dạng hóa thị trường các mặt hàng xuất khẩu phần lớn chưa đủ khả năng đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, chất lượng của các thị trường xuất khẩu.

- Nội lực về vốn đầu tư và doanh nghiệp dẫn đầu có tính lan tỏa, có khả năng làm thay đổi cục diện kinh tế của thành phố chưa thật sự mạnh mẽ. Việc triển khai thực hiện về một số chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư, khuyến khích xã hội hóa đầu tư chưa đạt kết quả như kỳ vọng, chưa tạo được sự đột phá trong huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phát triển, đặc biệt là thu hút các nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước, nhất là thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI còn hạn chế.

- Công tác lập quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng, quy hoạch phân khu, kế hoạch sử dụng đất, giải phóng mặt bằng, bồi hoàn hỗ trợ tái định cư... triển khai còn chậm, chưa đạt yêu cầu. Quy hoạch phát triển đô thị còn thiếu tầm chiến lược; kiến trúc đô thị thiếu tính đồng bộ đặc trưng. Công tác lập và thực hiện quy hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên còn nhiều bất cập; cơ chế, chính sách quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên chưa đồng bộ.

- Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng đô thị, các khu vui chơi giải trí, hạ tầng giao thông thiếu kết nối, chất lượng chưa cao, một số hạ tầng giao thông quan trọng chưa được sử dụng hết công suất như: Cảng hàng không quốc tế Cần Thơ, Cảng Cái Cui; hệ thống hạ tầng thương mại như chợ đầu mối, trung tâm logistics, kho chứa hàng hóa chưa theo kịp với nhu cầu phát triển.

- Giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ chưa trở thành động lực then chốt thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội. Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

- Việc khai thác, duy trì các thiết chế văn hóa của địa phương còn hạn chế; lĩnh vực hoạt động thể thao chưa tạo ra những khởi sắc mới. Đời sống một bộ phận người dân vẫn còn khó khăn, nhất là khu vực ngoại thành, đồng bào dân tộc thiểu số.

- Công tác xây dựng Đảng trên một số mặt còn những hạn chế. Tổ chức bộ máy hệ thống chính trị chưa thật tinh gọn; trình độ, năng lực đội ngũ đảng viên

và cán bộ, công chức, viên chức ở một số lĩnh vực chưa đồng đều. Hệ thống dân vận, mặt trận, đoàn thể từng lúc thiếu đổi mới, chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

### **Nguyên nhân**

#### ***\* Nguyên nhân khách quan***

- Tình hình kinh tế - chính trị thế giới biến động rất nhanh, khó lường, phức tạp, nhiều diễn biến chưa từng có tiền lệ, vượt quá khả năng dự báo và gây khó khăn, tạo áp lực lớn lên khả năng phân tích, công tác điều hành.

- Kinh tế thành phố chịu tác động nặng nề của dịch Covid-19, vẫn đang trong quá trình phục hồi; áp lực lạm phát gia tăng, giá nguyên liệu đầu vào, nhiên liệu cho sản xuất tăng cao, ..., tác động xấu đến quá trình phục hồi một số ngành, lĩnh vực. Việc nôl lại thị trường nước ngoài, chuỗi cung ứng bị gián đoạn vẫn chưa trở lại bình thường đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và xuất khẩu.

- Thiên tai, bão lũ trái quy luật, khó dự báo; biến đổi khí hậu toàn cầu diễn ra nhanh hơn dự báo, gây ra các hiện tượng thời tiết cực đoan ngày càng gia tăng, gây ra nhiều khó khăn, thách thức mới, ảnh hưởng phát triển kinh tế - xã hội.

- Kết quả thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể đề thành phố có điều kiện phát triển nhanh theo yêu cầu đặt ra của Nghị quyết số 59-NQ/TW vẫn còn chậm; một số nội dung cụ thể hóa Nghị quyết số 45/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế đặc thù phát triển thành phố Cần Thơ về cơ chế chính sách đặc thù thuộc thẩm quyền của địa phương chưa được triển khai hoặc chưa đủ điều kiện triển khai thực hiện, làm ảnh hưởng đến hiệu quả của chính sách đã được Quốc hội thông qua.

#### ***\* Nguyên nhân chủ quan***

- Công tác dự báo, tham mưu còn bị động; công tác phối hợp với các bộ, ngành Trung ương và các địa phương chưa thật sự chặt chẽ, nhịp nhàng, nhất là khi xuất hiện những vấn đề mới phát sinh, chưa có tiền lệ.

- Công tác phối hợp trong các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố vẫn còn trù hoãn chưa đáp ứng yêu cầu; nhiều tồn tại, hạn chế kéo dài chưa được giải quyết, khắc phục, như trong công tác giải phóng mặt bằng, tái định cư, giải ngân vốn đầu tư công, thu hút đầu tư ngoài ngân sách.

- Một số cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên chưa nhận thức đầy đủ, toàn diện, sâu sắc về tầm quan trọng của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong tình hình mới; việc quán triệt, triển khai thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng ở một số nơi chưa kịp thời, sâu sắc. Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng chưa tập trung đúng mức, chưa đi vào chiều sâu, hiệu quả chưa cao.

<sup>1</sup> Giai đoạn 2021-2025 tăng trưởng bình quân 7,11-7,21%/năm (trong đó từng khu vực lần lượt có mức tăng trưởng bình quân hàng năm tương ứng 3,12-3,32%, 7,08-7,14%, 8,73-8,81%, 1,29-1,58%)

<sup>2</sup> Theo các kỳ đã công bố, Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của thành phố có mức điểm tăng theo từng năm 2020-2024, nằm trong nhóm tỉnh/thành có chất lượng điều hành khá tốt, Năm 2020 đạt 66,33 điểm (giảm 2,05 điểm so với năm 2019, xếp thứ 12/63 tỉnh, thành phố cả nước), năm 2021 đạt 68,06 điểm, xếp hạng 12, năm 2022 đạt 66,94 điểm, xếp hạng 19, năm 2023, đạt 68,88 điểm, xếp hạng 14, năm 2024 đạt 70,01 điểm, xếp hạng 11

<sup>3</sup> Giai đoạn 2020-2024, các khu công nghiệp thu hút được 19 dự án thứ cấp, tổng vốn đầu tư đăng ký 212 triệu USD, lũy kế cuối năm 2024, các khu công nghiệp có 257 dự án còn hiệu lực, năm 2025 tiếp tục thu hút nhà đầu tư thứ cấp, nâng dần tỷ lệ lấp đầy khu công nghiệp

<sup>4</sup> Giai đoạn 2020-2024, ước thực hiện cấp mới 23 dự án, tổng vốn đầu tư đăng ký khoảng 1,53 tỷ USD, lũy kế đến cuối năm 2024, thành phố có 79 dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, tổng vốn đầu tư đăng ký 2,23 tỷ USD Năm 2025, thành phố dự kiến thu hút cấp mới thêm 05 dự án, vốn đăng ký khoảng 10 triệu USD

<sup>5</sup> Tỷ lệ lấp đầy khu công nghiệp Trà Nóc 1 đạt 99,65%, khu công nghiệp Trà Nóc 2 đạt 89,78%, khu công nghiệp Hưng Phú 1 đạt 44,34%, khu công nghiệp Hưng Phú 2 đạt 63,88%, khu công nghiệp Thốt Nốt đạt 87,26% và khu công nghiệp Vĩnh Thạnh giai đoạn 1 (VSIP Cầu Thơ) đang triển khai xây dựng, Khu công nghiệp Vĩnh Thạnh giai đoạn 2 (Phủ Mỹ 3 Cầu Thơ IP) vừa được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1707/QĐ TTg ngày 31/12/2024

<sup>6</sup> Gồm: (1) Làng nghề bánh tráng Thuận Hưng, quận Thốt Nốt, (2) Làng nghề hoa kiểng Phó Tho - Bà Bô, phường Long Hòa và Long Tuyên, quận Bình Thủy, (3) Làng nghề đan lưới Thom Rôm, phường Tân Hưng, quận Thốt Nốt và (4) Làng nghề sản xuất bánh kẹo Ba Rich, phường Thới An, quận Ô Môn

<sup>7</sup> Trong đó, năm 2020 đạt 1.933,9 triệu USD, năm 2021 đạt 1.806,9 triệu USD, năm 2022 đạt 2.285,7 triệu USD, năm 2023 đạt 2.154,5 triệu USD, ước năm 2024 đạt 2.184 triệu USD

<sup>8</sup> Trong đó, năm 2020 đạt 485 triệu USD, năm 2021 đạt 485 triệu USD, năm 2022 đạt 529 triệu USD, năm 2023 đạt 524,5 triệu USD, ước năm 2024 đạt 536 triệu USD

<sup>9</sup> Năm 2022, doanh thu vận tải, kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải và bưu chính, chuyển phát thực hiện 4.527 tỷ đồng, tăng 19,25% so năm 2021, Năm 2023 doanh thu vận tải, kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải và bưu chính, chuyển phát ước thực hiện 5.127 tỷ đồng, tăng 13,25% so năm 2022. Năm 2025

<sup>10</sup> Gồm Ninh Kiều, Bình Thủy, Cái Răng, Thốt Nốt và một phần diện tích của quận Ô Môn

<sup>11</sup> Gồm Phong Điền, Thới Lai, Cờ Đỏ, Vĩnh Thạnh và Thạnh An

<sup>12</sup> Kết quả tỷ lệ đô thị hóa năm 2024 đạt 75,06% (năm 2020 đạt 70,03%) và trong năm 2025 phấn đấu đạt 76%

<sup>13</sup> Thành phố đã tiếp và làm việc với 477 đoàn với 2.041 lượt khách nước ngoài, cử, cho phép 251 lượt cán bộ, công chức, viên chức, vận động viên đi nước ngoài. Tổ chức các hoạt động kỷ niệm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao với 08 nước Philippines, Thái Lan, Lào, Campuchia, Ấn Độ, Hàn Quốc, Pháp, Nhật Bản

<sup>14</sup> 03 tổ chức quốc tế: 100 thành phố có khả năng chống chịu (100 Resilient Cities), Hiệp hội quốc tế các Thị trường nổi tiếng Pháp (AIMF) và Thỏa thuận toàn cầu của các Thị trường về Khí hậu và Năng lượng (Global Covenant of Mayors for Climate and Energy - GCoM)

<sup>15</sup> Đã công nhận 281.220/290.880 hộ đạt chuẩn gia đình văn hóa (đạt 97,52% trên tổng số hộ gia đình đăng ký và đạt 96,67% trên số hộ gia đình), 599/599 ấp, khu vực và 83/83 xã, phường, thị trấn được công nhận danh hiệu văn hóa trong Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" (trong đó có 4/ phường, thị trấn đạt danh hiệu "Phường đạt chuẩn văn minh đô thị").

<sup>16</sup> Hoàn thành 03 hồ sơ đề nghị xếp hạng di tích (trong đó có 01 hồ sơ xếp hạng di tích quốc gia và 02 hồ sơ đề nghị xếp hạng di tích thành phố), công tác sưu tầm và thực hiện hồ sơ khoa học luôn đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch (1.357 hiện vật, vượt 171,4%), xuất bản 9.000 ấn phẩm, sách giới thiệu về di tích lịch sử - văn hóa, bảo tồn quốc gia và di sản văn hóa phi vật thể. Hệ thống thư viện công cộng thành phố bổ sung 104.368 bản sách, phục vụ 11,62 triệu lượt bạn đọc và 22,54 triệu lượt tài nguyên thông tin

<sup>17</sup> Số người tập luyện thể dục thể thao thường xuyên 852.979 người, vượt 0,46% kế hoạch, 186.931 hộ gia đình thể thao, vượt 1,28% kế hoạch, 2.630 câu lạc bộ Thể dục thể thao, vượt 2,12% kế hoạch

<sup>18</sup> Cử 546 huấn luyện viên, 2.718 lượt vận động viên (1.227 nữ) tham dự 224 giải thể thao, kết quả đạt 1.215 huy chương các loại, 366 huy chương vàng, 375 huy chương bạc, 474 huy chương đồng.

<sup>19</sup> Gồm Mạng lưới liên kết hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thành phố Cần Thơ - CanTho Startup Ecosystem (09 thành viên), Mạng lưới các cơ sởươm tạo công nghệ khu vực đồng bằng sông Cửu Long (07 thành viên), Mạng lưới Cố vấn khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (36 thành viên là các chuyên gia từ các lĩnh vực về quản trị

thương hiệu, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, công nghệ tài chính, nông nghiệp, du lịch, sở hữu trí tuệ, thương mại điện tử), Mạng lưới liên kết phát triển các tổ hợp khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trong các trường đại học, cao đẳng vùng đồng bằng sông Cửu Long Mạng lưới MKEI

<sup>20</sup> Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP), Kho dữ liệu dùng chung trong cơ quan nhà nước thành phố, Kho quản lý dữ liệu số của tổ chức, cá nhân, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Cổng dữ liệu thành phố, Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, Hệ thống thư điện tử, Cổng thông tin điện tử, Hệ thống thông tin quản lý cán bộ công chức viên chức, Tổng đài Công dịch vụ công thành phố 1022, Nền tảng trợ lý ảo nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận thực hiện thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến và các nền tảng số, số hóa dữ liệu các ngành lĩnh vực như đất đai, tài chính, tư pháp, hộ tịch, y tế, giáo dục, nông nghiệp, lao động, việc làm, các nền tảng số phục vụ tốt cho cơ quan nhà nước trong quản lý điều hành

<sup>21</sup> Theo kết quả công bố xếp hạng của Bộ Thông tin và Truyền thông (hiện mới công bố đến năm 2022).

<sup>22</sup> 10 lĩnh vực. (1) Giám sát, điều hành chỉ tiêu báo cáo, thống kê kinh tế - xã hội, (2) Giám sát hiệu quả hoạt động của chính quyền, (3) Giám sát an ninh trật tự và an toàn giao thông, (4) Giám sát điều hành du lịch, (5) Giám sát tương tác phục vụ, phản hồi của người dân (Tổng đài dịch vụ công 1022), (6) Giám sát thông tin trên môi trường mạng, (7) Giám sát và cảnh báo chất lượng môi trường, (8) Giám sát an toàn thông tin mạng, (9) thống kê số liệu y tế và (10) báo cáo nhanh theo dõi giải ngân đầu tư công

<sup>23</sup> Giải quyết việc làm hàng năm cho khoảng 50 000 lao động. Đến cuối năm 2025, giảm tỷ lệ hộ nghèo của thành phố xuống còn 0,05% (nghị quyết giảm tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 0,5%)

<sup>24</sup> Tổ chức chuỗi hoạt động Kỷ niệm ngày Thương binh Liệt sĩ hàng năm, tổ chức các đoàn thăm, tặng quà gia đình có công với cách mạng nhân các dịp Lễ Tết. Đặc biệt, thành phố Cần Thơ là đơn vị đầu tiên trong cả nước, đã tổ chức đến từng nhà thăm và ghi hình 29 Mẹ Việt Nam Anh hùng còn sống làm phim tư liệu

<sup>25</sup> Trong giai đoạn 2021 - 2025, đã hỗ trợ xây dựng mới, sửa chữa căn nhà với tổng kinh phí hơn tỷ đồng, hỗ trợ vay vốn phát triển sản xuất cho hộ dân tộc thiểu số vay vốn số tiền tỷ đồng. 100% hộ đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng điện lưới quốc gia và sử dụng điện an toàn. Đến cuối năm 2024, còn hộ nghèo dân tộc thiểu số, chiếm % trên tổng số hộ dân tộc thiểu số. Sưu tầm, bổ sung 18 hiện vật dân tộc Hoa, Khmer, Chăm vào kho hiện vật của Bảo tàng để trưng bày, phục vụ khách tham quan. Tạo điều kiện thành lập Trung tâm Hoa ngữ Cần Thơ

<sup>26</sup> Trung ương ban hành các Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Nghị quyết số 45/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế đặc thù phát triển thành phố Cần Thơ, Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 30/8/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

## PHỤ LỤC 2

# BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 05 NĂM (2020 - 2025) TỈNH SÓC TRĂNG

-----

### I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

#### 1. Kết quả thực hiện 3 đột phá chiến lược

(1)- Nguồn nhân lực phát triển đồng bộ, chất lượng và hiệu quả. Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 11/7/2021 về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Các cấp ủy, chính quyền thực hiện đồng bộ, hiệu quả, đáp ứng tốt yêu cầu phát triển nguồn nhân lực của tỉnh. Kết quả, đã cử 67.929 lượt cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài nước. Toàn tỉnh hiện có 3.893 cán bộ, công chức (1.689 cán bộ, công chức cấp tỉnh, huyện; 2.204 cán bộ, công chức cấp xã) và 20.062 viên chức; trong đó, có 20 tiến sĩ, 79 chuyên khoa cấp II, 1.271 thạc sĩ và 374 chuyên khoa cấp I; tỷ lệ trạm y tế có bác sĩ, hộ sinh, nhân viên y tế đạt 100%. Có 100% cán bộ, công chức, viên chức đạt tiêu chuẩn ngạch, có chứng chỉ ngoại ngữ, tin học cơ bản theo quy định. 100% công chức, viên chức đạt tiêu chuẩn trước khi bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý.

Ban hành quy định hỗ trợ đào tạo và thu hút nguồn nhân lực nhằm khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức tham gia các khóa đào tạo sau đại học, góp phần phát triển nguồn nhân lực của tỉnh. Hỗ trợ tốt nghiệp sau đại học đối với 82 trường hợp với tổng kinh phí 3,13 tỷ đồng. Đề án Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tỉnh Sóc Trăng đáp ứng tốt yêu cầu triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030. Đặc biệt, trong nhiệm kỳ, hoàn thành hồ sơ thành lập phân hiệu Trường Đại học Cần Thơ tại Sóc Trăng; thành lập Trường Trung cấp kỹ năng chuyên nghiệp Nhật Bản tại tỉnh Sóc Trăng; xây dựng đề án Trường Cao đẳng Nghệ và Cao đẳng Cộng đồng trở thành trường chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của tỉnh.

(2)- Công tác cải cách hành chính đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ đột phá. Tỉnh ủy tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 29/12/2021 về đẩy mạnh cải cách hành chính tỉnh Sóc Trăng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 27/10/2021 về Chuyên đổi số tỉnh Sóc Trăng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chỉ thị về nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) và Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI). Các cấp,

các ngành đã ban hành trên 65 văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh thực hiện các nội dung liên quan đến công tác cải cách hành chính.

Hoạt động tuyên truyền, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính đạt hiệu quả tốt, trọng tâm là cải cách chế độ công vụ, xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số. Kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh đã có nhiều chuyên biến tích cực. Giá trị trung bình Chỉ số Cải cách hành chính, Chỉ số Hiệu quả quản trị và Hành chính công, Chỉ số năng lực cạnh và Chỉ số chuyên đổi số đều xếp hạng cao trên cả nước.

Cơ chế một cửa, một cửa liên thông tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động. Xây dựng Trung tâm IOC phục vụ cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của tỉnh, đáp ứng việc tích hợp các chỉ số dịch vụ công theo quy định. Toàn tỉnh hiện có 1.696 thủ tục hành chính (TTHC) được cung cấp trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC.

(3)- Hệ thống kết cấu hạ tầng, công tác đầu tư xây dựng cơ bản được quan tâm đầu tư và chỉ đạo thực hiện, đáp ứng nhiệm vụ trọng tâm về phát triển kinh tế - xã hội. Vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 đến thời điểm báo cáo 32.386,654 tỷ đồng (trong đó, vốn ngân sách Trung ương là 16.124,946 tỷ đồng, vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương là 16.261,708 tỷ đồng). Tập trung đầu tư một số lĩnh vực quan trọng, chiếm tỷ lệ ngân sách tỉnh quản lý như: Giao thông chiếm 61,89%;<sup>(1)</sup> nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản chiếm 8,5%; Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp chiếm 9,69%; (20,12% ngân sách địa phương do tỉnh quản lý); Y tế, dân số và gia đình chiếm 3,09%; các lĩnh vực còn lại như văn hóa, thông tin truyền thông, quốc phòng, an ninh,... chiếm 16,83%.

Nhiều công trình, dự án trọng điểm đã và đang triển khai góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh<sup>(2)</sup>. Một số dự án có tác động lớn đang triển khai và đẩy nhanh tiến độ như: Dự án thành phần 4 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1; Dự án Tuyến đường trục

<sup>(1)</sup> Trong đó Dự án thành phần 3 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng gồm 11 km<sup>2</sup> đất dự kiến chiếm 17,1% vốn nhà nước giao thông và chiếm 72,9% tổng số vốn của nhà nước.

<sup>(2)</sup> Dự án Đầu tư hạ tầng kỹ thuật phục vụ chuyển đổi số nhất phù hợp với định hướng phát triển số thành tăng với diện tích khu vực trung tâm mới từ nguồn vốn đầu tư của Cơ Lao Động, Các Mục Đích Các Chương trình Nghị sự Các Mục Đích Quốc tế 913. Dự án Các hạ tầng cấp và phân phối năng lượng Đường trục 914 (đoạn giao từ Đường trục 935 với Đường trục 933C), Nâng cấp đường A1 (đoạn Đường trục 979 qua thị trấn Bình Hòa Nghĩa), Dự án Dự án Đường Nguyễn Văn Linh (đoạn Cầu Lộ Phường Hiệp Quốc 33 010) và xã Ngã Năm Xây dựng mới Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Sóc Trăng. Đường trục 914 Ngọc Tế - Ngọc Bình (Đường trục 911 35) huyện Mỹ Xuyên Khu liên kết chuyển đổi số Sóc Trăng Dự án Miền sông nước và các kênh thoát nước

phát triển kinh tế Đông Tây tinh Sóc Trăng;...<sup>(3)</sup>. Đây là những công trình quan trọng nhằm mở ra không gian phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, tạo điều kiện liên kết vùng, kết nối cảng biển, tạo hệ sinh thái thúc đẩy phát triển đồng bộ, lâu dài và hiệu quả.

## 2. Kết quả phát triển kinh tế - xã hội

### 2.1. *Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh*

Tổng sản phẩm xã hội của tỉnh (GRDP) tăng bình quân trong 5 năm (2021 - 2025) là 6,20%/năm, đạt 77,5% so với chỉ tiêu Nghị quyết. Ước GRDP bình quân đầu người năm 2025 (giá hiện hành) là 75,5 triệu đồng/người/năm, tăng 1,65 lần so năm 2020. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực. Tỷ trọng giá trị khu vực I, II, III, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm trong GRDP năm 2020 là 45,18% - 14,05% - 37,37% - 3,40%; ước thực hiện năm 2025 tương ứng là 40% - 17% - 40% - 03%. Cụ thể trên các lĩnh vực:

- Nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới hoàn thành chỉ tiêu nghị quyết đề ra. Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp, các ngành kịp thời điều chỉnh kế hoạch sản xuất, cơ cấu mùa vụ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, cơ cấu giống phù hợp với diễn biến thời tiết, bảo đảm hạn chế tối đa thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh và ảnh hưởng của giá vật tư nông nghiệp. Sản lượng lúa hằng năm đạt trên 2 triệu tấn; trong đó, tỷ lệ sản xuất lúa đặc sản, chất lượng cao ngày càng tăng, góp phần nâng cao chất lượng và giá trị lúa gạo của tỉnh, nâng tỷ lệ sản lượng lúa đặc sản, chất lượng cao từ 73,79% năm 2020 lên 93,61% vào năm 2025. Cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ chuyển đổi số vào sản xuất ngày càng cao. Sản xuất rau màu, cây ăn trái ổn định. Việc cấp và quản lý mã số vùng trồng, hỗ trợ kết nối, hình thành các chuỗi liên kết tiêu thụ có nhiều tiên bộ.

Một số mô hình chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao, mô hình chăn nuôi chứng nhận VietGAP, chứng nhận an toàn thực phẩm và an toàn dịch bệnh được phát huy hiệu quả. Tổng sản lượng thủy hải sản năm 2025 ước đạt 423.700 tấn, tăng 1,30 lần so với năm 2020. Chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP đã mang lại giá trị kinh tế cao, được nhiều thị trường trong và ngoài nước ưa chuộng, đến nay trên địa bàn toàn tỉnh có 277 sản phẩm OCOP, đạt 138,5% nghị quyết đề ra.

<sup>(3)</sup> Đường Vành Đai I Vành Đai II Đường Nguyễn Huệ thị trấn Phố Lợc huyện Thành Tín. Đường 30 A quốc lộ, thị trấn Vĩnh Châu, Cầu 999, đường cấp các tuyến đường tỉnh 932 932B 933 933B 936 938 999. Mạng cấp điện nông thôn và Hệ thống Lao Động, huyện Cù Lao Dung, huyện Sóc Trăng, Xây dựng mới Trường mầm Y tế huyện Mỹ Xuyên, huyện Sóc Trăng. Xây dựng mới Trường Trung học cơ sở và Trường học phổ thông Dân tộc nội trú Vĩnh Châu, thị trấn Vĩnh Châu.

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được triển khai và thực hiện đồng bộ, mạnh mẽ của hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở cùng với sự tham gia của cộng đồng dân cư, đạt được nhiều kết quả quan trọng; phong trào thi đua “Sóc Trăng chung sức xây dựng nông thôn mới” tiếp tục được duy trì, lan tỏa; công tác chỉnh trang môi trường nông thôn mới - đô thị văn minh được tỉnh quan tâm chỉ đạo cụ thể, kết quả, có nhiều mô hình cách làm sáng tạo ở các huyện, thị xã thành phố. Có 75/80 xã đạt chuẩn nông thôn mới, vượt 4,17% so với chỉ tiêu Nghị quyết; có 35 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, vượt 9% so với chỉ tiêu kế hoạch; có 08 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, đạt 100% so với chỉ tiêu kế hoạch; có 06 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, đạt 100% so với chỉ tiêu Nghị quyết; có 02 huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao đạt 100% so với chỉ tiêu kế hoạch.

- Sản xuất công nghiệp tăng dần theo chiều hướng tích cực. Ước chi số sản xuất công nghiệp đến cuối năm 2025 tăng 10%; giá trị sản xuất công nghiệp (tính theo giá so sánh năm 2010) năm 2025 là 32.700 tỷ đồng, tăng 1,43 lần so năm 2020, mức tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021 - 2025 là 7,38%/năm.

- Thương mại, dịch vụ và du lịch có nhiều chuyển biến tích cực. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội năm 2025 ước đạt 110.000 tỷ đồng, tăng 2,29 lần so năm 2020. Giá trị xuất khẩu năm 2025 ước đạt 1,90 tỷ USD, tăng 1,7 lần so năm 2020, vượt 58,33% so với chỉ tiêu Nghị quyết, mức tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021 - 2025 đạt 11,25%/năm; trong đó, giá trị xuất khẩu thủy sản là 1,05 triệu USD, tăng 1,25 lần so năm 2020.

Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy, chính quyền ban hành nhiều đề án, dự án phát triển du lịch tỉnh Sóc Trăng, giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030. Trong nhiệm kỳ, du lịch Sóc Trăng có bước tăng trưởng khá với lượng khách du lịch tăng bình quân là 27,52 % (khách du lịch 13.229.290 lượt, trong đó: khách tham quan 11.420.141 lượt (khách quốc tế 116.496 lượt), khách lưu trú 2.541.929 lượt (khách lưu trú quốc tế 87.727 lượt)). Doanh thu du lịch đạt 7.490 tỷ 908 triệu đồng, tăng 39,09%. Chất lượng điểm đến du lịch được nâng cao, khai thác có hiệu quả tiềm năng tài nguyên du lịch văn hóa lễ hội, du lịch văn hóa tâm linh, du lịch cộng đồng.

- Thu ngân sách tăng dần, nguồn chi được cân đối. Tỉnh đã triển khai thực hiện tốt các chính sách thu hút đầu tư, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, công bằng, phát triển của tất cả các thành phần kinh tế, khuyến khích đầu tư để phát triển sản xuất, kinh doanh những ngành nghề, lĩnh vực có đóng góp số thu lớn cho ngân sách Nhà nước để có định hướng tăng tỷ trọng thu nội địa trong thu ngân sách trên địa bàn tỉnh bảo đảm từng bước cân đối chi ngân sách Nhà nước. Ước tính đến cuối năm 2025, tổng thu ngân sách Nhà nước trong cân đối ước đạt

6.500 tỷ đồng, tăng 1,76 lần so năm 2020. Ước tổng chi ngân sách địa phương năm 2025 là 19.172 tỷ đồng; trong đó, chi cân đối 12.110 tỷ đồng, tăng 1,11 lần so năm 2020.

- Hoạt động đầu tư tín dụng trên địa bàn tỉnh luôn được mở rộng và có sự tăng trưởng liên tục qua các năm. Tính đến cuối năm 2025, tổng dư nợ đạt 80.900 tỷ đồng, tăng 1,76 lần so với năm 2020, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2020 - 2025 đạt 12,24%. nợ xấu ước đến cuối năm 2025 là 1.200 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 1,48%, giảm 0,45% so năm 2020. Bên cạnh đó, tỉnh cũng đã quan tâm tập trung chỉ đạo cấp vốn tín dụng cho lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, nhất là các lĩnh vực ưu tiên theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và ưu tiên vốn tín dụng cho lĩnh vực phát triển nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu, doanh nghiệp nhỏ và vừa, chương trình tín dụng chính sách xã hội, chương trình tín dụng đối với một số ngành hàng chủ lực.

- Phát triển các thành phần kinh tế được quan tâm đúng mức. Tỉnh tiếp tục xác định phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, ban hành các nghị quyết về hỗ trợ đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Hỗ trợ các doanh nghiệp, nhà đầu tư khai triển khai các dự án và hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Tính từ đầu nhiệm kỳ đến cuối năm 2025, số lượng doanh nghiệp thành lập mới đạt 2.079 doanh nghiệp, tăng 6,67% so với nhiệm kỳ 2015 - 2020. Tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể<sup>10</sup>. Toàn tỉnh thành lập mới 84 HTX (giảm 37 HTX so với nhiệm kỳ 2015 - 2020), giải thể 60 HTX (tăng 40 HTX so với nhiệm kỳ 2015 - 2020), lấy kế toán tình có 244 HTX (tăng 24 HTX so cuối nhiệm kỳ 2015 - 2020).

- Tập trung xúc tiến việc đề xuất quy hoạch phát triển kinh tế biển. Trên cơ sở quy hoạch của Trung ương, Tỉnh ủy tập trung chỉ đạo, các cấp ủy tịch cực, chủ động, tranh thủ mọi nguồn lực, triển khai nhiều giải pháp nhằm thu hút đầu tư và phát triển kinh tế biển. Đặc biệt là dự án quy hoạch vùng Sốc Trăng đến năm 2030 với nguồn vốn đầu tư trên 340.000 tỷ đồng với mục tiêu đẩy mạnh phát triển các lĩnh vực công nghiệp chế biến, năng lượng tái tạo, dịch vụ logistics, du lịch sinh thái; đề xuất xây dựng cảng biển Trán Đề với hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại.

<sup>10</sup> Tỉnh ủy chỉ đạo ban hành Chương trình số 35-CTr/TU ngày 15-10-2020 của Tỉnh ủy được sửa đổi bổ sung số 78-KL/TW ngày 09-3-2021 của Bộ Chính trị, Chương trình số 31-CTr/TU ngày 24-02-2023 của Tỉnh ủy được ban hành Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 16-6-2022 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng, Ủy ban nhân dân tỉnh ủy đồng ý Đề án hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể hợp tác xã kiểu Sốc Trăng giai đoạn 2021 - 2025 theo hướng Kế hoạch số 62 KH-UBND ngày 29-3-2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn 2021.

- Thu hút đầu tư, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh có nhiều tiên bộ. Các ngành kịp thời hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư tháo gỡ khó khăn trong quá trình triển khai các hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh theo quy định. Tổ chức thành công Hội nghị Xúc tiến đầu tư năm 2022 nhân sự kiện kỷ niệm 30 năm tái lập tỉnh. Tỉnh đã tiếp và làm việc với khoảng 560 lượt nhà đầu tư đến tìm hiểu cơ hội đầu tư trên địa bàn tỉnh; qua đó, tỉnh đã cấp chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư cho 59 dự án với tổng vốn đăng ký đầu tư là 53.505,17 tỷ đồng. Một số dự án đã đi vào hoạt động, tác động tích cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh như: 07 dự án điện gió đi vào vận hành thương mại với tổng công suất 340MW, các nhà máy sản xuất hàng may mặc trong khu công nghiệp, các nhà máy chế biến thủy hải sản, bệnh viện,...

- Hoạt động đối ngoại, hội nhập và hợp tác quốc tế được quan tâm triển khai thực hiện. Tổ chức đón tiếp nhiều đoàn khách quốc tế, cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam đến thăm, làm việc, tạo tiền đề đẩy mạnh hội nhập quốc tế, liên kết phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; triển khai các hoạt động giao lưu, hợp tác, xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch, văn hóa, giáo dục với các nước, như: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, Cộng hòa Liên bang Đức,... Có 20 dự án FDI với tổng mức đầu tư khoảng 23.929 tỷ đồng chủ yếu trên lĩnh vực may mặc, chế biến thủy sản, điện gió, kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp. Nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài trong giai đoạn 2021 - 2025, trên địa bàn tỉnh có 07 dự án, các dự án được đầu tư tập trung trên các lĩnh vực như phát triển cơ sở hạ tầng, y tế, biến đổi khí hậu, mang lại nhiều lợi ích thiết thực cho người dân thụ hưởng vùng dự án. Có 14 tổ chức phi Chính phủ nước ngoài, tổ chức phi lợi nhuận, các quỹ xã hội, các doanh nghiệp, công ty, quỹ tư nhân được thành lập theo quy định.

- Đô thị được quan tâm đầu tư, phát triển đồng bộ ở các trung tâm chính và từng địa phương. Công tác lập, quản lý quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh được quan tâm thực hiện. Số lượng đô thị của tỉnh là 19 đô thị, bao gồm: 01 đô thị loại II (thành phố Sóc Trăng), 03 đô thị loại IV (thị xã Vĩnh Châu, Ngã Năm và thị trấn Trần Đề), 15 đô thị loại V (07 thị trấn huyện lỵ, 04 thị trấn và 04 đô thị loại V thuộc huyện chưa công nhận thị trấn); tỷ lệ đô thị hoá của tỉnh Sóc Trăng đạt khoảng 33,87% (cao hơn tỷ lệ trung bình trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long).

Triển khai Quy hoạch tỉnh Sóc Trăng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 995/QĐ-TTg ngày 25/8/2023. Đã có 100% các đô thị trên địa bàn tỉnh (thành phố, thị xã, thị trấn) được phê duyệt; tỷ lệ phù hợp quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết đô thị không ngừng tăng lên (thành phố Sóc Trăng đạt 100%); 03/08 huyện hoàn thành công tác phù hợp quy hoạch xây dựng vùng; 05/05 khu công nghiệp được

phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng; 100% các xã đã được lập và phê duyệt quy hoạch.

**2.2. Chăm lo phát triển sự nghiệp văn hoá; nâng cao chất lượng công tác giáo dục và đào tạo, chăm sóc sức khoẻ nhân dân; đảm bảo hoạt động thông tin tuyên truyền; quan tâm phát triển khoa học và công nghệ; thực hiện có hiệu quả tiến bộ, công bằng xã hội; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân; giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số**

- Công tác bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hoá tiếp tục được quan tâm thực hiện toàn diện. Toàn tỉnh có 53 di tích, trong đó có 08 di tích cấp quốc gia và 45 di tích cấp tỉnh (trong nhiệm kỳ có thêm 08 di tích được xếp hạng di tích cấp tỉnh) và 08 di sản văn hoá phi vật thể cấp quốc gia (trong nhiệm kỳ có thêm 02 di sản văn hoá phi vật thể được đưa vào danh mục di sản văn hoá phi vật thể cấp quốc gia). Triển khai thực hiện Dự án “Bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030. Các lễ hội truyền thống trong tỉnh được quan tâm bảo tồn và tổ chức, nổi bật là Lễ hội Oóc Om Bóc - Đua ghe Ngo kết hợp với Ngày hội văn hóa, thể thao và du lịch đồng bào Khmer Nam Bộ năm 2022; Lễ hội Oóc Om Bóc - Đua ghe Ngo Sóc Trăng, Khu vực đồng bằng sông Cửu Long lần thứ VI và Tuần Văn hóa, Thể thao và Du lịch Sóc Trăng lần thứ I, năm 2024.

Thể dục, thể thao tỉnh phát triển sâu rộng cả thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao; trong đó thể thao thành tích cao tiếp tục có bước phát triển mạnh mẽ. Trong nhiệm kỳ đã tuyển chọn và tập trung đào tạo 1.085 lượt vận động viên ở 11 môn thể thao; tham dự 91 giải trong hệ thống thi đấu quốc gia, kết quả đạt 407 huy chương, trong đó phá 04 kỷ lục; đội Bóng rổ nam nội dung 5x5 của tỉnh 04 năm liền (2021 - 2024) đạt giải vô địch quốc gia; tham dự 28 giải cấp khu vực và quốc tế, kết quả đạt 268 huy chương,...

- Giáo dục và đào tạo từng bước được nâng cao. Chất lượng giáo dục có những chuyển biến tích cực; cơ sở vật chất trường, lớp từng bước được đầu tư theo hướng kiên cố hoá, chuẩn hoá cơ bản đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo; tỷ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông hằng năm trên 99%; tỷ lệ học sinh trong độ tuổi vào các cấp học tăng dần theo từng năm học; tỷ lệ học sinh phổ thông bỏ học ở các cấp học giảm dần: năm học 2019 - 2020 là 1,16% đến năm học 2023 - 2024 là 0,77%; tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 85,15%. Có 100% cán bộ quản lý của ngành đạt trình độ chuẩn, trên chuẩn 36,53%. Giáo viên đạt chuẩn 92,69%, trên chuẩn 13,75%. Công tác tuyên truyền tư vấn, hướng

nghiệp cho học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông được quan tâm đúng mức. Công tác xã hội hoá giáo dục được tinh quan tâm sâu sát. Tổng kinh phí xây dựng trường, nhóm lớp ngoài công lập hơn 90 tỷ đồng, mua sắm thiết bị dạy học trên 10 tỷ đồng.

- Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm đạt kết quả tích cực. Tỉnh đã tổ chức đào tạo nghề cho 82.708 người; giải quyết việc làm cho 140.183 người; đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng 1.285 người.

- Công tác chăm sóc sức khoẻ nhân dân được đảm bảo. Tỉnh đã triển khai các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân thông qua việc chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng và thu hút nguồn nhân lực y tế trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 - 2025. Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp 45 Trạm Y tế tuyến xã, tỉnh Sóc Trăng. Công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân từng bước được nâng lên. Có 100% xã, phường, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế; giường bệnh/vạn dân từ đạt 33,50, vượt so với chỉ tiêu Nghị quyết (30 bác sĩ/vạn dân); bác sĩ/vạn dân tăng từ 8,36 năm 2020 lên 10 năm 2025 đạt 100% chỉ tiêu Nghị quyết; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế ước đạt 96,50%; các chỉ tiêu sức khoẻ cơ bản của người dân từng bước được cải thiện.

Tỉnh uỷ quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 theo Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 19/7/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. Vận động hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo giai đoạn 2021 - 2022, với 3.496 hộ được hỗ trợ, kinh phí 174,8 tỷ đồng. Công tác phòng, chống tệ nạn xã hội được các cấp, các ngành tăng cường thực hiện; đầu tư cơ sở vật chất cho cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh với kinh phí 38,4 tỷ đồng.

- Khoa học và Công nghệ có nhiều tiến bộ rõ nét. Công tác nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ từng bước được đổi mới và nâng cao hiệu quả theo hướng gắn kết với sản xuất, kinh doanh và đời sống của người dân. Tỉnh đầu tư 218,882 tỷ đồng cho đầu tư phát triển khoa học và công nghệ; chi 58,619 tỷ đồng đối với hoạt động sự nghiệp khoa học và công nghệ. Các đề tài, dự án ở giai đoạn này được xác định theo hướng chú trọng gắn với nhu cầu thực tiễn của địa phương, giải quyết các vấn đề cấp thiết, mới phát sinh, trên cơ sở gắn với chuỗi giá trị, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Toàn tỉnh có 639 đơn đăng ký quyền sở hữu công nghiệp (tăng 53% so với nhiệm kỳ trước). Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015 bản điện tử (ISO điện tử) được triển khai tại các cơ quan quản lý hành chính cấp tỉnh, cấp huyện... góp phần nâng cao chất lượng quản trị trong hoạt động hành chính.

Thông tin truyền thông và chuyển đổi số có bước phát triển mạnh mẽ. Công tác tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, công chức viên chức, người lao động và nhân dân; đặc biệt là ở các vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số. Hoạt động bưu chính, viễn thông phát triển ổn định. Lĩnh vực Công nghệ thông tin - chuyển đổi số của tỉnh có bước phát triển mạnh mẽ. Ban chỉ đạo Chuyển đổi số ban hành Đề án số tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và chỉ đạo hoạt động thường xuyên, hiệu quả. Kinh tế số, xã hội số ngày càng được chính quyền và người dân, doanh nghiệp quan tâm, tạo động lực phát triển mới. Tập trung triển khai có hiệu quả Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số Quốc gia giai đoạn 2022 - 2030, tầm nhìn đến năm 2030. Trung tâm Giám sát điều hành thông tin tỉnh (IOC) tỉnh vận hành có hiệu quả.

- Phát triển kinh tế - xã hội vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số đạt nhiều kết quả tích cực. Các cấp uỷ, chính quyền các cấp quan tâm triển khai thực hiện đồng bộ các chính sách an sinh xã hội, đảm bảo thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng, phát huy hiệu quả, tạo điều kiện cho hộ nghèo, hộ cận nghèo đồng bào dân tộc thiểu số được tiếp cận các chương trình, chính sách hỗ trợ của Nhà nước. Hỗ trợ xây dựng 15.320 căn nhà cho hộ nghèo (hộ dân tộc DTTS là 5.603 hộ); hỗ trợ nước sinh hoạt; vay vốn chuyển đổi nghề; hỗ trợ cho hộ thiếu đất sản xuất và hộ DTTS nghèo sinh sống tại các xã khu vực III, áp đặc biệt khó khăn được vay vốn... Giáo dục và đào tạo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số có nhiều tiên bộ, cơ sở vật chất được đầu tư nâng cấp, chất lượng giáo dục từng bước được nâng cao. Công tác chăm sóc sức khoẻ nhân dân được chú trọng, đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh cho người dân.

- Thực hiện có hiệu quả tiên bộ, công bằng xã hội; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân và giảm nghèo bền vững. Các chính sách an sinh xã hội, chính sách đối với người có công, các đối tượng bảo trợ xã hội, người có thu nhập thấp, đồng bào dân tộc, chính sách bảo hiểm y tế cho hộ nghèo, đối tượng chính sách, trẻ em, đối tượng bảo trợ xã hội; bên cạnh chính sách hỗ trợ của Trung ương, tỉnh xuất ngân sách để hỗ trợ hộ cận nghèo mua bảo hiểm y tế.

Thực hiện tốt chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, giai đoạn 2022 - 2024 đã thực hiện 869.439 triệu đồng (chiếm 85,41% so kế hoạch). Duy tu bảo dưỡng 135 công trình cơ sở hạ tầng; xây dựng bổ sung, nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học cho 07 trường phổ thông dân tộc nội trú; xây dựng 04 công trình cấp nước tập trung tại 03 huyện (Kê Sách, Mỹ Tú và Thạnh Trị).

### ***2.3. Thực hiện có hiệu quả công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu***

- Tỉnh đã lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu. Công tác lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp và việc công bố, công khai Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất luôn được ngành Tài nguyên và Môi trường chú trọng, thực hiện kịp thời làm cơ sở pháp lý cho công tác quản lý Nhà nước về đất đai, tạo sự minh bạch, công bằng trong việc tiếp cận các thông tin về đất đai trong xã hội; tăng cường công tác giám sát thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trong nhân dân. Quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đến năm 2030 đã được xây dựng và tích hợp vào Quy hoạch tỉnh Sóc Trăng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Hoàn thành việc “Cấm mốc hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng” làm cơ sở quản lý khu vực biển, phạm vi hành lang bảo vệ bờ biển, phục vụ thiết thực cho phát triển bền vững kinh tế biển của tỉnh. Việc cấp giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước và hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh được triển khai thực hiện theo quy định.

Trong nhiệm kỳ 2020 - 2025, tỉnh Sóc Trăng đã có bước đột phá trong việc khai thác cát sông và cát biển nhằm đáp ứng nhu cầu san lấp các dự án đường cao tốc và hạ tầng giao thông, đô thị vùng đồng bằng sông Cửu Long. Đã bàn giao hồ sơ 06 mỏ cát cho các nhà thầu để lập thủ tục theo quy định, để phục vụ Dự án thành phần 4 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1 và các dự án trọng điểm quốc gia.

- Triển khai có hiệu quả các biện pháp phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm; cải thiện môi trường; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; việc kiểm soát, xử lý nước thải được chú trọng; công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát các cơ sở được tăng cường; kiểm soát tốt các nguồn thải, đặc biệt là đối với các cơ sở sản xuất có nguồn xả thải lớn. Tập trung quyết liệt xử lý dứt điểm 3 cơ sở gây ô nhiễm môi trường và cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh (đạt 100%). Đưa vào hoạt động 01 nhà máy xử lý rác thải tập trung công suất xử lý 160 tấn rác thải sinh hoạt/ca với công nghệ là chôn lấp hợp vệ sinh kết hợp ủ phân vi sinh và tái chế, tái sử dụng các sản phẩm từ nhựa.

### ***2.4. Tăng cường quốc phòng - an ninh; giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội***

- Quốc phòng - an ninh được tăng cường thường xuyên. Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành triển khai thực hiện có hiệu quả đường lối, chủ trương của Đảng về công tác bảo đảm quốc phòng, công tác quân sự, quốc phòng địa phương, xây dựng khu vực phòng thủ tinh ngày càng vững chắc. Xây dựng và

trình Quân khu phê duyệt và triển khai Quy hoạch tổng thể xây dựng hệ thống công trình phòng thủ, sử dụng đất quốc phòng của tỉnh giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2050. Triển khai dự án đầu tư xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh theo quy hoạch đã được Tư lệnh Quân khu phê duyệt, với tổng bố trí vốn 123,550 tỷ đồng; xây dựng 06 trụ sở của Ban Chỉ huy quân sự phường thuộc thị xã Vĩnh Châu và thị xã Ngã Năm. Xây dựng lực lượng vũ trang tinh vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Tổ chức lực lượng theo hướng tinh, gọn, mạnh, xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ, Dự bị động viên ngày càng phát triển, hoạt động ngày càng hiệu quả; công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, tuyển sinh quân sự, giáo dục quốc phòng và an ninh cho cán bộ công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và nhân dân luôn được quan tâm, chất lượng năm sau cao hơn năm trước, đạt chỉ tiêu đề ra.

Tỉnh ủy tập trung chỉ đạo việc tổ chức huấn luyện, diễn tập, luyện tập sát thực tế, bảo đảm chất lượng, với 121 cuộc diễn tập khu vực phòng thủ, phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn từ tỉnh đến cơ sở (cấp tỉnh: 01 cuộc; cấp huyện 11 cuộc, cấp xã 109 cuộc). Thực hiện tốt công tác chính sách Quân đội và hậu phương Quân đội, nhất là tổ chức hoạt động “Tết Quân - Dân” trên địa bàn của 09 xã.

- Tình hình chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững ổn định. Tỉnh ủy lãnh thường xuyên tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm, bảo đảm an ninh trật tự trong tình hình mới; thực hiện tốt công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030. Từ đó, góp phần huy động được cả hệ thống chính trị và nhân dân tham gia vào công tác bảo đảm an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh; đồng thời lãnh đạo Công an tỉnh tổ chức triển khai đồng bộ các biện pháp, triển khai nhiều đợt cao điểm trên lĩnh vực an ninh chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

Công tác bảo đảm an ninh chính trị được ổn định; các cơ quan chức năng chủ động nắm tình hình, kịp thời phát hiện, đấu tranh ngăn chặn âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động bên ngoài; kịp thời tham mưu giải quyết ổn định các vụ việc phức tạp ngay từ sớm, từ cơ sở; bảo vệ tuyệt đối an toàn lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các đoàn khách quốc tế và các sự kiện chính trị quan trọng diễn ra tại địa phương, không để xảy ra “điểm nóng”, bị động, bất ngờ.

Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và đảm bảo trật tự, an toàn giao thông được tập trung chỉ đạo thực hiện quyết liệt. Tình hình tội phạm về trật tự xã hội cơ bản được kiểm chế và từng lúc được kéo giảm, không để hình thành các băng nhóm tội phạm có tổ chức theo kiểu “xã hội đen”, triệt phá nhiều chuyên án

lớn, phức tạp dư luận quan tâm; công tác đấu tranh với tội phạm về kinh tế, ma túy được tập trung chỉ đạo quyết liệt, các vụ việc được phát hiện, xử lý hàng năm đều đạt và vượt chỉ tiêu. Trật tự, an toàn giao thông được đảm bảo, không để xảy ra ùn tắc cục bộ, tai nạn giao thông được kiểm chế, kéo giảm nhiều năm liền.

## II NHỮNG HẠN CHẾ, YẾU KÉM

### 1. Phát triển kinh tế chưa bền vững, sức cạnh tranh chưa cao; thực hiện 03 khâu đột phá chiến lược còn một số khó khăn, hạn chế

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2021 - 2025 đạt thấp so với mục tiêu nghị quyết; chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm. Sản xuất nông nghiệp của tỉnh tiềm ẩn nhiều rủi ro do ảnh hưởng thời tiết, biến động của thị trường. Chỉ số sản xuất công nghiệp đạt rất thấp, phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; kêu gọi đầu tư, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu, cụm công nghiệp còn nhiều khó khăn, hạn chế; đầu tư phát triển các dự án điện (nhiệt điện, điện gió, lưới điện truyền tải) chậm tiến độ, chưa đưa vào vận hành đạt quy mô công suất đề ra. Tiên độ giải ngân vốn đầu tư công còn chậm so kế hoạch.

- Thành phần kinh tế tư nhân phần lớn là các hộ kinh doanh nhỏ lẻ, các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ; tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới khá thấp so với các tỉnh trong vùng đồng bằng sông Cửu Long, số doanh nghiệp đang duy trì hoạt động hiện nay chưa đến 4.000 doanh nghiệp; mô hình kinh tế tập thể chưa phát huy hiệu quả, chất lượng hoạt động nhiều hợp tác xã, tổ hợp tác còn yếu kém; liên kết sản xuất và tiêu thụ giữa doanh nghiệp với các tổ chức kinh tế tập thể còn hạn chế, thiếu bền vững.

- Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, nguồn lực đầu tư còn gặp nhiều khó khăn. Công tác thu hút đầu tư còn khó khăn do thiếu quỹ đất sạch, nhiều quy định về thủ tục đầu tư còn bất cập, chồng chéo; môi trường đầu tư, kinh doanh, hoạt động hỗ trợ tuy được tăng cường nhưng còn dàn trải, phân tán, chưa có trọng tâm, trọng điểm, chưa đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp.

- Cải cách hành chính chưa đáp ứng yêu cầu; Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính trong kỳ công bố gần nhất giảm điểm và vị trí xếp hạng, Chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh chậm được cải thiện; vấn đề số hoá hồ sơ thủ tục hành chính chậm được triển khai. Tình trạng thừa, thiếu giáo viên chưa được khắc phục triệt để; nguồn nhân lực y tế còn thiếu và yếu, nhất là đội ngũ bác sĩ chuyên khoa sâu; trình độ, năng lực; tinh thần trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, công chức còn hạn chế.

## **2. Một số vấn đề văn hoá xã hội còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển**

- Hệ thống thiết chế văn hoá, thể thao tuy được quan tâm đầu tư nhưng vẫn còn hạn chế, chưa đạt chuẩn theo quy định. Nhiều di tích đã được xếp hạng bị xuống cấp chưa có kinh phí đầu tư tu bổ, phục hồi. Phong trào thể thao quần chúng phát triển chưa đồng đều, nhất là hoạt động thể thao trong khu công nghiệp, vùng nông thôn.

- Chưa thu hút được nguồn nhân lực chất lượng cao, chuyên môn sâu. Trình độ năng lực, kinh nghiệm chuyên môn tại tuyến y tế cơ sở, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số vẫn còn hạn chế. Việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập còn nhiều khó khăn.

- Chất lượng, hiệu quả đào tạo nghề ở một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu sản xuất, kinh doanh; chưa thu hút hiệu quả doanh nghiệp tham gia vào hoạt động đào tạo nghề,... Kết quả giảm nghèo có nơi, có lúc chưa bền vững, nguy cơ tái nghèo còn cao; triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo ở một số địa phương chưa quyết liệt. Một số chính sách của Trung ương, tỉnh về phát triển nông nghiệp, nông thôn kết quả triển khai chưa đạt yêu cầu.

- Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, ứng dụng và chuyển giao tiến khoa học và công nghệ có tiến bộ nhưng vẫn tập trung nhiều vào lĩnh vực nông nghiệp, ít có nghiên cứu trong lĩnh vực công nghiệp, đổi mới công nghệ. Tiềm lực khoa học và công nghệ còn yếu. Nguồn nhân lực công nghệ thông tin trong các cơ quan, đơn vị còn thiếu về số lượng, hạn chế về chất lượng; công tác bảo đảm an toàn thông tin còn bị động; trình độ công nghệ của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh còn thấp nên việc ứng dụng, tiếp nhận công nghệ chậm.

- Phát triển kinh tế, giảm nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số tuy đạt kết quả khả quan, nhưng chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn; tốc độ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS còn chậm. Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào DTTS còn cao so với bình quân chung của tỉnh, nguy cơ tái nghèo còn lớn, một số chính sách hỗ trợ triển khai chậm.

## **3. An ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội từng lúc, từng nơi còn diễn biến phức tạp, tiềm ẩn rủi ro**

- Tình hình an ninh chính trị còn tiềm ẩn nguy cơ gây mất ổn định. Hiệu quả công tác phòng ngừa tội phạm chưa cao. Phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc một số nơi chưa hiệu quả. Giải quyết một số vụ việc khiếu nại kéo dài liên quan đến đất đai chưa triệt để. Ứng dụng khoa học, kỹ thuật, công nghệ thông tin vào quản lý nhà nước về an ninh, trật tự chưa đạt yêu cầu.

- Công tác nắm tình hình, phân tích, dự báo và tham mưu chiến lược từng lúc còn hạn chế; công tác kiểm chế, kéo giảm tội phạm chưa bền vững, một số loại tội phạm như: cố ý gây thương tích, trộm cắp tài sản chiếm tỷ lệ cao trong tổng số tội phạm được phát hiện, xử lý; tội phạm công nghệ cao, tội phạm về ma túy vẫn còn diễn biến phức tạp và có chiều hướng gia tăng; vi phạm trên lĩnh vực kinh tế môi trường tiềm ẩn phức tạp.

### **III Nguyên nhân**

#### **2.1. Nguyên nhân thành tựu đạt được**

*Về khách quan:* Nhiều chủ trương, chính sách về phục hồi và phát triển kinh tế được triển khai, tình hình kinh tế đất nước được phục hồi sau đại dịch; quan hệ hợp tác đối ngoại của Việt Nam với các nước được tăng cường, đã tác động tích cực đến phát triển kinh tế chung của cả nước, trong đó có tỉnh Sóc Trăng.

Sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, đúng đắn của Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ và sự thống nhất về ý chí, hành động, quyết tâm tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả của các cấp uỷ, tổ chức đảng trong công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị; phối hợp giải quyết kịp thời những vấn đề phức tạp, nảy sinh trong thực tiễn; kiên quyết khắc phục hạn chế, khuyết điểm.

Các cấp uỷ, tổ chức đảng nêu cao tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, thống nhất và có nhiều đổi mới trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả các văn bản của Trung ương, của Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ. Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội đã phát huy vai trò chủ động, sáng tạo; tích cực tham mưu, hướng dẫn, tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân tham gia giám sát, phản biện xã hội, góp phần xây dựng Đảng bộ tỉnh ngày càng trong sạch, vững mạnh.

*Về chủ quan:* Sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và sự hỗ trợ của các bộ, ban, ngành Trung ương. Sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, đúng đắn của Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ và sự thống nhất về ý chí, hành động, quyết tâm tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả của các cấp uỷ, tổ chức đảng trong công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị.

Các cấp uỷ, tổ chức đảng nêu cao tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, thống nhất và có nhiều đổi mới trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các văn bản của Trung ương, của Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp. Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội đã phát huy vai trò chủ động, sáng tạo; tích cực hướng dẫn, tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân tham gia giám sát, phản biện xã hội, góp phần xây dựng Đảng bộ tỉnh ngày càng trong sạch, vững mạnh.

## 2.2. Nguyên nhân hạn chế, tồn tại

*Về khách quan:* Tình hình thế giới và khu vực diễn biến nhanh, phức tạp và khó lường; suy thoái kinh tế toàn cầu, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, xung đột Nga - Ucraina diễn biến phức tạp; lạm phát tăng cao, các nước thắt chặt chính sách tiền tệ dẫn đến suy giảm tăng trưởng,... đã tác động tiêu cực đến hầu hết các ngành, lĩnh vực; biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh tác động tiêu cực đến sản xuất nông nghiệp của tỉnh.

Đại dịch Covid-19 bùng phát và diễn biến phức tạp đã tác động tiêu cực đến nhiều mặt của đời sống kinh tế - xã hội; Những diễn biến nhanh chóng, phức tạp của tình hình thế giới, khu vực; sự chống phá của các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị, nhất là trên lĩnh vực chính trị, tư tưởng; sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin, mạng xã hội, Internet và mặt trái của nền kinh tế thị trường đã tác động nhiều mặt đến công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị của Đảng bộ tỉnh.

*Về chủ quan:* Một số cấp uỷ, tổ chức đảng và người đứng đầu địa phương, cơ quan, đơn vị thiếu quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của cấp trên, sự quản lý, điều hành của chính quyền các cấp tuy có tập trung nhưng chưa đúng mức cho nhiệm vụ trọng tâm và các đột phá; công tác tham mưu của một số ngành chuyên môn còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển trong tình hình mới; trình độ, năng lực của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa đáp ứng yêu cầu, tinh chủ động và tinh thần trách nhiệm chưa cao.

Công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành có việc chưa chặt chẽ; các khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai các chương trình, đề án, dự án chậm được tháo gỡ, làm giảm hiệu quả nguồn lực đầu tư. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện của một số cấp uỷ chưa chủ động, sâu sát, thiếu quyết liệt; thiếu kiểm tra, giám sát, đôn đốc; chưa coi trọng việc tự kiểm tra, xử lý vi phạm.

Việc thực hiện các nguyên tắc tổ chức của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ ở một số nơi chưa nghiêm. Sự phối hợp giữa một số cấp uỷ với đảng đoàn, ban cán sự đảng có lúc, có nơi thiếu chặt chẽ. Việc phân định trách nhiệm của người đứng đầu trong mối quan hệ với cấp uỷ và tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị chưa rõ nét. Một bộ phận cán bộ làm công tác tham mưu chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; khả năng tư duy, tầm nhìn còn hạn chế

## PHỤ LỤC 3

# BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 05 NĂM (2020 - 2025) TỈNH HẬU GIANG

-----

## I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

### 1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu

Nghị quyết của Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh đề ra 18 chỉ tiêu chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, dự kiến 18/18 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch. Trong đó, có 13 chỉ tiêu vượt kế hoạch (tốc độ tăng trưởng kinh tế, GRDP bình quân đầu người, tổng vốn đầu tư toàn xã hội, thu ngân sách, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu, số doanh nghiệp đang hoạt động và có kê khai thuế, dân số, lao động, tỷ lệ hộ nghèo, giáo dục, y tế, nông thôn mới, tỷ lệ sử dụng nước sạch); có 05 chỉ tiêu đạt kế hoạch (cơ cấu kinh tế, tỷ lệ đô thị hóa, tỷ lệ rác thải sinh hoạt ở đô thị và nông thôn được thu gom và xử lý, quốc phòng, an ninh).

#### 1.1. Lĩnh vực kinh tế

(1) Tốc độ tăng trưởng kinh tế GRDP bình quân ước đạt 9,24% (kế hoạch 6,5% - 7%); trong đó khu vực I: 3,63% (kế hoạch là 2,25%, giai đoạn 2016 - 2020 là 2,26%), khu vực II: 19,59% (kế hoạch là 11,24%, giai đoạn 2016 - 2020 là 10,82%), khu vực III: 6,93% (kế hoạch là 5,87%, giai đoạn 2016 - 2020 là 4,65%); thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm: 0,18%.

(2) GRDP bình quân đầu người năm 2025 ước đạt 106,44 triệu đồng/người, tương đương 4.174 USD, tăng bình quân 15,64%/năm (năm 2020 là 51,48 triệu đồng, kế hoạch là 77 triệu đồng), tăng 106,76% so với năm 2020, vượt 38,24% kế hoạch.

(3) Ước đến năm 2025, cơ cấu kinh tế: khu vực I chiếm tỷ trọng 20,84%, khu vực II chiếm 40,84%, khu vực III chiếm 32,25%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 6,08% (kế hoạch là 22% - 29,84% - 38,75% - 9,41%). Tỷ trọng khu vực I đã giảm 6,19%, khu vực II tăng 17,47%.

(4) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội ước đạt 114.120 tỷ đồng, tăng bình quân 4,71%/năm, đạt 115,27% kế hoạch (kế hoạch từ 99.000 tỷ đồng, giai đoạn 2016 - 2020 là 90.000 tỷ đồng).

(5) Tổng thu ngân sách nhà nước đạt 74.180 tỷ đồng, đạt 168,59% kế hoạch (kế hoạch từ 44 đến 45 ngàn tỷ đồng), gấp 1,74 lần giai đoạn 2016 - 2020. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn là 33.907 tỷ đồng, gấp 2,03 lần giai đoạn 2016 - 2020 (giai đoạn 2016 - 2020: 16.737 tỷ đồng), trong đó: thu nội địa đạt 30.679 tỷ đồng, đạt 172,3% kế hoạch (kế hoạch 17.806 tỷ đồng), gấp 2 lần giai đoạn 2016 - 2020

(giai đoạn 2016 - 2020: 15.308 tỷ đồng). Tổng chi ngân sách địa phương đạt 67.323 tỷ đồng, đạt 168,64% kế hoạch (kế hoạch 39.920 tỷ đồng), trong đó chi đầu tư phát triển 33.612 tỷ đồng, đạt 236,16% kế hoạch (kế hoạch giai đoạn 2016 - 2020 là 14.233 tỷ đồng).

(6) Kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ thu ngoại tệ ước đạt 6.093 triệu USD (năm 2020 là 1.024 triệu USD, kế hoạch 5.852 triệu USD), tăng bình quân 5,42%/năm, đạt 104,12% kế hoạch. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 4.171 triệu USD, tăng bình quân 7,02%/năm, đạt 96,29% kế hoạch; kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 1.923 triệu USD, tăng bình quân 2,08%/năm, đạt 126,45% kế hoạch.

(7) Ước đến hết năm 2025, có 3.876 doanh nghiệp đang hoạt động và có kê khai thuế, tăng 146,48% so với năm 2020, tương đương 1.230 doanh nghiệp (giai đoạn 2016 - 2020 là 2.646 doanh nghiệp), tăng bình quân 246 doanh nghiệp/năm, tương đương 20%/năm, đạt 123% kế hoạch (kế hoạch 1.000 doanh nghiệp).

## 1.2. Lĩnh vực văn hóa - xã hội

(8) Tỷ suất tăng dân số tự nhiên ước đạt 7,8‰ (kế hoạch 7,79‰), đạt 100,13% kế hoạch.

(9) Tỷ lệ đô thị hóa là 32%, đạt 100% kế hoạch.

(10) Tỷ lệ hộ nghèo còn 0,74% tổng số hộ. So với năm 2021, tỷ lệ hộ nghèo giảm 6,98%, giảm bình quân hàng năm 1,4% (kế hoạch giảm trên 1%/năm), vượt kế hoạch.

(11) Giải quyết việc làm được 96.232 lao động, đạt 128,31% kế hoạch, bình quân hàng năm giải quyết việc làm cho 19.246 lao động, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 71%, đạt 101,43% kế hoạch (năm 2020: là 61,19%, kế hoạch năm 2025 là 70%).

(12) Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia chiếm 85,58% tổng số trường (năm 2020 là 80,06%, kế hoạch 85,28%), vượt 0,3% kế hoạch. Số sinh viên trên 10.000 dân là 225 (năm 2020 là 200, kế hoạch 225), đạt 100% kế hoạch.

(13) Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng 10,4%, vượt kế hoạch (kế hoạch dưới 11%); số bác sĩ trên 10.000 người dân là 10 bác sĩ, đạt 100% kế hoạch; số giường bệnh trên 10.000 người dân là 37 giường, vượt 2,78% kế hoạch (kế hoạch 36 giường); tỷ lệ người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế 95,03%, vượt 0,03% kế hoạch (kế hoạch 95%).

(14) Công nhận 11 xã nông thôn mới (kế hoạch 9 xã), vượt 22,22% kế hoạch, nâng tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt 84,31% (43/51 xã)<sup>[1]</sup>. Tỷ lệ xã đạt chuẩn

<sup>[1]</sup> Năm 2020 là 32/51 xã, đạt 62,75% tổng số xã, kế hoạch đến năm 2025 là 41/51 xã

nông thôn mới nâng cao đạt 25,58% (11 xã/43 xã), xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu 45,45% (5 xã/11 xã). Có 03 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Dự kiến đến năm 2025 công nhận thêm 02 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (huyện Châu Thành và thị xã Long Mỹ), công nhận huyện Châu Thành A đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

### **1.3. Lĩnh vực tài nguyên, môi trường**

(15) Tỷ lệ dân số thành thị sử dụng nước sạch 100%, đạt kế hoạch (năm 2020 là 95%). Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch 93%, vượt 9,41% kế hoạch (năm 2020 là 82,5%, kế hoạch 85%).

(16) Tỷ lệ rác thải sinh hoạt (ở đô thị và nông thôn) được thu gom và xử lý đạt 96%, đạt kế hoạch (năm 2020 đạt 86%).

## **2. Kết quả thực hiện trên các lĩnh vực**

### **2.1. Chất lượng tăng trưởng, sức cạnh tranh của nền kinh tế được nâng cao**

**a) Chất lượng tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và năng suất lao động được nâng cao**

Tốc độ tăng trưởng tăng bình quân 9,24%/năm, quy mô nền kinh tế 77.854 tỷ đồng (tương đương 3,05 tỷ USD), tăng 107,22% so với năm 2020. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng định hướng. Tỷ trọng khu vực I còn 20,84% giảm 6,19%; khu vực II đạt 40,84% tăng 17,47% trong 5 năm.

GRDP bình quân đầu người đến năm 2025 đạt 106,44 triệu đồng/năm, tương đương 4.174 USD, tăng 106,76% so với năm 2020, vượt 38,24% kế hoạch.

Năng suất lao động năm 2025 là 186 triệu đồng/lao động/năm, tăng bình quân 15%/năm.

### **b) Nâng cao năng lực cạnh tranh**

Cải cách hành chính đạt được những chuyển biến tích cực, toàn diện trên các lĩnh vực. Thủ tục hành chính theo hướng công khai, minh mạch, đơn giản, thuận tiện trong giải quyết các công việc cho người dân và doanh nghiệp; hiệu lực, hiệu quả quản lý hành chính nhà nước được tăng cường và trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị về thực hiện nhiệm vụ được nâng cao. Kết quả các chỉ số năm 2023 đều tăng thứ bậc so với năm 2022<sup>[2]</sup>. Cải cách thể chế được tình quan tâm chỉ

<sup>[2]</sup> Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) Xếp thứ 19/63 tỉnh, thành phố cả nước, tăng 1 bậc; Chỉ số hài lòng của người dân và tổ chức (SIPAS) Xếp thứ 29/63 tỉnh, thành phố cả nước, tăng 4 bậc; Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) Xếp thứ 09/63 tỉnh, thành phố cả nước, tăng 3 bậc; Chỉ số Xanh cấp tỉnh (PGI) Xếp thứ 11/63 tỉnh, thành phố cả nước, tăng 36 bậc.

đạo thực hiện, đặc biệt là hoàn thiện đồng bộ cơ chế, chính sách phục vụ cho sự nghiệp phát triển của tỉnh; tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh lành mạnh, thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân<sup>[3]</sup>; rà soát các cơ chế, chính sách các lĩnh vực gồm: ưu đãi đầu tư; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp hợp tác xã; ưu đãi, phát triển trên các lĩnh vực đất đai, giáo dục, y tế, du lịch... ban hành, sửa đổi, bổ sung phù hợp thống nhất theo thẩm quyền<sup>[4]</sup>.

Công bố rộng rãi, đầy đủ và kịp thời thông tin về Quy hoạch tỉnh, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, huyện và các quy hoạch, chương trình phát triển ngành, lĩnh vực, danh mục dự án kêu gọi đầu tư trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh và Trang Thông tin điện tử của các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện, thị xã, thành phố.

Công tác xúc tiến đầu tư tiếp tục được quan tâm, chỉ đạo thống nhất từ Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và các cấp chính quyền địa phương trong tổ chức thực hiện và đổi mới phương thức xúc tiến thu hút đầu tư. Tiếp tục phát huy vai trò Ban Chỉ đạo Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư tỉnh Hậu Giang, do đồng chí Bí thư Tỉnh ủy làm Trưởng ban, đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh làm Phó Trưởng ban Thường trực. Tổ chức Hội nghị xúc tiến đầu tư năm 2022 với 05 điểm nhân thành công<sup>[5]</sup>, đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư trong và ngoài nước đến tìm hiểu, đầu tư, kinh doanh.

<sup>[3]</sup> Thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TU ngày 18/01/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng và thực thi thể chế, chính sách của tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025, UBND tỉnh ban hành Chương trình số 06/CTr UBND ngày 26/11/2021 thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hậu Giang lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025 về nhiệm vụ đột phá trong công tác xây dựng thể chế, chính sách trên địa bàn tỉnh Hậu Giang

<sup>[4]</sup> Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh quy định nội dung, mức chi hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2030, Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 26/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang quy định về chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2020 - 2024, Nghị quyết số 30/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh ban hành quy định hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất từ các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hậu Giang

<sup>[5]</sup> (1) Hội nghị có sự tham dự của đồng chí Thủ tướng Chính phủ và lãnh đạo các bộ, ngành Trung ương. Đặc biệt là đồng chí Thủ tướng có bài phát biểu định hướng không những đối với tỉnh mà còn kêu gọi đối với các doanh nghiệp và một số gợi mở của các bộ, ngành Trung ương (2) Có trên 600 doanh nghiệp trong nước và nước ngoài, các nhà đầu tư đến trực tiếp tham dự tại hội nghị. (3) tại hội nghị đã trao chủ trương đầu tư và giấy chứng nhận đầu tư cho 12 dự án, với tổng mức đầu tư 18.997 tỷ đồng. Ký kết biên bản ghi nhớ đầu tư với 08 nhà đầu tư, với tổng giá trị khoảng 220.000 tỷ đồng (4) Tiềm năng, cơ hội và thế mạnh của Hậu Giang đã được lan toa đến hơn 600 doanh nghiệp tham gia trực tiếp tại hội nghị. Ngoài ra, đã lan toa đến rất nhiều các doanh nghiệp trong khu vực và cả nước về cơ hội, những tiềm năng mới của Hậu Giang rất hấp dẫn đối với các doanh nghiệp. (5) Thông qua hội nghị, hệ thống chính trị cũng như người dân Hậu Giang có thêm niềm tin, có thêm cảm hứng, có động lực để cùng nhau hiện thực hóa mục tiêu thu hút doanh nghiệp, phát triển kinh tế - xã hội của Hậu Giang trong giai đoạn phát triển mới

### **c) Môi trường kinh doanh được cải thiện**

Chỉ đạo tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư, doanh nghiệp trong quá trình triển khai các dự án trên địa bàn tỉnh, thông qua các hoạt động thăm hỏi trực tiếp, đối thoại doanh nghiệp và họp mặt cả phê doanh nhân định kỳ. Ban hành Quy định tổ chức quản lý các nhiệm vụ hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Hậu Giang. Tổ chức thành công Cuộc thi khởi nghiệp tỉnh Hậu Giang lần thứ II, III năm 2021, năm 2023 bình chọn được nhiều ý tưởng khởi nghiệp sáng tạo đề vươn mầm phát triển, xây dựng kế hoạch khởi nghiệp lần thứ IV năm 2025; hỗ trợ và tạo điều kiện cho các ý tưởng khởi nghiệp đã đạt giải kết nối với hệ sinh thái khởi nghiệp, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo để tạo ra sản phẩm, mô hình kinh doanh khả thi.

Một số chương trình chính sách tín dụng trọng điểm trên địa bàn tỉnh được triển khai như: cho vay thu mua lúa, gạo xuất khẩu và tiêu dùng; cho vay nuôi trồng, chế biến thủy sản; cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn; cho vay lĩnh vực kinh tế tập thể; Chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp góp phần tạo điều kiện cho các doanh nghiệp kinh doanh, sản xuất.

Về cấp chủ trương đầu tư: Từ năm 2021 đến nay, toàn tỉnh có 93 dự án được quyết định chủ trương đầu tư, với tổng số vốn gần 17.800 tỷ đồng, tạo việc làm cho hơn 9.000 lao động. Lũy kế, có 321 dự án đầu tư hoạt động, với tổng mức đầu tư 184.734 tỷ đồng, trong đó: có 256 dự án ngoài khu, cụm công nghiệp với tổng số vốn là 35.538 tỷ đồng và 62 dự án trong khu công nghiệp với tổng số vốn là 148.906 tỷ đồng, 03 dự án trong Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với tổng số vốn là 290 tỷ đồng.

Về phát triển doanh nghiệp (DN): toàn tỉnh có thêm 4.147 DN thành lập mới, với số vốn đăng ký khoảng 22.000 tỷ đồng, bình quân 5,31 tỷ đồng/DN, so với giai đoạn 2016 - 2020: tăng 15,58% về số DN và tăng 90,61% về số vốn đăng ký. Lũy kế, ước có 3.876 doanh nghiệp đang hoạt động và có kê khai thuế, tăng 1.230 doanh nghiệp so với năm 2020, tăng 146,48%.

Về đầu tư trực tiếp nước ngoài: Từ 2021 đến nay, thu hút 04 dự án với số vốn 29,71 triệu USD, thu hồi 05 chủ trương đầu tư với nguồn vốn 24,32 triệu USD; lũy kế, toàn tỉnh có 25 dự án FDI (trong Khu công nghiệp là 5 dự án, ngoài khu công nghiệp 20 dự án), với tổng số vốn đăng ký 731,38 triệu USD.

### **2.2. Phát triển nông nghiệp an toàn theo chuỗi giá trị thích ứng với biến đổi khí hậu**

Thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng phát triển nông nghiệp an toàn theo chuỗi giá trị, thích ứng với biến đổi khí hậu, giá trị sản xuất năm 2025 (theo giá so sánh 2010) đạt 16.971 tỷ đồng, tăng 20,64% so với năm 2020.

### a) Kết quả đạt được trên các lĩnh vực nông, lâm, thủy sản

- Lĩnh vực nông nghiệp: Trồng trọt chiếm tỷ trọng trên 66,8%, cây trồng chủ lực là lúa, cây ăn trái và rau màu<sup>[6]</sup>; nhờ áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong canh tác và chuyển đổi cơ cấu cây trồng đã giúp tăng năng suất, chất lượng, giá trị sản xuất (theo giá so sánh 2010) đạt 11.138 tỷ đồng, tăng 9,66% so với năm 2020. Chăn nuôi đã chuyển dần từ quy mô nhỏ lẻ sang quy mô vừa và lớn, đàn vật nuôi (chủ yếu là đàn heo và gia cầm) phát triển ổn định<sup>[7]</sup>, dịch bệnh cơ bản được kiểm soát tốt. Chăn nuôi chiếm tỷ trọng 10,3%; giá trị sản xuất năm 2025 (theo giá so sánh 2010) đạt 1.717 tỷ đồng, tăng 20,11% so với năm 2020. Dịch vụ nông nghiệp chiếm 8,7%, giá trị sản xuất (theo giá so sánh 2010) đạt 1.451 tỷ đồng, tăng 98,7% so với năm 2020.

- Lĩnh vực lâm nghiệp: Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước đối với 3.828,43 ha rừng, gồm 1.483,80 ha rừng đặc dụng và 2.344,63 ha rừng sản xuất<sup>[8]</sup>. Diện tích rừng tăng 270,43 ha so với năm 2020; tỷ trọng lâm nghiệp nhỏ, chiếm 0,9%, giá trị sản xuất năm 2025 (theo giá so sánh 2010) đạt 150 tỷ đồng, tăng 88,98%; tỷ lệ độ che phủ rừng đạt 3,1%.

- Lĩnh vực thủy sản: Tỉnh có tiềm năng nuôi thủy sản nước ngọt, diện tích nuôi thủy sản hàng năm được mở rộng, đến 2025 tỷ trọng thủy sản chiếm 13,3%, giá trị sản xuất năm 2025 (theo giá so sánh 2010) 2.218 tỷ đồng, tăng 33,44% so với năm 2020. Diện tích nuôi năm 2025 đạt 13.000 ha, phần lớn diện tích nuôi thủy sản theo hình thức nuôi kết hợp trên ruộng lúa, nương vườn, sản lượng 90.000 tấn, tăng 11,46%.

### b) Phát triển kinh tế tập thể

Kinh tế tập thể, hợp tác xã (HTX) không ngừng được củng cố và tăng về số lượng; kinh tế trang trại đang từng bước phát triển. Toàn tỉnh có 245 HTX (đầu

<sup>[6]</sup> Cây lúa Tổng diện tích gieo trồng năm 2025 là 171.500 ha, giảm 13,49% so với năm 2020 (giảm tương đương 3.428 ha, do diện tích đất trồng lúa bị thu hồi để thực hiện các công trình, dự án và người dân chuyển đổi đất lúa), năng suất ước 6,6 tấn/ha, sản lượng ước đạt 1.125.250 tấn, giảm 13,04% so với năm 2020. Cây ăn trái Diện tích năm 2025 là 46.800 ha, tăng 12,3%, sản lượng 580.000 tấn, tăng 14,89% so với năm 2020; các cây trồng chủ lực và tiềm năng của tỉnh bao gồm mít, chanh, bưởi, khóm, sầu riêng... trên địa bàn tỉnh hiện có 132 mã số vùng trồng đã được cấp mã số và có 09 mã số đóng gói/08 cơ sở. Cây rau màu các loại: Diện tích trồng năm 2025 là 28.300 ha (năm 2020 là 25.465 ha), sản lượng ước đạt 367.900 tấn, tăng 11,13% so với năm 2020.

<sup>[7]</sup> Tổng đàn gia súc, gia cầm năm 2025 đàn heo 152.000 con, đạt 97,4% so với mục tiêu năm 2025, tăng 56,5% so với năm 2020, đàn gia cầm 4.550.000 con đạt 87,2% so với mục tiêu năm 2025, tăng 95,8% so với năm 2020, đàn trâu 1.200 con đạt 65,1% so với mục tiêu năm 2025, tăng 82,5% so với 2020, đàn bò 3.800 con đạt 85,9% so với mục tiêu năm 2025, tăng 33,0% so với năm 2020, trại hơi các loại đạt 80% so với mục tiêu năm 2025, tăng 18,0% so với năm 2020.

<sup>[8]</sup> Diện tích rừng sản xuất do Nhà nước quản lý 410,79 ha, do tổ chức khác quản lý 62,60 ha và diện tích rừng sản xuất do các hộ gia đình trồng trên đất nông nghiệp kém hiệu quả và đất khác là 1.871,24 ha

nhiệm kỳ là 213 hợp tác xã), 04 liên hiệp HTX; 50 trang trại gồm 5 trang trại trồng trọt, 30 trang trại chăn nuôi, 15 trang trại thủy sản. Thực hiện các chính sách hỗ trợ<sup>[9]</sup> đã giúp các HTX có bước phát triển đáng kể, nhận thức về kinh tế tập thể có bước chuyển biến tích cực, nhiều HTX có sản phẩm chất lượng, một số sản phẩm được chứng nhận chuẩn OCOP 3 - 4 sao và được người tiêu dùng ưa chuộng, góp phần mang lại hiệu quả hoạt động, thu hút được thành viên tham gia, giải quyết được việc làm cho lao động nông thôn.

Tỉnh đã tập trung đầu tư phát triển mô hình cánh đồng lớn, hình thành các vùng chuyên canh, tập trung phát triển các cây trồng chủ lực gắn với liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Hàng năm, tổ chức kêu gọi, kết nối doanh nghiệp tham gia ký kết hợp đồng tiêu thụ với tổ chức đại diện nông dân là các HTX, tổ hợp tác<sup>[10]</sup>.

### **c) Về xây dựng nông thôn mới, phát triển hạ tầng nông nghiệp, nông thôn và phòng chống thiên tai**

Xây dựng nông thôn mới đạt nhiều kết quả tích cực<sup>[11]</sup>, bộ mặt nông thôn đã thay đổi rõ rệt, cùng với việc chuyển giao ứng dụng khoa học công nghệ mới, chuyển đổi cơ cấu giống và áp dụng các giải pháp kỹ thuật sản xuất mang lại năng suất, chất lượng cao, góp phần tăng thu nhập. Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tạo được động lực thúc đẩy các chủ thể tích cực tham gia và có nhiều đổi mới sáng tạo. Toàn tỉnh có 348 sản phẩm OCOP, trong đó: có 113 sản phẩm 4 sao (chiếm 32,47%); có 235 sản phẩm 3 sao (chiếm 67,52%), với 160 chủ thể tham gia<sup>[12]</sup>.

Xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và phòng chống thiên tai được chú trọng đầu tư, kết hợp lồng ghép với chiến

<sup>[9]</sup> Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Đề án Phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030

<sup>[10]</sup> Hàng năm có từ 30 - 40 lượt doanh nghiệp tham gia liên kết sản xuất và bao tiêu nông sản, đặc biệt từ 2024 có sự tham gia của các HTX vào chuỗi liên kết này với khoảng 60 - 70 lượt HTX. Diện tích liên kết tăng dần qua các năm, cao nhất đạt gần 40.000 ha, sản lượng trên 300.000 tấn.

<sup>[11]</sup> Công nhận 11 xã nông thôn mới (kế hoạch 9 xã), vượt 22,22% kế hoạch, nâng tổng số xã nông thôn mới lên 43/51 xã đạt 84,31% tổng số xã (năm 2020 là 32/51 xã, đạt 62,75% tổng số xã, kế hoạch đến năm 2025 là 41/51 xã). Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao đạt 25,58% (11 xã/43 xã), xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu 45,45% (5 xã/11 xã). Có 03 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Công nhận thêm 02 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (huyện Châu Thành và thị xã Long Mỹ), công nhận huyện Châu Thành A đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

<sup>[12]</sup> Trong đó 25 Công ty chiếm 15,6%, 45 Hợp tác xã chiếm 28,1%, 90 cơ sở, hộ kinh doanh 56,3%. Đăng ký 11 sản phẩm dự thu sản phẩm OCOP 3 sao của Trung ương. Có 132 mã số vùng trồng đã được cấp mã số (bao gồm 119 mã số duy trì và 13 mã số cấp mới) và có 09 mã số đóng gói/08 cơ sở.

dịch giao thông nông thôn - thủy lợi theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm. Đến nay, hệ thống cơ sở hạ tầng nông thôn đã phát triển khá, hệ thống thủy lợi tạo nguồn phát huy hiệu quả<sup>[13]</sup>.

Hệ thống công trình cấp nước sạch nông thôn được đầu tư xây dựng, nâng cấp với 70 trạm, trong đó có 36 trạm cấp nước tập trung (10 trạm đầu nổi); góp phần cung cấp nguồn nước sạch đảm bảo sinh hoạt cho trên 92% hộ dân nông thôn.

### **2.3. Phát triển công nghiệp xây dựng đô thị**

#### **a) Phát triển công nghiệp**

GRDP lĩnh vực công nghiệp tăng bình quân 21,65%/năm, đây là bước khởi sắc của công nghiệp (trong đó, năm 2022 tăng 42,73%). Tỷ trọng ngành công nghiệp tăng từ 18,88% năm 2020 lên 36,62% năm 2025 trong cơ cấu kinh tế. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh đã có nhiều dự án mới đi vào hoạt động<sup>[14]</sup>.

Chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp (IIP) tăng bình quân 10,46%/năm (5 năm trước là 8%). Nhìn chung, các doanh nghiệp trong tỉnh phát triển tương đối ổn định. Các doanh nghiệp hoạt động trong các ngành như: sản xuất giấy, thủy sản, giày dép; may mặc, hóa chất, dược liệu, đồ dùng, ... quy mô nhà máy được mở rộng, đa dạng hóa sản phẩm đã đóng góp cao vào giá trị công nghiệp toàn tỉnh.

Toàn tỉnh có 02 khu công nghiệp và 07 cụm công nghiệp (giảm 01 cụm so với đầu nhiệm kỳ<sup>[15]</sup>), với tổng diện tích là 978,19 ha. Lũy kế, thu hút được 113 dự án (tăng 24 dự án so với đầu nhiệm kỳ), tổng vốn đăng ký 88.332 tỷ đồng và 4.241,6 triệu USD; có 79 dự án đi vào hoạt động (tăng 19 dự án so với đầu nhiệm kỳ), tổng mức đầu tư 26.521,88 tỷ đồng và 506,31 triệu USD; tổng diện tích đất 02 khu và 07 cụm công nghiệp đã cho thuê là 672 ha, tỷ lệ đất được lấp đầy 80,92% (cao hơn đầu nhiệm kỳ là 77,3%); giải quyết việc làm cho trên 34.000 lao động. Quy hoạch đến năm 2030, tỉnh có thêm 07 khu công nghiệp với diện tích 1.741 ha; 05 cụm công nghiệp với diện tích 230 ha và mở rộng 03 cụm công nghiệp với diện tích 52,5ha.

<sup>[13]</sup> Toàn tỉnh có 885 ô bao khép kín với quy mô 50 đến 200 ha và 130 trạm bơm điện, diện tích phục vụ 27.227 ha, 01 hồ chứa nước ngọt với diện tích mặt nước 34,53 ha, có khả năng đảm bảo nguồn cung cấp nước mặt chất lượng cho các nhà máy xử lý nước sạch của tỉnh.

<sup>[14]</sup> Cụ thể Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng Xanh Hamaco, sản xuất xi măng các loại, Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu I, sản xuất điện, Công ty TNHH MTV Nhựa Sinh Học Hậu Giang. Các khu công nghiệp đã thu hút được 10 dự án với tổng vốn thu hút thêm khoảng 4.410 tỷ đồng, nâng tổng số dự án đã thu hút vào KCN, CCNTT là 78 dự án, có 56 dự án đi vào hoạt động, tổng vốn thu hút đầu tư trong nước là 78.607 tỷ đồng, vốn nước ngoài là 3.827 triệu USD, vốn triển khai dự án của các nhà đầu tư khoảng 4.660 tỷ đồng.

<sup>[15]</sup> CCN Nhơn Nghĩa A (đã xóa theo Phương án phát triển cụm công nghiệp tại Quyết định số 2509/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của UBND tỉnh)

Công nghiệp nông thôn có bước phát triển khá, thu hút được nhiều thành phần kinh tế đầu tư. Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến trong sản xuất cho 47 đơn vị, với 85 sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, tổng kinh phí trên 11 tỷ đồng từ nguồn kinh phí khuyến công quốc gia và địa phương; tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế - lao động theo hướng công nghiệp hóa, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Các dự án năng lượng tiếp tục được đầu tư, phát triển mới 03 dự án năng lượng (Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1, công suất 1.200MW; Nhà máy điện rác Hậu Giang, công suất 12MW và Nhà máy điện sinh khối Hậu Giang, công suất 20MW). Lũy kế, có 05 nhà máy điện, tổng công suất 1.386MW và 1.064 hệ thống điện mặt trời mái nhà đang hoạt động, tổng công suất 142,7MW.

#### **b) Phát triển hạ tầng giao thông và Logistics**

Triển khai đầu tư các công trình giao thông theo Quy hoạch tỉnh, góp phần thúc đẩy liên kết vùng và phát triển 04 trụ cột kinh tế công nghiệp, nông nghiệp, đô thị và du lịch, cụ thể là: Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải triển khai Dự án thành phần đoạn Cần Thơ - Hậu Giang và Dự án thành phần đoạn Hậu Giang - Cà Mau thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025; triển khai thực hiện Dự án thành phần 3 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng, giai đoạn 1. Lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư thực hiện dự án Nâng cấp mở rộng tuyến nối Cần Thơ - Hậu Giang (QL61C) từ 02 làn xe lên thành 04 làn xe, sử dụng nguồn vốn vay ODA. Hoàn thành việc đầu tư nâng cấp Quốc lộ 61B (đoạn từ ngã ba Vĩnh Tường đến thị xã Long Mỹ); Dự án Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1 đoạn từ thị xã Ngã Bảy (nay là thành phố Ngã Bảy), tỉnh Hậu Giang đến huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Đầu tư, nâng cấp, mở rộng các tuyến đường tỉnh, từng bước hoàn thành mạng lưới giao thông đường bộ theo quy hoạch<sup>[16]</sup>. Thực hiện tốt công tác bảo trì, sửa chữa các tuyến Quốc lộ được ủy thác quản lý, hệ thống đường địa phương nhằm đảm bảo giao thông thông suốt, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, góp phần giảm thiểu tai nạn giao thông.

<sup>[16]</sup> Đã triển khai các dự án Đường tỉnh như Cải tạo, nâng cấp, kết nối hệ thống giao thông thủy bộ đường tỉnh 925B và kênh Nàng Mau, tỉnh Hậu Giang, Đường tỉnh 926B, tỉnh Hậu Giang kết nối tuyến Quốc lộ Phạm Hiệp, tỉnh Sóc Trăng, Đường tỉnh 927 (đoạn từ ngã ba Vĩnh Tường đến xã Phương Bình), Nâng cấp, mở rộng Đường tỉnh 927 (đoạn từ xã Phương Bình đến thị trấn Cây Dương), Đường tỉnh 927 (đoạn từ thị trấn Cây Dương đến thành phố Ngã Bảy), Đường tỉnh 929 (đoạn từ Đường tỉnh 931B đến Quốc lộ 61), Đường tỉnh 931 (đoạn từ thị trấn Vĩnh Viễn đến cầu Xẻo Vẹt)

Tiếp tục xác định giao thông đường thủy đóng vai trò quan trọng trong vận chuyển hàng hóa trong vùng của tỉnh. Hệ thống cảng biển, cảng sông, bến thủy nội địa từng bước được đầu tư để kết nối giao thông thủy bộ và vận chuyển hàng hóa đến các tỉnh trong khu vực và cả nước.

Chiến dịch Giao thông nông thôn - Thủy lợi và Bảo vệ môi trường nông thôn triển khai hàng năm đều đạt và vượt kế hoạch đề ra, góp phần phát triển giao thông nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới. Cụ thể từ năm 2021 đến nay, đã đầu tư xây dựng mới 323,2km, nâng cấp mở rộng 392,3km, duy tu sửa chữa 920,4km với quy mô mặt đường rộng từ 2 - 3,5m; cầu giao thông xây dựng mới 368 cây/10.668m, nâng cấp mở rộng 246 cây/6.496m với mặt cầu có bề rộng trung bình từ 2,5m trở lên đáp ứng tiêu chuẩn nông thôn mới theo từng giai đoạn; tổng kinh phí thực hiện 1.739,30 tỷ đồng.

Trên địa bàn tỉnh có 06 Trung tâm Logistics, tổng diện tích 125,04 ha, tổng vốn 6.760 tỷ đồng. Trong đó, đã đưa vào hoạt động được 04 Trung tâm Logistics, với quy mô diện tích 116,24 ha, tổng kinh phí đầu tư khoảng 5.980 tỷ đồng<sup>[17]</sup>; còn 02 Trung tâm đang triển khai thực hiện với quy mô diện tích 8,8 ha, tổng kinh phí đầu tư là 780 tỷ đồng<sup>[18]</sup>.

### c) Về lĩnh vực xây dựng quản lý phát triển đô thị

UBND tỉnh phê duyệt 02 đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện<sup>[19]</sup>; 02 đồ án quy hoạch chung đô thị<sup>[20]</sup> và 04 đồ án quy hoạch phân khu<sup>[21]</sup> UBND các huyện, thị xã và thành phố phê duyệt 85 đồ án quy hoạch (trong đó có 16 đồ án quy hoạch chung xây dựng xã, 69 đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng). Đến nay, trên địa bàn tỉnh tỷ lệ phù kín quy hoạch chung đô thị đạt 100%, quy hoạch phân khu đô thị đạt 62,6% và quy hoạch chi tiết đô thị đạt 37,9%.

<sup>[17]</sup> (1) Dự án đầu tư xây dựng khu dịch vụ Hàng Hải Cảng biển Hậu Giang (Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hàng Hải Hậu Giang làm chủ đầu tư), (2) Dự án đầu tư xây dựng Cảng và Trung tâm Logistics Mekong (Công ty CP Mekong Logistics làm chủ đầu tư), (3) Trung tâm Logistics Nông sản xuất khẩu Hậu Giang (Công ty TNHH MTV Thực phẩm Hạnh Nguyên làm chủ đầu tư); (4) Tổng kho phân phối Mê Kong (Công ty CP Việt Nam Kỹ nghệ bột mì).

<sup>[18]</sup> (1) Trung tâm Logistics (Công ty TNHH Number One Hậu Giang làm chủ đầu tư), (2) dự án Colde Store Logistic Hậu Giang (Công ty TNHH MTV Cold Store Logistic Hậu Giang)

<sup>[19]</sup> Quy hoạch xây dựng vùng huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang đến năm 2030, Quy hoạch xây dựng vùng huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang đến năm 2030

<sup>[20]</sup> Quy hoạch chung đô thị Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang đến năm 2040, Quy hoạch chung đô thị Cây Dương, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang đến năm 2040

<sup>[21]</sup> Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Đông Phú 2, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Sông Hậu 2, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Tân Hòa, huyện Châu Thành A, Quy hoạch phân khu Khu Đông Bắc đô thị Vị Thanh và vùng phụ cận tỉnh Hậu Giang

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thành lập thị trấn Tân Long thuộc huyện Phụng Hiệp, thị trấn Đông Phú thuộc huyện Châu Thành, thị trấn Xà Phiên thuộc huyện Long Mỹ đến năm 2025; Kế hoạch tổ chức triển khai, thực hiện công nhận huyện Châu Thành, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang đến năm 2030 đạt tiêu chí đô thị loại IV và thành lập thị xã trực thuộc tỉnh Hậu Giang. Công nhận xã Đông Phú, huyện Châu Thành đạt đô thị loại V, nâng tổng số đô thị trên địa bàn tỉnh lên 19 đô thị. Công tác phát triển đô thị đạt 100% kế hoạch đề ra, tỷ lệ đô thị hóa năm 2025 đạt 32%.

Thực hiện Chương trình phát triển đô thị, phát triển nhà ở của tỉnh đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030, UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư 19 dự án nhà ở thương mại, với tổng diện tích 170,82ha. Theo Quyết định số 338/QĐ-TTg ngày 03/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 217/KH-UBND ngày 20/11/2023 về việc triển khai đầu tư xây dựng nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, dự kiến đến năm 2030 có tổng số 1.572 căn (chỉ tiêu giao đến năm 2030 1.400 căn). Hiện tại, UBND tỉnh đã chấp thuận chủ trương đầu tư 03 dự án, với diện tích khoảng 23ha, tổng số căn nhà ở xã hội là 1.492 căn <sup>[22]</sup>.

Công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực quy hoạch xây dựng đô thị được chú trọng, chất lượng các đồ án quy hoạch trên địa bàn tỉnh được tổ chức lập đảm bảo về trình tự, thủ tục trước khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, làm cơ sở để triển khai thực hiện các dự án đầu tư, chỉnh trang phát triển đô thị, quản lý nhà nước về trật tự xây dựng, thu hút đầu tư xây dựng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Việc kêu gọi đầu tư các dự án phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh góp phần xây dựng đồng bộ về kết cấu hạ tầng tại các đô thị trong điều kiện nguồn vốn đầu tư hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội từ nguồn vốn đầu tư công còn hạn chế.

Hưởng ứng phong trào thi đua “Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau” trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc do Thủ tướng Chính phủ phát động, tỉnh Hậu Giang tổ chức triển khai xây dựng 1.400 căn nhà “Đại đoàn kết” mỗi căn trị giá 50 triệu đồng cho người có công, gia đình có công, hộ nghèo, hộ cận nghèo

<sup>[22]</sup> Dự án Khu nhà ở cán bộ, công nhân viên vận hành nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1, quy mô 2,43ha, với tổng số căn nhà ở xã hội là 128 căn nhà (không bố trí nhà ở thương mại). Dự án Khu nhà ở xã hội tại ấp Mái Dầm, thành phố Ngã Bảy, quy mô 11ha, với tổng số 722 căn nhà (Trong đó Nhà ở thương mại là 119 căn và nhà ở xã hội là 603 căn) Dự án Nhà ở xã hội thuộc dự án Khu dân cư thương mại V1 Thanh, quy mô 9,58ha, với tổng số 951 căn nhà (Trong đó Nhà ở thương mại là 190 căn và nhà ở xã hội là 761 căn)

khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh, với tổng trị giá hơn 70 tỷ đồng, từ nguồn đóng góp, hỗ trợ của các tỉnh, thành trong nước, các nhà hảo tâm, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh.

#### **2.4. Chất lượng thương mại, dịch vụ từng bước nâng lên và hoạt động xuất nhập khẩu**

##### **a) Chất lượng thương mại, dịch vụ được nâng lên**

Tổng doanh thu hoạt động thương mại và dịch vụ tiêu dùng ước thực hiện 269.121,403 tỷ đồng, tăng 9,94% kế hoạch, tốc độ tăng trưởng bình quân 9,85%/năm.

Chất lượng thương mại, dịch vụ tiếp tục được nâng lên, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng; hình thức thương mại chuyển dịch theo hướng hiện đại, phù hợp với nhu cầu và thị hiếu của người dân trong và ngoài tỉnh; mạng lưới thương mại, chuỗi cửa hàng tiện ích, dịch vụ được đầu tư rộng khắp, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân mua sắm, vui chơi giải trí. Tỉnh đã xây mới, nâng cấp, sửa chữa cải tạo 21 chợ, trong đó xây dựng mới 01 chợ; tổng số cơ sở thương mại trên địa bàn tỉnh hiện nay có 04 siêu thị Hạng II, 01 Trung tâm thương mại hạng III, 22 cửa hàng Bách hóa xanh và 65 chợ <sup>[23]</sup>.

Hoạt động xúc tiến thương mại có chuyển biến tích cực, Tỉnh đã chủ động xây dựng chương trình xúc tiến thương mại hàng năm, tham gia và tổ chức các sự kiện xúc tiến thương mại trong và ngoài nước, tổ chức các đoàn giao thương kết nối cung cầu, tham gia hội chợ triển lãm ở nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước, các hoạt động hội chợ, đưa hàng Việt về nông thôn, đã góp phần quảng bá, giới

<sup>[23]</sup> Cụ thể, đã nâng cấp, sửa chữa 21 chợ và xây mới 01 chợ (Nàng Mau, chợ phường VII, chợ phường IV, chợ Vĩ Thanh, chợ Hoà Lưu, Chợ Liên Minh Co op Vĩ Tân, chợ Vĩnh Viễn, chợ Trúc Thăng, chợ Ngã Sáu, chợ Kinh Cùng, chợ Hoà Mỹ, chợ Cầu Trắng, chợ Long Mỹ, chợ Vĩnh Tường, chợ Long Trì, chợ Ngã Bảy, chợ Hiệp Lợi, chợ Cái Tắc, chợ Bảy Ngàn, chợ Một Ngàn, chợ Trường Long Tây, xây mới 01 chợ Lương Tâm huyện Long Mỹ)

Trên địa bàn tỉnh có 65 chợ, trong đó có 06 chợ hạng I, 07 chợ hạng II, 50 chợ hạng III, 02 chợ đêm, giảm 07 chợ so với đầu nhiệm kỳ. Cụ thể trong 65 chợ đã nâng cấp, sửa chữa 21 chợ và xây mới 01 chợ (chợ Nàng Mau, chợ phường VII, chợ phường IV, chợ Vĩ Thanh, chợ Hòa Lưu, Chợ Liên Minh Co op Vĩ Tân, chợ Vĩnh Viễn, chợ Trúc Thăng, chợ Ngã Sáu, chợ Kinh Cùng, chợ Hoà Mỹ, chợ Cầu Trắng, chợ Long Mỹ, chợ Vĩnh Tường, chợ Long Trì, chợ Ngã Bảy, chợ Hiệp Lợi, chợ Cái Tắc, chợ Bảy Ngàn, chợ Một Ngàn, chợ Trường Long Tây, xây mới 01 chợ Lương Tâm huyện Long Mỹ). Hiện toàn tỉnh có 04 siêu thị Hạng II (Coopmart Vĩ Thanh, Coopmart Ngã Bảy, Vinmart Chi nhánh Hậu Giang và 01 Siêu thị kinh doanh điều máy Chợ Lớn), 01 Trung tâm thương mại hạng III (Vincom Plaza Hậu Giang), 22 cửa hàng Bách hóa xanh đang hoạt động, giảm 11 cửa hàng so với đầu nhiệm kỳ. Nhìn chung, kết cấu hạ tầng thương mại, đặc biệt là hạ tầng các điểm chợ trên địa bàn tỉnh có lúc, có nơi chưa đảm bảo về chất lượng, cơ chế, chính sách đầu tư nâng cấp sửa chữa hạ tầng chợ có mặt còn hạn chế.

thiệt sản phẩm và mở rộng thị trường tiêu thụ, đặc biệt là nông sản chủ lực của Tỉnh <sup>[24]</sup>.

Việc ứng dụng mô hình chuyển đổi số trong hoạt động thương mại được thực hiện quyết liệt: Đã hỗ trợ giải pháp bán hàng thông minh, hỗ trợ quảng bá, giới thiệu sản phẩm thông qua sàn thương mại điện tử và hỗ trợ kết nối trực tiếp, trực tuyến với các khách hàng tiềm năng, khách hàng thân thiết cho 20 cửa hàng bán lẻ trên địa bàn tỉnh; tích cực hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa đưa sản phẩm lên 02 sàn giao dịch thương mại điện tử (*Voso và Postmart*); từ đó giúp các cơ sở, doanh nghiệp tăng doanh thu bán hàng, tiết kiệm thời gian quản lý và chi phí vận hành, mở rộng được thị trường tiêu thụ<sup>[25]</sup>. Mô hình chợ 4.0 - Thanh toán không dùng tiền mặt bước đầu đã mang lại hiệu quả, góp phần hoàn thành mục tiêu chuyển đổi số, tạo cơ hội cho người dân tiếp cận những tiến bộ của khoa học công nghệ vào đời sống, mang đến môi trường số hóa tài chính hiện đại, an toàn, tiện lợi và phù hợp với mọi người dân, xóa bỏ những giới hạn và mang đến tiện ích trong giao dịch thanh toán; Đề án Quản lý và truy xuất nguồn gốc trong thương mại đạt nhiều kết quả quan trọng, đáp ứng kịp thời xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, tạo niềm tin cho người tiêu dùng <sup>[26]</sup>.

<sup>[24]</sup> Tổng kinh phí thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại giai đoạn 2021 - 2025 (đến tháng 10/2024) là 4 352 tỷ đồng (*vốn Địa phương 3 452 tỷ đồng, vốn Trung ương 900 triệu đồng*), trong đó Nguồn kinh phí địa phương được UBND tỉnh phê duyệt tổ chức và tham gia 14 Hội chợ, 13 Hội nghị, 9 phiên Hàng Việt về nông thôn và 4 hoạt động XTTM khác, nguồn kinh phí Trung ương, được Bộ Công thương phê duyệt tổ chức 01 Hội chợ Tổ chức thành công Hội chợ Công Thương khu vực đồng bằng sông Cửu Long (*Chương trình cấp Quốc gia về xúc tiến thương mại năm 2022 từ nguồn kinh phí Trung ương, với tổng kinh phí 900 triệu đồng*) Tổ chức thành công Hội chợ Xuân Hậu Giang năm 2021, 2023, 2024, Hội chợ Triêu lãm Thương mại, Du lịch và Nông nghiệp Hậu Giang năm 2021 và Hội chợ Thương mại và sản phẩm OCOP Hậu Giang năm 2023, 2024 với tổng kinh phí 12 445 triệu đồng và thực hiện nhiều chương trình thương mại dịch vụ khác với số tiền hơn 300 triệu đồng (Điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP, Thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, )

Thông qua các hoạt động xúc tiến thương mại từ năm 2021 đến nay, đã hỗ trợ các Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh ký kết được trên 160 hợp đồng tiêu thụ, cung ứng sản phẩm trên phạm vi cả nước và có trên 09 đơn vị tiêu biểu đưa sản phẩm vào hệ thống siêu thị Hàng năm thông tin đến doanh nghiệp, Hợp tác xã, cơ sở sản xuất trên địa tỉnh gần 200 lượt Hội chợ/Hội nghị kết nối cung cầu, kết nối giao thương do các tỉnh, thành phố trong cả nước tổ chức và có hơn 120 lượt doanh nghiệp đăng ký tham gia. Kết nối thành công trên 10 loại sản phẩm của HTX Kỳ Như, Công ty TNHH Thực phẩm Diễm Phương, Cơ sở sản xuất thực phẩm Huỳnh Đức, Cơ sở chăn nuôi dê và chế biến sữa dê Ngọc Đào, Cơ sở chế biến nông sản Trần Đề, Hộ kinh doanh Trần Nim, Cơ sở sấy Mai Thị Phương Vĩ tiêu thụ tại các điểm bán hàng OCOP tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Cần Thơ.

<sup>[25]</sup> Cụ thể các cửa hàng đã tăng doanh thu 5% so với trước khi chưa sử dụng phần mềm, tiết kiệm từ 30% thời gian thao tác và quản lý dữ liệu hàng hóa, tiết kiệm chi phí vận hành cửa hàng, trong đó cơ chi phí thuê nhân viên, kết nối đưa sản phẩm lên sàn TMĐT Sendo, Tiki và Postmart, Tính đến cuối năm 2023, có 1 633 tài khoản người bán đăng ký mới, toàn tỉnh có 112 sản phẩm OCOP và 1 919 sản phẩm nông sản Hậu Giang được đưa lên sàn 2 sàn giao dịch TMĐT (*Voso và Postmart*) với tổng số tài khoản người bán đăng ký là 144 877 tài khoản.

<sup>[26]</sup> Đến nay, đã cài đặt 177 655 vi, tổ chức ra mắt được 20 chợ 4.0 trên địa bàn 8 huyện, thị xã, thành phố, đã thực hiện được 1 360 000 tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm cho 19 Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh

## **b) Hoạt động xuất nhập khẩu**

Hoạt động xuất nhập khẩu được chú trọng theo hướng mở rộng thị trường, đa dạng hóa mặt hàng, phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững, hạn chế ô nhiễm môi trường, từ đó nâng cao hiệu quả xuất nhập khẩu. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa trực tiếp, uỷ thác và các dịch vụ đại lý chi trả ngoại tệ của các tổ chức tín dụng trên địa bàn ước thực hiện được 6.093 triệu USD, vượt 4,12% kế hoạch (KH 5.852 triệu USD), tốc độ tăng bình quân 5,42%/năm<sup>[27]</sup>.

## **c) Dịch vụ vận tải, bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin**

Hoạt động kinh doanh vận tải ngày càng đi vào nề nếp, phát triển về số lượng và chất lượng dịch vụ qua từng năm, phục vụ tốt nhu cầu đi lại của người dân, nhất là trong các dịp Lễ, Tết. Tổng sản lượng vận tải hàng hóa đạt khoảng 29,68 triệu tấn, vận tải hành khách khoảng 156,67 triệu lượt hành khách.

Hệ thống bưu chính được phát triển mạnh mẽ và mở rộng vùng phục vụ đến nông thôn, thúc đẩy phát triển thương mại điện tử. Ngoài dịch vụ vận chuyển VNPost được cung cấp bởi Tổng công ty Bưu điện Việt Nam, trực thuộc tập đoàn VNPT, trên địa bàn tỉnh có nhiều hãng vận chuyển khác<sup>[28]</sup>

Tỉnh hiện có 100% xã được phủ sóng di động, đường truyền Internet cáp quang đảm bảo nhu cầu liên lạc của người dân, mạng 3G, 4G phủ sóng toàn tỉnh. Đang thí điểm 02 trạm 5G (tại Khu Công nghiệp Sông Hậu và Trung tâm thành phố Vị Thanh), đến ngày 25/10/2024 Viettel phát thêm 25 trạm.

## **2.5. Huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển**

Vốn đầu tư toàn xã hội khoảng 114.120 tỷ đồng, tăng bình quân 4,71%/năm, vượt 15,27% kế hoạch, tăng hơn 25% so với giai đoạn trước.

Tổng vốn đầu tư công 24.278 tỷ đồng, tăng 92,39% so với giai đoạn trước, chiếm 21,77% tổng vốn đầu tư toàn xã hội. Tỉnh đã huy động tối đa các nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước, trong dân và các thành phần kinh tế để đầu tư phát triển; đã bố trí vốn đầu tư từ các nguồn ngân sách Nhà nước thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, nguồn ngân sách Nhà nước đã đầu tư cho lĩnh vực kinh tế chiếm 60,45%, lĩnh vực xã hội chiếm 39,55%. Trong đó, ngành giao thông vận tải được

<sup>[27]</sup> Trên địa bàn tỉnh hiện nay có 30 doanh nghiệp lớn thực hiện hoạt động xuất nhập khẩu, trong đó các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu là: Thủy hải sản, giấy dếp, gạo, giấy và các sản phẩm từ giấy,... mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là Hóa chất, nguyên phụ liệu dệt may da giấy, giấy, máy móc thiết bị. Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa trực tiếp, uỷ thác và các dịch vụ đại lý chi trả ngoại tệ của các tổ chức tín dụng 4.171 triệu USD, đạt 96,29% kế hoạch (KH 4.331 triệu USD), tốc độ tăng bình quân 7,02%/năm. Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 1.923 triệu USD, vượt 26,45% kế hoạch (KH 1.521 triệu USD), tốc độ tăng bình quân 2,08%/năm.

<sup>[28]</sup> Như Giao hàng nhanh (GHN Express), Viettel Post, J&T Express, Giao hàng tiết kiệm, EMS, Best Express, Ahamove, EcoTrans, DHL

đầu tư nhiều nhất với tỷ trọng 41,76%. Nhiều công trình lớn trên các lĩnh vực giao thông, công nghiệp, thủy lợi, y tế, giáo dục - đào tạo, nâng cấp đô thị, cấp điện, xử lý nước thải, văn hóa, du lịch được tập trung đầu tư hoàn thành và phát huy hiệu quả, tình trạng đầu tư dàn trải và thiếu đồng bộ được khắc phục.

Thực hiện chủ trương xã hội hóa trong việc xây dựng và kiên cố hóa hệ thống giao thông nông thôn và thủy lợi; ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần để đầu tư xây dựng các công trình giao thông nông thôn, ưu tiên các công trình, dự án bức xúc. Triển khai thực hiện 03 dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP)<sup>[29]</sup>.

## **2.6. Tài chính ngân hàng**

### **a) Tài chính:**

Triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp điều hành thu ngân sách nhà nước, hoàn thành đạt và vượt kế hoạch đề ra, mỗi năm thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng bình quân 1.000 tỷ đồng. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn là 33.907 tỷ đồng, gấp 2,03 lần 5 năm trước (5 năm trước là 16.737 triệu đồng), trong đó: thu nội địa đạt 30.679 tỷ đồng, đạt 172,3% kế hoạch (kế hoạch 5 năm 17.806 tỷ đồng), gấp 2 lần 5 năm trước (5 năm trước là 15.308 tỷ đồng).

Quản lý chi ngân sách nhà nước đúng quy định, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch; chủ động bảo đảm cân đối ngân sách nhà nước các cấp; đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Chi ngân sách đã tập trung hơn cho mục tiêu đầu tư phát triển, nhất là hạ tầng giao thông, công nghiệp, Chính phủ điện tử, chuyên đổi số, giáo dục - đào tạo, y tế. Tổng chi ngân sách địa phương tăng do ngoài nguồn ngân sách Trung ương giao bổ sung, Tỉnh đã tăng chi cho đầu tư phát triển từ nguồn tăng thu ngân sách địa phương. Tổng chi ngân sách địa phương đạt 67.323 tỷ đồng, đạt 168,64% kế hoạch (kế hoạch 5 năm là 39.920 tỷ đồng), trong đó chi đầu tư phát triển 33.612 tỷ đồng, đạt 236,16% kế hoạch (kế hoạch 5 năm là 14.233 tỷ đồng).

### **b) Hiện đại hóa ngành thuế:**

Thực hiện tuyên truyền đầy đủ, kịp thời các văn bản về chính sách thuế mới đến người nộp thuế; lợi ích của việc sử dụng hóa đơn điện tử được khởi tạo từ máy tính tiền đến người nộp thuế; cảnh báo kịp thời các hành vi vi phạm về thuế, hành vi sử dụng hóa đơn điện tử để xuất không, mua bán hóa đơn để trục lợi... góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của người nộp thuế.

<sup>[29]</sup> Đầu tư thay thế hệ thống đèn chiếu sáng hiện hữu bằng hệ thống đèn LED công nghệ cao kết hợp xây dựng trung tâm điều khiển thông minh tiết kiệm năng lượng và quản lý vận hành duy tu bảo dưỡng trên địa bàn thành phố Vĩnh Thanh, Cầu dâu sinh Đông Phước, huyện Châu Thành, Cầu dâu sinh qua kênh Quàn Lộ Phụng Hiệp, thị trấn Búng Tàu, huyện Phụng Hiệp

Thực hiện hoàn thuế giá trị gia tăng bằng phương thức điện tử đúng thời hạn quy định của Luật Quản lý thuế. Thực hiện rà soát, chuẩn hóa dữ liệu mã số thuế cá nhân theo hướng dẫn của Tổng cục Thuế tiến tới sử dụng mã số định danh cá nhân thay cho mã số thuế cho các nhóm đối tượng còn lại.

### c) Phát triển hệ thống ngân hàng:

Ngành Ngân hàng trên địa bàn hoạt động được an toàn, ổn định và hiệu quả. Mạng lưới hoạt động mở rộng và phân bố hợp lý hơn, tạo điều kiện đưa nhanh dòng vốn tín dụng đến với các đối tượng, hỗ trợ tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội trong Tỉnh<sup>[30]</sup>. Cùng với công cuộc đổi mới và phát triển kinh tế, dịch vụ ngân hàng không ngừng tăng trưởng, số lượng và chất lượng sản phẩm ngày càng đa dạng, tạo nhiều trải nghiệm mới cho khách hàng với các sản phẩm dịch vụ tiên tiến dựa trên nền tảng công nghệ số.

Hoạt động huy động vốn trên địa bàn được thực hiện hiệu quả, đáp ứng nhu cầu vốn của nền kinh tế. Trong giai đoạn 2021 - 2025, nguồn vốn huy động trên địa bàn tăng trưởng tốt, bình quân mức tăng trưởng đạt 12,36%/năm. Trong đó, tiền gửi tiết kiệm của dân cư có mức tăng trưởng bình quân đạt 12,43%/năm, luôn chiếm tỷ trọng trên 90% trong tổng nguồn vốn. Vốn huy động đáp ứng trung bình trên 50% nhu cầu tín dụng trên toàn địa bàn.

Tín dụng ngân hàng được thực hiện hiệu quả với mức tăng trưởng tín dụng trên địa bàn trung bình đạt 12,12%/năm. Cơ cấu tín dụng tăng trưởng hợp lý, có xu hướng tăng tỷ trọng dư nợ tín dụng đối với cơ cấu kinh tế thuộc khu vực II, III, giảm khu vực I. Kiểm soát chặt chẽ tỷ lệ nợ xấu trên địa bàn luôn thấp hơn 3%/tổng dư nợ.

## 2.7. Đổi mới căn bản toàn diện giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực và đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ

### a) Về lĩnh vực giáo dục và đào tạo

Quán triệt quan điểm giáo dục là quốc sách hàng đầu, đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển; nhiệm kỳ qua, Tỉnh ủy đã ban hành nhiều giải pháp để phát triển giáo dục<sup>[31]</sup>. Đến nay, toàn tỉnh có 312 trường từ mầm non đến trung học phổ

<sup>[30]</sup> Toàn địa bàn có 16 tổ chức tín dụng (TCTD) gồm: 02 Chi nhánh Ngân hàng TMNN, 03 Chi nhánh Ngân hàng TM có vốn Nhà nước chi phối, 01 Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội, 09 Chi nhánh Ngân hàng TMCP và 01 Quỹ tín dụng Nhân dân. Có 08 Chi nhánh loại 2 trực thuộc Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT CN tỉnh Hậu Giang, 29 Phòng Giao dịch (PGD) trực thuộc các NHTM trên địa bàn, 08 PGD Bưu điện trực thuộc Ngân hàng TMCP Lộc Phát Chi nhánh Hậu Giang. Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh có 75 điểm giao dịch tại các UBND xã

<sup>[31]</sup> Nghị quyết số 05-NQ/TU về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến 2030; Nghị quyết số 16-NQ/TU về Chiến lược phát triển bền vững giáo dục và đào tạo tỉnh Hậu Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Đề án số 07 ĐA/TU ngày 14/7/2023 của Tỉnh ủy xây dựng đội ngũ giáo viên và cấu bộ quản lý giáo dục đủ phẩm chất, năng lực ngang tầm nhiệm vụ giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030

thông, trong đó có 267 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 85,57%, cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn 98% (theo Luật Giáo dục 2019), trên chuẩn đạt 18,64 %; Chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông 2018 được ban hành và đang tích cực triển khai; phương pháp giảng dạy và học tập có bước đổi mới; chất lượng giáo dục không ngừng được cải thiện và nâng lên, môi trường sư phạm được xây dựng theo hướng lành mạnh, chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ý thức, trách nhiệm công dân của học sinh, học viên đối với xã hội, cộng đồng.

Công tác giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh ở trong và ngoài nhà trường đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông được chú trọng, giúp học sinh sớm định hướng nghề nghiệp trong tương lai.

### **b) Đào tạo nguồn nhân lực**

Hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong tỉnh có bước phát triển<sup>[32]</sup>. Cơ cấu ngành nghề cũng từng bước điều chỉnh theo nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động<sup>[33]</sup>. Trong công tác hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động, Tỉnh luôn chú trọng việc gắn kết, đáp ứng nhu cầu lao động của các tổ chức, cá nhân khu vực tư nhân; qua đó, sau học nghề, đã có trên 80% người lao động được các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh tuyển dụng vào làm việc, được bao tiêu sản phẩm sau học nghề hoặc tạo việc làm có thu nhập, mức sống cao hơn.

UBND tỉnh chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh. Kinh phí đào tạo hàng năm tương đương 30 tỷ đồng, với 200 lớp, có 1.400 lượt học viên là cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh tham dự.

Thực hiện quy hoạch đào tạo sau đại học và khuyến khích tự đào tạo sau đại học đối với 290 cán bộ, công chức, viên chức; giải quyết hỗ trợ đào tạo sau đại học đối với 99 trường hợp, thu hút nhân lực 01 Tiến sĩ theo Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ đào tạo sau đại học, khuyến khích tự đào tạo sau đại học, thu hút nhân lực, biệt phái và luân chuyển trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. Qua quá trình tổ chức thực hiện đã tạo sự chuyển biến thực chất, rõ nét trong nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp, tạo sự đồng thuận, nỗ lực, quyết tâm và khát vọng cống hiến trong đội ngũ cán bộ, đảng viên từ tỉnh đến cơ sở<sup>[34]</sup>.

<sup>[32]</sup> Trên địa bàn tỉnh hiện có 16 cơ sở (03 Trường Cao đẳng, 03 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và 07 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, 03 cơ sở khác có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp)

<sup>[33]</sup> Tuyển sinh, đào tạo nghề cho 40.635/32.500 người, nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 71%/70%, vượt 1,43% kế hoạch.

<sup>[34]</sup> Hiện toàn tỉnh có 16.412 cán bộ, công chức, viên chức (trong đó, có 13 tiến sĩ, tăng 02 tiến sĩ so với năm 2021, 66 chuyên khoa II, tăng 06 chuyên khoa II so với năm 2021, 1.372 thạc sĩ và chuyên khoa I, tăng 485 thạc sĩ và chuyên khoa I, 12.055 đại học, 2.343 người có trình độ cao đẳng, trung cấp

### c) Phát triển khoa học và công nghệ

Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được các cấp ủy, chính quyền quan tâm chỉ đạo, nhiều đề tài, dự án khoa học công nghệ được đưa vào ứng dụng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội với 58 đề tài, dự án khoa học và công nghệ được triển khai thực hiện. Các đề tài, dự án được triển khai trên các lĩnh vực: khoa học nông nghiệp (chiếm 58%), khoa học kỹ thuật và công nghệ (17%), khoa học y dược, khoa học xã hội và nhân văn (25%). Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện 50 đề tài, dự án để triển khai ứng dụng vào thực tế.

Công tác sở hữu trí tuệ tiếp tục được thực hiện tốt, tăng cường hỗ trợ và phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh<sup>[35]</sup>. Tỉnh được cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ hình ảnh Hậu Giang (gồm: nhãn hiệu chứng nhận “HẬU GIANG MIỀN ĐẤT HỘI TỤ”, nhãn hiệu Biểu tượng “7 BÔNG HOA/7 CỬA SÔNG”, kiểu dáng công nghiệp: Biểu tượng BẾ KHÓM, tác phẩm: Biểu tượng 7 BÔNG HOA/7 CỬA SÔNG,...).

Công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng thực hiện thường xuyên nhằm hỗ trợ các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh xây dựng tiêu chuẩn cơ sở, mã số mã vạch; cấp thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy; hỗ trợ nâng cao năng suất, chất lượng, sản phẩm hàng hóa...

Tỉnh đã thành lập Khu công nghệ số tỉnh Hậu Giang và đã có 04 doanh nghiệp đang hoạt động, đang thu hút thêm 02 doanh nghiệp.

### 2.8. Chăm sóc sức khỏe nhân dân

Công tác khám, chữa bệnh đã chuyên biến tích cực. Hoàn thiện mạng lưới khám chữa bệnh từ tuyến tỉnh đến tuyến cơ sở, công lập và ngoài công lập được mở rộng và củng cố; công tác đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn được chú trọng, các trang thiết bị y tế thiết yếu được bảo đảm, giúp chẩn đoán và điều trị được chính xác hơn, góp phần nâng cao chất lượng công tác khám chữa bệnh trên địa bàn. Mạng lưới hành nghề y dược tư nhân cũng phát triển mạnh mẽ, đáp ứng cho người dân dễ dàng tiếp cận các dịch vụ y tế cơ bản và giảm tải cho các bệnh viện.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý khám, chữa bệnh và thanh toán BHYT được đẩy mạnh; chính sách bảo hiểm y tế, khám chữa bệnh cho các đối tượng chính sách xã hội đã được thực hiện tốt hơn. Triển khai thực hiện thông tuyến khám, chữa bệnh cho người dân có BHYT xã, huyện đạt 100% (75/75 trạm

<sup>[35]</sup> Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận 327 đơn hợp lệ và cấp 226 văn bằng bảo hộ về giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, chỉ dẫn địa lý và các loại nhãn hiệu (nhãn hiệu chứng nhận, tập thể, thông thương)

y tế xã, phường và phòng khám đa khoa khu vực). Số lượng người dân có thể BHYT khám, chữa bệnh tại trạm y tế ngày càng tăng.

Tình hình dịch bệnh được kiểm soát tốt, dịch bệnh mới không xuất hiện, không có dịch lớn xảy ra trên địa bàn tỉnh do công tác phòng, chống dịch được chủ động, đặt lên hàng đầu. Đặc biệt, trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19 bùng phát, cả hệ thống chính trị luôn đoàn kết, thực hiện nghiêm quan điểm, các văn bản chỉ đạo phòng, chống dịch của Trung ương; đồng thời, vận dụng sáng tạo linh hoạt vào thực tiễn địa phương. Kết quả, tỉnh Hậu Giang là tỉnh có ca F0, ca chuyển nặng và tử vong thấp nhất khu vực đồng bằng sông Cửu Long và nằm trong nhóm các tỉnh kiểm soát dịch Covid-19 tốt của cả nước.

Công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc sức khỏe sinh sản luôn đạt các chỉ tiêu cơ bản, chất lượng dân số được nâng lên; đẩy mạnh công tác truyền thông nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi đối với kiểm soát mật cân bằng giới tính khi sinh; nâng cao hiệu quả hoạt động toàn diện của mạng lưới cung cấp dịch vụ dân số về quy mô, cơ cấu, chất lượng và phân bố dân số.

Công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tiếp tục được đẩy mạnh. Tăng cường giám sát, phòng ngừa và cảnh báo kịp thời các vấn đề về an toàn thực phẩm. Công tác truyền thông tiếp tục được đẩy mạnh và duy trì thường xuyên, các hình thức truyền thông được đa dạng hóa đã tác động tốt đến các đối tượng trong việc thay đổi hành vi bảo đảm an toàn thực phẩm.

## **2.9. Phát triển văn hoá, thể thao, du lịch, thông tin và truyền thông**

### **a) Lĩnh vực văn hóa**

Tuyên truyền và tổ chức có hiệu quả các hoạt động chào mừng các ngày lễ, kỷ niệm quan trọng của đất nước và địa phương<sup>[36]</sup> góp phần tạo sự thống nhất nhận thức trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tạo không khí phấn khởi, cổ vũ cán bộ, đảng viên và Nhân dân tin tưởng, nỗ lực phấn đấu vượt qua mọi khó khăn, thách thức, thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2021 - 2025), góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hậu Giang lần thứ XIV, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

<sup>[36]</sup> Mừng Đảng Mừng Xuân, kỷ niệm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam 3/2, kỷ niệm Ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước 30/4, kỷ niệm Ngày cách mạng tháng Tám thành công 19/8, Quốc khánh nước CHXHCN Việt Nam 2/9, ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam 22/12, kỷ niệm 20 năm thành lập tỉnh Hậu Giang (01/01/2004 - 01/01/2024).

Duy trì thường xuyên công tác sáng tác, dàn dựng và tổ chức biểu diễn chương trình, kịch bản thông tin cổ động nhằm tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của tỉnh đến mọi tầng lớp Nhân dân trong tỉnh<sup>[37]</sup>. Tổ chức triển lãm sách, hình ảnh, hiện vật phục vụ các sự kiện, ngày lễ, kỷ niệm với quy mô và chất lượng ngày càng được nâng lên, thu hút đông đảo người xem. Hoạt động của thư viện, bảo tàng được quan tâm đầu tư, nâng chất, hướng đến việc mở rộng phạm vi, đối tượng phục vụ.

### **b) Lĩnh vực thể dục thể thao**

Hoạt động thể dục, thể thao (TDTT) tiếp tục được phát triển rộng rãi theo hướng xã hội hóa với nhiều hình thức đa dạng, chất lượng phong trào TDTT được nâng lên<sup>[38]</sup>. Hoạt động TDTT của người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn được quan tâm, các phương pháp dưỡng sinh cổ truyền, các trò chơi dân gian, một số môn thể thao dân tộc được khôi phục và phát triển mạnh mẽ.

Thể thao thành tích cao của tỉnh được đầu tư và gặt hái nhiều kết quả tích cực<sup>[39]</sup>. Trong giai đoạn 2021 - 2024, đã tham gia 144 giải cấp khu vực, toàn quốc và quốc tế, đạt tổng cộng 703 huy chương: Giải quốc tế đạt 24 huy chương; Giải toàn quốc đạt 336 huy chương; Giải khu vực đạt 343 huy chương<sup>[40]</sup>. Đăng cai tổ chức thành công Đại hội Thể thao đồng bằng sông Cửu Long lần thứ IX - Hậu Giang năm 2023. Tổ chức 5 mùa giải Marathon quốc tế “Mekong Delta Marathon” tỉnh Hậu Giang, có 39.869 lượt vận động viên tham dự (trong đó, có 201 vận động viên nước ngoài của 19 quốc gia và vùng lãnh thổ), trung bình mỗi

<sup>[37]</sup> Trung bình mỗi năm, các Đội tuyên truyền lưu động tổ chức dàn dựng từ 30 - 40 kịch bản tuyên truyền, tổ chức khoảng 900 buổi phóng thanh cổ động, số buổi hoạt động trên 900 buổi/năm, thu hút trên 500 000 lượt người xem/năm. Tổ chức biểu diễn văn nghệ phục vụ Nhân dân các địa phương vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ kháng chiến nhân dịp các ngày ngày lễ, kỷ niệm. Tổ chức các hội thi như Hội thi Nghệ thuật quần chúng tỉnh, Hội thi Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam bộ; Hội thi các hoạt động tuyên truyền cổ động và hàng năm tham gia từ 01 đến 03 hội thi, hội diễn cấp khu vực và toàn quốc như: Hội diễn “Tiếng hát hẹn hò 9 dòng sông”, Liên hoan Tuyên truyền lưu động toàn quốc, Hội thi Tuyên truyền lưu động “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”, Hội thi Tuyên truyền lưu động “Biển và Hải đảo Việt Nam”

<sup>[38]</sup> - Số người tham gia luyện tập TDTT thường xuyên năm trong giai đoạn từ 2021 - 2024 đạt tỷ lệ 37% dân số toàn tỉnh, tăng 3,71 % so với giai đoạn năm 2016 - 2020 (33,29 %)

- Số gia đình luyện tập TDTT thường xuyên trong giai đoạn từ 2021 - 2024 đạt tỷ lệ 27,02% số hộ gia đình toàn tỉnh, tăng 2,02% so với giai đoạn năm 2016 - 2020 (25%).

<sup>[39]</sup> UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1631/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 về phê duyệt Đề án “Phát triển thể thao thành tích cao tỉnh Hậu Giang, giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030”

<sup>[40]</sup> Một số thành tích nổi bật như: 01 HCV Giải vô địch võ thuật thể giới trực tuyến “Online World Martial Arts Masterships 2021”, 03 HCV, 01 HCB tại SEA Games 31 được tổ chức tại Việt Nam, 03 HCV giải vô địch và vô địch trẻ Judo Đông Nam Á năm 2023 tại Malaysia, 04 HCB, 02 HCB tại SEA Games 32 tại Campuchia, 01 HCB giải vô địch Vovinam Thế giới lần thứ VII năm 2023 tại Việt Nam, 01 HCB giải vô địch trẻ Kickboxing thể giới năm 2024 tại Hungary, 01 HCB, 01 HCB giải vô địch và vô địch trẻ Judo Đông Nam Á năm 2024 tại Bali, Indonesia, 01 HCB giải Đua thuyền Rowing và Canoeing tham dự giải vô địch Đông Nam Á trẻ, U19, U23 và Vô địch Đông Nam Á năm 2024 tại Việt Nam.

mùa có khoảng 8.000 vận động viên tham dự. Giải đấu hướng đến mục tiêu xây dựng trái tim xanh cho vùng đồng bằng sông Cửu Long, trồng rừng và bảo vệ môi trường. Giải đã có những bước phát triển vượt bậc, dẫn đầu trên bản đồ các giải chạy tại khu vực Tây Nam Bộ, với nhiều đổi mới, cải tiến qua từng mùa.

### **c) Lĩnh vực du lịch**

Quan tâm xây dựng và triển khai thực hiện các Nghị quyết, Kế hoạch, Đề án liên quan đến phát triển du lịch<sup>[41]</sup>. UBND tỉnh đề xuất và được Thủ tướng Chính phủ thống nhất đưa Khu Bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng vào danh mục các địa điểm tiềm năng phát triển du lịch của cả nước trong Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045<sup>[42]</sup>. Nhiều doanh nghiệp và hộ gia đình đã mạnh dạn đầu tư kinh doanh các dịch vụ du lịch góp phần thúc đẩy chuyên dịch cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh. Các hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch được triển khai bằng nhiều hình thức đa dạng, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, qua đó đã góp phần giới thiệu, quảng bá rộng rãi hình ảnh “Đất và người Hậu Giang”.

Toàn tỉnh ước đón 2.339.460 lượt khách du lịch (đạt 79,3% kế hoạch) trong đó có 2.242.140 lượt khách nội địa (đạt 79,55% kế hoạch), 97.320 lượt khách quốc tế (đạt 74,08% kế hoạch), tổng thu từ du lịch ước đạt trên 1.040 tỷ đồng (đạt 90,12% kế hoạch). Do ảnh hưởng của dịch COVID-19, hoạt động du lịch năm 2021 bị đứt gãy, nên cả giai đoạn không đạt kế hoạch.

### **d) Phát triển thông tin truyền thông**

Số thuê bao điện thoại/100 dân đạt 121 thuê bao, số thuê bao Internet bằng thông rộng cố định (cáp quang)/100 dân đạt 20 thuê bao.

Báo chí, xuất bản, phát thanh - truyền hình, thông tin điện tử, thông tin đối ngoại, thông tin cơ sở hoạt động hiệu quả, đảm bảo công tác thông tin, tuyên truyền kịp thời, nhanh chóng. Báo chí tỉnh nhà phát triển theo xu hướng tích hợp đa phương tiện trên các nền tảng số. Ký kết hợp tác truyền thông với tổng số 83 lượt cơ quan báo chí trung ương. Đồng thời, đã đầu tư chuyển đổi 16 đài truyền thanh cấp xã và 222 cụm với 444 loa truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông.

<sup>[41]</sup> UBND tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, Đề án phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

<sup>[42]</sup> Quyết định số 509/QĐ-TTg ngày 13/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Công tác chuyển đổi số được các cấp, các ngành quan tâm triển khai thực hiện. Các dự án chuyển đổi số góp phần khai thác tiềm năng con người và nâng cao năng suất lao động, tăng cơ hội việc làm và nâng cao khả năng cạnh tranh giữa các tổ chức, doanh nghiệp.

## **2.10. Thực hiện các chính sách an sinh, phúc lợi xã hội**

### **a) Phát triển thị trường lao động, giải quyết việc làm**

Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách giải quyết việc làm cho người lao động, duy trì và mở rộng thị trường lao động. Thường xuyên tổ chức các sàn giao dịch việc làm; qua đó, đã tư vấn, giới thiệu việc làm cho 122.752 lao động, tạo việc làm mới cho 96.232/75.000 lao động, vượt 28,31% chỉ tiêu Kế hoạch.

Nâng cao hiệu quả dịch vụ việc làm, kết nối thị trường lao động, nắm bắt kịp thời nhu cầu tuyển dụng lao động của doanh nghiệp và giúp người lao động tìm kiếm việc làm, đẩy mạnh công tác hỗ trợ người lao động đi làm việc có thời hạn, thời vụ ở nước ngoài theo hợp đồng. Đưa 2.500 người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đạt 100% kế hoạch đề ra, qua đó góp phần tăng thu nhập, phát triển nguồn nhân lực có tay nghề cao cho tỉnh.

### **b) Chính sách đối với người có công**

Toàn tỉnh có 36.243 người có công với cách mạng, trong đó người có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng 5.995 người; các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng được thực hiện toàn diện, ngoài trợ cấp thường xuyên còn có chế độ trợ cấp một lần, chăm sóc sức khỏe, điều dưỡng, phục hồi chức năng, y tế, giáo dục đào tạo, cải thiện nhà ở, đất ở, ... với tổng kinh phí thực hiện bình quân hàng năm gần 190 tỷ đồng. Ngoài ra, Tỉnh đã tổ chức chăm lo cho người có công với cách mạng nhân dịp Tết Nguyên đán, Ngày Thương binh - Liệt sỹ (27/7) hàng năm với nhiều hoạt động đền ơn, đáp nghĩa thiết thực.

Bên cạnh việc thực hiện các chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi Người có công với cách mạng; Tỉnh đã ban hành nhiều chính sách đặc thù như: (1) Chính sách tăng thêm đối với những hộ nghèo, cận nghèo có thành viên là người có công; (2) Chính sách vay vốn sản xuất; (3) Chính sách hỗ trợ mức quà tặng cho một số đối tượng người có công với cách mạng và một số đối tượng khác nhằm giúp người có công, gia đình người có công ổn định cuộc sống và phần đầu không còn hộ nghèo có thành viên là Người có công với cách mạng. Đời sống người có công được nâng lên, có 98% số hộ người có công có mức sống trung bình, khá trở lên.

### **c) Công tác giảm nghèo**

Công tác giảm nghèo được chú trọng, đời sống của nhân dân không ngừng được cải thiện. Thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, tỉnh đã triển khai đồng

bộ các nhiệm vụ, giải pháp hỗ trợ giảm nghèo thông qua các chính sách hỗ trợ giảm nghèo, an sinh xã hội. Tỉnh quan tâm bố trí nguồn lực để các địa phương chủ động triển khai thực hiện, tạo điều kiện thuận lợi để hỗ trợ người nghèo nâng cao thu nhập, tiếp cận tốt hơn các dịch vụ xã hội như y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch, vệ sinh và thông tin, dạy nghề, việc làm góp phần cải thiện thu nhập của người nghèo. Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân trên 1,4%/năm; ước đến cuối năm 2025 tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 0,74%.

#### **d) Bảo trợ xã hội**

Tỉnh đã tập trung triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách trợ cấp thường xuyên cho các đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng, đảm bảo ổn định đời sống, kịp thời hỗ trợ đột xuất khẩn cấp cho 100% đối tượng có hoàn cảnh khó khăn đã góp phần cải thiện và nâng cao mức sống cho đối tượng bảo trợ xã hội, tạo điều kiện cho các đối tượng tự khắc phục khó khăn, vươn lên hòa nhập cộng đồng. Triển khai thực hiện đồng bộ các chương trình, đề án về chăm sóc người cao tuổi, phát triển nghề công tác xã hội, trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng, trợ giúp người khuyết tật và xây dựng mô hình Câu lạc bộ liên thể hệ trợ giúp nhau trên địa bàn tỉnh, các hoạt động chúc thọ đối với người cao tuổi, thăm tặng quà nhân dịp lễ, tết, ngày kỷ niệm được thực hiện chu đáo, kịp thời. Công tác chi trả trợ giúp xã hội thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ chi trả và triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, thực hiện chính sách đối với đối tượng bảo trợ xã hội và trẻ em được quan tâm thực hiện từ tỉnh đến cấp xã.

#### **đ) Công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em**

Trong thời gian qua, các cơ quan chức năng các cấp trên địa bàn tỉnh đã dành nhiều sự quan tâm, triển khai công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em, thực hiện quyền trẻ em ngày càng đi vào chiều sâu bằng những hoạt động thiết thực, cụ thể và đã đạt được kết quả nhất định<sup>[43]</sup>. Các hoạt động truyền thông, giáo dục, tư vấn về bảo vệ trẻ em được tăng cường với nhiều hình thức phong phú, gắn với triển khai kịp thời các chương trình về bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em, thúc đẩy quyền trẻ em như tổ chức Tháng hành động vì trẻ em, Diễn đàn trẻ em ở các cấp, xây dựng, công nhận xã, phường, phù hợp trẻ em, 100% trẻ em không nguồn nuôi dưỡng, thuộc đối tượng bảo trợ xã hội được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng. Công tác chăm sóc trẻ em được chú trọng, các tổ chức, cá nhân, gia đình, cộng đồng, người dân quan tâm và tích cực tham gia, góp phần tạo điều kiện cho mọi trẻ em, nhất là

<sup>[43]</sup> Như chính sách về trợ cấp xã hội, chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng, hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, mô hình về nhà ở, giáo dục, vui chơi, giải trí, thăm hỏi tặng quà nhân các dịp lễ, tết, đồng thời can thiệp, hỗ trợ kịp thời các trường hợp trẻ em bị tai nạn, thương tích, bạo hành, xâm hại... với số tiền trên 25 tỷ đồng

trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, thuộc diện hộ nghèo... được tiếp cận sự hỗ trợ thuận lợi, kịp thời, trẻ em đủ điều kiện hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng được thực hiện đầy đủ theo quy định.

### **e) Công tác bình đẳng giới**

Triển khai thực hiện tốt công tác bình đẳng giới và vi sự tiên bộ của phụ nữ trên địa bàn tỉnh. Công tác truyền thông về bình đẳng giới được tăng cường với sự tham gia tích cực của các cơ quan, ban, ngành đoàn thể các cấp, góp phần nâng cao nhận thức và hành động của các cấp ủy, chính quyền, trong đội ngũ cán bộ, công chức và người dân trên địa bàn tỉnh. Từ đó thực hiện đạt các mục tiêu Quốc gia về Bình đẳng giới, các chính sách về công tác bình đẳng giới và vi sự tiên bộ của phụ nữ được đặc biệt quan tâm, nhất là những vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích của phụ nữ và trẻ em gái<sup>[44]</sup>; tỷ lệ nữ tham gia vào cấp ủy, lãnh đạo chính quyền tăng so với nhiệm kỳ trước<sup>[45]</sup>.

### **g) Tuyên truyền, giáo dục, phòng chống tệ nạn xã hội trong cộng đồng**

Công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội luôn được quan tâm thực hiện, đa dạng về hình thức tuyên truyền, nhằm nâng cao nhận thức về công tác phòng, chống ma túy, mại dâm, mua bán người trong cán bộ, công chức, viên chức, các tầng lớp nhân dân, nhất là sinh viên, học sinh, góp phần nâng cao ý thức hiểu biết pháp luật để phòng ngừa, đẩy mạnh xã hội hóa công tác phòng, chống ma túy, mại dâm, đảm bảo an ninh trật tự địa phương, xây dựng xã, phường, thị trấn làm tốt công tác phòng chống ma túy, mại dâm. Công tác quản lý đối tượng là người nghiện ma túy, đối tượng mại dâm được thực hiện chặt chẽ; công tác cai nghiện, quản lý sau cai và thực hiện chính sách tin dụng theo quy định tại Quyết định số 29/2014/QĐ-TTg ngày 6/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh được thực hiện đúng quy định<sup>[46]</sup>. Từ đó, góp phần kiểm chế tệ nạn ma túy, mại dâm, đảm bảo an ninh trật tự an toàn xã hội.

<sup>[44]</sup> Tổ chức 41 Hội thi, 53 buổi nói chuyện chuyên đề với có 1 297 thí sinh và trên 5000 người dự, cổ vũ; tổ chức 42 cuộc hội thảo, tập huấn, có 2 808 lượt người dự, 04 cuộc Toa đàm, giao lưu chia sẻ kinh nghiệm. Xây dựng thi điểm 01 Mô hình địa chỉ tin cậy nhà tạm lánh tại cộng đồng, 01 Mô hình CLB hỗ trợ phụ nữ có nguy cơ bị ép kết hôn với người nước ngoài, xây dựng 33 Mô hình địa chỉ tin cậy nhà tạm lánh tại cộng đồng tại các xã xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới và duy trì tốt các hoạt động của các Mô hình đã xây dựng.

<sup>[45]</sup> Tỷ lệ nữ được giới thiệu tham gia ứng cử và trúng cử Đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 (cấp tỉnh có 15 nữ/50 đại biểu, chiếm tỷ lệ 30%, cấp huyện có 61 nữ/245 đại biểu, chiếm tỷ lệ 24,89%, cấp xã có 504 nữ/1 921 đại biểu, chiếm tỷ lệ 26,23%) Tỷ lệ cán bộ nữ tham gia cấp ủy nhiệm kỳ 2020 - 2025 cấp cơ sở 580/2 834 đồng chí, chiếm tỷ lệ 20,46%, cấp huyện 59/401 đồng chí, chiếm tỷ lệ 14,71%, cấp tỉnh 10/50 đồng chí, chiếm tỷ lệ 20%.

<sup>[46]</sup> Xây dựng 06 điểm cung cấp cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, tiếp tục duy trì hoạt động 04 điểm tư vấn, chăm sóc, hỗ trợ điều trị nghiện ma túy và tái hòa nhập cộng đồng (gọi tắt Điểm tư vấn), cùng cố và nhân rộng mới 32 đội công tác xã hội tình nguyện với 246 thành viên, cùng cố và kiện toàn 100% tổ công tác cai nghiện ma túy tại 75/75 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh

## **h) Thực hiện chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước**

Công tác tôn giáo trên địa bàn tỉnh ngày càng đi vào nền nếp, ổn định; hầu hết các hoạt động tôn giáo đều chấp hành tốt chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước và Hiến chương Giáo hội. Tỉnh đã tổ chức thăm viếng, tặng quà chúc mừng các tổ chức, cá nhân tôn giáo nhân dịp lễ, tết; tuyên truyền, sinh hoạt pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo cho các chức sắc, chức việc tôn giáo trên địa bàn; từ đó, tạo được niềm tin của Đảng, Nhà nước trong hoạt động tôn giáo, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo, đóng góp phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội ở địa phương.

### **2.11. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu**

Công tác quản lý, sử dụng nguồn tài nguyên được tăng cường và nâng cao hiệu quả, nhất là tài nguyên đất góp phần quan trọng cho sự phát triển bền vững của tỉnh<sup>[47]</sup>. Đồng thời, tổ chức thực hiện công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tích hợp quy hoạch chung của tỉnh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Cơ quan quản lý nhà nước các cấp thực hiện tốt các trình tự, thủ tục về quy hoạch, thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, góp phần khai thác và phát huy có hiệu quả nguồn lực đất đai phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh... tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, phát hiện, xử lý vi phạm. Công tác đo đạc, thống kê, kiểm kê đất đai và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai đang được triển khai quyết liệt; công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lân cận, lũy kế đạt 99,96% (đến tháng 12/2024). Công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư là nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng, quyết định sự phát triển của tỉnh. Trong nhiệm kỳ qua, tỉnh đã hoàn thành vượt tiến độ giải phóng mặt bằng nhiều dự án, công trình trọng điểm như: dự án đường bộ cao tốc Cần Thơ - Cà Mau; đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng; các khu, cụm công nghiệp; các dự án giao thông trọng điểm của tỉnh. Ngoài ra, tỉnh đã tổ chức Hội nghị triển khai Luật Đất đai năm 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành; ban hành danh mục văn bản quy phạm pháp luật được giao quy định chi tiết Luật Đất đai; thực hiện trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh đúng theo quy định.

<sup>[47]</sup> Tiếp tục triển khai, thực hiện nghiêm Chi thị số 57-CT/TU ngày 18/9/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, sử dụng đất đai trên địa bàn tỉnh

Đồng thời, tinh tổ chức nhiều giải pháp bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý tài nguyên và ứng phó với biến đổi khí hậu<sup>[48]</sup>. Các giải pháp nâng cao nhận thức và năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu được chỉ đạo và thực hiện khá tốt. Công tác kiểm tra, hướng dẫn, hỗ trợ các xã thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới được đẩy mạnh, góp phần tăng số lượng xã nông thôn mới. Hàng năm, tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày môi trường thế giới, Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn và các chương trình truyền thông, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, tài nguyên được quan tâm thực hiện<sup>[49]</sup>. Thực hiện các thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyên mục đích sử dụng đất, công bố công khai quy hoạch sử dụng đất các công trình, dự án trọng điểm, giải phóng mặt bằng giao đất theo quy định.

Các chương trình, dự án, nhiệm vụ về đất đai, môi trường, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản được triển khai, nhất là quản lý chất thải, thu gom, phân loại, xử lý rác thải sinh hoạt được triển khai trong cộng đồng, các địa phương đã triển khai nhân rộng mô hình phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn, mô hình tuyến đường xanh - sạch - đẹp, mô hình thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng; dự án đo đạc tổng thể đang được kiểm tra, nghiệm thu, kết thúc dự án.

Tỉnh đã đầu tư 05 trạm quan trắc tự động chất lượng nước mặt, 04 trạm quan trắc tự động chất lượng không khí và cơ sở hạ tầng tiếp nhận dữ liệu quan trắc tự động nước thải, khí thải của doanh nghiệp truyền về; đồng thời, hàng năm đều tổ chức thực hiện quan trắc chất lượng môi trường định kỳ, quan trắc cảnh báo môi trường trong nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh. Công tác phòng, chống thiên tai được chỉ đạo sát sao; chủ động ứng phó, kịp thời khắc phục hậu quả, góp phần giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra<sup>[50]</sup>.

<sup>[48]</sup> Triển khai thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TU ngày 24/6/2019 của Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh, Chương trình số 97-CTr/TU ngày 04/4/2022 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Kế hoạch số 164 KH/TU ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 56-KL/TW ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, Chương trình số 1735/CTr UBND ngày 15 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh hành động về bảo vệ môi trường tỉnh Hậu Giang 5 năm (2021 - 2025) Đề án Hậu Giang xanh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

<sup>[49]</sup> Trong nhiệm kỳ, toàn tỉnh đã tổ chức 2 542 cuộc tuyên truyền theo hình thức tập huấn, hội nghị, hội thảo và các hình thức tuyên truyền trực tiếp khác với 107 639 lượt người tham dự. Công tác thẩm định cấp phép về lĩnh vực môi trường, tài nguyên nước, khoáng sản từng bước được nâng cao về chất lượng, có 60 hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, cấp 53 giấy phép môi trường, 61 giấy phép về tài nguyên nước, 07 giấy phép hoạt động khoáng sản và phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, khoáng sản cho 23 công trình, dự án.

<sup>[50]</sup> Từ năm 2021 đến nay, Tỉnh ưu tiên đầu tư 21 công trình, dự án phòng chống thiên tai, sạt lở, hỗ trợ di dời người dân ra khỏi vùng có nguy cơ thiên tai, sạt lở, với tổng mức đầu tư là 1 766,67 tỷ đồng. Ngoài ra, Tỉnh quan tâm đầu tư kết cấu hạ tầng thủy lợi, phòng chống thiên tai từ nguồn dịch vụ công ích thủy lợi và chính sách hỗ trợ đất trồng lúa với nguồn kinh phí 150 tỷ đồng/năm

## 2.12. Liên kết vùng và hội nhập quốc tế

Tỉnh đã tích cực triển khai các hoạt động đối ngoại một cách toàn diện, chủ động, đa dạng, thực chất và hiệu quả trên cơ sở phát huy những tiềm năng, lợi thế của địa phương; đồng thời, bám sát chủ trương, đường lối đối ngoại của Đảng, định hướng của Bộ Ngoại giao và các yêu cầu đối ngoại trong tình hình mới.

Công tác đối ngoại tiếp tục được mở rộng, đi vào chiều sâu và đạt kết quả thực chất. Lãnh đạo tỉnh tiếp tục quan tâm giữ mối liên hệ với các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, đã tổ chức thành công các đoàn đi công tác nước ngoài nhằm xúc tiến đầu tư, tìm kiếm cơ hội hợp tác, đầu tư, giao lưu hữu nghị, văn hóa với các đối tác nước ngoài như: Phần Lan, Pháp, Ý, Úc, New Zealand, Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Nhật Bản, Philippines, Hồng Kông (Trung Quốc), Singapore và Malaysia. Thông qua các đoàn công tác nước ngoài đã góp phần quảng bá hình ảnh của Hậu Giang, kêu gọi đầu tư, kết nối phát triển mối quan hệ hợp tác với các địa phương, ký kết hợp tác để đưa người lao động của Tỉnh đi làm việc thời vụ ở nước ngoài, về giáo dục và xuất khẩu lúa gạo. Bên cạnh đó, tiếp tục giữ mối quan hệ gắn kết với cơ quan đại diện, tổ chức nước ngoài tại thành phố Hồ Chí Minh nhằm thiết lập, duy trì và phát triển mối quan hệ hợp tác giữa hai bên, tăng cường hiểu biết và hỗ trợ lẫn nhau trong hoạt động xúc tiến đầu tư và thương mại.

Tổ chức các đoàn chúc mừng, thăm hỏi các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) trên địa bàn tỉnh nhân các dịp lễ, tết để làm gần gũi hơn mối quan hệ và sự quan tâm của lãnh đạo địa phương đối với doanh nghiệp. Tiếp thu, phản hồi và kịp thời tháo gỡ khó khăn, phản ánh, kiến nghị, đề xuất của các doanh nghiệp FDI trên địa bàn tỉnh theo nguyên tắc: “Lợi ích phải hài hòa, rủi ro phải chia sẻ”, bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc và lợi ích hợp pháp của công dân, doanh nghiệp trong triển khai ngoại giao kinh tế.

Triển khai thực hiện bảo đảm tiến độ các dự án giao thông trọng điểm phục vụ liên kết phát triển vùng<sup>[51]</sup>.

## 2.13. Quản lý Nhà nước, cải cách hành chính, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng

Tỉnh cơ bản hoàn thành việc sắp xếp, kiện toàn các tổ chức trực thuộc các cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh (sau đây gọi tắt là Sở) theo hướng giảm đầu mối, giảm tối đa cấp trung gian, giảm cấp phó. UBND tỉnh phê duyệt đề án

<sup>[51]</sup> (1) Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021 - 2025, đoạn Cầu Thơ - Ca Mau (đoạn qua địa bàn tỉnh Hậu Giang), (2) Dự án thanh phần 3 của Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cầu Thơ - Sóc Trăng, giai đoạn 1, (3) Dự án Cải tạo, nâng cấp, kết nối hệ thống giao thông thủy bộ đường tỉnh 925B và kênh Nàng Mau, tỉnh Hậu Giang, (4) Dự án Đường tỉnh 926B, tỉnh Hậu Giang kết nối tuyến Quản lộ Phụng Hiệp, tỉnh Sóc Trăng, (5) lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư thực hiện dự án Nâng cấp mở rộng tuyến nối Cầu Thơ - Hậu Giang (QL.61C) từ nguồn vốn vay Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA)

sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện sắp xếp tinh gọn bộ máy bên trong của 19/19 Sở<sup>[52]</sup>. Thực hiện chủ trương tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, tinh đã sắp xếp, sáp nhập cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện. Chỉ đạo việc rà soát, xây dựng kế hoạch sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã và ấp, khu vực không đủ chuẩn theo quy định đến 2021 và những năm tiếp theo<sup>[53]</sup>.

Các chỉ số PAR INDEX, SIPAS, PCI và PAPI trong giai đoạn 2021 - 2023 chuyển biến tích cực, công tác cải cách hành chính của tỉnh đã góp phần thu hút đầu tư, tạo sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp góp phần phát triển kinh tế - xã hội. Triển khai các hoạt động giám sát, điều hành đô thị thông minh giúp giám sát tình hình hoạt động các dịch vụ đô thị, phục vụ tốt công tác quản lý, chỉ đạo điều hành của chính quyền địa phương.

Ý thức trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được nâng cao qua công tác tuyên truyền. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trở thành nhiệm vụ thường xuyên của cơ quan, đơn vị. Công tác thanh tra, kiểm tra được tăng cường nhằm ngăn ngừa, phát hiện, chấn chỉnh kịp thời<sup>[54]</sup>.

Tình hình khiếu nại, tố cáo trên địa bàn tỉnh Hậu Giang có chiều hướng tăng, nội dung khiếu nại chủ yếu về lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất chiếm tỷ lệ cao<sup>[55]</sup>, do Tỉnh tập trung triển khai nhiều công trình,

<sup>[52]</sup> Cấp Sở, kết quả sắp xếp từ ngày 31/12/2021 đến ngày 30/6/2024 từ 142 phòng chuyên môn còn 108 phòng chuyên môn (giảm 34 phòng), giảm 17 cấp Phó Trưởng phòng, sắp xếp 16 Chi cục trực thuộc Sở còn 06 Chi cục (giảm 10 Chi cục), giải thể các phòng chuyên môn thuộc Chi cục, giảm 57 phòng thuộc Chi cục, 10 Chi cục phó Đối với đơn vị sự nghiệp công lập: Tỉnh đã thực hiện sắp xếp từ 462 (thời điểm 31/12/2015) còn 415 đơn vị (tính đến ngày 31/12/2021), tiếp tục sắp xếp còn 403 đơn vị, giảm 59 đơn vị, chiếm tỷ lệ 12,7% so với thời điểm ngày 31/12/2015

<sup>[53]</sup> Kết quả sắp xếp giảm 01 đơn vị hành chính cấp xã (xã Phú An thuộc huyện Châu Thành) và 14 ấp, khu vực Đồng thời, trên cơ sở sắp xếp các chức danh người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ấp, khu vực, đã giảm được 462 người hoạt động không chuyên trách cấp xã, 16 công an viên, lực lượng dân quân tự vệ ở cấp xã và giảm 3 911 người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khu vực

<sup>[54]</sup> Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra hành chính được triển khai là 221 cuộc đạt 143,51% so với Kế hoạch và Nghị quyết (trong đó 154 cuộc theo Kế hoạch thanh tra hàng năm và 67 cuộc thanh tra đột xuất được Thường trực UBND tỉnh giao) Qua thanh tra, phát hiện sai phạm về kinh tế tổng số tiền là 14 899 692.000 đồng và 01 nền nhà ở tra chậm 72m<sup>2</sup> và 01 nền tái định cư tập trung 64m<sup>2</sup>

Tổ chức 3 073 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành (kỳ trước chuyển sang 02 cuộc, triển khai trong kỳ 3 071 cuộc) Trong đó, thanh tra, kiểm tra thường xuyên 2 770 cuộc, theo kế hoạch 216/224 cuộc (đạt 96,43%) và đột xuất 60 cuộc đối với 1 406 tổ chức và 10 193 cá nhân Qua thanh tra, kiểm tra, phát hiện 84 tổ chức và 663 cá nhân có sai phạm với tổng số tiền là 6 869 609 000 đồng

<sup>[55]</sup> Các ngành, các cấp trên địa bàn Tỉnh đã tiếp 10 424 lượt với 6 473 người, với 6 339 vụ việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh Trong đó, tiếp thường xuyên 5 631 lượt với 5 583 người, tiếp đột xuất 4 793 lượt với 890 người đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị phản ánh Khiếu nại Đã giải quyết 2 574/2 574 đơn (đạt tỷ lệ 100%) Trong đó Khiếu nại đúng 210/2 574 đơn (chiếm tỷ lệ 8,2%), khiếu nại sai 1 953/2 574 (chiếm tỷ lệ 75,9%), khiếu nại đúng một phần 411/2 574 (chiếm tỷ lệ 15,9%) Qua giải quyết, đã bổ sung quyền lợi cho người khiếu nại với tổng số tiền 9,6 tỷ đồng và 4 611,44 m<sup>2</sup> đất (bồi thường về đất, nâng mức hỗ trợ nhà, công trình, hoa màu, cây trồng )

Tố cáo Đã giải quyết 33/33 đơn (đạt 100%)

Đơn phản ánh, kiến nghị Đã giải quyết 747/747 đơn (đạt 100%)

dự án có quy mô lớn. UBND tỉnh ban hành 48 văn bản lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực (PCTNTC) trên địa bàn tỉnh. Theo đó, tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về PCTNTC cho cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân trên địa bàn tỉnh 72 cuộc, với 3.466 lượt người tham dự.

Các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng ngừa tham nhũng, như: Công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan; Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ; Thực hiện quy tắc ứng xử; Chuyển đổi vị trí công tác; Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt; Kiểm soát tài sản, thu nhập. Thực hiện tốt công tác giám sát, kiểm tra và tự kiểm tra nội bộ và thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra trách nhiệm về PCTNTC, góp phần phòng ngừa tham nhũng trên địa bàn tỉnh nói chung và của cơ quan, đơn vị, địa phương nói riêng<sup>[56]</sup>

## II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

### 1. Những thành tựu

Thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, Đảng bộ, chính quyền, quân và nhân dân trong tỉnh đã đoàn kết, quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, phát huy tối đa các nguồn lực, đổi mới công tác lãnh đạo, điều hành, khắc phục nhiều khó khăn, thách thức chưa có tiền lệ, đạt được nhiều kết quả quan trọng và khá toàn diện trên các lĩnh vực.

Kinh tế tăng trưởng cao, tăng trưởng kinh tế tăng bình quân 9,24% (trong đó, năm 2022 tăng 14,63%, đứng thứ 4/63 tỉnh thành cả nước và đứng đầu 1/13 tỉnh, thành vùng ĐBSCL, năm 2023 tăng 10,71% đứng thứ 2/63 tỉnh thành cả nước và đứng đầu 1/13 tỉnh, thành vùng ĐBSCL), có nhiều chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch đề ra. Cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư có sự chuyển dịch tích cực; hiệu quả và sức cạnh tranh của một số sản phẩm được cải thiện. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tiếp tục được đầu tư xây dựng phục vụ tốt hơn cho tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Các mặt xã hội đều có bước phát triển, đời sống nhân dân được cải thiện và nâng lên; hộ nghèo giảm. Hoạt động văn hóa đạt được nhiều kết quả, tiên bộ. Tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững ổn định, công tác đối ngoại đạt nhiều kết quả quan trọng, góp phần kêu gọi, thu hút đầu tư, quảng bá tiềm năng, thế mạnh của tỉnh.

<sup>[56]</sup> Tỉnh đã triển khai thực hiện 46 cuộc thanh tra, 16 cuộc kiểm tra trách nhiệm việc thực hiện các quy định của pháp luật về PCTNTC. Qua thanh tra, kiểm tra chưa phát hiện hành vi tham nhũng, chi phát hiện vi phạm về định mức, tiêu chuẩn và kiến nghị thu hồi số tiền 142.844.270 đồng (đã thu hồi tiền đạt 100%), kỷ luật Cảnh cáo về mặt Đảng và Chính quyền đối với 01 cá nhân, kiểm điểm rút kinh nghiệm 01 tập thể và 13 cá nhân (đã thực hiện xong)

Triển khai thực hiện Chương trình số 50-CTr/TU ngày 09/8/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025 và các nghị quyết, đề án cụ thể hóa thực hiện, tỉnh đã đạt được nhiều thành tựu rất quan trọng. Nhận thức và tư duy phát triển tỉnh có sự thay đổi rõ nét, tạo ra động lực mới cho quá trình thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra, với sự phấn đấu nhiều hơn, nỗ lực lớn hơn; ban hành đồng bộ hệ thống các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện nhiệm vụ chính trị, tạo cơ sở nền tảng cho sự phát triển nhanh và bền vững của tỉnh; các nghị quyết, chỉ thị, đề án, chương trình đã và đang từng bước đi vào cuộc sống, từ đó góp phần hoàn thành và nâng cao chất lượng các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh đã đề ra, tạo thế và lực mới cho tỉnh Hậu Giang phát triển bứt phá trong giai đoạn tới.

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng cao so với giai đoạn trước. Đặc biệt, nguồn vốn đầu tư công tăng gần gấp đôi, chiếm 21,77% tổng vốn đầu tư toàn xã hội. Kết cấu hạ tầng kỹ thuật được ưu tiên quan tâm đầu tư như hạ tầng giao thông, hạ tầng công nghiệp.

- Các công trình giao thông quốc gia đi qua địa bàn là cơ sở, điều kiện để tỉnh thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tỉnh.

- Công nghiệp tăng trưởng đột phá, tăng bình quân hơn 20%/năm, khẳng định vai trò tạo động lực phát triển cho kinh tế tỉnh nhà. Thương mại, dịch vụ phát triển ổn định, phương thức mua bán có nhiều đổi mới, chuyển dịch theo hướng hiện đại, đáp ứng nhu cầu ngày cao của người tiêu dùng, tăng trưởng bình quân gần 10%/năm.

- Đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện, GRDP bình quân đầu người tăng hơn 14%/năm. Sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn phát triển khá toàn diện theo hướng sản xuất hàng hóa, tăng trưởng bình quân trên 3,4%/năm; xây dựng nông thôn mới đạt được nhiều kết quả quan trọng, lĩnh vực xây dựng đô thị có nhiều chuyển biến tốt.

- Hội nghị Xúc tiến đầu tư năm 2022 được tổ chức thành công, tạo ra nhiều tiền đề, cơ hội trong thu hút đầu tư của tỉnh.

- Số doanh nghiệp đang hoạt động và có kê khai thuế tăng thêm trong 5 năm là 1.230 doanh nghiệp minh chứng cho môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh của tỉnh được cải thiện tích cực.

- Thu ngân sách của tỉnh trở thành điểm sáng, thu nội địa trên địa bàn tăng bình quân mỗi năm 1.000 tỷ đồng.

- Các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, văn hóa - xã hội có bước phát triển, tổ chức thành công các sự kiện văn hóa, thể thao; bảo vệ môi

trường và ứng phó với biến đổi khí hậu chuyển biến tích cực. Thực hiện tốt chính sách đối với người có công, an sinh phúc lợi xã hội, khánh thành và bàn giao 1.400 căn nhà Đại đoàn kết, xóa nhà tạm, nhà dột nát trong năm 2025; quốc phòng - an ninh được giữ vững;

- Trong giai đoạn dịch Covid-19 bùng phát, tỉnh Hậu Giang là tỉnh có ca F0, ca chuyển nặng và tử vong thấp nhất khu vực đồng bằng sông Cửu Long và nằm trong nhóm các tỉnh kiểm soát dịch Covid-19 tốt của cả nước.

- Triển khai thực hiện tốt Đề án Hậu Giang xanh, Kế hoạch tăng trưởng xanh góp phần bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

### **Nguyên nhân kết quả đạt được**

- Đường lối, chủ trương đúng đắn của Đảng; chỉ đạo, điều hành đúng hướng của Tỉnh ủy, UBND tỉnh; sự quan tâm chỉ đạo, hỗ trợ tích cực của Trung ương và sự liên kết có hiệu quả của các địa phương.

- Phát huy sức mạnh tổng hợp, sự đoàn kết, đồng lòng của hệ thống chính trị, các thành phần kinh tế, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân. Quyết tâm chính trị cao độ của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động, cộng đồng doanh nghiệp và người lao động năng động, sáng tạo.

- Công tác dự báo, định hướng phát triển hàng năm phát huy tích cực trong việc chỉ đạo, điều hành.

- Khai thác sử dụng tài nguyên hiệu quả; chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và thích ứng với biến đổi khí hậu.

### **2. Tồn tại, hạn chế**

- Công tác triển khai, hiện thực hóa một số chủ trương, nghị quyết, đề án của Tỉnh ủy còn chậm, có nơi chưa quyết liệt, thiếu kiểm tra, đôn đốc thực hiện, nguồn lực bố trí chưa cân xứng với quy mô, nhiệm vụ, mục tiêu đề ra.

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế chưa tương xứng với tiềm năng, nguồn vốn đầu tư chưa đáp ứng nhu cầu, thu ngân sách chưa đảm bảo tính bền vững, các động lực tăng trưởng mới triển khai chậm, chịu tác động đã suy giảm kinh tế thế giới và những tác động đối với kinh tế trong nước.

- Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng tiếp tục được quan tâm nhưng kết quả đạt được còn khiêm tốn. Hiệu quả thu hút đầu tư chưa được tối ưu. Phát triển nông nghiệp, nông thôn chưa bền vững. Trụ cột về du lịch chưa tương xứng với tiềm năng. Phát triển đô thị chưa đạt mục tiêu kép.

- Việc triển khai các nghị quyết, đề án trong công tác cán bộ, công tác đánh giá cán bộ có nơi chưa quyết liệt, thiếu quyết tâm chính trị, tình trạng nể nang, né tránh, ngại va chạm còn diễn ra.

## **Nguyên nhân tồn tại, hạn chế**

- Nguyên nhân khách quan:

+ Tình hình thế giới, khu vực diễn biến phức tạp; kinh tế - xã hội và đời sống của đất nước, tỉnh còn khó khăn; sự tăng cường chống phá của các thế lực thù địch bằng âm mưu “diễn biến hòa bình” đối với cách mạng nước ta.

+ Tình hình dịch Covid-19 để lại nhiều hậu quả, đã tác động, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của các thành phần kinh tế và đời sống của Nhân dân.

+ Ảnh hưởng tiêu cực từ biến đổi khí hậu toàn cầu, thiên tai, bão lũ, mặn xâm nhập tác động đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư của doanh nghiệp và đời sống của một bộ phận nhân dân.

+ Chất lượng nguồn nhân lực vẫn chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Nguồn lực dành cho đầu tư phát triển còn hạn chế; hạ tầng giao thông kết nối chưa đồng bộ, thiếu quỹ đất sạch để thu hút nhà đầu tư phát triển công nghiệp.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Một số cấp ủy, cơ quan, đơn vị, người đứng đầu chưa quán triệt, chưa nhận thức đầy đủ, sâu sắc, chưa phát huy hiệu quả vai trò, trách nhiệm trong việc quán triệt, triển khai thực hiện nhiệm vụ theo tinh thần chỉ đạo của tỉnh, nhất là các nghị quyết, chương trình, đề án trọng tâm của tỉnh.

+ Tinh thần trách nhiệm và ý thức tự giác của một số cán bộ, đảng viên từng lúc còn hạn chế. Một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức, kể cả người đứng đầu cấp ủy, chính quyền chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

+ Công tác tham mưu, đề xuất và năng lực dự báo có lúc chưa thật sự chủ động và cố gắng trong thực thi công vụ; việc cụ thể hóa, tổ chức thực hiện chủ trương, nghị quyết của cấp trên ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương vẫn còn hạn chế.

**MỤC LỤC**

1. Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Cần Thơ, lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025. 3
2. Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng, lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025. 43
3. Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hậu Giang, lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025. 94
4. Phụ lục 1. Báo cáo kết quả phát triển kinh tế - xã hội 05 năm (2020 - 2025) thành phố Cần Thơ. 145
5. Phụ lục 2. Báo cáo kết quả phát triển kinh tế - xã hội 05 năm (2020 - 2025) tỉnh Sóc Trăng. 160
6. Phụ lục 3. Báo cáo kết quả phát triển kinh tế - xã hội 05 năm (2020 - 2025) tỉnh Hậu Giang. 175